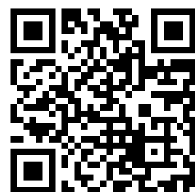
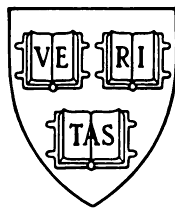


TÊN CÂY THEO TIẾNG BỔN-QUẤC và hạng thứ	BỂ CHUỖNG nhỏ hơn hết về cây CHUỖNG	BỂ KINH tâm nhỏ hơn hết VỀ CÂY SÚC
Hạng nhì		
Gáo	0m 33	0m 45
Thông-tre	0 33	0 45
Làu-táu	0 20	0 30
Lim	0 33	0 45
Săng-đào	0 20	0 30
Đa-đa	0 33	0 45
Chò	0 33	0 45
Hạng ba		
Dầu	0m 33	0m 45
Huỳnh	0 33	0 45
Vên-vên	0 33	0 45
Bằng-lăng	0 33	0 45
Sầu	0 33	0 45
Cồng	0 20	0 30
Du	0 33	0 45
Chiêu-liêu	0 33	0 45
Trâm-sừng hay là Sơn	0 20	0 30
Trâm-lanh	0 20	0 30
Cà-đuối	0 33	0 45
Viết hay là Vẹt	0 20	0 30
Tho-đĩa	0 20	0 30
Bời-lời	0 33	0 45
Tràm (Eucalyptus)	0 11	0 16
Su	0 14	0 20
Hậu phát	0 20	0 30
Râm	0 33	0 45
Rồi	0 20	0 30
[illegible]	[illegible]	0 30
[illegible]	[illegible]	0m 45
[illegible]	[illegible]	0 45
Sang-mau	[illegible]	0 45
Chai	0 33	0 45


VE
RI
TAS



TÂN THƠ

TỔNG LÝ QUI DIỀU

SÁCH

Tóm rút các lề luật dạy về việc cai trị làng tổng Annam trong quản hạt Nam-kỳ

TÂN THO'

TỔNG LÝ QUI ĐIỀU

SÁCH

Tóm rút các lễ luật dạy về việc cai trị làng tổng Annam trong quản hạt Nam-kỳ

CỦA

ÔNG ERNEST OUTREY

THAM-BIỆN HẠNG NHỨT THUỘC TY CHÁNH VỤ CỐI ĐÔNG-DƯƠNG
THƯỞNG THỌ NGŨ ĐẲNG BỬU TINH CHÁNH NƯỚC

DIEN QUỐC NGỮ

Thơ-ký TRẦN-VĂN-SỚM có tri-phủ TRẦN-QUANG-THUẬT giúp



SAIGON
IMPRIMERIE COMMERCIALE MÉNARD & REY

1905

TÂN THO'

TỔNG LÝ QUI ĐIỀU

SÁCH

Tóm rút các lễ luật dạy về việc cai trị làng tổng
Annam trong quản hạt Nam-kỳ

CỦA

ÔNG ERNEST OUTREY
THAM-BIỆN HẠNG NHỨT THUỘC TY CHÁNH VỤ CÕI ĐÔNG-DƯƠNG
THƯỞNG THỌ NGŨ ĐẲNG BỬU TINH CHÁNH NƯỚC

DIEN QUỐC NGỮ
Thơ-ký TRẦN-VĂN-SỚM có tri-phủ TRẦN-QUANG-THUẬT giúp



SAIGON
IMPRIMERIE COMMERCIALE MÉNARD & REY
1905

LỜI BẢO DẪN

Năm 1887, theo lời xin hội đồng tỉnh Bạc-liêu, khi ấy tôi đã có dọn mà inh ra một bổn sách tóm rút các lề luật giống như bổn nầy, và theo ý các quan hàng phẩm cùng tôi thì bổn ấy đã giúp nên được một hai việc. Bởi vậy cho nên tôi nong nả mà dọn bổn sách ấy lại, có canh cước và thêm bớt.

Nay tôi soạn mà inh lại, cũng như kiểu cuốn sách trước, một bổn mới tóm rút các lề luật cai trị làng tổng Annam trong quản hạt Nam-kỳ. Theo trí tưởng tôi sách ấy để mà chỉ đường nẻo cho làng tổng trong cách thức cai trị.

Vậy thì làng tổng cứ do theo các lời cắn kiệp trong sách nầy mà làm việc bổn phận nhà nước đã ban cho mình, song chẳng hề khi nào làm quá lề luật đương ban hành.

Thiệt sách nầy là bổn mục lục để trợ trí nhớ cho hàng viên quan mà nhà nước kim thời lấy làm lo lắng lắm, và nhà nước cũng lấy làm có ích trọng mà cai rõ ràng, các việc phán sự hành chánh chúng nó.

Những thể lệ riêng nói về hàng viên quan ấy thì vô hạng, cũng như lời ông LANDES đã nói trong sách của ông làm về việc cai trị làng xả Annam, nên tôi đã soạn trong các lời nghị, các tờ châu tri và các lời truyền bảo, mà rút những đều nào buộc các cai tổng và hương chức làng phải lua giữ theo phận sự quyền chánh của mình đặng thi hành ; bất kỳ là chánh phận mình đã có hay là không có chỉ định ra trong thể lệ ấy.

Sau nữa tôi có nhắc lại trong sách nầy những án tòa trên, những thể lệ trong luật và trong luật cai trị Annam theo phong tục xưa, mà mỗi người còn nắm giữ và nhà nước cùng sở Đề Hình cũng phải còn noi theo nữa.

Chính thiệt tôi đã dương theo những sách tôi dùng mà làm gốc là sách của ông LURO, sách học luật hộ Annam của ông VILLARD, luật của ông PHILASTRE và ông D'AUBARET, nhựt báo sở Đề-hình cỏi Đôngdương, sách nói về việc cai trị làng xả Annam của ông LANDES, sách tóm các luật Annam của ông MIRABEN và sách nói về lập làng tổng Annam của ông SCHREINER.

LỜI BẢO DẪN

Năm 1887, theo lời xin hội đồng tỉnh Bac-liêu, khi ấy tôi đã có dọn mà inh ra một bổn sách tóm rút các lề luật giống như bổn nầy, và theo ý các quan hàng phẩm cùng tôi thì bổn ấy đã giúp nên được một hai việc. Bởi vậy cho nên tôi nong nả mà dọn bổn sách ấy lại, có canh cước và thêm bớt.

Nay tôi soạn mà inh lại, cũng như kiểu cuốn sách trước, một bổn mới tóm rút các lề luật cai trị làng tổng Annam troug quản hạt Nam-kỳ. Theo trí tưởng tôi sách ấy để mà chỉ đường nẻo cho làng tổng trong cách thức cai trị.

Vậy thì làng tổng cứ do theo các lời ... kiếp trong sách nầy mà làm việc bổn phận nhà nước đã ban cho mình, song ch... khi nào làm quá lề luật đương ban hành.

Thiệt sách nầy là bổn mục lục để trợ trí nhớ cho hàng viên quan mà nhà nước kim thời lấy làm lo lắng lắm, và nhà nước cũng lấy làm có ích trọng mà cai rõ ràng, các việc phân sự hành chánh chúng nó.

Những thể lệ riêng nói về hàng viên quan ấy thì vô hạng, cũng như lời ông LANDES đã nói trong sách của ông làm về việc cai trị làng xả Annam, nên tôi đã soạn trong các lời nghị, các tờ châu tri và các lời truyền bảo, mà rút những đều nào buộc các cai tổng và hương chức làng phải tua giữ theo phận sự quyền chánh của mình đặng thi hành; bất kỳ là chánh phận mình đã có hay là không có chỉ định ra trong thể lệ ấy.

Sau nữa tôi có nhắc lại trong sách nầy những án tòa trên, những thể lệ trong luật và trong luật cai trị Annam theo phong tục xưa, mà mỗi người còn nắm giữ và nhà nước cũng sở Đề Hình cũng phải còn noi theo nữa.

Chính thiệt tôi đã nương theo những sách tôi dùng mà làm gốc là sách của ông LURO, sách học luật hộ Annam của ông VILLARD, luật của ông PHILASTRE và ông D'AUBARET, nhựt báo sở Đề-hình cõi Đôngdương, sách nói về việc cai trị làng xả Annam của ông LANDES, sách tóm các luật Annam của ông MIRABEN và sách nói về việc lập làng tổng Annam của ông SCHREINER.

Nói thiệt không phải là tôi muốn nhắc lại đày những đều cặng kẻ về phần cai trị làng tổng, song tôi nhắc là nhắc những lệ nhà nước chúng ta buộc cho làng tổng; tôi cũng tưởng cần kiếp mà nhắc lại cho làng tổng những lề luật chúng nó phải cần mà thông hiểu đặng hành chánh theo chức phận đã ban cho chúng nó.

Những điều nhà nước ta buộc, thì có điều nói rõ ràng, trong những thể lệ riêng, còn có điều lại nói không cạng lý trong một hai lời nghị kia, còn có điều khác thì lại theo thói tục xưa mà nhà nước còn tùy theo, nên đã thành ra luật lệ.

Dõi theo những thể lệ biên vào trong sách tóm nầy thì tôi tưởng được chắc rằng những làng tổng Annam sẽ làm theo ý chỉ nhà nước, và cũng sẽ được như ý nhà nước trông cậy.

Ý chỉ tôi làm sách nầy ra thiệt là có ý để giúp đỡ cho làng tổng và chăm thêm việc sót siêng trong phần chánh trị bổn quốc.

Ý chỉ ấy, sẽ được nên việc nếu từ nầy sắp lên các hương chức, vì sẽ hiểu biết lề luật về bổn phận mình và thể lệ của phần chánh trị đã có trí lo hậu định thêm, mà sắp đặt hương thôn lại cho có thứ tự, bởi trong thôn hương annam cũng chưa có lớp lang cho mấy, thì sợ e một ngày kia phải trở nên điêu tàng.

Tôi cũng ngửa trông cho cuốn sách của tôi sẽ đặng hữu ích cho những viên quan hàng phẩm cùng tôi mới tấn phát mà giúp việc trong Nam-kỳ, và cũng được lấy làm dễ cho viên quan ấy mà kiếm trong bổn nầy các việc về phần cai trị làng tổng. Ấy là điều cần kiếp cho các viên quan ấy phải rõ biết. Lại từ nầy về sau các viên quan ấy chẳng cần gì phải tiềm kiếm những lề luật biên trong pho nầy sách kia nơi kho sách trong các nha môn của chúng ta.

Khi inh cuốn sách mới nầy ra là sau ngày có lời nghị của một hội phái viên truyền định. Hội phái viên ấy có Quan Phó-soái dạy tiềm kiếm những phương thế nào cận tiện hơn hết mà làm cho các hương chức có quyền hành đặng làm việc bổn phận chúng nó. Thì tôi có lòng trông cậy làm việc hữu ích và theo ý chỉ của ông làm đầu tôi là ông Rodier, kim thời Phó-soái Nam-kỳ. Tôi sẳng lòng mà dưng cho quan Phó-soái bổn sách của tôi làm ra cũng như là cái dấu hết lòng cung kính khiêm từ của tôi vậy.

Tại Thủ-dầu-một, ngày 15 novembre 1904,

Ernest OUTREY.

ĐOẠN THỨ I

VỀ VIỆC CAI TRỊ TRONG TỔNG

I. — Cai tổng, phó tổng, ngạch lương, thể lệ phải có được thăng chức.

II. — Cách tuyển cử phó tổng, thể lệ phải có được người ta cử đặt. Cách thức cử hương chức làm thừa sai.

III. — Cách tuyển cử cai tổng, thể lệ phải có được người ta cử đặt. Cách cử hương chức làng làm thừa sai khi nào phó tổng bị bỏ đi.

IV. — Sự xin thôi và sự qua đời cai tổng và phó tổng.

V. — Tiền phí lộ chuẩn cho các thừa sai đi tuyển cử số thừa sai.

VI. — Dấu sắc cai tổng và phó tổng, con dấu, tùng giá.

VII. — Quyền hành cai tổng và phó tổng.

VIII. — Sự trách cứ chúng nó.

I. — Có ba hạng cai tổng, và hai hạng phó tổng.

Ngạch và lương cai tổng và phó tổng đã định theo bản sau nầy :

CAI BỰC		SỐ MẤY người được thiệt thọ chức ấy	LƯƠNG bổn tây	LƯƠNG bổn quản hạt
			Tính theo số bạc	Tính theo số bạc
Cai tổng..	Hạng nhứt.......	40	75.00	72.75
	Hạng nhì........	60	45.00	43.65
	Hạng ba..	111	30.00	29.10
Phó tổng.	Hạng nhứt.......	80	22.50	21.82
	Hạng nhì........	135	16.00	14.55

Lên bực thì quan Tham-biện sở tại xin, nhưng mà mỗi hạng phải tại chức cho đặng ba năm mới được lên, trừ ra khi có công nghiệp riêng mới khỏi lệ buột ấy.

Các phó tổng tại chức đặng hai năm rồi thì có lẽ đặng thăng lên hạng nhứt.

II. — Chức phó tổng về quyền quan Nguyên-soái cấp bằng y theo lời các quan Tham-biện chủ tỉnh trình thỉnh.

Các bàn hội tề trong làng đều phải lần cữ hương chức làm thừa sai, cữ mỗi một trăm dân bộ, thì một người thừa sai, còn có lẻ số dưới một trăm thì cũng cữ thêm một thừa sai, để mà tuyển liệc ba người hương chức đáng lựa cho xứng chức phó tổng, số thừa sai mỗi làng chẳng hề khi nào được ít hơn hai người.

Thừa sai đều phải lựa hương chức nội trong bàn hội tề ngoại trừ xã trưởng, hương thân và hương hào, số thừa sai nhứt định tại dinh quan Tham-biện.

Ai ra chịu cữ chức phó tổng. thì phải làm khai nạp tại quan Tham biện, và phải có ghiêm theo một tờ tòa án làm chứng rằng mình không bị án tiết gì, một tờ khai sự nghiệp và một cái khai của bàn hội tề chứng nhận rằng mình có ít nữa là 30 tuổi và trong việc làng mình đã làm chức phận chi lớn hơn chức xã trưởng đặng hai năm. Theo thể lệ ban hành đó, các chức việc phụ sự với phó tổng, là chức ban biện phó tổng, hay là sung biện phó tổng, khi đã làm hai chức ấy trước ngày 18 février 1904, thì được chịu cữ chức phó tổng và khỏi buộc các thể lệ khác.

Quan Tham-biện phải kiểm sát cho đủ các lý lịch ấy rồi mới nhứt định sổ các người đặng ra chịu tuyển cữ.

Sổ ấy phải gián như yết thị tại dinh quan Tham-biện và nơi nhà việc mỗi làng trong tổng cho các thừa sai được rõ biết.

Quan Nguyên-soái sẽ định ngày tuyển cữ tại nha Tham-biện.

Giấy thăm phải đều một hạng để trắng mà phát cho thừa sai ; mỗi thừa sai phải lựa ba tên nội trong mấy người ra chịu cữ mà biên vào thăm.

Hễ là thăm nào mà có tên một người hương chức không có đứng vào sổ những kẻ đặng ra chịu cữ, thì cái tên ấy phải bỏ đi không kể.

Hội tuyển cữ thì có quan Tham-biện làm đầu, hay là người thay mặt, nhưng vậy người thay mặt thì phải là một viên quan langsa luôn luôn ; và có bốn thừa sai phụ sự, ở khác làng cũng lựa trong những người biết đọc và biết viết chữ quốc-ngữ hay là chữ nho.

Người nào nhỏ tuổi hơn hết trong mấy thừa sai biết chữ quốc-ngữ, thì lãnh phần làm ký-lục.

Hội tuyển cữ sắp đặt rồi, thì liền phải kêu tên thừa sai y theo thứ tự trong sổ.

Mỗi thừa sai phải xấp lá thăm lại mà đưa cho ông làm đầu bỏ vào bình thăm.

Bỏ thăm rồi thì phải khui bình liền và phải xướng số thăm của mỗi người ra chịu cử.

Công việc tuyển cử đều phải đem vào tờ kiết chứng, rồi qua mười bữa kể sau ngày tuyển cử thì gởi luôn theo tờ trình thỉnh có duyên do của quan Tham-biện, cho quan Nguyên-soái.

Như có ai kêu nài về việc tuyển cử thì phải nạp tại quan Tham-biện nội trong năm ngày, rồi thì cũng phải gởi theo tờ kiết chứng.

III. — Chức cai tổng thì phải chọn lựa trong những kẻ giàu có, trí huệ, nhơn đức, được dân sự yêu vì, và chẳng hề mắc án tiết gì hết.

Chức cai tổng thì trước hết phải lựa trong hàng phó tổng đương tại chức, và có quan Nguyên-soái cấp bằng y theo lời quan Tham-biện trình thỉnh.

Như quan Tham-biện không có bảo cử, thì sẽ cho tuyển liệc y như thể lệ đã định trước, về việc cử phó tổng.

IV. — Khi cai tổng hay là phó tổng xin thôi, thì quan Tham-biện gởi đơn cho quan Nguyên-soái và phải tỏ ý mình định ; bởi vì có một mình quan Nguyên-soái được phép cho thôi.

Khi nào đơn xin thôi đã phê nhậm rồi, thì phải có lời nghị định ngày đòi thừa sai mà tuyển cử.

Khi cai tổng hay là phó tổng qua đời, thì lập tức quan Tham-biện phải thông tình cho quan Nguyên-soái hay và xin định ngày tuyển liệc người thế.

V. — Phàm hương chức nào có bàn hội tề trong làng mình lãn cử đến tỉnh thành mà bắt thăm, thì đặng lãnh tiền phí lộ nhứt định là 80 chiêm, và như nhà ở cách xa tỉnh thành trên năm ngàn thước thì đặng lãnh gộp tiền phí lộ cứ mỗi ngày hành trình là nửa đồng bạc.

Tiền phí lộ ấy cứ chiếu theo bảng lộ trình của quan Tham-biện định lập, tỉnh nào theo tỉnh nấy, mà thông tính, và cứ 20 ngàn thước là đàng đi một ngày.

Tiền phí lộ ấy về phần địa hạt phải chịu.

Số thừa sai nhóm mà bàn luận trước khi đi tuyển cử cai tổng và phó tổng đã định như sau nầy :

Mỗi một trăm dân bộ phải chọn một người thừa sai hay là số lẻ trong một trăm cũng phải chọn một người thừa sai. Nhưng vậy phải chọn mỗi làng có ít nữa là hai người thừa sai sấp lên.

VI. — Dấu sắc chánh tổng là :
Chánh tổng hạng nhứt mang giây băn lụa đỏ, có hai tụi bạc.
Chánh tổng hạng nhì mang giây băn lụa lông két, có hai tụi canh tơ chỉ bạc.
Chánh tổng hạng ba mang giây băn lụa xanh có hai tụi bằng tơ.
Các cai tổng đang hành chánh thì phải mang giây băn đặng phân biệt.
Cai tổng phải có con-dấu vuôn, khắc số hiệu bổn hạt bằng số arabe, và danh hiệu bổn tổng bằng chữ langsa và chữ nho.
Vì dùng con dấu bằng đồng thì in rõ, và dễ đọc, cùng người ta khó bắc chước đặng mà làm con-dấu giả, vậy nên nhà nước khuyên cai phó tổng phải làm con-dấu bằng đồng.
Tùng giả là những kẻ giúp việc tờ trát tùng chánh tổng phó tổng, nhưng mà chẳng phải làm gia-dịch cho các viên quan ấy.
Còn những Ban-biện Sung-biện thì chẳng có cấp tùng giả.
Lương tùng giả thì thuộc về địa hạt chịu, và mỗi tháng cứ theo số tiền dự trong sổ nghị định địa hạt mà phát cho cai phó tổng lãnh. Lương tùng giả định 4 đồng một tháng.

VII. — Phận sự cai tổng là phải đỡ vực cho phần tổng mình trước mặt quan, và phải xem sóc cho các làng tuân hành trong việc nước, cho thuế vụ thâu nạp cho kịp thì, cho sự bằng tịnh trong các lãng, các xả, và dạy các làng trẻ nải bẻ gian, đản nghịch, ăn trộm, ăn cướp trong làng phải bắt nạp những kẻ ấy. Cai tổng là người được phép phân xử giải hòa những việc hộ, là khi nào những việc ấy hương chức cùng kẻ đầu tộc phân xử không được.
Cai tổng được phép phân xử giải hòa các vụ kiện, hoặc thưa miệng, hoặc thưa có đơn, trong địa phận thuộc về phần cai trị mình.
Theo tục lệ thì hai đàng phải đem tiền câu lễ cho cai tổng ; đàng nào thất kiện thì phải nạp cho cai tổng ba quan tiền ta.
Trong khi bắt bớ tội trọng và tội tầm thường, thì hương chức làng phải giải nạp những kẻ bị bắt cho cai tổng nào về phần cai trị chỗ bắt ấy.
Cai tổng phải thâu đơn từ những kẻ phải tai họa, cập vấn những kẻ bị cáo rồi làm phúc bẩm cho quan Tham-biện sở tại và dẫn tới trước mặt quan những kẻ bị tai hại cùng những người có tội. Những tan cớ đều phải nạp theo.
Cai tổng phải xem sóc các trường học mình, cho những trường ấy được sạch sẽ, cho học trò học siêng năng, lo cho những nhà có đủ ăn cho con tới học. Mấy ông ấy cũng được phép cho xả trưởng làng nào có cất nhà trường, xem sóc thế cho mình. Chẳng

hể khi nào các trưởng ấy được nghỉ mà chẳng có phép cai tổng cho, khi nào nghỉ quá hai bữa thì cai tổng phải xin phép quan Tham-biện sở tại. Cai tổng phải buộc thầy giáo dạy cho siêng năng.

Trong mỗi nửa tháng khi chạy tờ về mùa màng, thì cai tổng phải nhớ mấy lời chỉ bảo như sau nầy :

1° Trong mỗi tạ lúa hay là gạo kể theo cân kilo, giá lấy bực trung là bao nhiêu.

2º Còn nói về một mẫu gặt hái được bao nhiêu thì kể theo gịa và phải nói chắc mấy lường vô một giạ.

3° Khi nói mùa màng trúng thì phải cắt nghĩa cho rõ trong một mẫu gặt hái rồi bổ đồng đặng bao nhiêu.

Có trác tới tổng, thì tổng phải truyền suất cho làng xả.

Khi trong tổng có sự gì động dụng, mà tổng chẳng báo lập tức cùng quan, thì sẽ phải trách phạt nặng chẳng dung, như thể là kẻ đồng tâm cùng kẻ nghịch.

Nếu cai tổng cùng xả trưởng, cả hai đều giúp cho ai bắc buộc hay là làm đều gì trái phép, thì một mình cai tổng phải bị phạt mà thôi, còn xả trưởng thì vô cang, vì là tùng phép cai tổng.

Công việc các cai tổng là phải xem sóc trong phần tổng mình, bởi vậy nên phải coi những thể lệ về việc cai trị trong làng xả cho đặng hiểu rõ những việc bổn phận mình phải làm cùng sự cang liên mình phải chịu.

ĐOẠN THỨ II

VỀ VIỆC CAI TRỊ TRONG LÀNG

I. — Việc lập làng và cai trị.

II. — Lập bàn hương chức hội-tề. — Tôn ti thứ tự. — Cách tuyển cử và thăng chức. — Thưởng công chương mỹ.

III. — Chức phận và sự trách cứ hương chức. — Phần sự cư xử cùng các nha môn.

IV. — Quyền trừng phạt của bàn hội tề và hương chức hội viên.

V. — Phần sự bàn hội tề về tài sảng của làng, qui điều cho phép làng đối nại về việc từ tụng.

VI. — Tiền bồi phí lộ, thể lệ chung.

VII. — Dấu sắc của xã trưởng.

I. — Hễ có ai xin lập làng lập xã nơi nào, thì phải qui đơn cho quan Tham-biện tra xét, phân định giái hạng, lập sổ bộ thuế thân cùng thuế điền thổ; rồi gởi đơn cho quan Thượng-thơ. Quan Thượng-thơ sẽ gởi cho quan Nguyên-soái bàn cùng tòa hội nghị tư mà phê chuẩn.

Hễ khi có xin lập làng lập xã như vậy, thì phải có người chịu đóng thuế điền thổ, và chịu hết thảy các thứ xâu thuế như dân tráng.

Tùy theo phong tục Annam, hễ làng nào mới lập ra thì mới được miễng thuế và miễng phần binh lính trong ba năm, là cũng như trong ba năm ấy để cho làng tân tạo mở mang đất cát.

Về việc cai trị trong làng thì phú cho làng. Những thuế vụ định phân chia cho làng thì làng phải thâu góp. Làng phải lo làm công việc có ích lợi chung và lo việc tuần phòng trong địa phận làng, khi nào làng cai trị không xong thì nhà nước phải dự vào.

II. — Xã thôn Annam là cội rễ việc chánh trị trong Nam-kỳ, thì có Hội-đồng hương chức lớn điều quản, tục quen gọi là *Bàn-hội-tề*.

Bàn-hội-tế trong mỗi làng đều phải có ít nữa là hương chức sau nầy, kê biên theo tôn ti thứ tự :

HƯƠNG-CẢ........................	chánh chủ hội ;
HƯƠNG-CHỦ........................	phó chủ hội ;
HƯƠNG-SƯ........................	hội viên ;
HƯƠNG-TRƯỞNG........................	id.
HƯƠNG-CHÁNH........................	id.
HƯƠNG-GIÁO........................	id.
HƯƠNG-QUẢN........................	id.
HƯƠNG-BỘ HAY LÀ THỦ-BỘ..............	id.
HƯƠNG-THÂN........................	id.
THÔN-TRƯỞNG........................	id.
HƯƠNG-HÀO........................	id.

kề lấy hương chức bản hội-tế thì có *Chánh-lục-bộ*, chức trách trọng, cũng đứng vào hàng hương chức lớn, nhưng mà không dự nghị vào hội-tế.

Còn các hương chức khác (và lớn và nhỏ) thì cũng cứ giữ lấy chức thứ quyền thế và cũng phải tuân hành phận sự y theo tục lệ ; viên số nhiều ít, chức trách trọng khinh, thì tùy theo công việc làng cùng làng lớn nhỏ.

Trong mỗi làng hết cả hương chức bao nhiêu đều phải đăng sổ cho đủ luôn luôn và để tại nhà hội làng cùng nơi dinh quan Tham-biện.

Cử hương chức thì phải lựa hết sức cho đặng người có điền thổ trong làng, hay là người phú túc hơn hết.

Chẳng ai đặng vào hàng hương chức mà chưa từng có làm chức việc nhỏ dưới. Muốn làm đặng chức hương-hào thì phải có làm chức việc nhỏ dưới ít nữa là một năm, và phải đặng ít nữa là hai mươi bốn tuổi.

Như trong bàn hội-tế có khuyết thì hương chức hiện diện cũng cứ theo qui thức tục lệ mà tuyển cử người sung thế, bằng có ai kêu nài về việc tuyển cử thì phải do quan Tham-biện chủ tỉnh quyết đoán (không đặng kêu tới đâu nữa).

Niên phần ít hơn hết về mỗi chức dịch thì định là hai năm, nhưng mà cũng cho mỗi người hương chức đặng muốn làm thêm bao lâu tùy ý.

Các hương chức nào bởi sự siêng năng, sự hết lòng mà cai trị việc làng, được người một xứ cùng mình cung kính và yêu chuộn, thì được xin thưởng mày đay.

Sự thưởng công danh tiếng ấy phải cho có chứng, và trước hết

phải tra vấn về sự xứng đáng thật của hương chức, sự tiền nhựt, tánh nết, sự văn chương cách ăn ở cùng các công-môn trong tỉnh ra thể nào.

Được xin thưởng mày đay bạc hạng nhì cho những hương chức đã có giúp việc làng trong mười năm.

Được phép thưởng mày đay bực trên cho các hương chức nào đã có được thưởng mày đay bực dưới ít nữa là được bốn năm rồi. Nhưng mà khi có công nghiệp có danh tiếng hay là công nghiệp trọng, thì được khỏi lời buộc ấy.

Mỗi năm thưởng mày đay hai lần, ngày 1er janvier và ngày 14 juillet.

III. — Chức phận hương chức lớn định ra như sau nầy :

1° Hương-cả làm đầu bàn hội tề ;

2° Hương-cả có vắng mặt, thì hương-chủ, làm đầu hội tề thế cho hương-cả.

3° Hương-cả- hương-chủ, hương-sư và hương-trưởng đều thông quản các hương chức khác, và giữ gìn cho thảy thảy đều làm việc bổn phận tử tế, y theo như qui củ tục lệ ; lại phải quản lý tài sản của bổn thôn; phải lập sổ dự định, quản sát sổ xuất sổ thâu và phải phụng thủ tiền bạc của làng.

4° Hương-chánh phải chỉ dẫn cho thôn-trưởng hay là xã-trưởng, hương-thân và hương-hào, cùng giữ gìn cho ba hương chức ấy tuân hành chức trách cho tử tế. Hương-chánh lại lãnh phần phân xử những việc kiện thưa tầm thường tế toái của dân trong làng, điều đình cho đặng thuận tình, hòa nhã với nhau.

5° Hương-giáo lãnh chức dạy dỗ điều chế các hương chức còn sanh sơ. Phải dạy bảo cho mỗi người đều hiểu biết phận sự trong việc làng.

6° Hương-quản là chức tổng quản tuần phòng trong làng về việc chánh trị và đề hình, là chức ban tá cho quan Biện-lý, cho nên phải lãnh tầm kiếm những tội phạm đại hình cùng vi lệ luật. Phải tuần thủ các đường thông hành trên bộ và dưới sông, cùng đường xe lửa, cầu và giây thép điển báo. Trong phần việc ấy thì có hương-thân, xã-trưởng và hương-hào bang trợ ; và hương-quản lại cai-quản hương-tuần, cai-tuần, cai-thị, cai-thôn, trùm, trưởng, là người chức thủ theo lính tuần phòng.

7° Hương-bộ hay là thủ-bộ chức chưởng các sắc bộ, địa bộ và thơ khế của làng ; lại phải lập sổ thâu và sổ xuất cùng giữ gìn đồ khí dụng vật liệu của làng.

8° Trong ba hương chức bàn đương niên thì hương-thân là thứ nhứt.

9° Phần xã-trưởng hay là thôn-trưởng thì chuyên lãnh việc thay mặt cho làng nơi chôn công môn.. Giữ mộc-ký của làng cùng những lời hiểu-dụ của Nhà-nước và chuyên lo việc thâu thuế cùng nạp thuế tại kho.

10° Hương-hào chức quản tuần phòng trong làng; lãnh coi dân sự tuân hành điều lệ về đạo lộ; lại lãnh chức thừa sai (trưởng tòa) của tòa án, chuyên việc chuyển giao giấy tờ thôi thúc, truyền thị.

11° Hương-thân, xã-trưởng hay là thôn-trưởng và hương-hào là ba hương chức đương niên hành sự; phải hiệp đồng mà giữ gìn trong dân tình cho đặng an ổn tịnh khiết. Phải thay mặt cho làng trong các việc quan; coi việc chinh thâu thuế khóa thôi thúc công sưu, tuân hành luật lệ án từ cùng hiểu thị của Nhà-nước và bàn hội-tề; tu lập các sắc bộ và tu lập những giấy tờ quan trên đòi hỏi; thị chứng tờ khế, thủ bộ lâm-phần. Lại phải phụ tá hương-quản trong việc tuần phòng về chánh-trị và để hình, cùng hiệp đồng mà thi hành việc phát mãi tỏa án truyền sức; và như có người xin, thì phải thị thiền nhận thiệt tờ khế. Các phó-xả, phó-lý, lý-trưởng, biện-lại, cai-thôn, trùm và trưởng, thì đều tùng sự theo ba hương chức bàn đương niên.

Tờ khế nào có ba hương chức, hương-thân, xã trưởng và hương-hào thị chứng thì mới có bằng-cớ đủ theo phép. Như hương thân và hương-hào mắc trở việc vắng mặt, thì hương chức khác trong bàn hội-tề đứng thị chứng thế cũng đặng: nhưng vậy, xã trưởng chức thủ mộc ký phải có mặt luôn luôn mới đặng.

12° Một minh Chánh-lục-bộ hay là có Phó-lục-bộ phụ tá, phải lãnh việc chấp chưởng các bộ đời, sanh tử hôn thú trong làng.

Như có việc quan đòi hương chức bàn hội-tề đến tỉnh thành thì phải có tờ trát quan Tham-biện chủ tỉnh mới đặng, còn quan tòa án có đòi thì phải đòi đích danh tử người.

Còn quan viên khác, như có cần dùng hương chức làng nào, thì phải xin cùng quan Tham-biện, nhưng vậy các nha môn, công đường cũng có tùy theo luật lệ cho quyền tới đâu đòi hỏi hương chức sở tại đó cũng đặng.

Tại tỉnh thành, như muốn đòi hỏi hương chức thì phải xin cùng quan Tham-biện.

Phần trách cứ tiền bạc chung hương chức và dân trong làng thì là về những khoản định ra sau này:

1° Thâu thuế;

2° Điền lính;

3º Tổn hại các đường xe lửa lớn và nhỏ, giây thép điện báo, đê đập hay là bọng cộng, ộng dẫn nước.

4º Tổn hại cây côi rừng bụi trong các làng có hưởng nhờ về việc lâm phần.

5º Rượu lậu, nha phiện lậu.

Về phần việc nha môn nào, thì nha môn nầy phải lập bằng kết tội làng, hoặc là thông đồng hoặc là thật sát.

Trong mỗi khi nào mà xét lý làng có lỗi thì quan phó Độc-lý sở quan thuế phải thương lượng cùng quan Thạm-biện sở tại, trước hết mọi việc truy cáo. Như thương lượng không thỏa hiệp đặng, thì quyết phải giải trình cùng quan Nguyên-soái, và như không thuận đặng nữa, thì phải trình cùng quan Tổng-thống Toàn-quyền tài định có phải nên truy cáo việc làng đã cang phạm cùng chăng.

Các điều đã định như vậy, mà phải trừ ra những thể lệ nào không phù hiệp theo điều luật và chỉ dụ đương ban hành.

Về phần tiền phạt hay là tiền bồi thường quan trên hay là các tòa án đã xử định y theo thể lệ định trước, thì cứ do làng mà trách vận. Sau sẽ có châu thị quan Nguyên-soái chước định thể lệ về việc chia phần ra cho hương chức và nhơn dân.

IV. — Phàm hương chức đương hành sự thì đều có quyền tùy theo chức phận, nghĩa là đặng phép lưu giam tại nhà hội làng cho đủ ngày giờ tùy nghi lược vấn, mà giải nạp khai báo giấy tờ nội vụ và kẻ phạm tội cho nha Biện-lý. Nhưng vậy phải lưu giam kẻ phạm, tại nhà-hội làng cho ít ngày giờ hết sức.

Hương chức hội-tề đặng phép gia phạt nằm canh tại nhà-hội làng những nhơn dân nào chẳng khấn tuân hành phận sự y theo phong tục và lệ định Nhà-nước, để mà giữ việc tuần phòng cùng những việc chung trong làng.

Về các ngày nằm canh gia phạt và các ngày nằm canh lệ thường thì làng đặng phép cho thục mà thâu dụng, y theo giá lệ định thục công sưu. Nhưng mà các ngày nằm canh gia phạt không được quá 3 ngày.

Hương chức hội-tề đặng phép giam tại nhà-hội làng, những nhơn dân nào say sưa hay là thói xấu hoặc là khuấy rối náo động trong làng, nhưng vậy không đặng giam quá hai mươi bốn giờ đồng hồ.

Các hương chức làng mỗi người đều có quyền hành của hội-tề cho song các hương chức ấy được phép làm theo quyền mình là khi nào không có khoản nào ban riêng quyền ấy cho một hay là nhiều người trong chúng nó mà hành chánh công việc chi.

Những hương chức nào bỏ việc bổn phận phải vâng làm theo thói cũ lệ xưa, và phận sự cư xử cùng hương chức lớn, thì bàn hội-tề đặng phép phạt vạ từ một quan đến hai mươi quan tiền annam, để thâu mà sung dụng trong làng.

Như có kẻ cứ giữ việc đải đoạ hoài hoài, thì hội-tề đặng phép xin cùng quan chủ tỉnh sở tại mà nhưng chức hay là cách chức.

Hương chức nào bị có tờ tòa án truyền bắt thì phải nhưng tạm chức lại.

Mỗi tháng hai kỳ phải kê biên các khoản phạt vạ và trừng phạt y theo quyển định trước đây, cho có đủ duyên cớ mà tông trình cùng quan Tham-biện.

V. — Cấm hội-tề chẳng đặng cho mướn, bất kỳ tài sản gì của làng, mà quá hạn ba năm. Lệ cấm ấy cũng ban hành về ruộng chánh là công điền, về công thổ, và về ruộng đất thuở trước đem vào bộ hiệu là bổn thôn điền và bổn thôn thổ.

Tờ hứa tá làm y như thể lệ trong điều trước đây rồi, phải có quan Tham-biện chủ tỉnh phê cho thì mới đặng đủ bằng cớ trong các khoản.

Bất kỳ hủy mãi, cho đến mãi lại thục ruộng đất gì của làng cũng đều phải có quan Nguyên-soái cho phép trước y theo tờ bẩm quan Tham-biện tỏ đủ duyên cớ việc hủy mãi mới đặng. Tờ thuận mãi hay là dấy giả phát mãi phải có quan Nguyên-soái phê chuẩn thì mới là thiệt chắc vĩnh viễn.

Cấm hương chức chẳng đặng đứng mà vay chi cho làng hết, trừ ra khi nào có hội-tề thương nghị đủ phép và có quan Tham-biện phê chuẩn, hay là nếu số bạc vay trên 300 đồng thì phải có quan Nguyên-soái phê chuẩn. Bất kỳ tờ tá, tờ mãi hay là tờ trái, dầu có nhận mộc-ký làng mặc lòng, mà không hiệp thể lệ trong lời nghị nầy, thì không cang cập đến làng đặng, chỉ phải do hương chức nào có đứng ký tên mà trách vấn theo người thường nhơn mà thôi.

Chẳng có làng nào đôi nại trong việc từ tụng mà không có quan Tham-biện cho phép.

Mỗi khi án xử rồi mà làng muốn chống án lên tòa trên thì phải xin phép lại nữa cùng quan Tham biện mới đặng.

Như làng xin phép quan Tham-biện không cho, thì đặng kêu nài xin quan Nguyên-soái định đoạt cùng hội Mật-nghị. Như có kêu nài thì phải vào đơn nội trong kỳ ba tháng kể từ ngày tiếp đặng lời truyền thị của quan Tham-biện, bằng quá hạn thì phải mất quyền kêu nài.

Phàm ai muốn kiện làng thì phải gởi đơn trước cho quan Tham-

biện mà khai nguyên hủy sự cớ việc thưa kiện. Hễ nạp đơn thì có cấp biên nhận. Như có trình đơn khai xin kiện, thì các thể lệ hay là các việc mất quyền đều lưu đình lại đã. Thâu đơn rồi thì quan Tham-biện lập tức chuyển giao cho bàn hội-tề thương nghị.

Bàn hội-tề thương nghị làm sao bất kỳ, thì nội trong 15 ngày cũng phải gởi cho quan Tham-biện nghỉ định có nên cho làng đối nại hay không.

Quan Tham-biện phải nghĩ định nội trong kỳ hai tháng kể từ ngày cấp phó biên nhận thâu đơn như đã nói trong điều trước đây.

Mỗi khi quan Tham-biện nghị định không cho phép đối nại thì phải có duyên cớ.

Như quan Tham-biện không cho phép, mà hội-tề có thương nghĩ ưng cho kêu nại, thì xã-trưởng đặng phép kêu nài đến quan Nguyên-soái hiệp thương cùng hội mật-nghị mà phân đoán. Đơn kêu nài phải chỉ ra cho rỏ ràng chắc chắn nguyên hủy việc kiện thưa và phải có ý kiên của quan Tham-biện phê theo đơn mà chuyển trình cùng quan Nguyên-soái.

Phải đợi cho có lời nghị định của quan Tham-biện rồi mới đặng kiện thưa, và như nội trong kỳ hạn hai tháng, mà không có nghị định, thì phải đợi mãn kỳ hạn ấy rồi mới đặng thừa kiện. Như có kêu nài về lời nghị quan Tham-biên, thì việc kiện phải đình lại cho đên khi phân xử việc kêu nài cho xong, bằng không có phân xử y trong hạn đã định nơi điều trước đây, thì việc kiện cũng phải đình lại cho tới mãn kỳ hạn ấy.

Dầu cho lẽ nào đi nữa thì cũng phải có quan trên cho phép chắc chắn làng mới đặng đối nài.

Nhưng vậy, không xin phép trước, xã-trưởng cũng đặng thưa kiện hay là đối nại về việc tranh chấp tài sản, và đặng lo phương thế gì khác đề mà lưu chấp hay là đình huỡn các việc thất quyền.

Không xin phép, xã-trưởng cũng đặng chống án, kêu phá án, nhưng vậy rồi, cũng phải xin lại phép khác thì mới đặng hầu việc chống án và kêu phá án.

Như làng đành ưng thuận tình việc gì thì phải có lời nghị quan Nguyên-soái hiệp thương cùng hội mật-nghị định, chuẩn cho thi hành mới đặng.

VI. — Phàm hương chức có lịnh nha-môn nào đòi việc công phải đi, y theo thể lệ định trong chương thứ 1er trên đây, thì đặng phép lãnh tiền phí lộ.

Hương chức đòi việc công như vậy thì đều đứng về hạng tư trong bảng định theo lời nghị ngày 22 février 1902 định tiền cư

trú và phí lộ cho viên dịch bổn qồuc, nghĩa là lãnh 0 $ 40 một ngày.

Tiền phí lộ ấy về phần chi xuất của nha-môn nào đòi hỏi thì nấy chịu, và phải có trình tờ trát đòi thì mới cấp phát,

Tiền phí lộ về việc thâu thuế, đi công sưu và các việc công trong làng, dẫn giải đến Biện-lý những kẻ phạm tội đại hình hay là vi lệ trong địa phận làng, thì đều về phần làng phải xuất công nho mà chịu.

Những thể lệ định nơi nhãn thứ II, III, IV, V, và thứ VI phải làm ra chữ laug-sa, quấc-ngữ và chữ nho mà niêm yết khắp cả các làng trong hạt Nam-kỳ, và phải dịch ra chữ Cao-mên mà dán tại các làng có dân Cao-mên ở.

Những thể lệ nào trái với lời nghị nầy thì đều bỏ hết.

Khi nào có diệp nhóm dân lại, hoặc đặng cúng kiến, hoặc đặng làm xâu, thì hương chức phải biểu đọc cho lớn tiêng, những điều lệ hay là lời khuyên bảo chi nói về người bổn-quốc và của quan trên hay là quan Tham-biện gởi.

VII. — Xã-trưởng mang dây băn tam sắt có hai tụi bạc. Dâu sắt ấy nhà-nước phát không cho. Khi có mất đi, thì phải thưa cùng quan Tham-biện đặt làm dây khác cho, mà phải trả tiền lập tức, vì giây ấy nhà-nước phát không có một lần mà thôi.

Mỗi khi xã trưởng đang hành chánh, thì phải mang giây băn ấy đặng phân biệt.

ĐOẠN THỨ III

THUẾ

I. — Việc thâu thuế. — Viên chức lãnh phần thâu thuế. — Ngày định mà thâu các sắc thuế mỗi năm.

II. — Thuế thân. — Những người bổn-quốc phải đóng thuế thân. — Những người bổn-quốc miễng thuế thân. — Thể lệ về việc thuế thân và phát giấy thuế thân. — Số bạc đóng thuế thân. — Qui điều các khoản về vụ thuế thân.

III. — Thuế điền thổ. — Thuế điền và phân thứ hạng. — Thuế đất và phân thứ hạng. — Đất miễng thuế. — Đất trồng những giống cây được hưởng sự ích lợi riêng. — Thuế ruộng muối và phân thứ hạng. — Sự mắc trách cứ trong vụ thuế điền thổ,

IV. — Thuế ghe. — Ghe biển và ghe sông.

V. — Thuế sanh ý nghiệp nghệ, — Thể lệ về vụ thuế sanh ý nghiệp nghệ. — Những nghề khỏi thuế sanh ý nghiệp nghệ, và những người được đóng thuế sanh ý nhẹ. — Số và thứ hạng các nghề người bổn-quốc hay làm mà phải chịu thuế. — Qui điều các khoản.

VI. — Thuế địa hạt. — Thuế phụ trội. — Thuế công sưu.

VII. — Phần phụ trội và số nghị định của làng. — Hương chức lãnh cai quản số công nho và tài sảng của làng.

VIII. — Tiền thưởng cho các xã-trưởng về việc đăng thuế.

IX. — Sự mắc trách phạt của làng trong việc đăng thuế.

X. — Sự trục vô bộ và trừ bộ.

XI. — Bộ thuế các làng. — Sự giảm thuế.

I. — Chánh phần chức việc thâu thuế là xã-trưởng.

Xã-trưởng phải lo sự thâu thuế và đăng thuế nơi kho bạc.

Hương thân và hương hòa phải phụ giúp cho xã-trưởng trong vụ thâu thế.

Xã-trưởng cứ theo trong bộ mà thâu thuế thân mỗi tên dân tráng. và thâu rồi phải phát biên lai số bạc thâu. Trong biên lai ấy phải có hai chức việc làng thị vào và phải đóng con dấu làng nữa.

Việc thâu thuế sanh-ý nghiệp nghệ cùng thuế ghe của những

người khách, thì chẳng phải để cho các Bang trưởng chúng nó thâu lấy, phận sự ây về quyền chức việc làng lo thâu.

Việc đăng thuê, thì chính về phần xã-trưởng phải nạp mà chánh tổng cùng phó tổng phải săn sóc trong việc ây, bằng chẳng coi thì phải có lỗi trước mặt quan. Vậy có một mình các chức việc ây có quyền thâu thuê mà thôi.

Những kẻ giữ đạo Thiên chúa chẳng được cậy các cha sở nạp thuê cho mình.

— Thuê ghe sông phải đăng một kỳ mà thôi. — Kỳ ây nhằm ngày 31 mars (31 tháng ba tây) mỗi năm.

Các làng phải đăng thuê thân người bổn-quôc vào kho cho tât ngày 30 avril (30 tháng tư tây) mỗi năm.

Thuê điền thổ phải đóng tât trước tháng bảy Annam (nhằm 1er tháng septembre).

Qua đên tháng hai annam sau khi gặt hái rồi, thì nội thuê điền thổ của làng phải chia ra làm tư mà đăng mỗi tháng.

Mảng kỳ 30 avril (tháng 4 tây) rồi làng nào còn thuê chưa đăng, mà Nhà nước không giảm, thì phải đăng vào cho đủ.

II. — Những người Annam từ 18 tuổi cho đên 60 tuổi phải đóng thuê thân.

Những người khỏi đóng thuê ây là :

1° Phủ, huyện, đương hành chánh việc quan.

2° Những người Bổn-quôc tu các đạo tại cỏi Đông-dương. và có đứng bộ nhà nước, và những thầy tu Bổn-quôc dạy mây trường học về đạo Thiên-chúa (tục danh là trường thầy dòng).

3° Những lính ma tà hoặc chức việc ma tà, hoặc lính tập lưu hậu, trong khi chúng nó còn đứng trong bộ lưu hậu. Cũng miễng thuê thân cho những lính còn ở theo cơ binh là : lính tập, lính phó thủ và lính thủy.

Những người làm công ở với người langsa làm ruộng nương hay là nuôi sút vật thì được miễng thuê thân, miễng công sưu, ngày công cho làng, canh nhựt và các sắc xâu làng.

Những kẻ ở với người langsa làm ruộng, hay là nuôi sút vật thì phải đứng bộ riêng, đứng tên người langsa mướn chúng nó làm công, người langsa ây phải đóng cho quan kho bạc sô bạc thuê mây người ở mướn với mình thiêu.

Mỗi năm kể từ ngày 30 tháng avril, những người bổn-quôc phải đóng thuê thân, nêu bị bắt trong địa phận quản hạt không có giây thuê thân, trong năm ây thì sẽ bị phạt tù từ một ngày cho

đến năm ngày, và phạt vạ từ một quan cho tới mười lăm quan tiền tây.

Như có tái phạm thì phải phạt tù.

Những người bổn-quốc nào, vì bị phạt tù, nên lấy giấy thuế thân trước ngày 30 avril không được mà tuân theo thể lệ định trước đây, thì được kỳ thêm một tháng mà đóng thuế kể từ ngày mảng phạt.

Giấy thuế thân phải đóng con dấu quan và hễ làng cần dùng bao nhiêu, thì phát cho làng bấy nhiêu, trước mặt quan chánh Tham-biện hay là quan phó Tham-biện.

Như có phát giấy thuế thân cho ai, thì người xin phải trình giấy tờ làm chắc là đích thân mình thì mới được. Trong mỗi lá giấy thuế thân phải có người chủ điểm chỉ vào.

Như có mất giấy thuế thân, thì được phép xin cái khác và phải đóng trước số bạc thuế chánh và thuế phụ cho bằng số bạc đóng thuế trong khi lảnh giấy cái.

Khi giấy thuế thân hư chẳng dùng nữa được, thì phải đóng bạc khác mà chuộc giấy khác, còn những giấy hư vô dụng thì phải phá hủy đi.

Cai-tổng, phó-tổng, hội đồng quản hạt, hội đồng địa hạt và viên chức bổn-quốc giúp việc các nha-môn thì đứng bộ riêng. Theo các sắc thuế, thì viên quan ấy thuộc về bộ riêng (thuế thân, công sưu, và phụ trội). Những viên quan ấy được đóng thuế thẳng nơi kho bạc.

Những người bổn-quốc nào không đứng tên trong bộ chánh thành phố Saigon, thì được phép đóng thuế thân mình cho quan cai quản thuế chánh ngạch tại Saigon, và phải chiếu cùng quan ấy một cái tờ chứng hoặc có quan quản lý tuần thành, hoặc có quan quản việc tuần thành ký tên vào mà nhận chắc rằng người xin đóng thuế thiệt có nhà cửa ở trong địa phận châu thành đã lâu.

Những người nào không có các nghĩa cho rõ rằng mình có nhà cửa tại Saigon, hay là không có trình tờ giấy chi của nhà nước phát cho mình mà chứng chắc rằng mình được phép bỏ làng mà đến ngụ tại Saigon, và mình đã đóng thuế năm trước cho làng rồi, thì quan tổng quản tuần thành sẽ bắt và giải tên ấy về nơi hạt nào nó khai là xứ quê quán của nó.

Người ở xứ Annam vô mà không có giấy thuế thân, thì phải điệu giải về xứ sở nó, song ngoại trừ khi nào giấy thuế thân hùng nó đã mất mà có cớ bằng chắc chắn.

Thuế thân người bổn-quốc định là một đồng bạc mỗi tên dân tráng.

Những người Annam ở tại xứ Lào phải đóng thuế thân hai đồng bạc mỗi người, kể từ 18 tuổi sấp lên.

Tạm đỡ, được miễng thuế ấy những người Annam thuộc về bực sau nầy:

1° Những kẻ đày tớ của viên quan langsa hay là người langsa làm ruộng. Mỗi người chừng hai tên đầy tớ mà thôi

2° Người làm mướn tại hảng canh nông hay là nghiệp nghệ của người langsa cai quản, và những người làm mướn hay là đày tớ theo người thương mãi hay là người dọ tiềm vật, đi ngan nơi xứ Lào.

3° Những kẻ bỏ quê hương mình mà đến lập nghiệp lâu thì tại đất Lào, có đem vợ con gia quyến theo, thì được miễng thuế thân trong ba năm.

Xả-trưởng nào để dân lậu thì sẽ bị phạt; lại phải bị phạt nặng hơn nữa, nếu như có ăn lót của người ta mà yếm ẩn.

Nếu xả-trưởng có lo giúp cho dân bộ nào trốn đi, hay là ẩn tên dân trốn trong nhà mình, thì cũng sẽ bị phạt như vậy.

Khi phát bộ thuế thân cho làng, thì cũng phát luôn cho làng những giấy inh một hạng có đóng dấu tòa bố, và phải biên trong giấy inh ấy số dân thuế bằng số dân đứng bộ.

Khi nào có mất bài thuế thân thì phải đóng thuế khác mới được lảnh giấy mới.

Chẳng cần gì cho dân tráng phải trả đủ các món thuế mình mới đặng lảnh giấy thuế thân.

Xả-trưởng khi phát giấy thuế thân cho ai thì phải buộc người nầy điểm chỉ trong giấy thuế thân của chúng nó.

Thơ ký, thông ngôn, người đi giấy và viên chức giúp việc các nha-môn ở tại Saigon, phải có giấy thuế thân. Sẽ làm tờ phạt những kẻ nào không có đóng thuế.

Người bổn-quốc nào bị bắt vì không có giấy thuế thân, thì quan Tham-biện phải giải nó về quê quán nó. Quan Tham-biện tỉnh sở tại nó phải xét coi tên phạm luật có ý muốn trể nải đóng thuế chăng, hay là nó không phương mà đóng thuế được.

Về việc thuế thân, những người điềm chỉ dân để lậu bộ, thì được thưởng 10 quan tiền Annam mỗi tên dân lậu. Như kẻ lậu bộ là người không phương chi độ, hay là người chẳng hề ra khỏi nhà, thì số tiền thưởng ấy là 3 quan tiền annam trong mỗi tên dân lậu bộ. Tiền thưởng cấp ban ấy, thì nửa phần thuộc về làng chịu, còn nửa phần thì thuộc về người lậu bộ chịu.

III. — Thuê ruộng đứng bộ đã định như sau nây :

Ruộng hạng nhứt 1 $ 50 một mẫu.
Ruộng hạng nhì 1 00 một mẫu.
Ruộng hạng ba 0 50 một mẫu.

Ruộng trong Nam-kỳ thì chia ra làm ba hạng, tùy theo huê lợi bực trung một mẫu, và phải đóng thuê theo lòng thuê định trong lời nghị ngày 15 tháng novembre 1897.

Thuê hạng nhứt thuộc về ruộng nào mỗi mẫu có hoa lợi 60 giạ sắp lên.

Thuê hạng nhì thuộc về ruộng nào mỗi mẫu có hoa lợi ít hơn 60 giạ và nhiều hơn 30 giạ.

Thuê hạng ba thuộc về ruộng nào mỗi mẫu có họa lợi 30 giạ sắp xuống.

Những đất trồng dừa, trồng cau, trồng thuốc, trồng trầu và đất trồng các thứ cây trái, đều phải chịu thuê hạng nhứt.

Đất thổ trạch, đất trồng dâu, trồng mía, trồng đậu phộng, trồng bắp, trồng gai, trồng mè, trồng dưa hấu, trồng khoai, và các thứ đất trồng đồ hàng bông, đều chịu thuê hạng nhì.

Đất trồng dừa nước thì chịu thuê hạng ba.
Đất hạng nhứt chịu thuê 2 $ 78 một mau.
Đất hạng nhì chịu thuê 0 96 một mẫu.
Đất hạng ba chịu thuê 0 48 một mâu.

Đất nào ở ngoại châu thành đã có họa đồ đo, và dùng mà cất hảng nghiệp nghệ, thì đóng thuê theo ruộng hạng ba.

Những đất trồng cau, trồng dừa, thì ném về hạng nhì, cho đến khi có hoa lợi thì mới đem lên hạng nhứt.

Những đất trồng bông vải, trồng chàm, đều miễng thuê.

Những đất mà có cất đình, chùa, miễu và nhà-thờ và những đất mà phần huê lợi để bồi bổ các nhà ấy, đều được miễng thuê.

Các thứ cây, như cây : ca-cau, cây trà-phe, cây cau-chou và cây điều nhuộm, đều gọi là cây nhà-nước dạy trồng, và được hưởng sự ích lợi riêng(1) .

Cây tiêu cũng là một thứ cây nhà-nước dạy trồng, và đất trồng nó được hưởng phần ích lợi riêng.

Đất nào trồng được 400 nọc tiêu trong một mẫu, thì được miễng thuê trọn tới mùa hái thứ nhứt, miễng là mỗi nọc tiêu phải choán ít nữa là 250 phân vuôn đất.

(1) Coi khoản nói về việc cây nhà-nước dạy trồn.g

Những người phương-tây hay là người vào bộ phương-tây làm ruộng nương có khẩn đất trên mười mẫu, thì phải đóng thuế kể từ 1er janvier năm thứ 6 kể từ năm khởi sự khẩn đất ấy. Kể từ ngày ấy thì phải đóng thuế một phần năm trong số đất khẩn mà thôi. Qua mấy năm sau mỗi năm thì thuế tăng lên một phần 5 nữa, và kể từ ngày 1er janvier năm thứ mười thì phải đóng thuế trọn.

Nếu trong hai năm đầu, đất đã khẩn được rồi, mà người chủ khẩn không lo khai phá canh tát, thì hội đồng quản hạt bàn nghị mà thâu quyền của người chủ khẩn lại, và lấy đất ấy lại nhập về đất công thổ nhà-nước.

Thuế ruộng muối phân ra sào mẫu mà đóng, chẳng đặng giảm bớt chức nào. Định giá mỗi mẫu hạng nhứt là 4$00.

Đã có lập ra một thứ ruộng muối hạng nhì đóng thuế mỗi năm là 2$00.

Ruộng muối nào mới lập ra, thì thuộc về hạng nhì trong hai năm đầu, và qua năm thứ ba có kiểm xét lại thì đem lên hạng nhứt.

Sự phân thứ hạng ruộng muối mỗi năm phải kiểm sát lại.

Thuế ruộng muối đem vô thuế điền thổ.

Xã trưởng khi biết có phần đất nào lậu thuế mà bỏ qua thì sẽ bị trách phạt.

Kẻ bán và kẻ mua một sở đất, cả hai đều phải liên can bảo lảnh việc đóng thuế đất ấy trong năm mua bán đó: mà khi ưng thuận với nhau thì một đàng đóng cũng đủ.

IV. — Ghe bầu, và ghe cửa annam nổi không đúng 160 thùng (mỗi thùng trọng tải 1000 cân kilo) đậu tại bến nào, hoặc đi buôn, hoặc đi chài lưới theo mé biển cỏi Đông-dương langsa, thì phải khai mà đem vô bộ sở thuế ngoại-ngạch. Sở thuế ngoại-ngạch sẽ phát sách ghe cho.

Ghe ấy phải đóng thuế thông hành định như sau nầy, và việc thâu thuế ấy thì giao cho sở xuất cảng nhập cảng coi.

CẮT NGHĨA SỰ TRỌNG TẢI GHE	SỐ MỘT CHIẾC ghe chịu thuế	THUẾ TRONG một năm
Ghe nổi không đúng hai thùng.......	Mỗi chiếc	0$20
Ghe nổi từ 2 thùng tới 4 thùng......	—	1 00
Ghe nổi từ 4 thùng tới 6 thùng......	—	2 00
Ghe nổi từ 10 thùng tới 20 thùng.....	—	8 00
Ghe nổi trên 20 thùng...............	—	20 00
Và ghe nổi ít hơn 160 thùng.........	Mỗi thùng	1 00

Những ghe biển thường dùng chở chiên hay là làm nghề chi theo dọc gành biển cỏi Đông-dương lang-sa, và nổi không đúng 160 thùng. thì chịu thuê phân nửa.

Thuê phải đóng trong ba tháng đầu mỗi năm.

Những ghe chịu thuê mỗi năm 20 đồng bạc, thì được đóng thuê từ sáu tháng một kỳ.

Ghe mới đóng và dùng liền trong năm thì phải đóng thuê tính theo mấy tháng chót trong năm.

Ghe biển khỏi đóng thuê phụ trội cho tỉnh hạt nào nó đứng bộ, song phải đóng công sưu.

Ghe sông thì làng phải biên vào bộ một cách kỷ cang. Các ghe ấy thì chịu thuê theo hạng định như sau nầy :

Ghe trọng tải.	Từ 300 tạ sấp lên, chịu thuê....	11 $	30
	Từ 150 tạ tới 300 tạ, chịu thuê..	3	80
	Từ 50 tạ tới 150 tạ, chịu thuê...	2	30
	Từ 11 tạ tới 50 tạ, chịu thuê....	0	60

Ghe nào nổi trên 300 tạ, thì chịu thuê thêm 4 chiêm bạc, trong mỗi tạ hơn sô 300 tạ.

Những ghe nổi dưới 10 tạ, thì khỏi thuê.

Những ghe đóng trong 6 tháng đầu thì chịu thuê trót năm. Còn ghe đóng trong 6 tháng sau thì chịu thuê nửa năm mà thôi.

Những ghe kêu là tam-bảng và các thứ ghe khác, bất kỳ là đóng theo kiểu nào, và bất kỳ là tên ghe chi, thì đều phải chịu thuê, nêu ghe ấy nổi trên mười tạ.

Trong một tháng, nếu ghe sông nào bị gặp đặng ba lần trong ba ngày, đi nơi biển, hay là cách xa mé ruộng muối chừng hai muôn thước, hay là cách địa phận khác chừng một muôn thước thì phải chịu thuê theo ghe biển. Như vậy, thì ghe ấy khỏi đóng, thuê theo ghe sông. Như ghe ấy đã có đóng thuê theo ghe sông rồi, thì phải đóng thêm cho đủ sô theo thuê ghe biển. Như sô bạc phải đóng thêm ấy không đúng 20 chiêm, hay là trên sô thuê thông hành về đàng thủy, thì ghe ấy phải đóng 20 chiêm bạc mà thôi, là giá cuôn sách ghe và sở phí đem vô bộ.

Những ghe nào không đứng bộ tại Chợ-lớn và mỗi khi đậu tại Chợ-lớn, thì phải đóng thuê bên định như sau nầy :

Ghe trọng tải	Trên 1000 tạ phả đóng..........	0 $	40	Nêu ghe ấy đậu nơi Chợ-lớn trong một tuần lễ hay là trong kỳ 7 bữa.
	Từ 600 tạ đến 999 tạ phải đóng....	0	35	
	Từ 300 tạ đến 599 tạ phải đóng....	0	30	
	Từ 150 tạ đến 299 tạ phải đóng....	0	25	
	Từ 50 tạ đến 149 tạ phải đóng....	0	20	
	Dưới 50 tạ thì khỏi đóng thuê ấy.			

Chuộc, một cuốn sách ghe và một lá bài chỉ ghe thì phải đóng 2 đồng.

Những ghe hầu và ghe lường của cai-tổng dùng trong việc quan thì miễng thuế.

Những ghe của cai-tổng được miễng thế là ghe hầu và ghe lường nghĩa là ghe nhỏ và thước tất ít hơn ghe thường.

Các chủ ghe phải khai từ đầu năm tây chí cuối năm nếu cố ý chẳng khai, thì phải phạt vạ bằng tiền đóng thuế ghe, mà lại phải đóng thuế ghe nữa. Các xả-trưởng phải bắt đem tới cho quan Tham-biện những chủ ghe trốn đóng thuế, lại phải coi chừng đừng để những chủ ghe qua hạt khác mà ở hay là bỏ quản-hạt mà đi mà chưa đóng thuế. Những chủ ghe nào chẳng tuân phép ấy, mà dời qua địa-hạt khác thì phải phạt vạ một đồng bạc ; còn những kẻ bỏ quản-hạt mà đi, thì phải phạt vạ năm đồng, mà nếu chiếc ghe chẳng khai, thì còn phải bị phạt nữa.

Khi ghe nào có đóng thuế rồi, thì xã-trưởng phải đóng mộc ký trong cuốn sách ghe mà không đặng ăn tiền.

Khi đóng thuế rồi, thì quan Tham-biện ký tên cùng nhận dấu phía sau cái bài chỉ ghe,

Ghe đứng bộ trong tỉnh nào, thì phải đóng thuế tại tỉnh nầy.

Ghe nào chưa có đứng bộ mà bắt đặng tạiđâu, thì phải đóng thuế tại đó.

Ghe biển và ghe sông phải đóng thuế trước ngày 31 mars.

V. — Những người chịu thuế sanh ý trong Nam-kỳ phải đóng thuế định trong bản sau nầy và tùy theo thứ hạng :

HẠNG	SAIGON và Chợ-lớn	CHÂU THÀNH các tỉnh chịu thuế đất theo châu thành và xung quanh châu thành Saigon và Cholon	CHÂU THÀNH các tỉnh	NGOÀI châu thành
	Số bạc	Số bạc	Số bạc	Số bạc
Tột bực	400	400.00	»	»
Hạng nhứt..	150	100.00	80	60.00
Hạng nhì...	100	70 00	55	35.00
Hạng ba....	60	40.00	30	20.00
Hạng tư....	30	20.00	15	10.00
Hạng năm..	15	10.00	8	5.00
Hạng sáu...	8	5.00	4	2.50
Hạng bảy...	4	2.50	2	1.50
Hạng tám...	2	1 50	1	0.80

Những người nào, hoặc người Langsa, hoặc người ngoại quốc, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc chưa có gia thế riêng, mà chuyên nghề buôn bán hay là làm nghề nghiệp chi trong xứ Nam-kỳ lục tỉnh thì phải chịu thuế sanh ý, miễng là những nghề ấy không nhập vào mấy điều châm chế kể sau nầy.

Người nào muốn làm nghề chi phải chịu thuế, thì trong kỳ tám bữa, phải trình diện, hoặc tại sở thuế chánh ngạch, hoặc nơi dinh quan Tham-biện tại tỉnh, mà xin đem mình vô đứng bộ, và lảnh bài sanh ý, bằng chẳng tuân, thì sẽ bị phạt vạ bằng số thuế trong năm và phải đóng thuế sanh ý nữa.

Bài sanh ý phát cho ai, thì nấy đặng dùng mà thôi.

Vậy thì những kẻ hùng vốn mà đứng chung một tên, thì đều phải chịu sanh ý,

Nhưng mà khi nào các người hùng vốn mà đứng chung một tên đặng buôn bán hay là làm nghề nghiệp chi trong một nhà, hay là trong nhiều phòng trong một nhà mà ở trong có thông thương nhau, thì người hùng chánh phải đóng thuế trọn mà thôi. Hảy có mấy người hùng phụ thì số thuế ấy phải cán chia ra cho đồng mấy phần và mỗi người phải chịu một phần.

Các người nào chở hàng hóa đi bán làng nầy qua làng kia, dầu bán giùm cho người chủ tiệm nào, hay là người thợ nào, thì phải chịu thuế sanh ý riêng.

Những kẻ đi bán dạo thì cũng phải chịu sanh ý, những người nào làm nghề nghiệp chi phải chịu sanh ý tháng janvier thì phải đóng thuế trọn năm.

Nhưng mà khi nào chủ tiệm chết hay là bị khánh tận mà phải đóng cửa tiệm, phố, hay là trại lại thì phải đóngthuế mấy tháng trước và nội trong tháng ấy mà thôi.

Cách sự xảy đến ấy chừng 3 tháng, nếu kẻ thôi buôn bán hay là thôi làm nghề chi có kêu nài xin số bạc đóng thuế dư, thì số bạc ấy sẽ thối lại cho mình.

Khi nào có để tiệm lại cho ai, thì phải làm đơn xin trong kỳ định trước nầy, mà xin bài sanh ý lại cho người lảnh tiệm, miễng là đến ngày sang tiệm mình đã có đóng thuế trước rồi.

Khi nào thôi làm nghề nghiệp chi chừng nào, thì phải đóng thuế đến chừng nấy.

Thuế sanh ý được đóng phân nửa và phải đóng trước. Khi bộ làm rồi trước một tháng, các người chịu sanh ý nảo bị truy buộc về vụ đóng thuế sanh ý mình trể nải, thì phải đóng thuế trọn năm chớ không được đóng phân nửa.

Khi nào người chịu sanh ý muôn bán hay là buộc phải bán tiệm cho ai, thì thuê phải đóng trọn.

Những người buôn bán nơi chợ, người bán dạo, bầu gánh đi hát dạo, *Người lãnh việc trong các cuộc chơi chung*, mà không ở một chỗ, người cho mướn xe, người chịu sanh ý hạng 7 và hạng 8 và những người chịu sanh ý mà làm nghề không ở một chỗ, thì phải đóng thuê trọn trong tháng tu bộ rồi. Những hội nào không phải của người Lang-sa thì phải vưng theo mấy lời buộc ấy.

Khi nào dọn tiệm qua tỉnh khác mà buôn bán, hay là mà làm nghề, thì phải khai trước tại chỗ mình đi ; và tại chỗ mình đến, hoặc là : tại Saigon, Chợ-lớn và xung quanh châu thành thì phải khai nơi sở thuê chánh ngạch, còn các nơi khác thì khai tại quan Tham-biện.

Như không có khai như vậy, thì phải đóng thuê hai tỉnh.

Trước khi qua xứ khác mà ở, thì phải đóng thuê sanh ý trọn năm tại kho bạc nơi quê quán củ mình.

Khi nào có sự đổi dời các hạng xãy đến, hoặc là khai tiệm ra mà buôn bán, hoặc thôi buôn bán, hoặc đổi dời việc buôn bán, hay là đổi nghề, xắt rưởng phải khai cùng viên quan coi về việc thuê sanh ý.

Khi bộ đã dợt rồi, và có quan Nguyên-soái phê chuẩn, thì bộ ấy phải ban hành, và có yết thị gián trong châu thành Saigon và Chợ-lớn sẽ truyền cho thiên hạ hay và có lời rao inh trong nhựt trình quản hạt nữa.

Quan Tham-biện hay là quan cai quản sở thuê chánh nghạch sẽ phát bài sanh ý khi có trình cho viên quan ấy biên lai kho bạc chứng chắc rằng thuê sanh ý đã đóng rồi.

Những người phương-đông ở Nam-kỳ phải đóng thuê thân, như có chịu thuê sanh ý, thì phải lấy tên họ trong giấy thuê thân nó, mà đem vô bộ và nơi bài sanh ý. Cũng phải biên số giấy thuê thân nó, và phải cắt nghĩa nó thuộc về ban trưởng nào.

Khi đầu tháng, thì phải tu bộ phụ sanh ý. Bộ ấy tu, dợt và canh cước y như bộ chánh.

Phải đóng thuê theo bộ phụ :

1° — Những người sót quên đem vô bộ chánh, và đã khởi sự buôn bán, hoặc làm nghề chi, trước ngày 1er janvier là ngày tu bộ chánh.

2° — Những người nào, trước ngày ấy, đã thêm việc buôn bán, hay là thêm nghề, mà thuê phải đóng trội lên : Trong hai khoản ấy, thì thuê phải đóng, kể từ ngày 1er janvier năm bộ chánh mới tu.

3° — Những người nào khởi sự làm nghề nghiệp chi sau ngày 1er janvier.

4° — Những người nào, trong năm, làm nghề chi lớn hơn khi trước, và quá hạng bài sanh ý mình, hay là dọn tiệm hàng mình nơi châu thành, hay là tại tỉnh nào mà thuế phải đóng trội lên.

5° — Những người chịu thuế sanh ý bực nhứt, mướn nhà hay là chỗ ở mà giá mướn cao hơn giá mướn nhà khi trước, trong ba khoản chót ấy, hoặc là thuế gia tăng trội lên, đều phải đóng kể từ ngày 1er trong tháng mình mới khởi công, hay là mới khởi dời đổi nhà. Như có làm nghề ấy trọn cả năm thì phải đóng thuế trót năm, bất kỳ là khởi công tháng nào.

Quan coi thuế chánh ngạch chẳng đặng lấy cớ rằng đã đem lộn người chịu sanh ý đứng bộ chánh không xứng hạng, mà tu bộ phụ đặng gia thêm thuế nó. Như trong năm có rỏ chắc được rằng việc buôn bán đã thêm, hoặc là nghề đã trở nên trọng, hay là những đều ấy đã quên trong khi tu bộ chánh, thì mới được đem thuế trội lên.

Trước khi tu bộ, thì được phép phát bài sanh ý cho những người nào muốn dời tiệm buôn bán, hay là dọn nghề ra khỏi địa hạt, và cho những người nào có làm đơn xin có đủ cớ, miễng là mấy người ấy phải chứng chắc rằng mình đã có đóng thuế sanh ý nơi kho bạc rồi.

Những người làm chủ khi trước và người làm chủ sau một cái xe, trong một năm, hai đàng đều liên cang trong sự đóng thuế ấy, trừ ra khi nào ưng thuận nhau thì thôi.

Khi nào người coi sở thuế chánh ngạch và xả-trưởng, phó-xả, quan Chánh-tòa, quan Tham-biện và các viên chức coi việc tuần phòng, biểu người chịu sanh ý trình bài sanh ý mình, thì mình phải trình cho các viên chức ấy coi xét.

Những người chủ cho mướn xe phải có bài sanh ý riêng theo việc xe, và khi nào có viên quan nào có quyền chánh hỏi, thì phải trình bài sanh ý cho các viên quan ấy coi.

Những sự trái phạm các qui điều nầy phải chứng bằng tờ kiết bẩm và phạt vạ từ 50 chiêm bạc tới 2 đồng bạc.

Những người nào buôn bán hay là làm nghề chi mà không có bài sanh ý, thì bị phạt vạ bằng hai cái số thuế đóng trọn năm, và lại phải đóng thuế sanh ý kể từ ngày 1er janvier trong năm ấy.

Như người buôn bán chánh khai gian hay là kẻ hùng với mình khai gian, hoặc đặng đóng một phần thuế mà thôi, hoặc đặng trốn thuế cho trọn, thì bị phạt vạ bằng ba cái số thuế và lại phải đóng

thuê sanh ý theo thể lệ và tùy theo bề thê buôn bán hay là nghề mình làm.

Những người ở phương-đông buôn bán tại Nam-kỳ, như có lạc mất bài sanh ý của mình thì phải xin cái khác, khi lãnh bài sanh ý khác thì phải đóng 50 chiêm bạc.

Khỏi chịu giấy sanh ý :

1° — Các viên quan và viên chức, hoặc ăn lương nhà nước chánh trị, hoặc ăn lương nhà nước quản hạt, hoặc ăn lương làng, miễng là viên chức ấy làm việc nhà nước mà thôi.

Như ngoại công việc nhà nước, viên chức ấy có lo công việc khác mà thuê sanh ý phải buộc, hoặc giao cho người khác làm công việc ấy, thì viên chức ấy phải đóng thuê sanh ý.

2° — Thợ sơn, thợ chạm, thợ khắc con dìu, thợ vẽ, thợ cẩn, thợ làm đồ khéo để chưng mà chơi, miễng là mấy thầy thợ ấy bán những đồ của mình làm ra mà thôi. Thầy dạy chữ, dạy bát vật và dạy việc khéo léo, giáo tập, bà mụ, người inh nhựt trình, người làm thơ phú cả và phòng đọc sách.

3° — Những người làm ruộng, và cày ruộng đặng mà bán, và chở chiên mùa màng và trái cây gặt hái nơi đất nào thuộc về của mình, và những thú vật mình nuôi, săng sóc, và nuôi cho mập tại đất mình.

Những chủ khẩn các hầm và hầm đá, đặng đào đá và vật sảng trong hầm ấy mà bán ;

Những chủ ruộng muối và người mướn ruộng muối.

Những chủ nhà, bởi sự xảy đến, mà cho mướn nhà mình.

Những người chài, lưới, khi nào ghe nó dùng mà chài lưới, thuộc về của nó.

Những người Lang-sa buôn bán hay là làm nghề chi ngoại Châu-thành Saigon và Chợ-lớn, và xung quanh thành phố ấy.

Những người chủ ghe không có buôn bán dưới ghe như trong phố, và không làm nghề chở mướn hàng hóa chi. Như ghe ấy có dọn buôn bán như trong phố, hay là có chở mướn hàng hóa, thì chủ ghe phải chịu thuê sanh ý như người buôn bán hay là như người lãnh chở chiên đồ vậy.

Các người làm lò bánh mì tây hay là lò thịt bò, ngoài hạt Saigon Chợ-lớn, đều khỏi chịu thuế, miễng là đừng bán vật gì khác.

4°. — Những công ti buôn bán, hàng cho vay bạc để cứu giúp và dành để về ngày sau, mà có người coi thí công. Hàng để cựu giúp nhau có nhà nước cho phép, và các hàng nào không có chỗ chánh hàng ở Saigon.

Những người bán cơm theo mấy đạo binh, những người viêt mướn, những kẻ làm mướn, hoặc ăn tiền theo món đồ, hoặc ăn tiền ngày tại nhà, trại, hay là phô nào chúng nó làm nghề ấy; những người thợ nào làm nghề tại nhà mình, hay là tại nhà người khác, mà không có người làm phụ hay là kẻ theo học nghề, dầu chúng nó có phô và bản hiệu hay là không cũng vậy. Những kẻ mua đồ vật sảng đem về làm lại, hay là sửa lại. Người vợ làm nghề với người chồng thì không phải là thợ phụ, và con chưa có vợ làm giúp cha mẹ trong nghề nghiệp cha mẹ chúng nó, cũng chẳng phải gọi là thợ phụ.

Những người buôn bán dạo ngoài đường nơi mấy chỗ thiên hạ hay qua lợi, nơi chợ và dưới ghe, hoặc là bán trái cây, hoặc rau, trứng về loại điều, và các món vật thực chưa nấu.

Những người gánh nước mướn mà đồi, những kẻ khiên mướn có đòn và xe kéo tay, khi nào xe ấy không phải của chúng nó.

Những người chở lúa gạo trong ghe mà không bán lẻ.

Những con nít dưới 14 tuổi và kẻ già trên 55 tuổi chịu thuê sanh ý hạng 6, 7, và 8 thì đóng thuê phân nửa mà thôi.

Những nghề nghiệp người bổn-quốc làm mà chịu thuế và phân thứ hạng nghề ấy, kế ra sau nầy :

NGƯỜI CHỊU thuế sanh ý	THUẾ HẠNG bài sanh ý	NÓC HỜ
Các người phương đông làm thợ... .	7e và 8e	
Bán quán..........................	5e	
Thầy hù cạo vảy ở có tiệm hay là cạo dạo.	6e, 7e	
Người đóng ghe.....................	2e, 3e, 4e	
Người xảm ghe (coi khoản trét ghe)..	5e	
Người đưa tàu khói, lãnh đắc tàu.....	1er, 2e	
Bán hóa hạng........................	3e	
Người bán trầu......................	6e, 7e	
Thợ bạc (có dọn lò và tiệm).........	2e	
Thợ bạc (không có tiệm).............	4e, 5e	
Thợ bạc (làm theo món đồ đặt).......	6e, 7e	
Người đặt quần áo...................	5e, 6e	
Người buôn bán bò...................	3e	
Người bán củi và có vựa.............	4e, 5e 6e	
Người bán thịt có móc treo (mua mà bán lại từ đùi)...................	4e	
Người bán thịt có móc treo bán lẻ....	5e	

NGƯỜI CHỊU thuế sanh ý	THUẾ HẠNG bài sanh ý	NÓC HỎ
Người làm đèn dội đặng cúng quảy...	3e, 4e, 5e và 6e	
Người làm bánh mỳ...........	2e, 3e, 4e, 5e, 6e	
Người làm yên ngựa và đồ bắt kẻ....	7e	
Người làm gạch ống, gạch lót nhà và ngói.........................	1e, 2e, 3e	
Người làm gạch ống................	5e	
Người đi đổi đồ và mua đồ có phô....	4e, 5e	
Người thợ thêu vái................	7e	
Người mua bán trâu................	5e	
Người bán quán...................	5e	
Thợ trét và xảm ghe................	5e	
Người buôn bán vịt................	4e, 5e, 6e	
Người buôn tàu hay là buôn ghe đi biển bán hàng hóa......................	1er, 2e	
Người đóng xe ngựa và sửa xe.......	4e	
Thợ làm hồm......................	4e, 5e, 6e	
Người đổi bạc.....................	2e, 4e, 5e	
Người làm nón Annam..............	6e, 7e	
Người hầm than..........	5e	
Người lò heo......................	5e	
Người bán thịt lẻ..................	6e	
Thợ mộc (thợ cái)..................	4e, 5e	
Người cho mướn xe bò..............	»	Có giá riêng là 2 $ 00
Thợ làm xe........................	5e	
Thợ làm chảo......................	4e, 5e	
Người hầm vôi....................	5e, 6e	
Thợ đóng giày Annam..............	8e	
Người hầm vôi ăn trầu.............	6e	
Người buôn bán ngựa...............	2e, 3e	
Người buôn bán heo.	3e, 4e, 5e	
Người lãnh chở đồ đàng bộ và đàng thủy..............	4e	
Người buon bán trứng gà va trứng vịt.	4e, 5e, 6e	
Thợ làm dây	6e	
Thợ đóng dáy........................	4e, 5e, 6e	
Người buôn bán lẻ sừng va da......	5e	
Tiệm bán lẻ các thứ rượu...........	7e	
Kẻ lãnh bài bán rượu nếp..........	7e và 8e	
Kẻ lãnh bài bán lẻ nha phiền........	7e và 8e	
Người xay hàng xáo bằng cối.... ...	»	Có giá riêng, là 2 $ 50
Người dặt rượu...........	3e, 4e, 5e	

NGƯỜI CHỊU thuế sanh ý	THUẾ HẠNG bài sanh ý	NÓC HỞ
Người buôn bán nhỏ trong phố nhỏ...	7e, 8e	
Người lãnh việc trong cuộc chơi.....	5e	
Người lãnh công việc nhỏ, thợ hồ, thợ lập nhà, thợ lót gạch, thợ làm nhà lá.	3e	
Người lãnh chở chuyên bằng ghe....		
Người lãnh ghe quá 300 tạ.......	»	12$00
chở hiện muốn ghe từ 150 chí 300 tạ.	»	6$00
đường sông bằng ghe từ 50 tạ chí 149 tạ	»	2$00
tàu ... ghe dưới 50 tạ.......	»	Miễng thuế
Người cho vay lấy lời trước kỳ......	quá bực	
Thợ làm quạt....................	6e	
Thợ làm ... ài cho người bổn-quốc dùng chơi..............................	4e	
Thợ thiết.......................	4e, 5e, 6e	
Người lãnh mấy huê lợi chung, công xi heo, truyền báo trong nhựt trình, tưới đường, quét và hốt rác, đưa đò, và thắp đèn nơi đường bến đò, đồ âm công, chén yết thị vân vân...		
Số hoa chi trên 20.000 quan tiền tây..	1er	
— id — từ 10.001 đến 20.000 quan tiền .	2e	
— id — từ 5001 đến 10.000 quan tiền tây	3e	
— id — từ 20.001 đến 5000 — id —	4e	
— id — từ 401 đến 2000 — id —	5e	
— id — từ 400 sắp xuống..........	6e	
Người làm lưới cá và lưới di săng....	6e	
Thợ đúc làm theo Annam...........	6e	
Thợ rèn.........................	5e, 6e	
Người bán quán cơm..............	6e	
Thợ sửa đồng hồ..................	6e	
Thợ bán đồng hồ không có tiệm.....	4e	
Người làm dầu Annam........	4e, 6e	
Người thợ in có con dấu..........	8e	
Thợ cần bán công việc làm của mình mà chỉ độ, và không có thợ làm phụ.	»	Miễn thuế
Thợ làm đồ bằng ngà, hổ phách, huyền xương và sừng..................	7e	
Thợ làm đá bằng huyền (coi khoản ngà voi)............................	7e	
Người bán sữa lẻ........	5e	
Thợ làm đèn.....................	4e	

NGƯỜI CHỊU thuế sanh ý	THUẾ HẠNG bài sanh ý	NÓC HỞ
Người nuôi chứa thợ làm công.........	4e, 5e	
Người cho mướn phòng ngủ.........	4e	
Thợ hồ (coi khoản người làm công việc nhỏ)........................	3e	
Người buôn bán dưới ghe sông trọng tải hơn 300 tạ..................	»	30 $ 00
Người buôn bán dưới ghe trọng tải từ 150 tạ tới 300 tạ..................	»	12 $ 00
Người buôn bán dưới ghe sông trọng tải từ 50 tạ tới 149 tạ..................	»	6 $ 00
Người buôn bán dưới ghe sông trọng tải dưới 50 tạ..................	»	2 $ 00
Người buôn bán lẽ..................	3e.4e, 5e, 6e	
Người buôn bán vải..................	3e, 4e	
Người buôn bán nhỏ ở một chổ......	7e, 8e	
Người buôn bán cây..................	1er	
Người buôn bán nơi chợ và bán dạo (chẳng phải đi bán dạo dưới ghe).	6e, 7e	
Người bán cháo đồ ăn Annam (đồ chính)	8e	
Thầy ngải..................	4e	
Người đóng móng ngựa..............	3e, 4e, 5e	
Người làm nệm......	6e	
Người làm cột buồm và chèo.........	4e, 5e	
Người làm máy theo đồ đạt.........	5e	
Người phương-đông làm thầy thuốc.	5e	
Thầy thuốc Annam..................	6e	
Thợ mộc làm đồ tề kiể..............	2e, 3e, 4e, 5e	
Hoa chi tiệm cầm đồ trong lục tỉnh....	5e	
Người làm nước mắm..............	3e, 4e, 5e	
Người làm nhà lá và chòi..........	4e, 5e	
Thợ làm dù..................	7e	
Người dưa đò..................	8e	
Người làm bánh và mức..............	4e, 5e, 6e	
Người làm bánh ngọt có lò	2e	
Thợ làm bánh ngọt không có lò......	6e	
Thợ làm dầu tóc..................	4e	
Người bán dầu hôi..................	6e	
Người phương đông bào chế thuốc...	3e, 4e, 5e, 6e	
Người Annam bào chế thuốc.........	7e	
Người chụp hình..................	4e	
Người buôn bán cá..................	4e, 5e, 6e	
Người làm đồ gốm..................	4e, 5e, 6e	

NGƯỜI CHỊU thuế sanh ý	THUẾ HẠNG bài sanh ý	NÓC HỞ
Người làm đồ gồm để chưng chơi....	1e, 2e, 3e	
Thợ lam đồ sắc.............. ..	2e ,3e	
Người buôn bán gạo lúa và mua mão mùa màng....................	3e	
Người buôn bán gạo lúa, và mua lề mùa màng mà có kho vựa........	5e	
Người đương thúng rổ bằng mây....	4e, 5e, 6e	
Trại cưa tay....................	5e	
Trại cưa..........	2e, 4e, 6e	
Thợ chạm cây hay là chạm đồng mà bán đồ mình làm đặng chi độ và không có mướn thợ làm phụ......	»	Miễn thuế
Người làm đường Annam (làm nhỏ)....	6e	
Người làm thuốc hút..............	6e	
Thợ đục chạm đá................	3e, 5e, 6e	
Thợ thuộc các thứ da............	3e, 4e, 5e, 6e	
Thợ nhượm......................	4e, 5e, 6e	
Người đào đất..................	5e	
Bầu gánh hát đi hát dạo..........	5e	
Người làm canh tơ chỉ lụa..........	5e	
Người làm canh tơ chỉ vải..........	6e	
Thợ tiện đồ cây và đồ đồng.........	6e, 7e	
Người bán đồ lồng thú vật.........	8e	
Thợ làm ngói (coi khoản gạch)......	1er, 2e	
Thợ l m buồm..................	5e	
Xe cho mướn 1 ngựa, 2 ngựa mỗi xe..	Không hạng	5 đồng bạc
Xe bò cho mướn, mỗi xe..........	»	2 đồng bạc
Xe kéo tay cho mướn mỗi cái........	»	1 đồng bạc

Những người phương ..on. chịu thế sanh ý phải lấy tên mình trong giấy thuế thân mà khai.

Những người khách làm nghề nghiệp chi, thì chẳng đặng để vợ đứng tên trong bài sanh ý, đặng trốn khỏi thuế thân đã buộc cho mọi người khách, tùy theo bề thế buôn bán của chúng nó.

Mỗi hương chức được phép bắt trình bài sanh ý, và buộc mấy người buôn bán cùng làm nghề nghiệp có tiệm phải treo bản sanh ý trong tiệm nơi chỗ nào dễ ngó thấy.

Những kẻ buôn bán hay là làm nghề nghiệp gi chẳng có bài sanh ý, mà xả-trưởng chẳng khai, thì phải bị trị phạt.

Sự thâu thuế sanh ý thì được phát biên lai chung.

VI. — Thuế phụ trội phải lấy trong mỗi sắc thuế chánh, mà phải lấy bao nhiêu, thì mỗi năm quan Tổng-thống định cho.

Tiền phụ trội ấy phải tính theo trong những thuế về phần quản-hạt thâu mà thôi, chớ chẳng đặng tính theo trong những thuế đóng cho quản-hạt nhập lại với những thuế đóng cho địa-hạt.

Mỗi tên dân tráng phải chịu năm ngày công sưu.

Năm ngày công sưu dân tráng Annam, và người Phương-đông chịu, và ngày công sưu xe, ngựa, bò, trâu, và ghe, đều phải biên vô khoản thâu trong sổ nghị định địa-hạt.

Khi nào đi làm công sưu thì phải tính theo ngày hay là theo công việc làm.

Hội đồng địa-hạt lấy bực trung mà định phần việc làm trong một ngày công sưu.

Bực trung phần việc làm xâu, định cho mỗi người làm trong một ngày là từ 1 thước vuông cho đến 3 thước vuông về việc làm đường và đào kinh tùy theo công việc làm và tùy theo đất mềm hay là cứng.

Hội đồng địa-hạt định cho những phần tổng nào phải chuộc công sưu hay là phải đi làm công sưu tùy theo việc.

Tùy theo dịp buộc, thì cũng được bắt đi xâu, dầu mà ngày công sưu đã định theo giá bạc mà chuộc.

Mỗi năm phải đem vô bộ nghị định địa-hạt. nơi khoản « *tiền dự trữ* », 15 phần trong số chung ngày công-sưu.

Các người bổn-quốc nào từ nang không chịu làm xâu, thì sẽ bị phạt theo tội đóng thuế trễ nải không cớ, nghĩa là chiểu theo đều thứ 5 chỉ dụ ngày 6 janvier 1903.

Dân lão hạng từ 55 tuổi sắp lên, đều được miễng công sưu.

Phủ, huyện, cai-tổng và phó-tổng đều khỏi đóng thuế công sưu.

Các xả-trưởng đều được khỏi đóng thuế công sưu. Mấy hương-chức đều được phép chuộc ngày công sưu của chúng nó.

Trong số một trăm ngày công sưu tổng và làng thì một số từ phần 5 đến phân nửa được cho chuộc đặng cho kẻ vắn mắt, người bịnh, viên quan và viên chức giúp việc nhà-nước, người ở đày tớ và làm công với người Lang-sa đóng đặng khỏi bỏ công việc chúng nó.

Xả-trưởng cùng mấy chức việc nhỏ trong làng phải đem dân đi làm xâu, và phải coi sóc chúng nó.

Những ghe biển khỏi đóng thuế phụ trội nơi tỉnh nào nó đứng bộ nhưng mà phải đóng thuế công sưu.

VII. — Khi thâu thuế điền thổ mỗi người, thì xả-trưởng phải buộc đóng tiền phụ trội từ sào, và y theo lời nghị bàn hội tề. Thường lệ tiền phụ trội ấy phải đóng theo với thuế ruộng mà thôi.

Những hoa lợi chợ và hoa chi tiệm heo thiệt là hoa lợi của làng.

Thắp đèn trong làng sở tại trong hạt, khai phá và tu bổ đường trong làng ấy là sự tổn hao của làng và về phần làng phải chịu hết.

Trong các làng sở tại trong tỉnh thì phải lập sở lãnh đồ đồ xuất xở, lãnh đồ rát, lãnh chịu nước và thắp đèn chung.

Trong các làng nào có sở cầm nhốt súc vật đi lạt, thì bạc thâu về sở phí cầm nhốt ấy, đều thuộc về phần làng.

Những ngày nằm canh hương-chức phạt vạ dân, và những ngày nằm canh thường lệ buộc cho mỗi tên dân, thì được cho chuột bạc. Tiền chuột ấy nhập về sổ nghị định làng và định theo giá thường một ngày công sưu.

Trong làng phải có sổ xuất mà biên nhuận những tiền tổn phí về việc chung.

Tiền làng cấp cho sổ nghị định địa-hạt đặng làm những công việc đã định quyết, sẽ được biên vào sổ nghị định địa-hạt, là khi nào sổ tiền ấy đã có bàn hội tề nhóm đại hội lại mà bàn nghị và hiểu biết chắc tiền phụ cấp ấy dùng mà làm việc chi.

Thủ-bộ phải coi giữ các sổ thâu xuất của làng.

Hương-cả, hương-chủ, hương-sư và hương-trưởng, đều quản lý tài sảng của bổn thôn; phải lập sổ dự định, quản sát sổ thâu, sổ xuất và phải phụng thủ tiền bạc của làng.

VIII. — Những xã-trưởng nào, tới ngày 31 tháng ba tây (31 mars) mỗi năm mà đóng tất thuế ghe thì được thưởng.

2 quan tiền tây về phần ghe hạng nhứt.

1 quan tiền tây về phần ghe hạng nhì và hạng ba.

Còn về những ghe nổi không tới 50 tạ, thì không có thưởng.

Tiền chuẩn thưởng tính theo số dân phải chịu thuế thân, cho các xã-trưởng mà đến công những kẻ ấy trong việc thâu thuế, định ra như sau nầy :

	LÀNG										
	TỪ 10 ĐẾN 100 DÂN	TỪ 101 ĐẾN 200 DÂN	TỪ 201 ĐẾN 300 DÂN	TỪ 301 ĐẾN 400 DÂN	TỪ 401 ĐẾN 500 DÂN	TỪ 501 ĐẾN 600 DÂN	TỪ 601 ĐẾN 700 DÂN	TỪ 701 ĐẾN 800 DÂN	TỪ 801 ĐẾN 900 DÂN	TỪ 901 ĐẾN 1000 DÂN	TỪ 1001 DÂN SẤP LÊN
Tiền chuẩn mỗi năm......	đồng 16	đồng 20	đồng 24	đồng 28	đồng 32	đồng 34	đồng 36	đồng 38	đồng 40	đồng 42	đồng 44

Tiền chuân ấy, thì Địa-hạt phải chịu phân nữa, còn phần nữa thì về phần Quản-hạt chịu.

Đến ngày mồng 1 tháng giêng tây (1er janvier) mỗi năm, những thuê chưa đăng mà xin giảm chẳng đặng, thì Nhà-nước phải lấy tiền chuẩn ấy mà chăm vào cho đủ, mà nếu chẳng đủ, thì Nhà-nước còn cứu giúp mà bắt buộc hoặc các làng, hoặc các xã-trưởng, hay là các kẻ thiếu thuê.

Lại như thuê thân nào tới ngày 30 tháng tư tây (30 avril) mà chưa đóng tất, dầu sau mà có đóng mặc lòng, thì các xã-trưởng chẳng đặng tiền chuẩn về những thuê đăng trễ ấy.

Chẳng khi nào tiền chuẩn thuê cho các xã-trưởng về việc thâu thuê thân được quá phần thứ năm trong sồ tiền đã thâu.

Tiền thưởng cho các xã-trưởng phải tính theo sồ bạc thuê thân và thuê điền thổ đã đăng tại kho.

Các xã-trưởng được lãnh tiền thưởng là khi nào đã đăng thuê thân trước ngày 1er mai và thuê điền thổ trước ngày 1er janvier năm sau.

IX. — Làng phải đăng thuê vào cho đủ, bằng chẳng đủ thì phải mắc trách cứ.

Làng nào dấu ẩn chẳng đem vào bộ những đất trống tỉa đóng thuê, thì phải phạt vạ bằng hai tiền thuê đất đã dấu ẩn ấy, mà hễ trong 10 phần đã ẩn hết 1 phần, thì phải phạt vạ một năm, trong 1 phần ẩn hết 2, thì phải phạt vạ hai năm, vân vân.. ..Khi nhà-nước cùng làng chẳng thuận trong việc phạt ấy, thì phải đi lấy họa đồ. Tiền tổn phí về việc lấy họa đồ ấy về phần phí ngã lẽ phải chịu, hoặc là bên phí nhà-nước, hoặc là bên làng. Như làng có làm đơn kêu nài về việc ấy thì phải qui cùng tòa hội nghị tư.

Hễ làng nào dấu ẩn dân tráng không trục vô bộ, hễ đã dấu ẩn 1 phần thứ mười trong sồ dân tráng, thì phải phạt vạ một năm, 2 phần thì phải phạt hai năm, vân vân...., mà phải phạt bằng hai sồ tiền thuê dân đã dấu ẩn ấy.

Sự trách cứ chung hương-chức và dân trong làng đều phải buộc về vụ thuê.

Cho đặng buộc sự trách cứ làng nào và hương-chức, thì phải rõ chắc rằng chúng nó đã có bê trễ.

X. — Khi tu bổ, thì làng phải để những đất của làng đứng trước. Thường lệ đất làng là những đất ruộng kêu là công-điền hay là bổn-thôn điền.

Công-điền là những đất ruộng làng chẳng được phép bán chát cho ai, vì chưng đất ấy là của người ta cúng hay là của nhà-nước cho để mà sanh huê-lợi đời-đời kiếp-kiết cho làng.

Có chỉ vua Gia-Long đã phân định đều ấy. Còn Bổn-thòn điền là những đất riêng của làng, làng được phép bán chát, nếu làng cần dùng bán.

Những người Phương-tây cùng những kẻ vào bộ Langsa mà có đất trong các làng bổn-quốc, thì cũng phải khai trong bộ, hiệu là « Bộ thuế thân, điền thổ cùng các sắc thuế khác trong làng ».

Những dân bỏ làng mà đi trong năm cũng còn phải để tên trong bộ, cho đến khi nào quan Tham-biện rỏ vì cớ nào nó đi cùng chổ nó ở mà dạy bỏ tên nó đi, thì mới đặng.

Mổi người bổn-quốc được phép ở bất kỳ xứ nào, tùy theo ý mình muốn. Nhưng vậy phải thưa với làng thì đủ, và làng không được ngăn trở,

Hương chức được phép không đem tên người nào vào bộ đất mà không có bàn-khoán.

Hương chức cũng được phép không đem vào bộ đất nào mà tờ thuận-mải chẳng có quan, hay là làng thị chúng.

Khi nào hai người anh em ruột đứng bộ chung những tài sảng chi, thuộc về của gia tài, thì là một cớ chắc rằng sự tương phân đã có chia rồi.

Khi nào hai người kê nghiệp đứng bộ một sở đất, thì gọi là đất ấy chưa chia.

XI. — Những bộ làng phải làm hai bổn mà trình cùng quan Tham-biện; khi quan Tham-biện đã phê nhận rồi, thì thâu một bổn, còn bổn khác thì giao lại cho làng. Bổn ấy phải để tại nhà vuôn trong kỳ 20 bữa cho người ta được tới coi.

Về thuế thân, thì phải trục vào bộ mỗi người từ 18 tuổi sấp lên. Ngang tên nó, phải sổ một số, hoặc trong nọc thứ 8, thứ 9, thứ 10, hay là thứ 11, tùy theo hạng thuế nó phải chịu; rồi cộng số những sổ, trong nọc thứ 8 hoặc nọc thứ 9 coi được bao nhiêu; rồi nhơn số ấy cho số tiền mỗi tên dân phải đóng, thì ra số bộ ấy phải thâu là bao nhiêu. Trong trương thứ nhì phải đem tên mấy hương chức đương niên vào.

Về bộ thuế ghe, thì mỗi chiếc cũng phải sổ một sổ, hoặc trong nọc thứ 5, thứ 6, thứ 7, hay là thứ 8, tùy theo hạng; rồi cọng những sổ hạng nào theo nọc nầy coi đặng bao nhiêu- rồi nhơn số sổ hạng nào cho tiền thuế hạng nầy, thì ra số tiền mỗi hạng phải thâu là bao nhiêu.

Còn về thuế Điền-thổ, thì các làng phải làm giấy khai về sự đổi dời trong làng mà thôi.

Trong mỗi kỳ ba tháng thì phải tu bộ phụ các sắc thuế. Đều ấy phải buộc về bộ quản hạt và bộ địa hạt. Những bộ phụ phải gởi từ ngày 31 mars, 30 juin, 30 septembre và 30 décembre trong mỗi năm.

Làng phải gián yết thị bằng chữ quốc-ngữ trong các làng annam và bằng chữ cao-mên trong các làng cao mên, các sắc thuế quản hạt, địa-hạt và thuế làng, mỗi người dân tráng phải đóng.

Khi thất mùa, bởi nước ngập, hoạc bởi trời hạng, hoặc bởi loại sâu vân vân, thì làng phải đến tại chổ mà kiểm sát rồi bẩm lại cùng quan Tham-biện hay. Khi quan Tham-biện đã xem xét rồi, thì làm giấy giảm thuế mà gởi cho quan Nguyên-soái phê chuẩn.

Lệ giảm thuế điền thổ phải làm như sau nầy :

Nếu chẳng thất mùa chút nào, thì thuế cũng chẳng giảm chút nào.

Nếu 10 phần phải thất 1, thì thuế cũng chẳng giảm.

—	10	id	2,	10	phần phải giảm	1.
—	10	id	3,	10	id	2.
—	10	id	4,	10	id	3.
—	10	id	5,	10	id	4.
—	10	id	6,	10	id	5.
—	10	id	7,	10	id	6.
—	10	id	8, hay là thất quá 8, thì thuế giảm hết.			

ĐOẠN THỨ IV.

KẺ Ở MƯỚNG

I. — Qui điều riêng nói về người làm mướng bổn quốc hay là phương đông giao kết ở cùng người Phương-tây làm ruộng đất.
II. — Chức cai đồng và quyền hành chúng nó.

I. — Những người làm mướng bổn-quốc hay là phương-đông giao kết ở cùng người Phương-tây, hay là kẻ vào bộ dân Phương-tây, làm ruộng đất hay là nuôi súc vật tại Nam-kỳ, thì trong khi chúng nó còn ở, được nhờ miễng thuế thân, công sưu các hạng, canh gát và chung bết các thứ xàu lắng.

Chiếu theo lời khai người chủ, thì tại tòa bố hay là tại dinh Đốc-lý Saigon hay là dinh Đốc-lý Chợ-lớn, cấp phát cho những kẻ ở mướng một cái giấy thuế thân riêng, có cai dấu tích và đồ hình chúng nó, cai chỗ ở và tên người chủ nào mướng chúng nó giúp việc.

Trong lời khai của người chủ mướng khai cùng quan Tham-biện hay là quan Đốc-lý Saigon, Chợ-lớn thì phải dính theo một bổn tờ giao kèo mình cùng người ở. Phải sao, khỏi chịu tiền tờ giao kèo vào trong một cuốn sổ để dùng về việc ấy.

Các giấy thuế thân riêng phát cho người ở mướng, khi muốn cho đặng theo phép, thì mỗi năm phải có quan Tham-biện thay cái khác, và phải có người chủ ký tên và ghi mỗi kỳ ba tháng.

Khi tờ giao kèo mảng rồi; và người ở mướng đã bỏ đi, bất kỳ là bởi cớ nào, thì người chủ phải khai cùng quan Tham-biện sở tại.

Người nào đái tùy một cái giấy thuế thân riêng của kẻ ở mướng mà bị gặp ra khỏi ranh hạng chỗ mình ở, mà không có giấy phép của người chủ cho, thì tỉ cũng như là người không có giấy thuế thân vậy,

Những người ở mướng bổn-quốc hay là Phương-đông ngoại quốc, giao kết ở cùng kẻ làm ruộng đất hay là kẻ nuôi súc vật Lang-sa hay là kẻ vào bộ Lang-sa, thì khỏi thuộc về làng nào, hay là ban trưởng nào mà có Nhà-nước nhìn biết.

Người chủ mỗi năm phải đóng tại kho bạc một đồng bạc cho mỗi người ở mướng với mình.

Những người ở mướng Bổn-quốc hay là Phương-đông Ngoại-quốc phải đóng thuế thân trong năm khi mình mới ra ở cùng người Lang-sa, hay là người vào bộ Lang-sa làm ruộng đất hay là nuôi súc vật sau ngày 1er Janvier trong năm ấy.

Thuộc về mấy người ở mướng kể trước đây thì người chủ khỏi đóng thuế một đồng bạc trong năm ấy.

Các người ở mướng kể nơi khoản chót trước đây, được hưởng nhờ mà đóng thuế một đồng bạc là kể từ ngày mồng 1er Janvier năm sau.

Khi có hủy phá tờ giao kèo trong năm, thì người ở mướng phải buộc mà chịu đóng thuế thân lại kể từ ngày 1er Janvier cho tới 31 Décembre trong năm phá tờ giao kèo.

Chẳng đặng tắm bắt người ở mướng làm xâu cùng công sưu chi trong khi nó còn đương giao kết ở cùng chủ nó.

Những người ở mướng làm ruộng bổn-quốc hay là Phương-đông ngoại quốc đã đứng bộ chịu thuế thân khi mới vô ở cùng người Langsa hay là người nào vào bộ dân Lang-sa, thì được gọi là kẻ ở mướng miễng thuế, kể từ ngày 1er janvier năm sau, năm nó giao kết cùng chủ nó. Vậy thì chúng nó phải chịu các sắc thuế trong năm đầu, còn qua năm sau thì người chủ phải chịu đóng một đồng bạc thuế cho mỗi người ở với mình.

Những người ở mướng, khi mới vô ở chưa có đúng bực chịu thuế, vụ chi: thì phải làm bộ phụ mà thâu thuế đồng niên là một đồng bạc trong mỗi tên. Ấy là những kẻ tản đáo thường hay trúng trong khoản ấy.

Những người ở mướng định trong khoản chót trước nầy, thì được phép lãnh giấy là khi đã có làm khai giao kèo rồi; nhưng mà những kẻ ở mướng kể trong khoản thứ nhứt trước đây không được như vậy; bởi cớ chúng nó có giấy ở mướng mà làm cho chúng nó khỏi quyền phép làng hay là ban trưởng chúng nó, phải mất phương thế buộc chúng nó đóng thuế và làm xâu. Cho những kẻ ở mướng ấy, thì được phép phát giấy kể từ ngày 1er janvier năm sau; và nhà-nước phải giao cho người chủ cái biên nhận lời khai tờ giao kèo của chúng nó.

Như người chủ có ý muốn, thì được sự thong thả mà xin phát giấy cho kẻ ở mướng cùng mình; nhưng mà phải tiên nạp lòng thuế, và tiền chuộc công sưu của kẻ ở mướng; chiếu theo tờ châu

tri ngày 28 juillet 1896, những kẻ ở cùng người Lang-sa, bất kỳ là làm việt chi, được phép chuộc công sưu trọn.

Người ở mướng, khi còn chịu thuế và công sưu, thì được lấy cớ tờ giao kết mà khỏi nằm canh điếm mục và các thứ xâu làng.

II. — Những người Lang-sa làm ruộng ở tại Nam-kỳ được phép mộ, mà tiền mướng về mình chịu, các kẻ cai đồng Lang-sa hay là bổn-quốc.

Những chức cai đồng ấy được lãnh việc là khi nào đã có quan chủ tỉnh sở tại phê chuẩn, và khi chúng nó có thề trước tòa sơ hay là trước mặc quan tòa thuộc về địa phận chỗ chúng nó ở.

Tờ giao công việc và tờ thề của chức cai đồng phải có lưu ký tại phòng lục sự các tòa thuộc về địa phận chỗ chúng nó ban hành quyền chức chúng nó.

Các chức cai đồng phải có ít nữa là 25 tuổi và phải chiêu trình cho quan chủ tỉnh sở tại một bổn sao án tòa cùng mặt tờ vi bằng tánh hạnh ăn ở của chúng nó.

Những cai đồng được phép có khí giái và đồ nai nịch; các sở phí và các sự bảo lảnh những cai đồng ấy thì về phần người làm ruộng dùng chúng nó phải chịu lấy.

Chức cai đồng được phép mặt đồ y phục; nhưng mà y phục chúng nó chẳng đặng giống các sắc phục dùng trong các đạo binh hay là trong cơ lính tuần sai (mả-tà).

Những khí giái giao cho cai đồng thì phải biên vô sổ tại tòa bô Tham-biện và phải đóng số hiệu thứ tự.

Chức cai đồng bổn-quốc tại Nam-kỳ thì được có các quyền tuần phòng theo luật phép và theo tục lệ ban cho hương chức làng. Chúng nó không được chức tuần phòng theo phép tòa.

Chức cai đồng Lang-sa hay là bổn-quốc lãnh coi ruộng hay là đất khẩn nào; thì được coi giữ trong ranh hạng ruộng hay là ranh hạng đất khẩn ấy mà thôi.

Cấm chức cai đồng bổn-quốc hay là vào bộ dân Annam chẳng đặng đái tùy khí giái mà vào làng xóm, chợ búa không tạ lạt trong địa phận, ruộng hay là đất không thuộc về mình coi giữ. Nhưng mà trừ ra khi nào đi từ phần đất nầy quá phần đất kia cũng thuộc về ruộng đất giao cho mình coi giữ, hay là đi qua phần đất nào mình đương tri tầm kẻ trái lệ; và như ra khỏi ranh đất thuộc về mình coi giữ, thì phải có phép quan chủ tỉnh hay là quan thế quyền cho mới được.

Trong khi hành chánh công việc mình, thì chức cai đồng phải mang trước ngực, một cách cho dễ thấy, một tấm bản bằng đồng

có khắc tên và sô thứ tự chúng nó, cùng khắc tên và chỗ ở người làm ruộng chủ của chúng nó.

Như khí giái có mất, thì người chủ lập tức phải khai cùng quan chủ tỉnh nào khí giái ấy đã biên vô sổ bộ.

Các thể lệ nói về các người ở mướn làm ruộng nương cho người Lang-sa định trước đây đều thông dụng cho chức Cai-đồng bổn-quôc.

Nhưng mà khi chúng nó có vô làm chức Cai-đồng sau ngày 1er Janvier trong năm thì chúng nó được phép chuộc công sưu theo giá Địa hạt sở tại định phân. Nhưng vậy thì quan Tham-biện, khi châm chúng nó làm chức Cai-đồng rồi thì quan Tham-biện phải gởi tên họ chúng nó cho làng quê quán của chúng nó hay.



ĐOẠN THỨ V

VỀ CHỢ BÚA

I. — Tiền giúp cho làng dặng lập chợ.
II. — Sự bán thuế chợ.
III. — Sự tu bổ chợ.
IV. — Thể lệ chung nói về chợ.
V. — Thể lệ nói về sự thông dụng tiền điếu, giấy bạc và bạc đồng.

I. — Nhà-nước được giúp tiền cho các làng lập chợ. Hội đồng quản-hạt nghị định số tiền phải giúp ấy là bao nhiêu; Tiền ấy phải chịu lời 10 phân một năm, cho đến khi trả tất số vốn. Nhà-nước cũng giúp cho làng những kẻ vẽ họa đồ cùng công chuyện làm chợ nữa.

Phần huê lợi các chợ đều để cho làng ăn. Những chợ nào mà có tiền quản-hạt giúp cho mà lập, thì các làng phải lấy tiền huê lợi chợ ấy mà trả lại, và phải trả lời 10 phân (trong 100) cho đến khi trả vốn rồi.

Buộc các làng chẳng những là phải trả lời mà thôi, mà lại cũng phải trả mỗi năm 1 phần thứ 10 trong tiền đã vay mà lập chợ, có ý cho làng tiệt gốc nợ trong kỳ 10 năm sắp lại. Cho đặng rảnh nợ, các làng trả trước cũng được.

Mỗi năm phải trả nợ ấy từ 1er janvier tới 31 décembre.

II. — Các làng phải ra sức mà lấy huê lợi chợ mình. Nếu làng không có từng trải hay là dục lợi quá lẽ mà thâu thuế chợ sái phép, thời trong lễ ấy, chợ thà phải bán cho các kẻ lãnh mua.

Muốn cho có ít lợi cho làng, và cho khỏi đều tình tệ, thì nhà-nước sẽ chịu giúp các làng cho đặng bán, giảo giá các chợ nào làng không muốn lãnh mà lấy huê lợi.

III. — Các hương-chức phải coi tu bổ các chợ, chẳng nên để những cột và vách tường hư, chớ để sắc trong mấy nhà chợ sét. Lệ buộc mỗi làng phải chuẩn tiền tu bổ ấy.

IV. — Chợ nào chẳng có phép quan trên cho thì chẳng đặng khai. Trong những chợ lớn, phải trữ những ni kiểu làm mực về thước tất cân lường Lang-sa cho người ta dùng.

Cũng phải trữ những vuôn 20 lường, thước tất và cân lượng Lang-sa trong các chợ-lớn, đặng cho thiên hạ dùng.

Những đồ ấy về phần kẻ mua thuế phải chịu. Nhà-nước cũng sẳng mà bán đồ ấy cho làng hay là các kẻ mua thuế.

Bảo các cai-tổng, xã-trưởng nhứt là những nơi có chợ đều phải làm kiểu thước tây bằng đồng hay là bằng sắt được thì cũng tốt, bằng chẳng thì làm bằng cây.

V. — Xã-trưởng và hương-chức các làng phải coi sóc gián yết thị truyền bảo cho nhơn dân hay rằng : Nhà-nước đã bày ra một thứ tiền điếu ; giá nó bao nhiêu vô một đồng su, và bao nhiêu tiền kẽm vô một đồng điếu. Chẳng đặng ai hạ giá tiền điếu ấy.

Hương-chức phải xem sóc các chợ. Hễ có ai làm trái phép hay là sụt giá tiền điếu cho đặng kiếm thế mà lường gạt cho mình, thì hương-chức phải làm giấy bẩm những kẻ ấy.

Phải sem sóc cho nhặc nhiệm những người các chú chê bai tiền điếu mà không dùng.

Những giấy bạc hảng Đông-dương làm tại Saigon và tại Hai-phòng, bất kỳ là inh sắc nào, thì được phép thông dụng.

Những bạc đồng của các chú làm, thì không được phép thông dụng. Những bạc đồng mà khác bạc Nhà-nước chịu thâu là : đồng bạc de commerce và cac bạc nhỏ theo bạc de commerce và đồng bạc mexicaine.

ĐOẠN THỨ VI

TÊ THUỶ LỢI

I. — Sự làm nghề thủy lợi.

II. — Sự bán thuế thủy lợi. Thể lệ chung nói về nghề thủy lợi.

I. — Chẳng có ai được làm nghề thủy lợi trong các ngọn sông rạch trong Nam-kỳ mà chẳng có phép Nhà-nước cho. — Những nghề ấy chẳng được choán quá nửa phần sông, cũng chẳng được làm giữa dòng sông, phải làm cận bờ mà thôi. Tại chỗ làm nghề, phải trồng mỗi đầu mỗi cột cao khỏi mặt nước ròng 3 thước tây.— Ban đêm, mỗi cột phải thắp một cái đèn. — Ai chẳng giữ luật ấy, thì phải phạt vạ từ 10 quan tiền tây tới 100 quan tiền tây.

Nghiêm cấm chẳng cho làm nghề đóng đáy trong kinh Vĩnh-tê.

II. — Mỗi năm cứ ngày mồng 1 tháng giêng tây, thì giao giá bán thuế thủy lợi trót năm. Việc bán ấy phải dán yết thị trước trong các chỗ cho thiên hạ biết. Tiền mua thuế hoặc trả mỗi tháng, hay là ba tháng trả một kỳ, hay là sáu tháng trả một kỳ, mà phải trả trước.

Lý ưng, thuế thủy lợi phải bán cho các làng thì hơn.

Những đơn xin mua thuế của các làng phải có quan Nguyên-soái phê nhận.

Phải để cho các làng làm nghề bắt cá mà ăn, quan Tham-biện định cùng hương chức, thuế phải đóng cho Nhà-nước mỗi năm là bao nhiêu.

III. — Nghiêm cấm trong cả và Quản-hạt chẳng cho dùng lưới mà mặc lưới hẹp hơn 15 ly.

Ai chẳng tuân. thì lưới sẽ phải phá, và lại phải phạt vạ từ 10 cho tới 100 quan tiền tây.

Các làng được phép bắt cá trong các ngọn sông, ngọn rạch và trong các mương của người ta khai cho thấm đất.

Nhưng vậy các làng được phép bắt cá trong các ngọn rạch ở trong địa phận làng mình mà thôi, chớ chẳng có phép bắt cá trong những ao đìa, thuộc về của riêng người ta

Khi nào có quan trên cho phép mới đặng làm nghề đóng đáy, trong ban đêm mấy chỗ đóng đáy thì phải thắp hai cái đèn, một cái thì để phía ngoài sông, còn một cái thì để phía mé bờ; đèn ấy phải để chỗ nào cho dễ thấy đặng thấy xa cho được.

ĐOẠN THỨ VII

VỀ VIỆC CHO VAY LÀM MÙA

I. — Sự xin vay cùng hãng, và thể lệ về sự cho vay.
II. — Vụ trả bạc vay, sự cải lấy cùng sự trì buộc.
III. — Thể lệ chung.

I. — Trong cả và hạt Nam-kỳ. các làng đều được phép vay cho dân bộ trong làng mà có làm đơn xin, của nhà hàng cối Đông-dương (Banque de l'Indo-Chine), thì phải theo thể lệ như sau nầy.

Hễ làng nào có một hay là nhiều người muốn vay làm mùa, thì làng ấy phải làm đơn cho ông Cai-quản nhà hàng cối Đông-dương, song phải trình cho quan Tham-biện gởi cho. Trong đơn ấy phải khai :

1° Tên, họ và quê quán những chủ đất muốn xin vay cùng hãng.

2° Phải khai cho chắt đất của mỗi người ấy, mấy mẫu, mấy sào, trồng tria những vật gì. và gốc tích đất ấy.

3° Mùa màng gặt được bao nhiêu mỗi mùa Khi chưa đến mùa gặt hái, thì phải đánh theo bực trung mấy mùa năm trước.

4° Số tiền mỗi người muốn vay bao nhiêu, rồi tính gộp hết thảy ra bạc đồng.

5° Giao hẹ tới ngày 15 tháng năm tây (15 mai) mỗi năm thì phải trả tất số vay. bất kỳ là đã vay khi nào.

Kỳ hạng cho vay trồng tiêu thì định phải trả đúng ngày 30 avril, là lúc đương gặt hái, và kỳ hạng gặt là cho đến ngày 31 mai, kỳ hạng đến ngày 15 mai thì buộc cho vụ vay làm ruộng mà thôi. còn các vụ vay làm mùa khác kỳ hạng trả nợ, thì phú cho quan Tham-biện định nhằm lúc mùa màng gặt hái.

Đơn xin vay phải làm ra hai bổn. phải đóng con dấu làng, thôn trưởng và hai hương chức làng phải ký tên vào.

Xã-trưởng và hương chức, khi ký tên đơn ấy rồi, thì phải giắt những kẻ xin vay đến dinh Tham-biện mà trình đơn ; khi quan Tham biện xem xét các lời khai trong đơn ấy rồi, thì dạy nhựt ký vào sổ. Mỗi người xin vay, phải đóng một quan tiền tây về tiền vào sổ.

Một bổn đơn ấy thì giao lại cho làng.

Quan Tham-biện được nài cho có mặt một hay là hai hương chức có giây tờ theo lệ thì đã đủ.

Khi quan Nguyên-soái đã phê chuẩn rồi, thì tờ giao kêt mới được nhứt định.

Sô tiền làng vay cho mỗi tên dân chẳng được quá phân thứ ba trong sô tiền huê lợi mỗi miêng đât cầm thục.

Tiền lời phải trả cho hãng là 8 phân trong 100. Tiền lời ây phải tính từ ngày giao lạc cho tới khi nào trả tât vôn. Hãng phải đăng cho Nhà-nước quản-hạt 2 phân trong 100, đặng đền bồi cho Nhà-nước về sự bảo lãnh.

Trong tiêt cày bừa và trong lúc cây thì mới vay làm mùa được, vậy phải gìn giữ bổn tánh về sự lập cho vay làm mùa, là cho vay đặng bào chữa trong việc canh nông mà thôi.

Những người nào làm nghề cho vay lại, thì chẳng được phép xin Nhà-nước bảo lãnh cho mà vay trả ít lời đặng về cho vay lại ăn nhiều lời.

Hương chức phải lựa những người tử tê, có thê trả được, vay mà dùng trong việc canh nông mà thôi. Mà cũng có khi có người có thê đủ mà làm mùa, phải vay mà trả nợ nhỏ mà người ta ăn lời nặng, phải xét kỹ cang các diệp ây, và cũng có lẽ xin vay được.

Những kẻ làm ruộng nghèo được vay lúa mà làm giông. Trong các đơn vay ây phải khai sô lúa vay đặng làm giông bao nhiêu, lúa ăn bao nhiêu, và giá bao nhiêu; khi làm mùa rồi sẽ trả.

II. — 15 ngày trước kỳ trả bạc, thì quan Tham-biện sở tại tống giây mà báo cho làng phải góp các chủ nợ mà đem đăng vào kho. Kho làm biên lai kho. Hẹn gât cho làng 30 ngày kể từ ngày mãng kỳ mà trả cho dứt sô bạc vay.

Khi hãng cùng làng không ưng thuận cùng nhau, thì quan Tham-biện sở tại chạy phúc bẩm cho quan Nguyên-soái bàn cùng Tòa-hội nghị tư mà phân xử.

Khi làng cùng những kẻ vay rầy rà cùng nhau, thì quan Tham-biện sở tại phân xử.

Khi tới kỳ hẹn rồi, mà các kẻ vay không huờn bổn lợi cho làng đặng, kỳ gât cho các kẻ ây 15 bữa, quá kỳ ây rồi, thì làng được xin phép quan Tham-biện sở tại mà bán lúa gạo những người thiêu nợ. Bằng chưa đủ thì bán đât nhà cửa no mà trả cho đủ nợ.

III. — Hương chức lo giùm cho các chủ ruộng, chẳng nên dùng diệp ấy mà tiếm lợi cho mình. Hương chức chẳng có cang liên gì về việc các chủ làng lảnh nợ trả được hay là không, song nếu lời làng khai chẳng thiệt thà thì cứ mà bắt lỗi.

Khi các chủ vay ưng thuận, thì quan Tham-biện định cho hương chức được hưởng nhiều ít gì trong việc tiền vay.

ĐOẠN THỨ VIII

SỰ VÀO SỔ VÀ SỰ THỊ CHỨNG

I. — Cách thức làm giấy tờ người bổn-quốc giao thông cùng nhau mà phải đem vô sổ.
II. — Thể lệ vô sổ.
III — Những giấy tờ phải biên vô sổ.
IV. — Tiền đóng và kỳ hạng vô sổ.
V. — Qui điều các khoản về việc vô sổ.
VI. — Giá tiền làng vi-bằng.
VII. — Sự lỗi hương chức phải chịu về việc nhận giấy tờ.
VIII. — Con dấu lang và sự đóng con dấu.

I. — Những tờ giao kèo, sang sớt, nhường để, mải mại, tờ cho, và các tờ buôn bán mà người còn sống giao kết cùng nhau về việc ghe, trâu, bò, ngựa, và điền thổ, và các thứ tờ sang bán vật gì, mà người bổn-quốc hay là người Phương-đông giao ước cùng nhau, thì hai đàng được phép làm tờ ấy tùy theo lệ luật annam.

Những giấy tờ người bổn-quốc hay là người Phương-đông giao ước cùng nhau, thì được phép làm hoặc bằng chữ nhu, chữ cao-mên. chữ quốc-ngữ, hoặc bằng chữ Lang-sa.

Trừ ra đừng có nói nghịch thì thôi, chớ cách dùng chữ Lang-sa mà làm giấy tờ, thì chẳng phải là đều trái theo phong tục annam.

II — Những giấy tờ người bổn-quốc hay là người Phương-đông giao ước cùng nhau trong cỏi Đông-dương, theo luật annam, thì phải chịu vào sổ theo cách thức sau nầy :

Trong các tỉnh nào chẳng có phòng nhựt ký giấy tờ vô sổ, thì phải đến dinh quan chủ tỉnh (Tham-biện) mà hầu xin vào sổ.

Phải nhựt ký vô sổ, ngày, tháng, năm, số thứ tự bộ, tên họ, nghề nghiệp, và chổ ở hai đàng giao ước nhau ; cũng phải biên rút mấy đều có ích trong tờ, giá buôn bán, biên bằng chữ, chẳng đặng biên bằng số, và giá tiền đóng thuế vào sổ, biên bằng số trong hàng riêng ngoài.

Trong mỗi tờ vào sổ, phải cai ngày tháng và số vào sổ cùng tiền đóng thuế vào sổ, rồi phải có quan chủ tỉnh hay là người thế mặt, ký tên vào, hay là tùy theo khi, thì quan chủ quản phòng vào sổ ký tên.

Những giấy tờ buôn bán mà có dời đổi vật chi; hoặc cầm cố hay là chuộc điền thổ, tờ chúc ngôn và tờ tương phân, sẽ được phép hầu biên vô sổ là khi nào có hương chức làng sở tại điền thổ ấy thị nhận theo lề luật xưa nay. Giấy tờ ấy phải làm hai bổn chánh mà hầu biên vô sổ. Trong mỗi bổn chánh phải cai rằng tờ ấy đã nhựt ký vào sổ rồi, khi nhựt ký vào sổ và đóng bách phần xong rồi, thì phải giao một bổn chánh cho đàng mua, còn bổn chánh kia thì lưu tại nha-môn.

Mỗi tháng những bổn chánh lưu tại nha-môn thì phải cho số thứ tự và phải đóng lại với một tờ thông qui mỗi tháng.

Khi nào bổn chánh giao cho chủ bị lạt mất, thì người chủ phải đóng 2 đồng bạc mà chuộc bổn sao trong bổn chánh lưu tại nha-môn, bổn sao ấy được có cớ bằng chắc chắn trong khi thưa kiện. Cũng phải cai nơi bổn chánh lưu tại nha-môn và nơi bổn sao rằng tờ nầy đã thừa sao một lần rồi.

III. — Những tờ có dời đổi đất hay là có dời đổi sự hưởng huê lợi, tờ tương phân, cầm cố hay là chuộc lại, ruộng đất, ghe cộ, trâu, bò và ngựa, thì buộc phải vào sổ trong kỳ hai tháng kể từ ngày đề trong tờ.

Những tờ chúc ngôn phải hầu đem vô sổ trong tháng người chúc ngôn qua đời.

Sự hầu đem vào sổ không có buộc cho các tờ giấy khác : tùy theo ý người chủ, có muốn hầu đem vô sổ thì tùy theo ý mình.

Nhưng mà tờ giấy nào chưa có hầu đem vô sổ, thì khi ra việc thưa kiện hay là trước mặt quan, thì không được chiêu ra mà làm chắc đặng.

IV.— Giá tiền hầu nhựt ký vào sổ đã nhứt định một giá cho các tờ giấy giao kết nào chẳng có dời đổi vật chi hoặc trâu, bò, ghe, ngựa, hay là điền thổ, hoặc khế nợ, hay là biên lai số bạc.

Giá tiền đóng thuế vào sổ, thì tính tùy theo số bạc hài trong tờ mướn vườn đất nhà cửa, tờ đoạn mãi đổi chát, cầm cố, phụng cúng, giao kèo, khế nợ và biên lai, nói tóm lại là những tờ giao kèo dời đổi vật chi, hoặc trâu bò, ghe ngựa, hoặc điền thổ.

Giá thuế đóng nhứt định là một đồng bạc.

Giá thuế đóng phải tính theo số bạc thì kể sau nầy, nhưng mà thuế ấy chẳng hề khi nào được dưới 20 chiêm bạc.

1o. — 3 phân trong 100 thuộc về tờ đoạn mải, phụng cúng, đổi chọn, cầm cố các điền thổ, người còn sống giao ước cùng nhau.

2o. — 1 phân trong 100 thuộc về tờ đoạn mải, phụng cúng, đổi chọn và cầm cố trâu bò, ghe ngựa, tờ mướn điền thổ nhà cửa, tờ buôn bán, khế nợ, sang nợ, giao kèo, bảo lảnh, thế đồ, biên lai và chung các tờ khỏi dời đổi vườn đất.

Số tiền đóng tính theo phân về vụ đem vào sổ, phải tính theo số bạc từ đồng.

Số thuế ấy phải đóng theo số bạc biên trong giấy tờ, và phải lấy theo số nào cao hơn hết mà hai đàng khai trong tờ, song chẳng tính số lời.

Nếu như trong tờ nào phải đóng thuế tính theo phân, theo số bạc, mà hai đàng không có khai số bạc, thì phải định giá phỏng ghi thêm dưới chót tờ, và hai đàng phải ký tên vào đó.

Hai dàng giao kết nhau phải liên cang chịu thuế ấy. Thuế ấy phải đóng trước khi nhựt ký tờ vào sổ.

Những tờ buộc phải hầu đem vào sổ sẽ bị đóng thuế bội nhị, hạng chót là 2 đồng bạc, khi nào tờ ấy trình hầu đem vào sổ sau kỳ hai tháng.

V. — Phàm như có ai chiêu giấy tờ chi phải buộc đem vô sổ mà chưa có nhựt ký vào sổ, đặng tranh tụng việc chi, thì các quan tòa, các chức việc Lang-sa và annam, chẳng đặng phân xử.

Những giấy tờ người Phương-tây và người Phương-đông giao kết cùng nhau, làm theo luật Lang-sa, đều phải hầu vào sổ tại Saigon, khi tờ ấy phải mắt lệ buộc ấy, hay là khi hai đàng muốn cho chắc chắn.

Những tờ giấy người bổn-quốc hay là người Phương-đông giao kết cùng nhau tại thành phố Chợ-lớn, về vụ buôn bán súc vật bị lệ buộc đứng bộ, thì phải hầu nhựt ký vào sổ nơi dinh quan Tham-biện chủ tỉnh Chợ-lớn.

Khi nào có ai hầu nhựt ký vào sổ, thì các viên quan lảnh coi phần việc ấy chẳng đặng xét sự chắc chắn giấy tờ trình đem vào sổ, và cũng chẳng được lấy cớ chi mà từ nang nhựt ký tờ ấy, bởi vì hễ nhựt ký giấy tờ nào vào sổ, thì nghĩa là cho ngày tháng chắc chắn cho giấy tờ ấy mà thôi, đặng người chủ được chiêu trong khi thưa kiện.

Các người chủ, các quan lục sự và các viên quan khác được hầu nhựt ký các tờ buộc đem vào sổ, hoặc tại dinh quan Tham-biện, hoặc tại phòng nhựt ký nơi tỉnh nào các người ấy ở, hoặc tại chỗ nào làm các tờ giấy ấy, hoặc nơi phòng nhựt ký lập tại tòa nào mà người chủ chiêu tờ giấy ấy mà thưa kiện.

Lệ buộc các người chủ phải làm ra hai bổn chánh những tờ giao kèo, có đổi dời vật chi, những tờ cầm cố, tờ thục điền thổ, những tờ chúc ngôn và những tờ tương phân mà thôi; còn các tờ giấy khác phải làm một bổn thì đủ.

Những tờ giấy của người bổn-quốc, đều phải đề ngày Lang-sa. Dã như năm tây 1885, tháng 4, ngày 23.

Xã-trưởng chẳng đặng nài quá 1 phân trong 100, mà đóng mộc ký trong những tờ nào phải có con dấu làng.

VI. — Hương-chức có quyền nhận thiệt những điểm chỉ, thì sự nhận thiệt ấy mới làm cho các điểm chỉ ra đều chắc chắn.

Khi hương-chức ghi nhận tờ bán vật gì thời chẳng những là chứng rằng vật là của chủ bán, mà lại cũng chứng chắc gốc tích của ấy nữa. Hương-chức là kẻ có phận sự trước mặc quan, hễ khi có chứng nhận sự gì thì sự ấy lấy làm chắc.

Trong tờ cầm, hương-chức chứng sự ngay thiệt lời người cầm đã khai nói về của cầm.

Khi hương-chức nhận tờ chúc ngôn cho kẻ ở trong làng, thì tờ ấy mới được gọi chắc chắn mà thôi, dầu tờ ấy có kẻ lập tờ và hết thảy cả nhánh họ ký tên mặc lòng; mà được chứng chắc chắn là những tờ chúc ngôn những kẻ trong làng mình làm mà thôi.

Những tờ đoạn mãi làm tư cùng nhau mà có làng thị chứng, thì khi ra phép được chống với những kẻ bộ đất ấy.

Khi hương-chức thị chứng tờ giao bàn khoán trong việc cầm cố thì phải nài cho đủ hết thảy dòng họ bà con người thổ đất ấy ký tên vào tờ; làm như vậy thì sự thế tờ giấy mới được theo phép.

Theo lề luật Annam, khi làng nhận thị giấy tờ chi và cước việc đổi dời điền thổ trong địa-bộ, thì sự ấy được chắc chắn cũng như theo lề luật Lang-sa mà quan điền bộ thị nhận các tờ giấy vậy.

Khi nào giấy tờ chi có ký tên mấy hương-chức thị nhận (xã-trưởng, hương-thân và hương-hào) và có nhận con dấu làng, thì tờ ấy được chắc chắn. Và các tờ nào có so danh điểm chỉ mà có làng thị nhận, thì sự so danh điểm chỉ ấy cũng được chắc như sự ký tên bằng hai chữ thủ ký. Mấy hương-chức thị nhận phải ký tên trước hay là sau nơi chỗ hai đàng giao ước nhau ký tên. Các cai-tổng có thị vô tờ nào, thì chẳng cần gì phải có mặt trong khi làm tờ ấy.

Sự biên tóm việc nhựt ký vào sổ các tờ đoạn mãi thì không phải thế trong việc lỗi của hương-chức được, vì lệ buộc phải dự vào mà thị nhận. Hương-chức ấy phải lãnh phần trách cứ về mình mà làm chứng chắc quyền của người bán, và phải bảo lãnh biệt

chắc gốc rễ điền thổ bán, vì phải kiểm xét trong địa-bộ thuộc về mình giữ coi và phải cước các sự đổi dời điền thổ nơi ấy cho minh bạch.

Trong các giấy tờ có làng thị chứng thì con dấu làng phải đóng trên mấy chữ cần kiệp, và chẳng phải đóng sau chót tờ mà thôi.

Theo luật Annam cai-tổng và phó-tổng không có quyền phép mà nhận thiệt gốc rễ điền thổ trong việc đoạn mãi, hay là nhận thiệt các tờ giấy khác có dời đổi vật chi được. Như cai-phó-tổng có ký tên nơi các tờ ấy, thì nghĩa là thị chứng sự ký tên mấy hương-chức trong làng, là người có quyền mà vì bằng rằng chủ bán thiệt là chủ điền thổ đoạn mãi.

Xét vì hương-chức trong làng, khi thị nhận tờ buôn bán chi, thì phải lãnh phần trách cứ về mình chịu, nên tục lệ nói theo cho mấy hương-chức ấy thâu tiền thị nhận. Trong việc thị nhận, quyền của mấy hương-chức ấy là khuyên bảo hai đàng giao ước cùng nhau, cắt nghĩa cho chúng nó rõ biết quyền thế chúng nó, phải kiểm xét lời khai chúng nó mà đồ trong địa-bộ và phải cước trong địa-bộ các sự đổi dời, hay là phải đòi văn khế, bằn khoán mà truy cội rễ điền thổ.

Khi nào có so danh điểm chỉ về việc đổi chọn vật chi, hoặc trong tờ tương phân, tờ đạng mãi điền thổ, khế nợ, vân vân..., thì sự điểm chỉ không phải là sự ký tên, và sẽ được trở nên chắc, như người đứng điểm chỉ chịu biết mình có điểm chỉ, hay là khi nào có làng thị chứng trong khi điểm chỉ, thì điểm chỉ ấy mới gọi thiệt chắc đặng.

Sự ký tên của xã-trưởng và sự đóng con dấu làng nơi tờ nào, một mình xã-trưởng đứng mà thiếu hương-chức khác ký tên vào, thì tờ ấy chẳng đặng gọi là có thị nhận chắc chắn.

Chẳng đặng phải giao lại các sự điểm chỉ nào có hương-chức nhận thiệt, và nhứt là các sự điểm chỉ lâu năm, bởi vì dấu ngón tay của một người inh bây giờ thì có lẽ không giống dấu inh cách vài năm.

VII — Hương-chức thị chứng một tờ đoạn mãi nào về việc điền thổ, thì phải biết cho chắc những lời khai trong tờ ấy có thiệt hay chăng, vì chúng nó phải bảo lãnh cho chủ mua.

Hương-chức chẳng có bảo lãnh về việc người ta không giữ lời giao kết với nhau, trước mặt hương-chức.

Khi ghi chứng nhận một tờ nào, thì xã-trưởng phải giữ một bổn tờ ấy, vì xã-trưởng phải mắc trách cứ trước hết.

Bôn phận hương-chức thị nhận các tờ đoạn mải, chẳng phải là thị chứng đích thâu hai đàng giao ước cùng nhau mà thôi, lại phải lảnh phần trách cứ về minh mà chứng chắc cội rễ điền thổ bán, và phải chứng rằng người bán có quyền phép và khỏi bị án tỏa ngăn trở sự bán ấy.

Mấy hương-chức thị nhận được phép ký tên vào các tờ tông chi, là khi nào đã có ba người chứng chắc chắn, thường lể thì người bằng-hữu hay là người lân cận của chủ tờ tông chi, có ký tên trước vào tờ ấy.

Khi nào thể lệ ấy chưa đủ thì hương-chức phải chỉ biểu cho người xin, cách thức làm tờ tông chi, đặng hầu xin hương-chức thị nhận

VIII. — Xã-trưởng dùng con dấu vuôn, mỗi cơn dấu phải để ; 1° hiệu Tham-biện bằng chữ Arabes ; 2° hiệu làng bằng chữ tây và bằng chữ Annam. Có một mình mấy xã-trưởng cao niên được phép dùng con dấu tròn theo thói cũ, mà phải để hiệu bằng chữ tây..

Trong những giấy tờ về việc quan, những chữ nào cần kiếp và những chữ bôi chủi hay là viêc lại điều phải có con dấu làng chụp lên.

Nghiêm cấm chẳng cho các viên quan dùng con dấu minh mà đóng trong thơ riêng.

Cấm chẳng cho dự phòng giấy trắng mà có nhận con dấu trước.

Con dấu nào mòn đóng không được rỏ nữa, đều được đổi con dấu mới.

ĐOẠN THỨ IX

VỀ CON NIÊM

I. — Sự lập ra và định thuế.
II — Cách thức ban hành thuế ấy.
III. — Sự buộc cho các viên quan, hương chức và dân tình.
IV. — Sự bán giấy tính chỉ.
V. — Hình phạt những kẻ phạm luật.
VI. — Qui điều các khoản.

I. — Thuế con niêm đã lập ra trong cõi Đông-dương mà buộc các giấy tờ nào dùng theo việc hộ hay là việc hình, và các sổ sách nào chiếu ra trong lúc kiện thưa mà chứng sự ngay thiệt, vì bằng các tờ ấy hay là sổ sách ấy, người Phương tây làm mà giao kết cùng nhau; hoặc người Phương-tây giao kết với người Bổn-quốc, hay là người Phương-đông giao kết cùng nhau, hoặc người Bổn-quốc giao kết với nhau, hay là người Phương Đông giao kết với nhau thì phải bị buộc đóng thuế con niêm.

Những giấy tính chỉ đã làm theo thuớc tất định nơi bản sau nầy.

	Bề cao	Bề rộng	Bề mặc
Giấy lớn........	0,30 phân	0,420 ly	0,126
Giấy trung......	0,25 phân	0,352	0,088
Giấy nhỏ........	0,25 phân	0,176	0,044
Toa buôn bán...	0,10	0,025	0,025

Giá Nhà-nước bán giấy tính chỉ định như sau nầy :

Khoản thứ nhứt. — Thuế con niêm kể theo thước tất tờ giấy :

Tờ giấy lớn inh chữ đỏ.................. 0 $ 36 chiêm.
Tờ giấy trung inh chữ màu lông két..... 0 24 chiêm.
Tờ giấy nhỏ inh chữ xanh............. 0. 12 chiêm.

Khoản thứ nhì. — Thuế con niêm kể theo số bạc.

Thuế ấy đã định 0 $ 02 chiếm trong số 50 $ 00 sấp xuống.

id.	0	04	id.	50	01 đến	100 $
id.	0	06	id.	100	01 đến	150
id.	0	08	id.	150	01 đến	200
id.	0	10	id.	200	01 đến	250
id.	0	20	id.	250	01 đến	500
id.	0	30	id.	500	01 đến	750
id.	0	40	id.	750	01 đến	1000

và theo đó mà tính, tùy theo 0 $ 40 trong 1000 $ con dấu inh bằng mực xanh.

Mỗi tờ giấy tính chỉ, thì có để lộng hiệu chữ Đông-dương để bằng chữ Lang-sa và chữ nhu: Con dấu ấy inh ngoài lề giấy phía tả và có để hiệu, 1° Đại phủ Lang-sa (République) 2° Một khoản để giá bạc ; 3° con dấu có để chữ thuộc phòng vào sổ (Enregistrement) chỉ năm làm giấy tính chỉ ấy.

Đã có lập một thứ con niêm giá cũng bằng theo giá các tờ giấy tính chỉ đã kể trước dây.

Lại có lập ra những con niêm theo giá định như sau nầy :

0 $ 80	dùng về các giấy ở từ	1001 $ cho tới	2000 $
2 00	dùng về các giấy tờ từ	4001 cho tới	5000
4 00	dung về các giấy tờ từ	9001 cho tới	10.000
8 00	dùng về các giấy tờ từ	10.001 chó tới	20.000

Trong các toa buôn bán cùng các giấy tờ khác phải chịu thuế con niêm, những giá cả biên bằng số quan tiền tây thì phải lấy theo giá bạc Nhà-nước định dùng tại các kho bạc dương ban hành khi mới lập tờ ấy, mà tính ra số bạc đặng đóng thuế con niêm.

Khi tờ giấy chi có dán một hay là nhiều con niêm thì chỉ rằng đã có đóng thuế rồi.

II. — Phải đóng thuế con niêm kể theo thước tấc những giấy dùng như sau nầy :

Các thứ tờ, tờ kiết nhận của người coi việc tuần phòng làm hay là các việc chức khác có quyền mà làm tờ ấy, và bổn sao các tờ ấy mà phát cho người ta.

Các tờ của nha-môn bị lệ buộc đem vào sổ, hay là phát cho người ta, các thứ giấy tờ và các bổn sao rút các tờ, lời nghị, bản nghị của các nha-môn mà phát cho người ta ;

Những đơn trạng, bất kỳ là làm theo cách nào, mà gởi cho quan Chánh-soái quan Phó-soái, các quan Khâm-sứ, các quan Tham-biện, các phòng nào, hay là các nha-môn nào.

Các tờ người ngoài làm riêng cùng nhau, giấy lãnh-hạnh, và các tờ chánh lục bộ phát đặng chiếu nơi quan Bộ-lễ mà chắc rằng các lễ luật hộ về vụ hôn thú đã tuân đủ.

Các sổ bộ làng và các nha-môn dùng biên tờ giấy về phần trị ngoại, các bộ đời và các tờ biên rút trong bộ đời mà phát ra.

Các bổn sao rút trong địa bộ (bộ điền thổ).

Cũng phải trừ thuế con niêm.

Các tờ giấy quan.

Các tờ giấy xuất cảng và giấy sắm súng.

Sổ người làm công, giấy thuế thân.

Các tờ giấy thuộc về hôn thú kẻ nghèo, bất cầu là người nước nào, hay là tờ giấy nhìnb biết con cái chúng nó, như là tờ lục bổn sổ bộ đời, những tờ chứng thế tờ bộ đời cùng tờ ưng thuận.

Những người nào chiếu tờ chứn sự nghèo nàng mình của quan cai quản tuần thành phát, hay là xã-trưởng trong làng, hay là quan Tham-biện trong tỉnh phát, mà vì-bằng rằng minh đóng thuế chánh ngạch dưới số năm đồng bạc, thì khỏi thuế con niêm giáng trong các tờ hôn thú hay là tờ nhìnb biết con minh.

Nhưng vậy trong các tờ hôn thú sau rồi, bổn sao và các bổn làm ra hay là phát ra phải cai một cách kỹ rằng những tờ giấy ấy dùng trong việc hôn thú kẻ nghèo khó hay là dùng cho kẻ nghèo khó mà nhìnb con chúng nó. Các tờ ấy không được dùng qua việc nào khác; vì sẽ phạt vạ mười đồng bạc và phạt đóng thuế con niêm cho những kẻ nào dùng văn tờ ấy về việc khác, hoặc phát ra cho người ta hay là lãnh văn tờ làm trái cách.

III. — Người dùng giấy có gián con niêm kể theo thước tất mà làm tờ chi, thì phải làm tờ ấy một cách đặng giáng con niêm nói trương trước phía góc tả. Rồi phải dùng mực đen ký tên và để ngày trên con niêm ấy mà hủy nó đi, như tờ nào làm để ngày nhiều bận, thì người nào ký tên trước phải hủy con niêm gián nơi tờ ấy.

Như thuộc về tờ của Nhà-nước, thì phải dùng con dấu nha-môn mà hủy con niêm.

Các giấy nào dùng mà làm tờ chi, thì trong mỗi một trương chẳng đặng viết quá 25 hàng và mỗi hàng chừng 15 chữ.

Cấm chẳng được làm án lý chi, các nha-môn không được làm lời nghị nào trong văn tờ, bộ sổ và toà buôn bán viết bằng giấy không có giáng con niêm theo lệ buộc; vì mình phải bảo lãnh phần trách cứ mà đóng con niêm và bị phạt vạ.

Khi người dân nào muốn làm biên lại giấy nợ hay là tờa buộn bán bằng giấy trắng, thì người ấy phải giáng con niêm tùy theo số bạc biên trong giấy biên lai, giấy nợ hay là tờa buộn buán ấy.

Trước khi dùng giấy, thì phải giáng con niêm nơi trương trước; rồi người đựng giấy phải hủy con niêm lập tức.

Khi nào người viên quan nào trong Nhà-nước biết chắc rằng có chỗ làm con niêm lậu, hay là nhà nào hoa trữ con niêm lậu, lập tức phải báo với quan cai-quản phòng vào sổ hay; rồi quan ấy phải thông tinh công chuyện cho quan Biện-lý hiểu biết.

Trong diệp nào mà thể lệ nầy cho phép và buộc sự dùng con niêm, thì sự hủy con niêm thì phải ký tên và để ngày lố ra hai bìa con niêm.

Đều gọi là chưa có đóng thuế con niêm, những giấy tờ nào đã có giáng con niêm rồi, mà không tuân theo thể lệ định trong luật, hay là những giấy tờ nào có giáng con niêm giả, hay là con niêm đã dùng rồi hay là tờ giấy nào viết bằng giấy tinh chỉ dã hay là đã dùng rồi.

IV. — **Những người nào mua sỉ giấy tinh chỉ và con niêm mà bán lẽ lại cho người ta, thì được ăn hoa hồng 6 phân trong 100 kể theo giá tiền mua.**

Bực mua sỉ chót mà được ăn hoa hồng 6 phân trong 100, là phải mua ít nửa là 100 $ nơi phòng quan cai-quản sở vào sổ, và 30 $ mua nơi phòng quan cai-quản sở thuế chánh ngạch Chợ-lớn và nơi các kho bạc.

Những người nào muốn mua sỉ giấy tinh chỉ nơi sở vào sổ mà được ăn hoa hồng, thì phải đến phòng ấy ký tên trước khai tên họ và nghề nghiệp mình, rằng mình muốn bán lẽ giấy tinh chỉ và con niêm và phải khai chỗ mình nhứt định lập tiệm bán lẽ.

Lệ buộc nầy khỏi thông dụng cho các người nào mua sỉ nơi phòng quan cai-quản sở thuế chánh ngạch và chỗ kho bạc.

Những người ở ngoài không thuộc về Nhà-nước, thì được thong thả mà bán con niêm; miễng là người bán phải gián yết thị bằng chữ Lang-sa, chữ cao-mên chữ quốc-ngữ và chữ nhu nơi chỗ nào dễ thấy tại chỗ bán, nói về giá con niêm và hình phạt kể sau đây cho người bán con niêm hay là giấy tinh chỉ mà đòi giá cao hơn giá biên trong giấy ấy hay là giá biên nói con niêm; sở nhựt ký vào sổ sẽ phát không đòi tiền những yết thị cho các người bán.

Nhưng vậy, kẻ nào đã có bị phạt về tội làm giấy tinh chỉ giả hay là làm con niêm giả, bán giấy tinh chỉ hay là con niêm đã dùng rồi,

hay là bán giấy tính chỉ cùng con niêm cao giá hơn giá theo luật, mà đã bị tòa hình phạt vạ 50 $, vì mình là chánh người phạm luật ấy, hay là liên cang trong tội ấy, thì chẳng đặng mua giấy tính chỉ và con niêm mà bán lẻ lại.

Các người bán sỉ con niêm và giấy tính chỉ, khi nào có quan kiểm sát sở vào sổ tra hỏi thì phải trình nhủng con niêm mình dự trử cho quan ấy xét coi sự bán cũa mình có trái lẽ cùng chăng.

Nhà-nước được phép lấy hiệu Indo-Chine (cỏi Đông-dương), mà làm nhưng giấy tính chỉ đả nói trước đây.

Các bộ đời, khi biên tới đâu thì phải gián con niêm theo thước tất tới đó.

Bộ ấy phải có biên sổ và ký tên giáp lai trước khi gián con niêm.

Mấy hương chức phải lấy tiền thì dư cũa làng, đến tại kho bạc mà mua giấy tính chỉ dặng dự trử.

Đều ấy, chẳng phải là cái gánh nặng cho làng, nhưng mà thiệt là một sự có lợi cho làng.

V. — Nhửng tờ giấy nào bị lệ buộc đóng thuế con niêm kể theo thước tất mà làm bằng giấy tính chỉ kể theo phân, thì gọi là chưa có đóng thuế con niêm.

Trong mấy diệp ấy, thì kẻ phạm luật phải bị phạt vạ 5 $ vả lại phải dóng thuế con niêm kể theo thước tất. Sẻ bị phạt vạ 5 $ về nhửng người thường và phạt vạ 10 $, về nhủng viên-quan trái phạm lẽ luật nói về con niêm.

Người nào có ý mà dùng, mà bán hay là thử mà bán con niêm hay là giấy tính chỉ đã dùng rồi, thì sẽ bị buộc tội tới tòa hình và bị phạt tử 5 ngày tù đến một tháng, và phạt vạ bội nhị. Cũng được chiếu theo điều thứ 466 trong luật hình mà trừng trị tội ấy.

Các người bán giấy tính chỉ hay là con niêm nào bị cáo rằng đòi bán giá cao hơn giá biên nơi giấy tính chỉ hay là nơi con niêm, thì sẽ bị phạt vạ 50 $, mà phải đóng tiền vạ ấy theo thể lệ buộc ép.

VI. — Như có nha-môn nào, hoặc tòa-án, hoặc Nhà-nước có đòi các viên quan Annam phải chạy tờ phúc bẩm, thì các tờ ấy khỏi buộc làm bằng giấy tính chỉ.

Các người bổn-quốc chẳng phải vì mình làm quan mà khỏi lệ buộc về việc con niêm, vì lệ ấy buộc chung nhửng người bổn-quốc và chẳng trừ ai hết.

Vậy các đơn xin phép, xin vắng mặt, hay là xin nghỉ, xin thăng chức, xin đổi chổ khác, xin đổi cùng nhau, xin thưởng vân vân..., của người bổn-quốc gởi, đều phải làm bằng giấy tính chỉ.

ĐOẠN THỨ X

VỀ ĐỊA-BỘ, ĐẤT CỦA LÀNG, ĐẤT CỦA KẺ VẮN MẶT

I. — Phép giữ địa-bộ.
II — Sự đem vô địa-bộ, cùng sự bôi trong địa-bộ.
III. — Công điền, công-thổ và bổn thôn-điền.
IV. — Của kẻ vắn mặt và đất bỏ hoang.
V. — Gia tài không chủ nhận.

I. — Về đất đã đem vô địa-bộ, thì làng phải coi trong sổ bộ, hoặc là dùng chứng cớ mà kể gốc tích mỗi miếng đất ra cho rõ ràng.

Việc đem vô địa-bộ là phần sự của làng phải làm và phải chịu các việc trách cứ. Hương-chức được phép từ nang đem vô bộ những người nào không có chiều giấy tờ bằng khoán mà chứng chắc đất của mình.

Đất có chủ được vào địa-bộ mà thôi còn những đất thuộc về Nhà-nước hay là đất bỏ hoang thì chẳng được đem vào. Không cần gì phải chỉ trong địa-bộ đất trồng những vật gì. Trong khoản đề (*thứ đất gì*) phải nói (*đất ruộng hay là đất viêng làng*) thì đã đủ.

Trong địa-bộ mỗi làng phải có một cái bản đồ chia ra từ khoảnh. Mỗi khoảnh phải đề tên chủ đất, sào, mẫu bao nhiêu, về hạng nào.

Mỗi khoảnh đất phải đem vào bộ kế nhau, và phải đề trông mỗi cuốn bộ bao nhiêu tờ đã choán rồi, thì cũng phải để bấy nhiêu tờ để trắng.

Những đất thuộc về của người Phương-tây cùng những người vào bộ tây ở ngoài địa phận Châu-thành, đều phải đem vào địa-bộ làng cho nhớ.

Những đất của làng phải đem vào bộ trước hết, theo thói xưa.

Những đất hương-hỏa phải đem vào địa-bộ, đất ấy phải trồng trụ đá đề chữ (*hương-hỏa*).

Trong mỗi làng đều phải có một bổn sao địa-bộ. Khi nào có thưa kiện về vụ phân hạng đất trong địa-bộ, thì quan Tham-biện

cử một hội phái viên có dự vào một thuộc viên hội đồng địa-hạt, một cai-tổng và ba hương-chức trong làng nào đất thưa kiện ấy tạ lạt, đặng mà phân đáng.

Được phép lục bổn sao tóm trong địa-bộ mà phát cho những người chủ điền thổ nào có xin ; mà người chủ ấy phải đóng một đồng bạc trong một sở đất không quá 10 mẫu ; còn trên số sào mẫu ấy. thì giá bạc đóng phải tăng 50 chiếm trong số 10 mẫu hay là số dưới 10 mẫu tăng, cái số lẽ dưới số 10 mẫu thì phải tính là 10 mẫu.

II. — Hương-chức phải biên những sự đổi chủ đất vô bộ làng, là khi nào người ta chiếu tờ có đóng dấu vào sổ thể lệ mà chứng về việc đổi ấy mà thôi. Phải biên tật trong khoản chót phía hữu cuốn bộ, và dẫn lại nơi khoản ghi tên chủ mới.

Khi đất nào là của chung không chia ra được của dòng nào, vì có tờ chúc ngôn để lại, thì phải đem tên đầu-tộc còn sống dòng ấy vào bộ, lại phải biên gạch như vầy : *(Đất vị cập tương phân của danh mồ để lại).*

Khi những kẻ đặng ăn phần gia tài nào tới tuổi khôn lớn, mà tờ chúc ngôn bảo phải chia phần gia tài ấy, thì phải cứ theo lời chúc ngôn mà chia, cũng phải ghi trong bộ rằng : *(Cứ theo tờ chúc ngôn).*

Khi những kẻ đặng ăn phần gia tài còn thiếu niên, nên không lẽ chia phần gia tài ấy ra được, thì phải đem tên vào bộ, hoặc là kẻ bảo thủ, hoặc là người vợ kẻ đã qua đời mà không cải giá, hoặc là trưởng-tộc, hoặc là trưởng-nam, mà phải biên gạnh rằng : *(Đất vị cập tương phân của danh mồ để lại có tờ chúc ngôn, hay là không có tờ chúc ngôn).*

Khi đất nào bán lại thục cho ai, thì người bán đất ấy cũng còn đăng tên trong bộ, cho đến khi quá kỳ giao ước mà chủ bán chẳng chuộc lại, thì kẻ mua mới trở nên chủ đất ấy và mới đặng biên tên vô bộ, nghĩa là hương-chức chẳng đặng phép để cho kẻ mua mái lại thục đất đứng tên trong bộ thế cho chánh chủ đất.

Sự đăng tên vào địa-bộ hồi đời vua Minh-mạng năm thứ 17, thì cũng như bằng có một cái bằng khoán ; cho đặng bỏi việc đem vô bộ theo cách ấy, thì phải có tờ giấy cội rễ.

Có một mình quan Tham-biện được dạy cuộc sự đổi dời nơi địa-bộ mà thôi, y theo những tờ có thị nhuận chắc chắn, và phải giữ một bổn tờ ấy.

Khi nào tòa án nào làm án-lý chi có sự đổi dời điền thổ trong địa-bộ, thì quan lục sự phải thông tinh sự cước bộ ấy cho dinh Tham-biện hay đặng cước trong địa-bộ.

Trừ ra đất Nhà-nước, khi người chủ nào xin đem đất mình vô địa-bộ mà có chiếu bằng khoán chứng chắc chắn đất của mình, thì mới được phép đem vô địa-bộ.

Những tờ cho phép khai phá hay là cho khẩn đất của Nhà-nước cựu trào cho khi trước là không phải cho đứt, tự nhiên các tờ giấy ấy phá hủy được, những đất cho phép khai phá hay là cho khẩn làm chủ đỡ mà thôi, những đất còn về Nhà-nước luôn. Nhà-nước cựu trào cũng có cho khẩn đứt đất, song cũng phải có quyền chánh trị kiểm sát kỷ cang thể lệ ấy và xem xét tờ giấy cội rể. Tóm lại những đất khẩn theo cách sau nầy được phép đem vào địa-bộ mà thôi.

Người nào đứng trong địa-bộ thì được gọi là chủ đất. Nhưng mà có nhiều khi có cớ khác nghịch lại được. Vậy thì các người chủ đất được lấy cớ rằng sự đem vô địa-bộ là cho đỡ mà thôi. Tỷ thí như khi nào thiệt người chủ đất bỏ xứ mà đi, thì phải đem người khác đứng bộ mà đóng thuế đất ấy. Sự đứng địa-bộ theo cách ấy thì quyền người chủ hẳy còn luôn luôn, song người đứng bộ tự nhiên được hưởng huê lợi đất ấy mà thôi.

Khi người đầu tộc đứng địa-bộ, dầu có qua đời rồi, thì điền thổ ấy thuộc về những kẻ kê nghiệp cho người thát ấy. Sự đem tên vào địa-bộ phát được là khi có cớ nào khác.

Khi nào đem con trai đứng địa-bộ mà trừ con gái ra, và có gốc tích đất ấy như vậy : « Đất của cha lưu lại », thì gọi là gia tài của người cha chưa chia.

Khi nào đem hai người kê nghiệp đứng địa bộ chung một sở đất, thì gọi là đất ấy chưa chia.

Đất nào hương chức khai rằng bỏ hoan, thì phải trừ trong địa-bộ.

III. — Phải đem vào bộ thuộc về công điền và công thổ của làng :

Những đất rừng rầy nhiều người hiệp nhau lại đặng khai phá ra mà làm sự ích lợi chung, đặng lập làng, thì gọi là tài sảng của làng ; những đất của kẻ giàu tình nguyện cho làng ; những đất của người hào phú không con nối dòng dưng cúng cho làng đặng sau khi qua đời được đứng về hàng hậu hiền trong đình ; những đất dòng vua Gia-long để lại cho làng, khi ở Nam-kỳ về Huế ; những đất cất chùa miễu, khi chùa miễu tan sập rồi, thì đất ấy tỷ như đất của làng ; những đất của kẻ giàu có dưng cho làng theo chỉ dụ vua Minh-mạng, chỉ dụ ấy ban hành trong tỉnh Gia-định mà thôi.

Những đất kêu là công điền và công thổ thì chẳng đặng bán và chẳng đặng cầm cố. Nếu bởi sự cần dùng trong việc ích lợi chung, và bởi cớ trọng mà cho mướn đất công điền và công thổ ấy, thì sự hưởng đất ấy trong kỳ 3 năm phải dứt nợ cả vốn và lời, và đất ấy phải trả lại cho làng đặng giữ theo luật phép buộc đồng. Nếu mãng ba năm rồi mà kẻ mướn đất không chịu trả đất lại cho làng, thì người đứng cho mướn và người đứng mướn, cã hai đàng phải bị phạt tùy theo lỗi chúng nó trọng hay khinh, còn ruộng hay là đất cho mướn phải trã lại cho làng. Nếu làng nào trái phạm lời cấm nầy mà bán những đất công điền và công thổ, và nếu đất bán lậu, thì chủ mua phải mất giá tiền mình mua, và sẽ bị phạt với người lập tờ và người đứng tên thị chứng tùy theo sự lỗi chúng nó khinh hay là trọng, dầu mà đất ấy có bán đức hay là cho mướn. Những ruộng ấy hay là đất ấy sẽ trả lại đặng giữ theo luật phép buộc.

Làng nào có lãnh đất của ai dưng cúng mà có buộc rằng đất phải để làm việc chi, thì chẳng đặng lấy đất ấy mà dùng việc khác.

Đất nào đứng bộ hiệu là đất công điền thì đất ấy lấy làm chắc chắn lắm.

Đất công điền thì chẳng đặng bán và chẳng ai tranh giành được.

Chiếu theo chỉ dụ vua Gia-long năm thứ 2, cấm hương chức bản hội tề chẳng đặng cho mướn quá kỳ 3 năm những tài sảng chi thuộc về của làng. Những tờ cho mướn được theo phép là khi nào có quan Tham-biện phê chuẩn. Lời cấm nầy chẳng phải thông dụng về đất công điền mà thôi lại cũng phải thông dụng về tài sảng nào khi trước đứng bộ hiệu là bổn thôn điền.

Sự bán hay là cho mướn điền thổ của làng quá kỳ 3 năm sẽ được theo phép là khi nào có quan Nguyên-soái phê chuẩn.

Những tài sảng dùng về việc chùa phật thì là tài sảng của làng luôn luôn. Làng được quyền phép dùng và cai quản của ấy, còn các thầy chùa lãnh phần coi sóc và giữ chùa cũng có quyền nơi của ấy, nhưng mà phải tùy theo ý làng.

Hương chức phải bị trách cứ về tội làm quá quyền mình trong việc tài sảng của làng.

Những tờ nào hương chức đứng vay mà thế đất của làng thì tờ ấy phải bắt về phần thế, song tờ ấy còn được theo phép về phần vay, và buộc liên cang mấy hương chức nào có dự vào việc vay ấy.

Khi nào làng làm như người chủ kia, hoặc giao ước, hoặc buộc mình trong việc chi, thì làng cũng giả như người ngoài. Vậy thì các tờ làng lập ra, bất kỳ là làm theo cách nào, phải lấy bổn tánh là : sự giao kèo riêng, thì thuộc về quyền tòa xử việc tầm thường,

trừ ra khi nào, bởi cớ riêng, có văn khế nào làm ra cố ý mà bải thể lệ ấy. Chẳng có điều nào làm cho quyền địa-hạt dự vào việc ấy được.

Hương chức chẳng nên hiểu lộn đất công-điền lại với đất Bổn-thôn-điền. Công-điền, nghĩa là ruộng chung, thì chẳng được bán mà cũng chẳng được cầm ký ; còn Bổn-thôn-điền chỉ là của tư của làng, làng đã xuất tiền làng ra mà mua. Khi trong Bộ không làm chứng rõ ràng đất nào thuộc về hạng Bổn-thôn-điền, thì quan Tham-biện phải ngăn trở trong việc bán đất ấy, nếu hương chức không có đều đôi chối nhằm lẻ.

IV. — Khi nào người vắn mặt không có kẻ kế hậu và như làng muốn vô mà làm chủ của người vắn mặt ấy, thì đưa phép xin tòa tại sở ra án cho làng hưởng của ấy.

Bất kỳ là ai, như muốn hưởng của kẻ vắn mặt đặng lo tiếp làm ra cho có lợi, thì được làm đơn mà khai việc vắn mặt ấy. Chẳng kỳ làng hay là dân mà được phép hưởng tạm của ấy thì phải chịu đóng hết các thứ thuế cho chủ vắn mặt ấy. Nếu nội trong kỳ 30 năm, kể từ khi làm khai vắn mặt, mà chủ chẳng trở về hay là biệt tinh đi, thì của ấy thuộc về của người đã xin hưởng nhận.

Làng có phép cai quản của người vắn mặt mà chẳng đặng phép cho ai của ấy, bằng cho thì bất. Theo phong tục thì làng coi giữ của kẻ vắn mặt, được hưởng huê lợi của ấy, chủ chẳng đặng xin trả huê lợi lại.

Như thiệt người chủ còn đứng tên trong bộ, thì làng được nhận thế cho chủ mà thôi và chẳng hề được phép dùng sự hưởng tạm ấy mà tranh làm chủ được.

Theo tục Annam làng được hưởng của kẻ vắn mặt mà phải chịu đóng thuế của ấy. Sự hưởng ấy là tạm đở mà thôi, và sẽ được tranh tụng người chủ thiệt là khi nào đất bỏ ấy đứng bộ theo đất hoan và bởi cớ ấy phải nhập về của Nhà-nước. Khi cai trong bộ lời ấy rồi thì làng mới được xin Nhà-nước mà khẩn đất ấy.

Khi chủ bỏ hoan đất thì làng đặng mà tránh cho khỏi bỏ đất hoan vu và đặng đóng thuế cho nhiều, phải cho người khác hưởng không đất ấy ; người ấy phải trả đất lại cho làng khi nào làng có đòi, và chẳng đặng kêu nài chi được.

Khi dân trốn đi đặng khỏi điền lính hay vì cớ khác thì làng không được phép bán của nó bỏ lại, bất kỳ là cho đặng đóng thuế của ấy, nếu của ấy Nhà-nước không lảnh giữ hay là cho làng theo phép.

Làng được phép cho dân hưởng tạm đở của người vắn mặt mà không được cho phép nó dùng của ấy như của nhứt định thuộc về nó vậy.

Của người vắn mặt thì làng phải cai quản. Chủ vắn mặt mà còn tên đứng trong bộ thì còn làm chủ của mình.

Đất của người vắn mặt được gọi là thuộc về Nhà-nước là khi nào Nhà-nước đã ban khẩn đất ấy cho kẻ khác.

Khi nào chủ bỏ đất mà đi thì làng phải lảnh cai quản đở và cho người khác hưởng tạm đất ấy mà chịu thuế. Trong khi người chủ trở về thì được phép xin đất lại.

Song như không có tu bổ mà đất ấy trở nên hoan vu, thì lập tức phải nhập về Nhà-nước và sẽ được cho người khác tân khẩn.

Đất chủ bỏ hoan, thì nhập về Nhà-nước, sự bôi tên người chủ củ trong bộ thì cũng đủ mà chừng chắc rằng Nhà-nước lấy đất ấy lại.

Theo luật Annam hể đất nào bỏ hoan thì nhập về Nhà-nước và Nhà-nước được phép dùng đất ấy tùy theo ý.

Người chủ củ hay là kẻ kế-nghiệp có quyền, đều chẳng được tranh đất nào bỏ đã hơn 30 năm và khi nào đất ấy đã có người khác đứng bộ, hay là khi nào Nhà-nước cho phép người khác làm chủ dất ấy mà chịu thuế.

Đất nào chủ bỏ và trở nên hoan vu thì nhập về Nhà-nước và quan Tham-biện được cho khẩn không quá 10 mẫu.

Luật Annam buộc rất nặng, rằng các đất nào chủ bỏ đi thì nhập về Nhà-nước kể từ khi người chủ hay là người thế mặt thôi đóng thuế. Theo tục lệ người chủ hay là kẻ có quyền được tranh đất lại khi nào Nhà-nước không có ý muốn bôi tên người chủ củ trong bộ điền thổ hay là cho người khác khẩn đứt.

Khi nào bôi tên người chủ củ trong bộ nghĩa là Nhà-nước lấy đất lại. Nhà-nước được phép cho làng hưởng đất bỏ hoan mà chịu thuế, mà sự nhường đó ấy chẳng phải là sự bán, trừ ra khi nào Nhà-nước cho đứt như đất công điền.

Những dất hoan vu thuộc của Nhà-nước chẳng phải của làng.

Những đất nào bỏ hoan thì làng được làm chủ tạm đở. Làng chẳng hề khi nào tranh làm thiệt chủ đất ấy là được như làng chưa có đứng bộ làm chủ như chủ đất hoan.

V. — Khi gia tài không kẻ nhận, nếu gia tài ấy hơn 3,000 góc tư, thì 10 phần về Nhà-nước hết 7, còn 3 phần khác thì cho hoặc là đầy tớ, hoặc môn-đệ, hoặc bằng hữu kẻ đã qua đời đặng làm phần hương hỏa ấy mà phần hương hỏa chẳng được quá 3,000 góc tư, hay là 30 sào ruộng. Nếu phần gia tài ấy không tới 3000 góc tư, thì phải giao hết lại cho kẻ thủ-mộ. Làng phải châm tính cùng chứng sự khai về đều ấy.

ĐOẠN THỨ IX

VỀ VIỆC XỬ ĐOÁN

I. — Phần sự làng trong việc xử đoán.
II. — Giá tiền cấp cho kẻ làm chứng.
III. — Các chức Bồi-thẩm án Annam.
IV. — Xử không ăn tiền.
V. — Tiền công thầy kiện.
VI. — Các điều trái phạm buộc cho người bổn-quốc mà không có dự trong luật hình.

I. — Khi nào làng tổng có hay biết ai phạm tội trọng hay là tội tầm thường, phải làm tờ phúc bẩm hai bổn, rồi lập tức gởi một lượt, một bổn thì gởi cho quan Biện-lý, còn một bổn thì gởi cho quan Tham-biện trong tỉnh, các tờ khai báo, các đơn trạng và các tờ cáo-báo đều phải gởi theo tờ phúc bẩm gởi cho quan Biện-lý.

Trong tỉnh nào không có tòa án và khi kẻ phạm tội đã bị bắt đặng rồi, thì làng phải giải nạp với đồ tang cho quan Tham-biện ; chẳng cần tra hỏi lập tức quan Tham-biện phải giải nạp người phạm tội cho quan Biện-lý.

Về việc tòa án, thì quan Biện-lý được thông tinh thẳng cùng làng tổng, và huyện phủ, và chẳng cần phải có quan Tham-biện dự vào, phê vào, hay là nhựt ký, hoặc các trát tờ, hoặc đòi ai, hoặc tra vấn việc chi.

Khi nào quan Biện-lý truyền lịnh chi thẳng cho viên quan bổn-quốc, thì phải cho quan Tham-biện hay trước.

Khi nào quan Biện-lý sai viên quan bổn-quốc làm việc chi, thì phải cho quan Tham-biện chủ tỉnh hay trước.

Hương-quản là chức tổng quản tuần phòng trong làng về việc chánh trị và để hình là chức ban tá cho quan Biện-lý ; cho nên phải lãnh tầm mịch những tội phạm đại-hình cùng tội vi lệ luật. Phải tuần thủ các đường thông hành trên bộ và dưới sông, cùng đường xe lửa, cầu và dây thép điển-báo, trong phần việc ấy, thì có hương-thân, xã-trưởng và hương-hào bang-trợ ; và hương-quản lại cai quản hương-tuần, cai-tuần, cai-thị, cai-thôn, trùm, trưởng, là chức thủ théo lính tuần phòng.

Hương chức được xử tự thuận về việc hộ.

Những kiện thưa nhỏ mọn trong làng mà có lẽ xử tự thuận được, đều phú cho hương chức lớn trong làng phân định.

Những sự thưa kiện của người khách, hay là người phương-đông ngoại quốc không tùng theo bộ Lang-sa, có kiện cáo cùng nhau, như hai đàng có xin, thì để cho kẻ trưởng thượng chúng nó nhóm lại mà phân xử. Hai đàng được phép kêu nài lời phân xử của làng đến trước mặt cai-tổng, là bực trên làng.

Các kiện cáo về việc hộ và việc thương mái trước mặt hương-chức, thì được thưa và xử miệng.

Hương-hào là chức quản tuần phòng trong làng. Lảnh chức thừa sai (trưởng tảo) của tòa án; chuyên việc giao giấy tờ thôi thúc truyền thị.

Trong tội đại-hình và tội vi-lệ, thì các hương-chức phải tra xét mà chứng mọi việc chắc chắn.

Khi bắt đặng kẻ gian, mà có đồ tan, thì chức việc nào bắt vụ ấy phải làm một lá khai hiệp cùng tờ phúc bẩm mà kể cho rõ ràng cái sổ các món đồ tan ấy.

Khi bắt đặng kẻ đánh cờ bạc tại trận, thì cũng phải làm một lá khai kể các món đồ tan.

Khi nào nhiều người trong phần bà con bị liên cang trong một việc, trong các tờ về vụ ấy phải đính theo một tờ tông chi mà dẫn tích tông môn nó.

Hễ ai có bắt đặng kẻ phạm tội thì lập tức phải nạp cho làng, đặng làng giải nạp cho quan.

Khi nào trong bà con thưa kiện về việc hộ cùng nhau, thì phải chiêu tờ tông chi vi-bằng chắc chắn và có ba người đáng tinh cậy ký tên vào; cũng phải có xả-trưởng thị nhuận vào nữa.

Trong kiện thưa về vụ điền thổ, lệ buộc phải có một bổn sao rút trong bộ điền thổ trong làng.

Có một mình hương-chức có phép thay mặt cho làng trước mặt tòa án mà thôi.

Khi có kiện thưa về vụ tranh giái hạng làng hay là tổng thì phải thưa cùng quan Tham-biện là người có quyền phân xử mà thôi.

II. — Các người Bổn-quốc hay là người Phương-đông cùng hương-chức làng, khi có trát hay là quan thị sự đòi đến mà hầu chứng, trong lúc tra vấn, hay là trong khi xử, nếu có xin, thì được lảnh tiền phí lộ định như sau nầy :

Như người chứng ở trong tỉnh có tòa chẳng kỳ lớn nhỏ, đờn ông hay là đờn bà, mỗi ngày là................ 0 15 chiêm.

Như người chứng ở ngoài tỉnh có tòa, thì chẳng những là được lãnh tiền đã định ra trước nầy, mà lại đặng lảnh, và bận đi và bận về, nếu Nhà-nước không cấp phương thế đi đàng: Dạm đường đầu (một muôn thước),................. 0 20 chiêm.

Mỗi dạm sau............................ 0 10 chiêm.

Nếu Nhà-nước có cho cấp phương thế mà đi đàng thì được lảnh mỗi ngày đàng............ 0 10 chiêm.

Cấp cho kẻ tra khán người Bổn-quốc hay là người Phương-đông, mỗi buổi tra khán là 3 giờ, là 3 cắt; các viên quan ấy cũng được phép lảnh tiền phí lộ định ra trước nầy cho kẻ làm chứng.

Khi những viên quan ấy phải đòi đến trước mặt quan bồi-thẩm hay là đến trước tòa bàn luận mà khai trình việc gì, thì chẳng có cấp tiền cho, mà được lảnh tiền phí lộ định ra cho kẻ làm chứng.

Tiền phí công cấp cho kẻ canh giữ Bổn-quốc hay là Phương-đông định ra sau nầy:

12 ngày đầu, mỗi ngày là......... 0 20 chiêm.

Mấy ngày sau, mỗi ngày là........ 0 10 »

Khi người làm chứng không có thể tùy thân tiền phí lộ, thì quan cai-quản phòng đem vào sổ và quan kho bạc trong tỉnh người chứng ở được phép phát tiền cho nó bằng số tiền phí lộ nó sẽ lảnh. Rồi phải cai số tiền phát ấy nơi lề hay là dưới chót trát đòi nó.

Khi nào tòa án đòi hương-chức đi hầu việc công ra khỏi xứ mình thì hương-chức ấy được lảnh tiền phí lộ đã định trong lời nghị ngày 22 février theo tiền phí lộ phát cho viên chức Bổn-quốc nghĩa là 4 cắt một ngày.

111. — Trong các tòa Đại-hình xử người Annam, có đặt bồi-thẩm Annam. Hằng năm, quan Chưởng-lý tam tòa cùng quan Thượng-thơ phải làm một số 20 hương-chức mà chiêu cùng quan Phó-soái bàn cùng tòa nghị tư mà phê nhận. Khi bắt thăm trong số ấy nhầm ai thì nầy phải đi.

Các bồi thẩm được phép xin làm tội kẻ bị cáo mà thôi, chớ chẳng có phép tha kẻ ấy. Phải có ba tiếng vô mới được phép làm án.

Trong 3 bữa trước khi mở hội tòa đại hình, thì quan làm đầu tòa ấy hay là quan tòa phải bắt thăm lựa bồi thẩm trong số 20

người hương chức ở thuộc về địa phận tòa đại-hình ấy. Số ấy phải làm mỗi năm từ ngày 15 tháng décembre. Được phép làm thêm một bổn sổ phụ 10 người hương-chức đặng thẩm án mỗi hạng tội nhơn. Sổ ấy cũng làm y như cách thức trên nầy. Như trong sổ chánh hương-chức có khuyết, bởi sự qua đời, bất tài hay là vắn mặt thì quan làm đầu tòa được phép ra lịnh trám các chỗ khuyết ấy. Được lựa hương-chức đứng sổ phụ mà đem qua sổ chánh cho đủ số 20 người. Được phép đem luôn luôn mấy chức cựu bồi thẩm đứng sổ hương-chức làm mỗi năm. Những người mất phép chánh dân cùng phép nước thì chẳng đặng vào đem sổ hương-chức.

Các thuộc viên hội nghị tư, các quan tòa, các thầy giảng đạo, các quan võ đang ở trong cơ binh thủy bộ, chẳng đặng làm chức bồi thẩm.

Bồi thẩm nào khi có tờ tòa đại-hình đòi mà chẳng đi thì phải bị tòa đại-hình phạt vạ như sau nầy:

Lần thứ nhứt, ít nữa là 200 quan tiền tây sắp lên cho tới 500 quan tiền tây sắp xuống.

Lần thứ nhì, ít nữa là 500 quan tiền tây sắp lên cho tới 1000 quan tiền tây sắp xuống.

Lần thứ ba, ít nữa là 1000 quan tiền tây sắp lên cho tới 2000 quan tiền tây sắp xuống.

Lần sau rốt nầy chẳng đặng làm chức bồi-thẩm nữa.

Lời nghị sẽ inh ra cũng sẽ đóng, tiền tổn phí ấy về phần bồi-thẩm bị phạt phải chịu lấy.

Những người có cớ chứng chắc rằng mình không thể đi hầu được thì khỏi làm chức bồi-thẩm.

Tòa đại-hình phải nghiệm xét việc xử khiếm diện có chắc cùng không. Các luật phạt định trước nầy đều thông dụng cho các bồi-thẩm nào đã có đến hầu mà bỏ về trước khi mãng hội và không có lời xin kiếu có cớ đặng tòa đại-hình định xét.

Đến ngày mở hội và khi tòa đại-hình đã nhập hội rồi, thì các bồi-thẩm đều ngồi hai bên tùy theo thứ tự định hồi bắt thăm.

Khi tòa đại-hình nhóm bữa đầu thì quan chánh hội phải truyền cho các Bồi-thẩm đứng dậy mà thề như lời sau nầy:

« Tôi thề và hứa trước Chúa-trời và trước loài người rằng
« tôi sẽ xét một cách kỹ cang các việc sẽ phú cho tôi trong kỳ
« hội nầy; tôi chẳng làm hại cho người bị cáo hay là phạm sự
« lỗi chung; tôi chẳng nghe theo sự ganh ghét, sự dữ tợn, sự
« sợ sệt và sự thương mến, và tôi sẽ định xét tùy theo bổn phận
« và phương thế bảo chữa, giữ theo lương tâm tôi và trí tưởng

« chắc của tôi, theo sự công bình và giữ sự chắc chắn của một « người ngay thật và thông thái ».

Khi quan chánh hội kêu tên từ người, thì mỗi bồi-thẩm phải giơ tay lên mà trả lời rằng : « Tôi thề đều ấy » như không thì phải hủy bỏ.

Những đều ngăn trở cho quan tòa, là bởi dính dáp bà con cùng kẻ bị cáo, hoặc bởi có dính liều trong việc gì cùng phe kiện thưa thì cũng là đều ngăn trở cho bồi-thẩm, hoặc là có bà con với nhau, hoặc là bà con hay có đều giao buộc cùng quan thẩm án, hoặc kẻ kiện thưa nữa, chẳng ai được làm chức bồi-thẩm trong một chuyện gì, nếu trong chuyện ấy mình đã làm quan tuần phòng về tòa xử đoán, hay là làm chứng, làm thông ngôn, làm quan tra khán hay là phe thưa kiện.

IV. — Những kẻ nghèo cực chẳng có thế mà đi kiện thưa, thì được phép xin Tòa xử khỏi chịu tiền. Theo thế ấy, thì phải làm đơn cho quan Biện-lý, phải có lời khai hương chức làng hiệp theo, cùng có quan Tham-biện cho chữ vào tờ giấy khai ấy mà chứng về sự nó nghèo cực vô thế kiện thưa. Đơn ấy phú cho hội Phái-viên có một hương chức Annam dự vào, xét coi có phải cho nó nhờ phép xử không chịu tiền hay không.

Nếu mà tòa rỏ đặng nó có thế mà kiện thưa, mà nó khai gian dối cho khỏi chịu tiền, thì nó phải bị Tòa làm tội.

V. — Khi nào quan thầy kiện đền trước tòa mà bào chữa sự ích lợi cho người Annam nào thì phải tuân theo giá định sau nầy mà đòi tiền công :

Các việc chia làm bốn hạng, và mỗi hạng đều có giá định riêng.

1° Việc tử kỳ và về đồ đạc.

2° Việc điền thổ, là tranh đất, kiện thưa, chuột lại, hủy tờ đoạn mãi, vân vân.

3° Kiện thưa xin nhiều việc, xin tương phân gia tài, vân vân.

4° Kiện thưa giá cả chưa định, việc nghề nghiệp, kiện gia tài phụng tự, phân ly, vân vân.

Trong các việc nào người bổn-quốc có cầu kiên quan thầy kiện thì phải chuẩn tiền công cho quan ấy, hoặc là đặng quan ấy lãnh lo công việc cho mình, hoặc bởi một cớ chi, quan ấy xét phải từ nàng sự giúp đỡ cho mình, nhứt là khi kiểm sát các tờ giấy mà hiểu biết rằng sự chống án hay sự xin hủy án đã quá kỳ.

Tiền công cầu kiên chẳng đặng hiểu lợi với tiền công bào chữa cãi lẽ.

Tiền công ấy đã định như sau nầy : 5 đồng thuộc về việc tòa sơ, 10 đồng thuộc các việc chống án.

Trong các việc kiện thưa đồ đạt và tư kỉ, thì tiền công bào chữa cải lẽ đã định như sau đây :

Khi nào giá cả thưa kiện dưới 100 đồng thì ăn 5 đồng bạc công.

Từ 100 đến 500 đồng thì ăn mười phân trong 100.

Từ 500 đến 1500 đồng thì ăn năm phân trong 100.

Từ 1500 sấp lên thì ăn hai phân trong 100.

Chẳng khi nào số tiền công được quá 150 đồng trong việc định giá tiền công thầy kiện thì chẳng đặng tính số tiền kiện nài bồi thường sở tổn. Nhưng mà khi nào thưa kiện đặng mà đòi tiền thường bồi, thì phải chuẩn cho thầy kiện 10 đồng bạc công mà thôi, bất kỳ là số bạc xin bồi thường là bao nhiêu.

Trong việc điền thổ, hoặc kiện, tranh giành đất hay là xin chuộc lại, xin hủy tờ đoạn mãi vân vân, thì phải đóng tiền công cho quan thầy kiện 10 phân trong 100 kể theo giá cả sự huê lợi điền thổ mà chẳng hề được đóng bạc công dưới số 20 đồng.

Trong các việc xen nhiều việc, nghĩa là trong việc kiện thưa đồ đạt và điền thổ một lượt dả tỷ như xin tương phân gia tài, thì tiền công định hai phân trong 100 tính theo số của chắc, và chẳng đặng dưới 20 đồng.

Trong việc nào giá cả không có nhứt định, việc nghệ ngiệp, sự phân ly, sự để bỏ nhau, kiện thưa về tài vật phụng tự, (hương hỏa và tuyệt tự) thì phải chuẩn cho các thầy kiện 15 đồng bạc công.

Nhưng mà khi nào có việc chi khó hay là trọng mà phải buộc thêm công chuyện hay sự tiềm kiếm thêm, thì thầy kiện được đòi thêm tiền công, tiền công ấy phải định tùy theo công việc thêm đã có cớ bằng chắc chắn.

Các kiện thưa về việc buôn bán người khách, và như các việc ấy có trọng thì tiền công thầy kiện cũng chuẩn theo như trước nầy.

Quan chánh tòa nào làm chánh hội trong việc thưa kiện ấy phải định giá tiền công cho thầy kiện, dầu mình có tư kỉ biết hay là không biết việc ấy cũng vậy.

Cũng phải chuẩn cho các thầy kiện các sở phí nào, có cớ bằng chắc chắn là sở phí quan thầy kiện đở xuất ra.

Trong việc hình hay là việc sữa phạt các thầy kiện khỏi tùy theo bậc tiền công trên nầy, nhưng mà các quan thầy kiện khi nào bào chữa cải lẽ việc chi mà thọ lảnh tiền công của ai thì phải cho người ta biên lai.

Cấm các quan thầy kiện không được buộc kẻ bị cáo hay là kẻ bị giam, phải giao ước hay bảo kiết mà trả tiền công trước khi tòa ra án lý.

Chiếu theo chỉ dụ ngày 5 juin 1879 các quan thầy kiện được

đòi tiền công là 20 đồng bạc trong sự kêu nài tòa trên xin hủy án, miễng là sự kêu án không quá kỳ định theo lệ luật.

VI. — Các quan chánh tòa phải chiếu theo lề luật đương ban hành mà truy buộc trước tòa xử việc tầm thường, trong Nam-kỳ, các tội trái lệ riêng người bổn-quốc phạm mà không có dự định trong luật hình.

Trong tỉnh nào không có tòa, những đều trái phạm ấy thì thuộc quyền quan Tham-biện xử như các quan tòa xử việc tầm thường, y theo cách thức và lề luật ban hành cho các tòa sơ chánh phần xử đáng.

Các quan Tham-biện chủ tỉnh ngoài địa phận châu thành Saigon còn giữ quyền trị tội người Annam không vào bộ Langsa và người Phương-đông tùng bộ Annam mà phạt tù và phạt vạ về tội đóng thuế trễ nải không có về tội thiếu thốn tiền bạc chi của làng hay là quản hạt.

Chẳng được phạt tù quá 5 ngày và phạt vạ trên 15 quan tiền tây.

Khi nào quan Tham-biện phạt vạ ai mà người ấy không có tiền đóng thì được phép bắt bỏ tù, mà trừ tiền vạ, nhưng mà sự bỏ tù ấy không được quá 10 ngày.

Khi nào các quan Tham-biện có ra án lý nào thì phải biên cho thường và cứ theo ngày tháng mà biên cho có thứ tự vào trong sổ giáp lại sổ ấy có quan Nguyên-soái biên số và ký tên vào. Lập tức phải giao cho người bổn-quốc bị phạt một tờ xé trong sổ giáp lại ấy; các quan Tham-biện cũng phải giữ theo như thường một cuốn sổ biên phạt.

Khi nào quan Tham-biện ra lời nghị sửa phạt tù quá 2 ngày, và phạt vạ quá 5 quan, thì được phép chống án kêu nài cùng quan Phó-soái nơi phòng hội nghị tư. Sự kêu nài thì phải ngưng án lại.

Người chống án được phép đến đích thân, hoặc gởi đơn mà bào chữa cải lẽ, trước mặt quan Phó-soái nơi tòa hội nghị tư.

Cho đặng chấp đơn chống án thì kẻ bị phạt phải khai sự chống án, kêu nài tại dinh Tham-biện trong kỳ 2 ngày sau khi kêu án.

Lập tức phải gởi bổn sao án lý đương chống, và đơn kêu nài cho quan Phó-soái. Nếu sự kêu nài có lý, thì quan Phó-soái được đổi sự phạt tù ra sự phạt vạ, và bớt hay là hủy hình phạt đi.

Phải truyền lời nghị của quan Phó-soái gởi cho quan Tham-biện hay và phải nhựt ký trong sổ án, biên ngoài lề ngan án hủy.

Các đều trái phạm kể sau nầy mà buộc riêng cho người annam và người Phương-đông đứng bộ thuế người annam, mà không có dự trong luật, đều phải giải đến tòa xử việc tầm thường và phạt

vạ từ 1 quan tiền tây cho đến 15 quan tiền tây và phạt tù từ 1 ngày dĩ chí 5 ngày, hay là phải phạt một tội trong hai tội ấy mà thôi.

Như có tái phạm thì sẽ bị phạt tù luôn luôn.

1o Nói hành và làm mất danh Nhà-nước Lang-sa và đồn chuyện giả hay nói láo mà làm cho thiên hạ lộn xộn mất sự yên.

2e Không chịu hay là không canh gát ban đêm nơi nhà vuôn và tuần phòng ban đêm đặng gìnb giữ sự thứ tự trong làng.

3o Không chịu tuân theo các trát tờ đòi của người thay mặt cho nha môn Lang-sa hay là Annam, có quyền mà đòi hỏi.

4o Cho ở đậu hay là dùng cho ở mà không tiền trình cho làng hay, những người Phương-đông ngoại quốc không có giấy thuế thân, hay là hoa trử kẻ du côn.

5e Bỏ làng mà đi, dời đổi chỗ ở không có thưa trước cho hương chức hay là chưa đóng thuế, hay là không có xin làng thì vào các tờ đích thân mình.

6o Khi đến làng mình lựa mà ở không có xin làng ấy ghi vào còn tờ đích thân mình.

7o Làm rầy rà la hét mắng lộn và các việc khác làm mất thứ tự trong làng và trong chợ búa không cang trong mấy đều dự trong điều thứ 479 số 8 trong luật hình.

8o Không có khai cùng tòa hay các thầy ma gặp trôi trong sông hay là nơi khác.

9o Ngoại trừ những khoản dự trong luật, không chịu làm công việc chi, tiếp cứu, mà Nhà-nước và tòa án đã có truyền bảo.

10e Mua trâu, ngựa, bò, mà không buộc người chủ bán vi bằng chắc chắn rằng là của nó, hay là không có xin làng thị nhận tờ đoạn mãi.

11e Khi mua sút vật mà không có xin hoặc là đem vô bộ tại dinh Tham-biện hoặc đem vô bộ làng trong kỳ 8 bữa.

12e Khi ban đêm, thâm nhập không có cớ trong nhà của các người Lang-sa hay kẻ vô bộ Lang-sa.

13e La lớn hay đánh trống hồi một, mà rõ không có ích chi.

Cai phó tổng và hương chức có bực trên, khi nào bị phạt về tội trái phạm không dự vô luật, thì phải ở phạt tại trại trường bô.

ĐOẠN THỨ XII

QUI ĐIỀU CÁC KHOẢN VỀ QUYỀN PHÉP THEO VIỆC HỘ ANNAM NÓI VỀ NGƯỜI VÀ TÀI VẬT (1)

I. — Quyền phép của cha mẹ. — Cách thế ăn ở của người chồng và người vợ. — Trưởng-tộc. — Bổn phận con ở cùng cha mẹ.

II. — Quyền phép và bổn phận người đờn bà hóa được hưởng huê lợi gia tài. — Bổn phận và quyền phép của người con ở cùng mẹ hóa.

III. — Lập phần hương hỏa. — Kẻ được hưởng phần ấy. — Quyền phép và bổn phận người được hưởng phần hương hỏa. — Người được hưởng phần hương hỏa mà bị bỏ vì không xứng đáng hưởng phần hương hỏa. — Phần tuyệt tự. — Phần dưỡng lão. — Phần luận phiên.

IV. — Gia tài. — Tương-phân. — Lời chúc ngôn.

V —. Cầm cố điền thổ. — Quyền phép của người chủ nợ và của kẻ thiếu nợ. — Thể lệ và việc cầm cố.

VI. — Đất chưa chia. — Huê lợi đất chưa chia. — Kỳ hạng trong việc chưa chia.

I. — Người chồng là người chủ có cả quyền phép trong việc tài sảng trong nhà, và được phép dùng của cải ấy tùy theo ý mình muốn, hoặc bán, hoặc cho, cũng chẳng cần gì phải nói lại cùng ai trong nhà hay, dầu có thiệt hại cho người vợ thì phải chịu, vì quyền phép người vợ cũng như người con gái, và như có thiệt hại cho con thì cũng phải cam tâm, vì người cha được phép bắt người con không cho hưởng gia tài.

---

(1) Đặng mà nhắt lại cho các hương chức ít điều lệ về quyền phép theo việc hộ Annam của mọi người và tài vật mà lấy làm có ích cho chúng nó phải hiểu biết được, vì chúng nó thường khi phải dự vào các việc hộ đặng xử tự thuận các kiện thưa, tôi tưởng có ích mà hiệp chung trong đoạn nầy những án lý tòa trên ra vì án lý ấy cũng như lề luật bổn xứ và lấy làm có ích lắm.

Lời dạy bảo theo tục Annam, trong việc thưa kiện tự thuận, hễ đàng nào thất, thì phải đóng tiền vạ cho làng từ 1 cho tới 3 quan tiền Annam.

Người vợ và người con phải tùng quyền người cha, vậy khi nào người cha xét phải dùng của cải minh hay là huê lợi của mình làm việc chi, thì chẳng cần gì phải xin phép vợ hay là con, khi người cha còn sống, thì vợ hay là con chẳng được phép xin chia gia tài, và kiện tại các tòa án mà xin chia, vì sẽ bị phạm tội trái bổn phận, và cũng chẳng đặng hưởng gia tài.

Người đờn bà, khi có chồng mà có của riêng, thì phải nhập của ấy chung với của vợ chồng làm ra, làm như cách ấy, thì khi chia gia tài, mấy người con không được tranh của riêng người mẹ.

Người chồng không được dùng của cãi người vợ mà không có vợ ưng chịu.

Thuộc về của cãi vợ chồng làm ra, thì người chồng làm chủ có cả quyền phép, khi nào người vợ dự vào việc đoạn mãi của chồng minh, thì chẳng phải gọi là một sự quyền phép của đờn bà.

Nhưng mà những đồ lễ hỏi (sính nghi) bất kỳ vợ chánh hay là vợ thứ, thì chẳng đặng gọi là của đưa trước mà đòi lại được, trong khi hồi hay là phân ly, vì của ấy là của minh đành cho người đờn bà, và không phép đòi lại được.

Khi tòa ra án hủy hôn thú, thì phải truyền bảo người chồng trả lại cho người vợ những đồ đạt riêng thiệt là của người đờn bà.

Người đờn bà chẳng đặng đến tòa mà kiện thưa việc chi không có phép người chồng cho. Nếu người chồng không có tên dự trong vụ kiện của người vợ kêu nài, thì người chồng được xin kêu nài chống án.

Nhưng mà theo phép tục gọi rằng người chồng có lẽ âm thầm mà cho phép vợ kiện thưa trong các việc hộ. Trong việc nợ của người vợ đứng vay, thì theo tục cũng gọi là người chồng đã có cho phép người vợ.

Theo luật Annam, khi cha mẹ còn sống, thì con phải tùng quyền cha mẹ, vậ sẽ được phép bán trọn hay là một phần gia tài của cha mẹ, là khi nào có cha mẹ ưng chịu thì mới được.

Phần của ông bà phụng cho con cháu thì được phép thâu lại, cha và mẹ được phép chia gia tài tùy theo ý muốn, và được bắt phần gia tài của mấy người con mà cha mẹ nghĩ phải từ.

Nếu người cha có chia gia tài trước cho con, thì được phép lấy lại mà xây dụng,

Theo tục và luật nhặt, người cha chẳng đặng xây dụng của con, khi nào con đã lớn khôn mà ở riêng gia thất rồi hay là đã có vợ rồi, những của cha mẹ cho con, hoặc là chia, hoặc là nhường để, hoặc là phụng cho, thì được phép thâu lại cho đến khi cha mẹ qua đời.

Con trai cùng con gái ở chung cùng cha mẹ, theo phép thì chẳng có của chi gọi là của riêng mình. Người cha là chủ có cả quyền phép ở trong nhà, được phép thâu của con mà dùng tùy theo ý muốn cho đến khi qua đời.

Theo luật Annam, nghiêm cấm người con không được phép kiện thưa cha mẹ ruột hay là cha mẹ chồng và cha mẹ vợ mà không có xin phép trưởng tộc cho, như không có trưởng tộc, thì phải xin phép quan Chánh-tòa mới được.

Các đơn trạng nào người con thưa cha mẹ nơi tòa án mà không có xin phép ấy thì phải bát đi.

Được làm chức trưởng tộc là người đờn ông, thuộc về trong dòng dõi, bên chồng qua đời và cũng phải một họ với người chồng mới được. Bởi vậy các người đờn bà không được phép làm chức trưởng tộc.

Các trưởng tộc cũng như người cha trong nhà và được phép xử đoán những việc cãi lẫy trong dòng bà con, phân chia gia tài cho dòng bà con nào không có người làm đầu. Khi người đờn bà hóa cai quản gia sảng của con, mà có muốn bán vật chi, thì phải có trưởng tộc ưng chịu mới được.

Nhưng mà chức trưởng tộc chẳng phải như chức người cha trong nhà; trong dòng họ được phép đến tòa mà thưa kiện trưởng tộc về vụ gia tài trong họ. Như trưởng tộc không có chia gia tài cho công bình, thì sẽ bị luật phạt.

Về việc cung kính cha mẹ chồng, thì luật Annam không có làm phân biệt bổn phận người chồng và người vợ, và khi cha mẹ chồng qua đời, thì nàng dâu phải để tang trong ba năm cũng như chịu tang cho cha mẹ ruột.

Vậy thì nàng dâu chẳng đặng thưa kiện bà mẹ chồng.

Người con, dầu có vợ và ở riêng cha mẹ di nữa, sẽ bị thất hiếu, nếu kiện người mẹ đến tòa án. Vậy thì đơn trạng kiện thưa của người con sẽ bị bát đi.

Những người con khác dòng chẳng được phép kiện thưa bà kế mẫu nếu như bà kế mẫu có binh vực con trai ruột hay là con gái ruột mình mà làm hại cho con ghẻ. Nhưng mà mấy người con ấy phải kêu nài với người làm đầu trong dòng bà con, nếu xét có cần, thì người đầu tộc ấy có phép đến tòa mà thưa.

Người con trai cũng phải kính trọng vợ thứ của cha mình, là bà kế-mẫu, cũng như mình kính trọng vợ chánh của cha mình là bà đích-mẫu. Vậy thì chẳng đặng phép kiện thưa bà kế-mẫu đến trước tòa án.

Cầm con ghẻ (con gái) không phép kiện mẹ ghẻ (kế-mẫu) để trước tòa án, vì bà (kế-mẫu) được phép buộc con ghẻ phải ở cô hiếu thảo với bà như mình ở với bà mẹ ruột là bà (đích-mẫu) vậy. Cháu rể không được dự vô công việc trong dòng bà con của ông của vợ mình; cháu rể không có nhập vào bản định tan phục để cho ông bà bên vợ. Vậy khi cháu rể kiện ông bà bên vợ, thì khỏi bị đều trái phạm trong bổn phận mình. Đơn trạng nó thưa kiện thì được chấp.

Như cha hay là mẹ, bởi sự lẫn hay là cuồng trí, có bán hay là đổi chọn vật chi cho người khác, mà đều ấy thiệt hại cho con cái, thì người con không được kiện cha mẹ, song được phép kiện người mua, cáo rằng nó đã dùng thế gạt gẫm, sự gian trá mà đạt của cha mẹ mình.

Khi nào người cha hay là ông nội còn sống, thì người con không được có vật chi là của riêng mình. Miễng là mình có cớ chi chứng chắc rằng mình đã ở riêng khác nhà cha mẹ mình thì mới được.

Người cha, khi còn sống, thì là người chủ có cả quyền phép trong của tổ phụ lưu lại. Như người con có cớ bằng chắc chấn rằng mình đã có vợ ở riêng, hay là có gia thế riêng, không ở chung với cha mẹ nữa, thì mới được gọi là của mình.

Theo luật Annam, người vợ chánh được phép gọi là mẹ chánh, thống quản các người con trong nhà, bất kỳ là con dòng nào. còn người vợ thứ thì khác, được phép gọi là mẹ của con ruột mình mà thôi. Bởi quyền phép ấy nên khi người chồng qua đời, thì người vợ chánh được phép cai quản và hưởng gia tài của chồng để lại; còn người vợ thứ thì được phần nuôi cơm và cấp dưỡng độ thân mà thôi.

Theo luật Annam, nợ của cha thì con phải chịu (phụ trái tử huờn). Được dùng phép giam thâu là khi nào người mắc nợ trể nải không giữ theo sự mình giao buộc.

Trong các việc hộ mà trong dòng bà con kiện cùng nhau, thì phải chiếu cho quan tòa một cái tờ tông chi có làng thị nhận.

Trong việc thưa kiện điền thổ, thì tờ khai làm theo như tờ phúc bẩm chẳng được thế mà chuẩn cho hương-chức khỏi làm bổn sao địa-bộ.

II. — Theo luật Annam, người đờn bà hóa được phép hưởng của cải thuộc về gia tài của chồng, là khi nào còn kình thờ chồng mình, còn giữ lấy tên chồng, còn phụng thờ chồng mình, đồ quảy ông bà bên chồng chịu tan chế theo lễ, nói tắt, khi nào mình,

không ra khỏi vòng tông môn của chồng mình đã qua đời. Khi người mẹ còn sống, thì người con không được có vật chi là của riêng mình. Nếu như người con có xin chia gia tài của cha để lại, thì gọi là thất hiếu cùng mẹ.

Dầu biết theo luật Annam thì người đờn bà hóa không lấy chồng khác được quyền phép mà hưởng của cải của chồng để lại. Nhưng mà người đờn bà hóa được phép bán của ấy, trong cơn cần kiếp. Như có bán thì phải có trưởng tộc trong dòng bà con cho phép thì mới được.

Trừ ra khi nào trưởng tộc không có, hay là vắn mặt, hay là trốn đi, thì người đờn bà hóa mới được phép bán của cải.

Bởi đó, khi người trưởng tộc không cho phép, thì bán không được; nên trưởng tộc chẳng đặng phép mua điền thổ của kẻ thủ hộ, hay là của mấy người còn nhỏ tuổi chưa thành nhơn. Vậy thì khi nào người mẹ ruột lãnh bảo thủ theo phép của cải cho con còn nhỏ tuổi có bán vật chi cho trưởng tộc, mà không có phép thì sự bán ấy phải hủy ra như không.

Khi người mẹ hóa còn sống thì cũng như người cha còn sống ; vậy thì người con không được phép có vật chi gọi là của tư riêng mình ; miễng là người con có cớ chứng chắc rằng mình có vợ ở tư riêng và nhà cửa cũng riêng, thì mới đặng. Người mẹ chẳng đặng bán vật chi cho con.

Khi nào người con có bán vật chi, thì người mua và xã-trưởng thị nhận, phải bị trách cứ về tội hiệp nhau làm tờ đoạn mải trái phép, và về tội làm lậu quyền của người mẹ.

Theo luật Annam, người vợ thứ (kê-mẫu) cũng như người vợ chánh (đích-mẫu) thì được gọi là vợ có cưới theo phép (vợ-chính).

Vậy thì người vợ thứ cũng được hưởng, như bà vợ chánh, những huê lợi gia tài của chồng để lại ; miễng là giữ việc hóa bụa thì mới được. Của ấy chẳng đặng phân chia mà bỏ phần hưởng huê lợi của người vợ thứ.

Người mẹ ghẻ kêu là (kê-mẫu) cũng như người mẹ kêu là đích-mẫu. thì đều có quyền hành trong mấy đứa con dòng chánh của chồng mình.

Mấy người con của bà vợ chánh được phép xin thâu quyền hưởng huê lợi của người vợ thứ, song phải chứng chắc rằng người vợ thứ không có kính giữ tang chế cho chồng và lại trái phạm lệ theo phép lễ nghi.

Luật Annam cho phép người đờn bà hóa từ nang quyền hưởng trọn, hay là một phần gia tài, và khi còn sống thì được phép chia hay là giao đức của cải gia tài chồng để lại. 6

Trong khi cư tang chế, thì nghiêm cấm không cho chia gia tài, và các tờ chúc ngôn sẽ được thi hành sau khi mảng tang phục.

Những người được cọng hưởng gia tài chung, như có khẩn đất kế cận đất của cha mẹ để lại chưa chia, thì đất ấy thuộc về trong đất gia tài và phải chia một lược với khi chia gia tài.

Người đờn bà hóa được hưởng huê lợi đất của chồng để lại, thì phải bảo dưỡng trong nhà của chồng mình đã qua đời trước, phải tu bổ nhà cửa cho tử tế, phải lo phụng tự và phải làm một bổn khai kể cho đủ các đồ đạt và điền thổ thuộc về gia tài chồng mình để lại.

III. — Luật Annam cho phép dùng về việc phụng tự, các thứ của cải, hoặc trâu, bò, ghe, ngựa, hoặc điền thổ nhà cửa. Những vật thuộc về phần phụng tự thì không được bán, như lập phần hương hỏa thì phải khai với làng hay biết.

Như không có lời chúc ngôn hay là lời bàn nghị trong dòng dỏi, thì phần hương hỏa không được quá một phần ăn của một người con.

Đặng mà bảo chữa gia tài, luật buộc phải trồng trụ đá có khắc chữ hương hỏa nơi phần đất nào thuộc về hương hỏa, và phải thưa cùng làng sở tại hay rằng đã có lập phần hương hỏa, đặng làng cai trong địa-bộ. Khi nào các lề luật ấy không tuân đủ thì người mua được gọi là có sự ngay thiệt mà không biết rằng đất mua đã có tách phần rồi. Vậy thì sự bán được gọi là theo phép và được để y như vậy. Khi người con quên bổn phận mình mà bán điền thổ hương hỏa, thì luật cho phép mua đất khác cũng y sào mẫu và y giá cả, mà trả lại thế cho phần hương hỏa, y như lời người chúc ngôn định phần hương hỏa vậy. Sự định người hưởng phần hương hỏa chẳng phải là phận sự người đờn bà góa, song trong bà con phải nhóm lại mà phân định.

Theo luật Annam quyền phép hưởng và cai quản phần hương hỏa thì có luật định phân một cách nghiêm nhặt, và chẳng đặng sự cải sửa thứ tự định trong phần kế nghiệp, trừ ra khi nào có bất lực và sự không xứng đáng có cớ chắc chắn, phải nhóm bà con lại mà bàn luận mỗi khi muốn giao sự cai quản phần hương hỏa lại cho một người nào trong họ mà khác là kẻ trong dòng giỏi đã định mà hưởng phần hương hỏa, vì chưng bất lực hay là không xứng đáng đã có cớ rõ ràng. Nhưng mà trừ ra khi nào giao phần hương hỏa lại cho kẻ được hưởng thiệt thọ mà khi trước nó còn âu niên nên phải thâu sự cai quản và sự hưởng huê lợi, thì chẳng cần gì phải nhóm bà con lại bàn nghị.

Luật chuân phần hương hỏa cho phía bên con trai đúng 16 tuổi. Người ăn phần hương hỏa phải giỗ quảy tiên nhơn, khi nào kẻ ăn phần hương hỏa còn thiếu niên, chẳng lo bổn phận được, thì phải lựa một người cai quản thế tạm đỡ.

Luật Annam gọi đờn bà thì bất luật mà lo việc dỗ quảy tiên nhơn.

Đờn bà Annam được xen vào mà kiểm sát trong việc cúng kiến trong nhà và dỗ quảy. Vậy thì đờn bà chẳng được thế cho người đờn ông kế nghiệp mà ăn gia tài đặng dỗ quảy một mình đặng. Về quyền phép hưởng và cai quản hương hỏa thì luật đã định một cách nghiêm nhặt.

Các tòa án cùng trong tông môn cũng không được phép sửa cái phiên thứ kẻ được hưởng gia tài, trừ ra khi nào kẻ được hưởng nào bất lực hay là không xứng đáng có cớ đủ thì mới được.

Khi nào người trưởng nam chi nào mà luật cho ăn phần hương hỏa không xứng đáng giữ phần ấy, thì sự cai quản phần hương hỏa, phải giao đỡ cho người bà con chi khác, vì bởi người trai thứ trong chi ấy còn thơ ấu, khi người trai thứ khôn lớn thì được lãnh ăn phần hương hỏa ấy.

Người trai chi ấy chẳng cần gì phải nhóm trong dòng bà con lại mà bàn luận và khi nào giao hương hỏa cho một người bà con thuộc về chi khác, vì khi chi chánh bất lực và không xứng giữ phần hương hỏa ấy, thì mới nhóm bà con lại mà bàn nghị.

Các tòa được chiếu theo các khoản dự trong luật Annam mà phân xử đoán sự bất lực và không xứng đáng người hưởng phần hương hỏa. Nhưng mà tòa không được phép giao phần hương hỏa, cho người trong họ mà khác chi, là chi được hưởng phần hương hỏa, vì chi ấy được phép phụng tự tiên nhơn mà thôi.

Lể luật về quyền phép được hưởng tài vật để dùng về việc phụng tự tiên nhơn, thì buộc cho kẻ được ăn phần hương hỏa, phải có theo phép những bản bài vị tiên nhơn mộc chủ để lại, mà noi theo đặng phụng tự tổ tiên.

Khi nào người được quyền ăn phần hương hỏa mà còn nhỏ, vì tuổi nóc thơ ấu bất lực mà lo việc phụng tự, thì người con gái của ông bà mà phụng tự ấy không được tranh dành phần hương hỏa ấy cho con trai mình, dẫu người con trai ấy đã lớn khôn thành nhơn.

Theo luật Annam, người đờn bà khi có chồng thì lìa dòng bà con mình mà nhập nhà phía bên chồng ra ngoại tộc, thì con trai người đờn bà ấy lấy họ khác họ mẹ, nên vậy không được phép có bản bài vị tiên nhơn mộc chủ bên dòng giòi cội rễ của mình, và không có quêyn phụng tự cũng như người mẹ mình vậy.

Những kẻ được ăn phần hương hỏa sẽ bị gọi là không xứng đáng và phải mất quyền cai quản phần ấy, khi nào bị người ta tịch ký điền thổ thuộc hương hỏa mà bán giảo giá vì bởi quên cai trong bộ rằng đất thuộc về phần hương hỏa để cúng quảy.

Các bà con trong dòng giỏi được phép thưa cùng bổn tộc rằng người ăn phần hương hỏa không xứng đáng, thì không cần gì phải có phép tòa cho. Tòa được phép phê y lời nghị của bổn tộc mà thôi.

Người ăn phần hương hỏa mà bán hay là để bán phần hương hỏa đi, thì phải xuất tiền riêng mình mà mua đất khác y như sào mẫu mà thế trả lại cho phần hương hỏa y như khi mới lập phần hương hỏa ấy vậy.

Khi trong dòng nào mà tuyệt không có con trai mà có con gái, thì những tài vật thuộc về phụng tự phải trở nên là của phù vân, nếu như không có lập người con trai nào mà kế hậu vì con gái thì bất lực theo trong lễ tế tự mà lo việc hương khói phụng thờ được.

Như trong việc tương phân mà con gái lãnh đất chia gọi là đất hương hỏa và tuyệt tự, thì đất ấy cũng như các phần đất khác chia theo lệ thường, vậy thì được phép bán.

Đờn bà nào chồng đã chết mà không có con trai và giữ sự hóa bụa mình, thì được thế quyền cho chồng và có trong họ làm chứng, mà lựa một người nào đặng mà nối hậu cho mình.

Những bổn tộc trong dòng dỏi con nhà nước nam, bất câu ngôi thứ nào, hoặc trai hay là gái, thì chẳng ai có quyền chi trong gia tài để lập hương hỏa. Một mình trai trưởng nam được hưởng phần ấy mà thôi. Người đờn bà được phép thâu của ấy lại, như của ấy ra khỏi trong họ : cũng được phép xin chia, khi của ấy trở nên phù vân, vì bởi phía bên người trai là kẻ được phép hưởng phần hương hỏa đã trốn biệt hết, hay là chết hết, không có ai phụng tự tiên nhơn được nữa. Vậy thì những của để dùng việc phụng tự hương khói thì phải mất bổn tánh riêng nó và được phép bán.

Sự bán hương hỏa được gọi là theo phép là khi nào sự lập phần hương hỏa ấy có cai trong bộ đã lâu năm lắm và không có trụ đá khắc chữ hương hỏa.

Lời cai ra trong bộ đất là đất để phụng tự mà sót siểng, thì không được đổ lỗi cho các hương chức làng.

Hương-chức là người giữ bộ địa và được phép ghi các lời cai ấy trong bộ là khi nào có người ta xin thì mới được.

Sự bán phần hương hỏa sẽ được gọi là theo phép, khi nào các lệ buộc truyền báo định trong luật Annam *(điều thứ 87)* chưa

tuân đủ. (Hoặc trồng trụ đá trong điền thổ, cai cước trong bộ) và khi nào người mua thiệt tình thì được.

Khi có mồ mả trong ruộng đất thì chẳng đặng gọi là một dấu dễ thấy chỉ rõ ràng cho người khác biết đất ấy thuộc về phần phụng tự.

Khi nào thiếu các lệ buộc truyền báo đã định nơi đều thứ 87 trong luật Annam (trồng trụ đá và cai cước trong bộ rằng đã lập phần hương hỏa) thì được thi hành án trì buộc người mắc nợ.

Chẳng đặng tịch ký những đồ đạt thuộc về phần phụng tự, là : Lư-hương, chưng đèn, cùng bàn và bàn thờ, khay cẩn ốc xa cừ, và các đồ khác để dùng mà phụng tự và cúng quảy tiên nhơn, theo tục lệ Annam.

Chẳng đặng hiểu là đồ để phụng tự, nhà cửa không có khắc dấu riêng và dễ thấy mà chỉ cho người khác rõ ràng nhà thuộc về phần phụng tự, dẩu có bàn thờ ấy để trong nhà thì không đủ cớ vì bàn thờ được bưng mà để trong nhà tùy theo ý muốn.

Sự mải lại thục tài sảng chi để phụng tự tiên nhơn gọi là phần hương hỏa, thì chẳng phải là sự cai quản phần ấy, song thiệt là sự bán phần ấy.

Đều thứ 87 (chỉ dụ thứ nhứt) trong luật Annam, đày lưu xứ những kẻ nào bán phần hương hỏa, và sự bán đất hương hỏa thì thiệt là một cớ không xứng đáng.

Thuộc về tòa án nghị xử quyết người đứng bán không xứng đáng hưởng phần hương hỏa, song trong dòng bà con phải nhóm lại mà chọn người đặng giao sự cai quản phần ấy, tùy theo ngôi thứ định trong luật.

Sự mải lại thục tài sảng thuộc về hương hỏa thì gọi là việc thất lễ trọng về bổn phận hiếu thảo, và chỉ có rằng người được hưởng phần hương hỏa, và phải thâu quyền phép hưởng lại. Khi nào sự bất nghĩa có ý làm quá thể sự tinh cậy, thì tòa được xử nó không xứng đáng và thâu quyền cai quản phần hương hỏa của nó lại. Trong cơn như vậy, thì thuộc về bổn tộc phải lựa người mà giao sự hưởng tài sảng thuộc về hương hỏa.

Những đất thuộc về phần tuyệt tự, thì không được bán và cũng không được chia. Ấy là đất để mà phụng tự. Như đất hương hỏa, những đất thuộc về tuyệt tự phải có tờ giấy và có tấm bia đá.

Phần dưởng lảo thì hưởng một đời mà thôi, và để mà bảo dưởng người đờn bà được phần ấy trong khi già yếu. Người đờn bà ấy được hưởng phần đó mà thôi, và khi qua đời rồi, thì phần dưỡng lão phải mãng và nhập về gia tài chung trong họ.

Lập phần luận phiên, nghĩa là cho thay phiên cùng nhau, mỗi người trong họ mà hưởng tài vật để phụng tự, hoặc như phần hương hỏa, hoặc như phần tuyệt tự.

IV. — Theo tục Annam mà luật tòa trên tại Saigon lưu lại, các người con sanh ra một cha, thì đặng phép lãnh gia tài đồng phần cùng nhau.

Tờ chúc ngôn nào không có hương-chức trong làng thị, thì phải hủy cũng như không.

Theo đều thứ 89 trong luật Annam, khi cha mẹ đã làm tờ tương phân rồi, và khi đã qua đời rồi, thì chẳng ai được phép làm tờ chia lại

Khi người mẹ còn sống, thì các người con không được phép đòi phần ăn gia tài của cha mình. Người mẹ được hưởng huê lợi các tài vật của chồng để lại, miễng là khi nào người chồng không có để lời chúc ngôn lại, và khi người chồng còn sống không có chia gia tài cho con cái.

Theo luật Annam con gái cũng có phần ăn gia tài như con trai vậy.

Những đất của người được hưởng gia tài mới tân khẩn trong lúc chưa chia gia tài cùng anh em mình, thì chẳng phải là của riêng mình, song phải nhập vô gia tài cha mẹ để lại.

Luật Annam không có phân biệt quyền thế người con chánh với người con tự nhiên có nhìnk, được lãnh phần gia tài.

Con nuôi thì được phép bảo dưỡng và được ở trong nhà mà thôi.

Theo luật Annam, bất kỳ là con dòng nào hoặc là con dòng thứ, hoặc là con vợ bé, hoặc là con đầy tớ lấy chủ nhà sanh ra, thì đều được quyền phép cùng nhau trong sự hưởng gia tài cha mẹ chúng nó để lại.

Anh em trai và chị em gái hay là người thay mặt cho mấy người đó, đều được phép kế nghiệp cho anh em trai hay là chị em gái mình đã qua đời, mà tuyệt hậu, hay là không người kế hậu trai.

Các tờ từ con của người cha làm ra, được theo phép là khi nào tờ ấy làm trước mặt các người lớn trong họ, và lại phải thưa cùng hương-chức; rồi làng phải làm tờ theo cách chắc chắn.

Các tờ chúc ngôn được theo phép là khi nào hương-chức làng có thị chứng vào, và phải có xã-trưởng ký tên và nhận con dấu vào. Lại cũng phải có những người nào trong họ hiệp làm tờ ấy ký tên vào mới được.

Tờ chúc ngôn nào không có hương-chức làng ký tên vào, thì hủy cũng như không, dầu có bà con trong họ ký tên cũng vậy.

Tờ chúc ngôn phải hủy cũng như không là khi nào người lảnh phần chết trước người lập tờ chúc ngôn.

Theo luật Annam tờ chúc ngôn phải hủy ra như không, khi nào tờ ấy cai làm năm nào, mà không đính ngày, đính tháng. Khi người lập tờ chúc ngôn so danh điểm chỉ trong tờ mà không có hai người chứng thị chứng sự điểm chỉ ấy và không có nhận con dấu xã-trưởng vào, thì cũng kể như không vậy.

Khi nào chia gia tài trước mặt người trai trưởng nam mỗi nhánh, thì các người khác được cọng hưởng gia tài ấy không được thưa kiện vụ chia đó, vì người trưởng nam mỗi nhánh được phép thế mặt cho mấy người con mỗi nhánh.

Chẳng đặng phép chia gia tài trong khi để tang chế, phải để chế trong ba năm cho cha mẹ.

Chiếu theo đều thứ 82, khoản thứ 2, trong luật Annam, không được chia gia tài trong lúc tang chế, là khi nào sự không chia ấy, không có thiệt hại cho kẻ cọng hưởng gia tài của mình. Người trưởng nam, được cai quản của vị cập tương phân, miễng là phải bày tỏ lại cho mấy người đặng ăn gia tài hiểu biết và đừng có làm mất sự xứng đáng mình và đừng làm thiệt hại cho kẻ được cọng hưởng gia tài với mình.

Theo luật Annam, người cha khi còn sanh tiền, được phép chia của cho con. Sự chia ấy được theo phép là khi nào làm tờ tương phân trước mặt bà con trong họ, và mỗi người lảnh phần mình phải có ký tên nhận lảnh vào trong tờ.

Sự hai người anh em đứng dính chung trong địa-bộ những điền thổ của một gia tài mà ra, thì là một cớ chắc chắn rằng sự chia gia tài đã có chia rồi.

Các việc thưa kiện trong mấy người được hưởng chung phần gia tài, đều phải thưa trong kỳ năm năm, kể từ ngày tương phân của cải.

Chiếu theo đều thứ 89 trong luật Annam, quá kỳ năm năm rồi, sự chia gia tài đã chia cho những kẻ được hưởng, thì kẻ được hưởng ấy chẳng đặng thưa kiện nữa, dầu mà sự thưa ấy không có tờ giấy chi cũng vậy.

Chiếu theo điều thứ 89 chỉ dụ thứ nhứt, trong luật Annam, nếu những của cải bị thưa kiện mà đã tương phân rồi, thì các đơn thưa kiện về phần của cải ấy, thì phải bắt đi, dầu mà sự tương phân đã làm rồi hay là làm rồi mà không có tờ giấy cũng vậy.

Khi nào có bán của cải trong gia tài mà kẻ được hưởng còn nhỏ, thì phải có trưởng tộc dự vào.

Những kẻ được hưởng gia tài ấy, khi lớn khôn được phép tranh gia tài đã bán mà không có chúng nó dự vào, thì phải thôi tiền mua lại cho người chủ mua bị thiệt hại.

Trong sự kiện thưa tranh đất của ông bà để lại, thì phải chiêu cho quan tòa một tờ tông chi và một bổn sao rút trong bộ có làng nhận chắc chắn, về bên bị kiện và về vụ đất tranh tụng.

Khi chia gia tài, kẻ được lãnh phần chia không được đòi huê lợi đất ấy vì người được hưởng đã thâu mà bồi chê việc tồn hao trồng tỉa, đóng thuế vụ và các sự tồn hao mà làm cho đất ấy trở nên có giá cao.

V. — Các tờ cầm cố phải hủy ra như không :

1° Là khi nào tờ ấy không có làm trước mặt làng đặng làng thị chứng chắc chắng ;

2° Là khi nào người chủ nợ không có chứng rằng người thiếu nợ đã giao bằng khoán cho mình.

Theo luật Annam người chủ nợ nào có đồ thê thì gọi là người mắc nợ mình đã bảo lãnh không bán đồ thê ấy được. Các chủ nợ khác không được xiết tịch đồ ấy ; và lại được phép cước nơi bộ rằng của ấy đã thê cho mình làm chắc hay là tiền huờn vốn nó thiếu mình.

Khi nào hương chức làng tịch ký và giảo giá bán đất nào, là khi chúng nó biết rằng tờ giấy bằng khoán sở đất ấy đã thuộc về tay người cho vay có thê chưng, thì hương chức không được biết đều ấy.

Hương chức chẳng hề khi nào được đem vô bộ người có giấy bằng khoán mà thê chỗ người chủ đất đứng.

Theo luật Annam, sự thê chưng thì cho người chủ nợ một sự tiện chắc theo phép mà thôi, được bán của thê chưng ấy mà thôi hồi sô bạc thiếu mình.

Người chủ nợ có thê chưng chẳng đặng làm chủ đồ thê vì có người mắc nợ không trả cho mình đặng, song khi làm tờ phải giao buộc cho nhặt trong tờ rằng của sẽ thuộc về mình khi nào đúng kỳ hẹn trong tờ mà không có trả nợ cho mình.

Chiêu theo đều thứ 89 trong luật Annam, người chủ nợ có thê chưng được quyền hưởng huê lợi đồ thê chưng, còn như mình có muốn huờn vốn lại cho mình, thì phải xin bán đồ thê chưng đó. Các chủ nợ khác không có thê chưng thì không được quyền phép ấy.

Bởi vậy nên người thiếu nợ, là chủ đồ mình thế, thì được kỳ hạng 30 năm mà chuột đồ thế ấy, và trả dứt nợ mình, như trong kỳ hạng đó người chủ nợ không thưa kiện chi, thì tỷ như đã chịu cho vay luôn, và lại được phép dùng huê lợi đồ thế cho mình cầm giữ.

Quá kỳ 30 năm thì người bán hay là con cháu người bán không được chuộc điền thổ thế chưng lại.

Luật buộc chuột trong kỳ 30 năm thì bày cho kẻ cho vay có thế chưng được nhờ mà thôi, chớ bà cơn hay là kẻ hưởng chung một gia tài mà chuột lại, thì không được nhờ đều ấy.

Các người chủ nợ có thế chưng đủ theo các thể lệ chắc chắn (có làng thị và có nhận mộc xả-trưởng) và có hầu nhựt ký vào sổ tại dinh Tham-biện, thì được phép ngăn trở các chủ nợ khác.

Thế chưng một miếng đất cho hai người thì luật Annam gọi là bán của người khác và cũng gọi như sự gian vậy.

Luật trung quốc (Tàu) cũng chịu cho là sự gian về việc điền thổ.

Khi thế chưng đất nào, thì không được tương phân đất ấy cho đến khi nào trả tất nợ thì mới được.

Mỗi người được hưởng chung một gia tài, được phép chuột các đất ông bà để lại, mà khi chuột rồi phải đem vô đứng bộ tên chung các người kế-nghiệp ăn gia tài, hay là đem tên ông bà cũng được.

Khi một người trong mấy người kế-nghiệp đứng chuột đất của tổ phụ, thì gọi là trong họ đứng chuột lại.

VI. — Đất tổ phụ vị cập tương phân mà có bán cho ai, thì phải hủy tờ bán, trừ ra phần ăn của người kế-nghiệp đứng bán mà thôi.

Các huê lợi đất thì được gọi là bằng sự tốn hao mà trồng tỉa, cày cấy đóng thuế vụ, công làm cho đất trở nên thạnh mậu; vậy thì không được phép buộc người được ăn huê lợi đất ấy trả huê lợi lại cho các người kế-nghiệp.

Khi người cha qua đời rồi thì con trai trưởng nam phải lấy tên chung trong họ mà đem các điền thổ vô địa bộ, và phải hiệp các tài vật làm của chung trong khi còn để tang chế.

Khi cha mẹ qua đời hết rồi, kỳ hạng không đặng chia gia tài là 3 năm. Các phần đất của một người kế-nghiệp tân khẩn gần một bên đất chưa chia thì phải nhập về trong gia tài đặng sau sẽ chia.

Các con trai được phép xin chuột tài sảng chưa chia, mà khi trước người cha đã cầm cố.

Khi nào đất vị cập tương phân mà bán mãi lai thục cho ai, thì mỗi người được hưởng chung gia tài được phép chuột lại, song

phải tuân theo lời giao ước trong tờ mãi lai thục. Người mua mãi lai thục chẳng đặng lấy cớ rằng những kẻ bán không có xin chuột mà ngăn trở không cho kẻ kê-nghiệp gia tài chuột lại, và cũng không được giữ phần của người không xin chuột lại cho mình, vì một người đứng chuột thì tỷ như có thay quyền cho mấy người kê-nghiệp khác.

Con một dòng, bất kỳ trai hay là gái, thì chẳng cần gì phải lo sợ lời xin mình sẽ bị bắt, vì chiếu theo luật 30 năm. Luật Annam không có định kỳ hạn về sự để chung gia tài tổ phụ lưu lại.

Sự để chung gia tài tổ phụ lưu hạ, là đều trúng phép trong dòng dõi Annam, sự vị cập tương phân, được để lâu dài, những người được hưởng gia tài muốn chia gia tài thì chia, chớ không có định kỳ bao lâu.

Sự biên vào bộ về những gia tài vị cập tương phân mọi người kê-nghiệp được đứng bộ, người nầy kế người kia, là bởi trong dòng dõi ưng thuận hay là bởi người nào chết.

ĐOẠN THỨ XIII

VỀ VIỆC THI HÀNH ÁN TÒA

I. — Thể lệ phải giữ cho được xin thi hành án tòa.
II. — Hương chức và chức việc coi về việc thi hành án tòa.
III. — Việc truyền báo bổn án.
IV. — Việc phát mãi đồ di dịch được.
V. — Sự phát mãi điền thổ.
VI. — Tiền phí công cho các hương chức coi về việc thi hành án.
VII. — Qui điều các khoản về việc thi hành án tòa.
VIII. — Phép lưu xứ.

I. — Các người chủ nợ bất kỳ là người bổn-quốc hay là người Phương-đông, khi muốn thi hành án tòa hay là án tòa trên xử người bổn-quốc hay là người Phương-đông, thì phải đến thưa cùng quan Biện-lý hay là quan chánh tòa sở tại chổ mình ở, như thuộc về điền-thổ, thì phải chiếu một bổn án chánh và một bổn sao lục bằng chữ quốc-ngữ có biên các điều trong án hay án tòa trên, còn thuộc về việc người hay là việc di dịch, thì phải chiếu bổn sao rút trong án bằng chữ Langsa phải có một bổn dịch ra chữ quốc-ngữ, có biên lời phải thi hành.

Lập tức quan Biện-lý hay là quan Chánh-tòa phải gởi các tờ ấy cho hương chức làng nào người thiếu nợ ở đặng mà thi hành.

Trong các tỉnh nào không có tòa án, thì phải đến quan Tham-biện mà thưa, quan chủ tỉnh sẽ thay mặt cho quan tòa mà thi hành, và như có sự khó chi trong việc thi hành án, thì quan Tham-biện phải nói cho quan tòa hay.

II. — Có một mình hương chức được thi hành án mà thôi. Trong các làng, thì hương-hào hay là nội trong làng, lãnh các việc truyền bảo án tòa cho hai đàng tiên bị hay.

Trong các nơi ngoại châu-thành Sài-gòn và Chợ-lớn thì các chức việc sở thuế ngoại nghạch có thể và các viên chức coi việc tuần phòng, được phép coi việc giấy tờ, trát tòa việc cho truyền báo, và bán các đồ di dịch đặng mà lập tờ kiết nhận, và thi hành các chỉ dụ để hình án tòa và tòa trên, nói về việc thuế ngoại nghạch.

Khi nào người thiếu nợ không có tuân các viên quan chức ấy khiến bảo, thì các viên chức được phép giao cho làng bổn sao rút

có biên các điều trong án, có quan lục-sự ký tên, và có quan Biện-lý phê vào, đặng mà thi hành bán điền thổ của kẻ thiếu nợ ấy.

III. — Trong việc thi hành án, thì trước phải giao cho kẻ mắc nợ một bổn quốc-ngữ sao rút trong án tòa xử và thúc nó phải tuân theo phép trong kỳ tám bữa.

Hương chức phải làm giấy vi bằng về sự đã giao án cho kẻ ấy và phải biên gạnh, để ngày và ký tên ngoài lề bổn án cho chắc, và phải giữ bổn ấy cho đến cùng chuyện.

Lời nghị ngày 5 septembre 1882, nói về việc thi hành án tòa xử người bổn-quốc buộc phải truyền bảo kẻ bị thất hay sự thi hành án lý, bằng không thì án ấy phải hủy ra như không.

Sự cho hay án là phần sự của làng coi việc thi hành án, phải vi bằng rằng án đã có truyền rao rồi.

Các hương chức ấy phải làm tờ kiết bằm trước mặt người chứng mà vi bằng rằng đã giao bổn sao rút trong án rồi.

Chẳng đặng lấy cớ tờ chúc ngôn để lại mà gọi là tờ chắc đặng.

IV. — Nếu trong kỳ tám bữa mà kẻ mắc nợ không tuân phép, và nếu như nội trong lúc ấy mà nó không chống án hay là không kêu án, và nếu chủ nợ có xin, thì trong ba ngày kế đó, hương chức phải lấy sổ các đồ di-dịch của nó và tịch phuông những đồ ấy hết. Bằng trong lúc ấy mà nó có chống án hay là kêu án, tùy theo án ấy đã xử cách khiếm diện hay là xử sơ, thì hương chức phải đình vụ thi hành án, chờ cho tòa phân xử lại.

Việc chống án hay là kêu án, thì theo phép phải khai trong tờ vi-bằng đã lập khi trao án, và phải gởi tờ ấy lập tức cho quan Tham-biện đặng có chạy cho quan Biện-lý.

Khi lấy sổ những đồ di-dịch thì phải có mặt kẻ thiếu nợ và chủ nợ; những kẻ ấy, nếu biết ký tên thì phải ký vào sổ.

Chủ nợ nào đã kiện thưa thì được phép chọn nhà vuôn làng chỗ phải tịch phuông đó, mà ở tạm, đặng khi làng có việc mà cho hay; nếu nó không chọn nơi nào khác trong làng, thì việc kêu đòi hay là cho hay trong lúc thi án, phải làm tại nhà vuôn ấy.

Nếu đến giờ đã định tịch phuông, mà kẻ mắc nợ cùng chủ nợ cả hai không có mặt, thì hương chức phải đòi hai người làng giền đến mà làm chứng trong việc Biên-ký đồ di-dịch.

Hương chức phải khai trong tờ vi-bằng những đồ trong nhà kẻ mắc nợ là những món gì, và trị cho đúng giá những đồ ấy đáng là bao nhiêu.

Nếu giá những đồ ấy không đáng 5 đồng, lại nếu như chủ nợ không đành bao mua theo giá ấy, thì hương-chức chẳng phải lấy sổ làm chi, làm một lá khai thì đã đủ.

Khi lấy sổ rồi, thì hương chức phải cắp kẻ canh giữ mà cũng được để cho kẻ đã bị tịch giữ lấy.

Kẻ nào làng đã cắp mà canh giữ những đồ ấy, khi có ai tra gạn, thì phải trình ra cho đủ, bằng chẳng đủ, thì phải mắc tội y theo điều luật.

Chẳng đặng lấy sổ cùng tịch những đồ kể ra sau nầy:

1° Áo quần của những kẻ bị tịch bận trong mình;

2° Những đồ của chúng nó dùng mà làm nghề;

3° Những đồ vật liệu của chúng nó ăn trong một tháng.

4° Những giường chiếu của chúng nó nằm;

5° Những đồ thờ.

Khi đã lấy sổ rồi, thì hương chức phải làm ba cái yết thị mà dáng, một cái tại nhà vuông làng, một cái tại nhà kẻ bị tịch phuông, một cái tại chợ ở gần; trong yết-thị ấy phải chỉ ngày, giờ, chỗ, cùng vật bán, tên chủ nợ cùng tên kẻ bị tịch phuông.

Yết-thị phải để chữ lớn trên đầu như vầy: (*Phát mãi theo phép Tao dạy*), và hương chức nào viết yết-thị ấy phải ký tên vào.

Khi dáng yết-thị ít nữa đủ tám bữa rồi, thì mới được bán. Hương chức phải lập giấy vi-bằng về sự dáng yết-thị và phải nói đã dáng ngày nào.

Hễ ai có nhận những vật gì đã tịch là của mình, thì được phép chống chẳng cho bán, mà phải làm khai cho làng ít nữa trước ngày định bán. Tới bữa bán, thì làng phải đem trình trước tòa những lá khai chống chẳng cho bán cùng những đơn xin lấy đồ ra làm trong kỳ đã nói trước. Nhược bằng kẻ chống bị thất lý thì phải phạt trả tiền bồi thường cho chủ xin phát mãi.

Nếu trong lúc thi hành, mà tình cờ có một chủ nợ khác đến, thì chẳng phải đình việc lại, nhưng hương chức phải cho chủ nợ ấy một tờ làm chứng rằng nó đã có tới, thì sau nó được phép chiếu giấy tờ ấy ra mà lãnh phần chia trong tiền bán đồ.

Đến ngày đã định bán, thì hương-chức phải lo mà bán, song trước khi bán phải kiểm sát lại những đồ giao cho kẻ gìn giữ có đủ hay chăng, nếu như có thiếu món gì, thì phải lập giấy làm chứng cùng tra gạn kẻ giữ đồ ấy, rồi thì làm phúc bẩm cho quan Tham-biện rõ.

Phải bán theo giá đã trị trong sổ khai, bằng chẳng ai chịu mua theo giá ấy, thì được đấu giá tùy ý, mà mỗi một lần trả giá lên, thì không được trả thấp hơn 10 chiêm bạc.

Hương-chức phải lập tờ kiêt nhận về các việc chúng nó đã làm, tính trừ các tiền sở phí xong xuôi rồi, thì giao tiền bán còn lại cho chủ nợ trước mặt kẻ mắc nợ hay là trước mặt hai người làm chứng cũng đặng, trả cho đền tất số tiền thiêu, như không có chủ nợ nào khác tranh phần.

Những giấy tờ về việc ấy và bổn án, đều phải giao lại cho kẻ bị tịch phuông, nếu tiền bán ra có đủ mà trả tất số cho chủ nợ; bằng chẳng đủ, thì giấy ấy phải giao lại cho chủ nợ. Chủ nợ phải làm biên lai cho làng về những giấy tờ ấy và về tiền nó đã lãnh.

Nếu có nhiều chủ nợ tranh chống, thì tiền bán ra phải tùy theo nợ nhiều ít mà cang theo phần mà trả, chớ chẳng có ai có thể nào lấn hơn. Nếu như các chủ nợ không ưng thuận cùng nhau trong việc chia tiền bán ra, thì hương-chức phải bảo những kẻ ấy đi thưa trước tòa, khi tòa đã phân xử cùng có lịnh tòa gởi về làng, thì hương-chức khi đó mới được phân phát tiền ấy mà thôi.

Trong thành phố Saigon và Chợ-lớn các chức việc tuần phòng làm chức trưởng tòa sẽ lãnh các việc truyền báo thi hành các án tòa; song về sự đứng bán các đồ vật liệu thì về phần Commissaire-priseur (*kẻ đứng bán đấu giá*) đứng bán y theo thể lệ đã dạy trong lề luật đang ban hành.

V. — Khi kẻ mắt nợ có điền thổ gia sảng, nếu đã truyền báo cho nó hay án tòa xử rồi, mà nó không tuân phép trong kỳ tám bữa, thì chủ nợ cũng được phép xin tịch gia sảng nó nữa.

Hương-chức phải làm một cái tờ kể điền thổ, xét giái hạng và lục trong bộ mà coi số hiệu lại cho chắc chắn; phải đòi trong chủ nợ và kẻ mắt nợ, cả hai đến mà thị trong việc ấy; mà khi chúng nó không đến, thì hương-chức cũng cứ việc mà làm.

Khi việc ấy xong rồi, thì hương-chức phải làm ba cái yết thị mà dáng như thể đã nói về việc tịch đồ di-dịch trước nầy.

Yết thị ấy, chẳng những là phải làm theo lệ buộc trước về đồ di-dịch, mà lại phải khai tờ rút trong bộ, điền thổ ấy của ai, ở tại đâu, đông tây tứ chí cận đất nào, khi trước thuộc về của ai, ước chừng được mấy mẫu mấy sào, trị giá là bao nhiêu. Khi dáng yết thị rồi phải lập tờ vi-bằng làm chứng. Cách ba mươi ngày, thì mới được phép phát mải.

Nếu nội trong lúc ấy chí ngày phát mải, mà có ai tranh trở về của ấy là của mình, thì phải đình việc cho đến khi tòa xem xét lại.

Bằng như chẳng có đều gì ngăn trở, thì được phép bán theo giá chủ nợ ra giá bán cũng được, hay là không có chủ nợ, thì hương-chức làng ra giá cũng được.

Nếu như không ai chịu mua giá ấy, thì phải đấu giá tùy ý ; mà mỗi lần cất giá lên, thì chẳng đặng trả ít hơn một đồng bạc.

Khi trong làng có phát mải, thì phép đấu giá phải đánh trống. Mỗi giá đấu thì ra hiệu lịnh một tiếng trống, 5 phút đồng hồ đánh một tiếng, khi đã đánh đủ ba tiếng rồi mà không có kẻ đấu giá lên, thì xử cho kẻ đã đấu cao hơn được, mà phải trả tiền mặt.

Ai chẳng có thể trả được, mà chịu lãnh mua thì phải phạt tù 5 bữa, và phải phạt vạ từ 1 đồng cho tới 3 đồng bạc, và có khi còn phải phạt tiền bồi thường nữa. Phần phạt ấy, tòa hộ chiếu theo giấy khai của làng mà phạt. Khi hương-chức đã lập giấy khai rằng kẻ đấu giá không có mà trả, rồi thì bắt phép đấu giá trước đi và phải đấu giá lại cho nghiêm chỉnh. Nhưng vậy, nếu chủ nợ đành cho người đứng bảo lảnh cho kẻ mua, hay là đành cho kẻ trả được, thì cũng đặng phép chống không cho đấu giá lại.

Tờ phát mải gia sản phải làm theo phép. Kẻ mắc nợ phải giao cho kẻ mua đặng những giấy đất, bằng chẳng giao thì phải có tội.

Giấy khai về việc đấu giá phải sao vào sổ tại dinh Tham-biện y theo luật điều nghị, về việc vào sổ.

Khi đã dáng yết thị rồi, thì kẻ mắc nợ không đặng tùy ý mình mà bán gia sản, nếu người chủ nợ không ưng thuận, trừ ra khi nó chịu trả cho chủ nợ cho xong thì mới đặng mà thôi. Người chủ nợ trước khi thưa kiện, phải biết của ấy có cầm cố cho ai không ; bằng có thì chủ nợ phải tùy theo luật Lang-sa.

Nếu kẻ mắc nợ không giữ theo lệ ấy mà bán gia sản mình, thì phải bắt đi.

Tiền bán được sẽ chia ra như đã nói trước nầy về đồ di-dịch.

Án phát mải được thay vì tờ thị cho kẻ mua, song buộc chủ mua phải đem án bán ấy vào sổ.

Các chức việc tuần phòng lảnh làm chức trưởng tòa mà truyền rao các án lý, giấy tờ trong các làng ; phần sự ấy khi trước đã giao cho hương-chức làng lo.

Nếu không có đều gì trắc trở, thì tiền bán ra, về phần chủ nợ cho đến tất số tiền cho vay ; nhược bằng có đều tranh trở, thì hương-chức phải để dành tiền bán đặng cho đến khi tòa phân xử lại, và phải đăng tiền ấy vào kho thâu trữ mà đợi lịnh tòa.

Nghiêm cấm chẳng cho hương-chức cùng các quan thị sự trong việc phát mải, đứng cái mà mua hay là cho kẻ khác mua những đồ tịch phuông thể cho mình. Hễ có đấu giá như vậy thì phải bắt đi, mà lại còn phải bị bồi thường cho chủ nợ nữa.

Về thuế ngoại ngạch, như đàng bị án có ngăn trở không cho hương-chức bán điền thổ, thì phải bán trước tòa hộ ; phải làm

tờ kiết bấm khai điền thổ phải bán ấy ra thể nào, đứng bộ địa làng nào, sào mẫu bao nhiêu, phải giáng yết thị trong kỳ 30 ngày, và phải định ngày phát mãi.

VI. — Về những giấy tờ làm theo phép đã nói trước nầy thì hương-chức cùng các quan thị sự coi về việc ấy được ăn tiền công định ra sau nầy :

1° Tiền lấy số giấy vi bằng về việc cho hay án...	0 20
2° Tiền lấy sổ đồ di-dịch, hoặc lấy bản đọ......	0 20
3° Tiền lập giấy khai khiêm vật..............	0 20
4° Tiền lập giấy vi-bằng về việc kêu nài các chủ nợ, các kẻ tranh chồng.............	0 20
5° Tiền viết yết thị và giáng yết thị ấy.........	0 30
6° Tiền lập giấy vi-bằng về việc giảo giá.......	0 20

Lại trong tiền đã bán ra thì hương-chức được phép lấy 5 phần trong 100, về sự phát mãi đồ di-dịch được (*như bàn, ghế, vân vân*), còn về sự phát mãi đồ không di-dịch được (*như gia sảng vân vân*), thì hương chức được phép lấy 2 phần trong 100 về 500 đồng bạc đầu, 1 phần về 500 đồng bạc sau, và nửa phần trong 100 về số bạc sau nữa.

Tiền sở phí về việc canh giữ, mỗi ngày là.. 0 $ 10

Các thứ tiền sở phí nói trước nầy về phần chủ nợ phải chịu, hương chức được phép bắt chủ nợ trả tiền ấy trước, mà cũng có lẻ để sau mà lấy trong tiền bán trước khi phân chia.

VII. — Khi nào hương chức thi hành án mà bán giảo mãi điền thổ gia sáng trước khi truyền báo bổn án, thì sự bán ấy phải hủy đi ra như không.

Cũng y như các thể lệ định trong điều thứ 34 lời nghị ngày 5 septembre 1882, cấm hương chức không cho đấu giá mua điền thổ gia sảng bán trước mặt mình ; lại cũng nghiêm cấm hương chức khi nào chúng nó lảnh coi vụ thi hành án, thì không được phép mua đồ của người mắc nợ.

Người hương chức nào coi việc thi hành án bán đồ của kẻ mắc nợ, như có mua vật chi cho con mình, thì sự mua ấy phải hủy đi. Bởi vì đã có lời nghị ngày 5 septembre 1882 cấm điều ấy.

Lời nghị ngày 5 septembre 1882 có định các thể lệ về vụ thi hành án lý xử người bổn-quốc. Như các thể lệ ấy đã có tuân đủ, thì mới gọi là án đã thi hành. Nếu có truyền báo cho người nào hay án tòa mà thiếu các thể lệ ấy, thì người ấy được phép kêu nài

rằng không ai truyền bảo án cho mình hay, và chẳng đặng gọi là nó đã chịu thi hành án lý mà phải truyền bảo cho nó hay.

Như hương chức có hay trước ngày phát mãi rằng điền thổ gia sảng đã có người khác xin tịch xiết rồi, mà còn phát mãi gia sảng điền thổ ấy, thì sự bán phải hủy đi.

Những hương chức nào có tịch ký điền thổ của ai mà có lầm lỗi có cớ thì phải bị trách cứ.

VIII. — Những kẻ mắc phép tòa cấm không đặng ra khỏi hạt chúng nó đã chọn hay là tòa đã chỉ cho chúng nó ở, mà không có phép quan Thượng-thơ hay là quan Tham-biện sở tại cho. Khi chúng nó tới làng chúng nó phải ở, thì nội trong 24 giờ phải đến trình diện cùng thôn trưởng làng.

ĐOẠN THỨ XIV

VỀ BỘ ĐỜI

I. — Trong làng chức việc coi bộ đời là phận sự của chánh lục bộ, có phó lục bộ giúp đỡ, chánh lục bộ là chức trách trọng, cũng đứng vào hàng hương chức lớn, nhưng [mà không được dự nghị vào bàn hội-tề.

Các hương chức không biết chữ quốc-ngữ cho đủ dùng, thì không được cử làm chánh lục bộ. Các chức việc coi bộ đời không được phép mướn ai ký tên hay là làm tờ bộ đời giùm cho mình. Các tờ bộ đời làm như vậy, thì phải hủy đi ra như không. Chức việc coi bộ đời, thì có bàn hội-tề trạch cử, mà phải có quan Tham-biện phê chuẩn thì mới được.

Hễ trong làng có việc sanh, tử, hôn-thú, thì chức việc coi bộ đời phải tra hỏi cho biết. Các chức việc ấy sẽ bị trách cứ nếu bộ đời không có dình giữ tử tế.

Theo tục lệ chữ « *Tri* » là chữ nhường để cho các hàng quan, vậy những chức việc coi bộ đời không được phép để trước chức mình chữ « *Chánh-tri. Phó-tri* ».

II. — Trong mỗi làng đều phải làm bộ chứng về sự sanh, tử, hôn-thú cho các người bổn-quốc cùng các người Phương-đông. Về sự sanh, tử, hôn-thủ trong mỗi làng, đều phải có một cuốn bộ riêng.

Các bộ ấy phải có ông làm đầu tòa địa phận đặt số hiệu cho chữ ký tên giáp lai, và giao cho chức việc coi bộ đời giữ. Chức việc ấy có bàn hội-tề cử đặt mà phải có quan Tham-biện phê chuẩn mới được. Hễ trong làng có việc sanh, tử, hôn-thú, thì chức việc coi bộ đời phải tra hỏi cho biết, chức việc ấy phải bị trách cứ, nếu bộ sổ không được dình giữ từ tê sạch sẽ.

Bộ đều phải làm hai bổn, làm ra hai hàng. Một hàng thì in chữ quốc-ngữ, các chỗ chừa ra trắng thì để cho chức việc coi bộ đời biên vào ; còn một hàng thì đã dịch ra tiếng Langsa.

Trong mỗi tháng, cứ mười ngày đầu, thì chức việc coi bộ đời phải sao một bổn chắc chắn về mỗi tờ sanh, tử, hôn thú mình đã đem vào bộ nội tháng trước mà gởi cho phòng lục-sự trong địa-phận, trong bổn sao ấy chức việc phải ký tên lại phải có hai người hương chức nhận thiệt.

Quan Biện-lý xem coi các bổn sao ấy như có phải sửa lại, thì người dạy phải sửa. Trong mỗi một năm tới ngày 31 décembre thì khóa sổ lại ; nội tháng janvier kế đó, phải gởi một bổn cho phòng lục-sự tòa địa-phận. Những tờ sao của các chức việc coi bộ đời gởi trong mỗi tháng đều phải để dính theo bổn ấy ; còn một bổn thì để tại nhà hội làng.

Hễ ai phải buộc y theo các điều sau nầy, là buộc phải làm khai sanh, khai tử, khai hôn-thú, không có lẽ chi mà kiếu, mà bỏ đi hay là trễ nải không nghỉ tới sự làm khai, thì phải phạt tiền từ 5 quan cho tới 50 quan, hoặc còn phải cứ theo điều 246 trong luật hình mà trừng tội.

Hễ ai cố ý mà làm hay là để cho người ta làm khai gian cho chức việc coi bộ đời, hoặc mình biết mà khai gian dối thiếu thốn không đặng chắc chắn, thì phải phạt tù từ 6 tháng cho tới 2 năm, lại phải phạt vạ tiền từ 500 cho tới 2,000 quan tiền tây.

Hễ chức việc nào coi bộ đời không lo giữ, làm hư, bôi cãi, hoặc làm mất bộ đời, hoặc khi có sanh, tử, hôn-thú mình đã biết mà trễ nải mà không đem vào bộ, lại phần mình đã giữ bộ mà để cho người ta bôi cãi cùng phá sổ, thì phải phạt tiền từ 500 cho tới 2.000 quan, lại phải phạt tù từ 6 tháng cho tới 2 năm, mà lại còn phải phạt tội nặng y theo hình luật.

Hễ chức việc coi bộ đời vắng mặt, hoặc mắc ngăn trở sự gì, thì việc giữ bộ giao cho chức việc phụ đã có quan Tổng-thống cử định ra. Chức việc phụ ấy cũng phải giữ theo một lệ buộc cùng phải phạt một thế y như chức việc coi bộ đời vậy.

Hễ khi có khai sanh, tử, hôn-thú, thì phải có mặt hai người làm chứng. Trong giấy khai phải khai tên họ, tuổi tác, chỗ ở

cùng nghề nghiệp các người ấy, cũng một lượt với người làm khai.

Những sổ bộ để tại phòng lục sự đều làm chứng chắc chắn trước mặt quan, trừ ra khi có điều gì khác chông-lý, thì mới không cứ. Hễ ai có xin sao lục bộ thì sẽ sao mà phát cho, nhưng vậy phải đóng tiền y theo lệ quan Thông-đốc chuẩn định.

Các chức việc coi bộ đời cũng được sao rút trong bộ mà phát cho người ta. Giấy sao rút ấy chức việc coi bộ đời cùng hai người hương chức phải ký tên vào.

III. — Hễ trong làng có ai sanh ra, thì trong tám bữa phải làm lời khai.

Con nít sanh ra phải đem tới trình cho chức việc coi bộ đời, hoặc đem tại phòng việc bộ đời, bằng như có đau ốm, thì phải trình lại nhà sanh đẻ nó. Như phải tới nhà sanh đẻ, thì chức việc phải đem bộ sanh cùng phải biên các lời khai báo tại đó tức thì.

Về sự khai sanh như có người cha, thì người cha phải khai; như người cha không có mặt hay là phải trở đương việc gì, hoặc mẹ nó không có chồng theo phép cưới hỏi, thì những người có hồi mặt sanh đẻ, hoặc những kẻ ở một nhà với người sanh đẻ, hoặc kẻ ở gần, đều phải làm khai.

Những thầy dưỡng bịnh và chưởng đậu bổn-quốc giúp việc trong các tỉnh, phải lảnh phần sự coi xét các sự sanh trong mấy chỗ thị tứ lớn, và phải bảo cha mẹ người sanh khai trong bộ đời. Các quan Tham-biện phải ra lịnh truyền dạy kiểm sát việc sanh đẻ cho chính chắng.

Hễ khi có sanh đẻ tại nhà-thương, tại khám-đường, hoặc tại chỗ chung nào khác, thì các người Cai-quản, hoặc quan Tham-biện đều phải làm khai theo phép.

Hễ ai gặp một đứa con nít mới sanh bị người ta bỏ thì phải đem nó cùng áo quần đồ đạc nó mà giao cho chức việc coi bộ đời ở tại làng cùng phải khai hết mọi đều là gặp nó khi nào, bỏ tại chỗ nào.

Trong bộ sanh phải cai ra đứa con nit đó mấy tuổi, trai hay là gái phải đặt tên nó tức thì.

Trong tờ sanh, phải biên ngày sanh mỗi đứa con nít, phải biên nó là trai hay là gái, cho nó tên họ gì, lại biên tên họ, chỗ ở cùng nghề nghiệp cha mẹ nó, cũng phải biên về sự đứa con nít ấy là bởi dòng chánh hay là dòng thứ mà sanh ra. Về những con nít sanh ra không có phép hôn-thú, thì phải biên tên họ mẹ nó mà thôi.

Về sự khai sanh một đứa con nít vốn là con người bổn-hạt chịu bộ Lang-sa, sanh ra ở ngoài địa-phận Lang-sa, thì khi trở về địa-phận Lang-sa, trong tám ngày, lại như đã về nội trong năm sanh đẻ, thì cha hay là mẹ nó phải làm khai cho chức việc coi bộ đời tại làng cha mẹ nó ở. Khi ấy phải đem lời khai vào bộ.

Một đứa con nít vốn cha mẹ nó là người Lang-sa, sinh ngoài địa-phận Lang-sa, ngoại trừ khoản nói trước nầy, phải biên vào bộ riêng để tại Tòa Saigon, là khi có giấy biên-bằng các kẻ chính có quyền phép ở tại chỗ nó sinh đẻ làm chứng.

Nói về người bổn-quốc sanh ra trước năm 1872, thì không có bộ đời ; vậy hương-chức làng sở tại chúng nó phải làm một tờ thị nhận chắc chắn mà thay vì tờ bộ đời cho người ấy.

IV. — Hễ khi có tính cưới vợ lấy chồng, cùng đã nhứt định ngày làm lễ cưới, thì mỗi người lo việc cưới hỏi cả bên trai bên gái, vốn là chủ-hôn, đều phải cho chức việc coi bộ đời ở tại chỗ đàng trai hay là đàng gái ở, chính là bên mình làm chủ hôn, biết trước. Kẻ làm mai dong cũng phải báo cho chức việc coi bộ đời ở tại làng người gái biết trước.

Trong giấy khai phải biên đủ tên, họ, tuổi tác cùng là chỗ nào.

Hai bên nam nữ, là một, cha mẹ hai bên nam nữ, là hai *(như trong cha mẹ có ai chết thì phải ghi cho biết)* ; người lo việc cưới hỏi cả bên trai bên gái, là ba ; mai nhơn là bốn.

Nhưng vậy phải cai rõ cưới vợ chính hay là vợ thứ.

Các lời khai ấy phải biên vào một cuốn bộ riêng *(bộ khai hôn-thú)*.

Những lời người ta khai y thể lệ trước nầy, đều phải ghi liền vào trong một cái bảng dán tại cửa phòng việc bộ đời cũng để đó nội trong tám bữa. Mãn kỳ ấy rồi, thì mới được làm lễ cưới nhứt định.

Nội ngày làm lễ cưới nhứt định tại nhà gái, hoặc trong ba ngày kể đó, chính chàng rể hoặc là các kẻ làm chủ-hôn đều phải làm cái khai khác ; chức việc coi bộ đời phải hiệp theo các việc hay biết trước mà biên sang qua bộ hôn-thú ; trong lời khai ấy chức việc coi bộ đời phải biểu vợ chồng mới, cha mẹ hai bên còn sống cùng là những người làm chủ-hôn, mai-dong, đều phải ký tên vào. Cũng một khi ấy, chức việc coi bộ đời phải ký tên cùng đóng con dấu làng liền.

Hễ khi cưới hỏi mà không có mai-nhơn, thì phải ghi vào trong sổ hôn-thú cho biết. Khi ấy, những sự khai báo mai nhơn phải làm, đều phú cho người lo việc cưới hỏi đàng gái phải khai cho chức việc coi bộ đời.

Hai bên nam nữ được tới trước mặt chức việc coi bộ đời cùng xin người lo việc cưới hỏi y theo điều 75, 76 và 165 trong luật hộ, là khi đã có rao việc theo luật rồi. Khi ấy, các người ấy, đều phải tuân y các thể lệ trong điều 147.

Người bổn hạt nào làm lễ cưới ngoài địa phận Lang-sa, đến khi trở về được ba tháng rồi, thì phải làm khai cho chức việc coi bộ đời tại làng mình ở ; lời khai ấy phải đem vào bộ riêng người khai cùng vợ người khai đều phải ký tên.

Muốn cho chắc chắc trong việc cưới hỏi, thì làm sao cũng phải tùy theo phong tục mà làm lễ phép. Hễ khi hai bên không bỏ lệ phép riêng mình, muốn cưới hỏi trước mặt hương-chức coi về bộ đời tại chỗ bên nào ở, thì việc cưới hỏi sẽ làm giữa phòng việc bộ đời.

Chức việc coi bộ đời, trước hết phải rao cho người ta biết các giấy lá thuộc về hai bên cưới hỏi, rồi thì kêu hai bên tới cho có mặt cha mẹ, vì phải có cha mẹ ưng thuận, nếu có mai-dong, thì đòi mai-dong, hoặc đòi hai người hương chức, cùng hỏi ý hai bên có quyết muốn làm vợ chồng với nhau chăng ; như hai bên trả lời quả quyết chịu, thì sẽ chiếu luật mà định cho hai bên phối hiệp cùng nhau.

Chức việc coi bộ đời, khi biết đàng nào có dính dấp đôi bạn trước cùng có cưới hỏi theo phép, thì chẳng nên thâu những lời khai về sự cưới hỏi lần thứ hai, mà không có cớ chi làm chứng về sự đã dứt đôi bạn trước.

Muốn cho thành phép cưới, thì phải giữ những điều sau nầy, là :

1° Trai phải được 16 tuổi, gái được 14 tuổi sấp lên.

2° Hai bên nam nữ phải đành ưng lấy nhau, và phải có cha mẹ ưng thuận :

3° Như chẳng còn dính đôi bạn nào trước.

Cấm những người sau nầy, chẳng cho làm đôi bạn cùng nhau :

1° Là anh em, chị em, dầu bởi một cha một mẹ hay là không phải một cha một mẹ mà sanh ra, các người bà con trong một đời cũng vậy.

2° Là anh, em, chị, em với cha với mẹ, hay là với ông ;

3° Là những bà con, con cô, con cậu, con chú, con bác, cho tới sáu đời ;

4° Những người bà con bởi một gốc, đồng một họ cùng nhau.

Về hai điều sau là điều thứ 3, thứ 4, thì được phép xin quan Thống-đốc chuẩn.

Chức việc coi bộ đời biết việc mà chịu cho người ta làm lễ cưới, hoặc chịu đam việc cưới hỏi vào bộ, trong khi có đều ngăn

trở, là như chưa đến tuổi, là như vợ-chồng không ưng, hoặc cha mẹ không ưng, hoặc có nhiều vợ, hoặc là bà con thân thích mà lấy nhau, thì phải phạt tiền từ 500 quan sắp xuống, cùng phải phạt tù, từ 3 tháng cho tới một năm.

Còn về phép để bỏ vợ chồng, thì trước phải làm giấy mà khai về những của cải tiền bạc chúng nó; rồi hai người hương-chức phải đem chúng nó tới tòa, khi ấy quan chánh tòa sẽ tùy theo việc mà khuyên nói. Cách ba tháng vợ chồng đi với hai người hương-chức tới mà trình diện cùng quan chánh tòa cho được kêu xin một lần nữa.

Hễ khi có việc để bỏ mà có án xử chắc chắn rồi thì ông Biện-lý sẽ gởi án cho chức việc coi bộ đời chính chổ đã khai hôn-thú, cho chức việc ấy ghi việc để bỏ ấy ngoài lề bộ hôn-thú.

V. — Hễ trong làng có ai chết thì hạn cho ba ngày phải báo cho chức việc coi bộ đời làm giấy y theo lời khai có mặt hai người làm chứng phải lựa trong bà con gần, hoặc kẻ ở gần người chết ấy.

Hễ có ai chết tại nhà thương, tại khám đường, hoặc tại sở nào khác, thì quan cai quản, hay là quan Tham-biện làm lời khai.

Hễ có chôn cất thì phải có chức việc coi bộ đời, hoặc chức việc nào khác có quan Thống-đốc định ra, cho giấy phép thong thả, chẳng phải chịu tiền, rồi mới được chôn cất. Các chức việc ấy phải đi tới nơi người chết cho được làm chứng về sự chết, sau khi đã chết đặng 12 giờ rồi, lại còn phải giữ theo việc trong thể lệ định, rồi mới được cho giấy phép.

Có những giấy phép về phần các chức việc riêng phân phát, cứ trong 48 giờ sẽ giao cho chức việc coi bộ đời gìn giữ và găm theo trong bộ.

Như ai gặp cái thây chết, thì phải cáo báo lập tức cho chức việc coi bộ đời hay; chức việc ấy phải tới chổ mà hỏi căng do tên họ người chết rồi, cũng phải ghi các đều ấy vào bộ tử.

Chức việc coi bộ đời phải biểu người ta chôn xác ấy. Nhưng vậy nếu có vít tích gì làm chứng sự chết oan, chết dữ, thì chức việc coi bộ đời phải cho quan Tham-biện hay tức thì. Khi ấy phải có phép quan Tham-biện cho thì mới được chôn.

Trong tờ khai tử, phải kể tên họ, nghề nghiệp cùng chổ ở người chết, lại phải biên chết ngày nào. Như có lẽ làm được cũng chỉ ngày sanh và chổ sanh người chết, cùng tên cha mẹ nó.

VI.— Về sự nuôi con nuôi, thì người đứng nuôi, người chịu nuôi như đã đến tuổi khôn, cùng bà con trong nhà, chính là người

phải có ưng chịu trước mặt hai người hương chức, phải làm khai cùng chức việc coi bộ đời chính chỗ người đứng nuôi. Chức việc coi bộ đời phải gởi giấy khai ấy cho quan Biện-lý.

Các tờ nuôi con nuôi phải có làng nhận thị chắc chắn, và chẳng hề khi nào lấy cớ chúc ngôn mà làm chắc trong việc con nuôi được.

Cách ba tháng phải ghi việc nuôi con nuôi trong sổ sanh chính chỗ người đứng nuôi ở lại ghi vào lề giấy khai sanh người chịu nuôi.

Hể khi người chịu nuôi trở về dòng họ mình, thì phải làm một cái khai cho chức việc coi bộ đời chính chỗ mình ở.

Sự nuôi con nuôi sẽ trở nhứt định, nếu người chịu nuôi đã được tuổi khôn lớn rồi, thì trong năm kê đó phải nhứt tính về sự mình chịu làm con nuôi. Như trong năm ấy mà nó không làm khai trước mặt hai nguời hương chức, cùng chức việc coi bộ đời tại chỗ nó ở cho được bỏ phép, thì phép lảm con nuôi ấy hóa ra chắc chắn. Lời khai ấy phải biên vào lề giấy khai làm con nuôi.

Về phép bảo thủ, thì hoặc người cha còn sống, hoặc người vợ chánh còn sống mà không cãi giá, đều được lập giấy chúc ngôn, hoặc y theo lời khai trước mặt cai-tổng, hay là thôn-trưởng là kẻ có quyền thâu khai ấy, mà chỉ định một người nào lảnh phép gìn giữ bảo thủ cho mấy đứa con còn nhỏ tuổi.

Hội nghị sự thân tộc đặt ra cho những con trẻ, thì có cai-tổng hoặc một người hương chức làng, một người trưởng-tộc cùng ba người bà con bên nội mà phải lựa trong bà con gần hơn hết, ở gần chỗ lập phép bảo thủ. Như không có bà con, thì sẽ mời các hương chức, hoặc mời các bằng hữu trong vòng bà con. Số các người nhóm tính ấy, trừ cai-tổng ra, không được quá 6 người. Hội thân nhơn ấy buộc phải nhóm.

Việc thỉnh mời nhóm hội thân nhơn thì phú cho một người hương chức lãnh, phải kỳ hẹn cho vừa chừng. Các người trong hội thân nhơn nhóm tính ấy phải tới cho có mặt, bằng chẳng nhóm, thì phải phạt 10 quan. Như có cớ kiêu thôi thì mới được khỏi phạt.

Trong lúc lảnh việc bảo thủ được 10 ngày, thì phải có một hương chức làng và một người trưởng-tộc hội với người lảnh việc bảo thủ mà làm sổ kê các phần của cải của đứa nhỏ ấy.

Những tờ bán của cải đứa còn nhỏ ưng thuận trước mặt những người chứng là bà con gần hay là có mấy người ấy cho phép, đều phải có hương chức thị vào, thì mới nhằm lễ phép.

Kẻ còn nhỏ tuổi mà cha mẹ có làm lời khai trước mặt cai-tông hay là trước mặt hai người hương chức, thì được phép ra riêng, nhưng mà phải có 15 tuổi mới được phép ấy.

Những án tòa xử, cấm không cho ở trong làng, nhà-nước suất cho làng, thôn-trưởng phải lo dán tại nhà hội làng sở tại.

VII. — Những giấy rời bộ đời người bổn-quốc mà mỗi tháng phải gởi qua tòa thì gọi là những bổn sao dùng mà kiểm sát các bộ sổ. Các giấy rời ấy khỏi chịu dán con niêm.

Người thay mặt thị sự tại tòa địa phận, mỗi năm phải xét coi các sổ bộ lưu kỷ tại phòng lục-sự ; xét coi rồi, phải làm giấy vi bằng tóm tắt, như các chức việc coi bộ đời có phạm phép, thì phải tỏ cáo cùng xin bắt vạ các người ấy. Người thay mặt ấy phải coi tờ làm có trúng chăng. Như người có đính vô việc, hoặc là phòng thị sự xin sửa bộ, thì tòa phải dạy giao cho phòng lục-sự chính chổ để sổ bộ sửa lại.

Những án dạy việc cãi sửa đều phải biên qua bộ đời lưu tại phòng lục-sự mà phải biên ra ngoài lề.

Sổ bộ đời thì có cuôn 6 tờ, 10 tờ, 16 tờ, 20 tờ, 26 tờ, 30 tờ, 40 tờ, 50 tờ, 76 tờ, và 100 tờ nghĩa là đặng phát ra cho các làng tùy theo sự cần dùng và sự trọng dân sô mỗi làng.

Trong bộ đời không được phép viêt chữ nhu, phải viết bằng chữ quôc-ngữ mà thôi, như vậy thì chức việc coi việc bộ phải biêt chữ quôc-ngữ.

Các chức việc coi bộ đời nào khai sanh, tử, hôn-thú, vân vân, mà đòi ai trả tiền công, thì chức việc ấy, làm chuyện trái phép và quá quyền, phải bị giải nạp đên tòa về tội hà lạm.

Các chức việc coi bộ đời phải phát không ăn tiền cho kẻ đi thi khóa, một bổn giấy rời chữ Langsa, chữ quôc-ngữ và chử nhu mà đề ngày sanh, tên họ nó, và tên họ cha mẹ nó.

Các chức việc coi bộ đời không được đòi vật chi khi chép bổn án để bỏ hay là hôn-thú trong bộ hay là khi phát tờ khai sanh cho kẻ nghèo xin thưa kiện khỏi tồn tiền.

Khi phát giấy khai sanh hay là giấy chứng khai sanh cho lính tập thì cũng không được thâu tiền.

Trong khi đám cưới thì tục cho phép làng đòi 3 quan tiền, gọi là tiền cheo.

ĐOẠN THỨ XV

VỀ ĐẤT CỦA NHÀ NƯỚC BÁN, ĐẤT KHÔNG CÓ BẰNG KHOÁN, HỘI PHÁI VIÊN PHÂN GIẢI HẠNG, CÁC THỨ TRỒNG TRỈA NHÀ DẠY TRỒNG

I. — Thể lệ về việc khẩn đất, từ 10 mẫu sấp xuống. Qui điều các khoản về việc khẩn đất.
II. — Cách thức bán đất nhà nước.
III. — Choán đất nhà-nước mà không có bằng khoán.
IV. — Hội phái viên phân giải hạng.
V. — Các thứ trồng tỉa nhà nước dạy trồng.
VI. — Về sự bán đồ thổ sẳng.
VII. — Tiền chuẩn ra mà giúp mà nông chí cùng để mà thưởng công.
VIII. — Về sự kiểm sát.

I. — Được phép cho khẩn không, những đất bực nhứt mà thôi nghĩa là đất hoang vu, không có trồng cây lớn hay là có cây, rừng mọc.

Những đất nào người bổn-quốc choán từ khi mới khởi đơn xin, và những đất nào mà sở địa-hạt đã có xuất tiền mà khai cho cao ráo cùng làm các công việc khác, thì đất ấy không được cho người khác khẩn.

Trong các đơn xin khẩn đất thì phải đính theo một cái họa-đồ chỉ cho chắc chắn sồ sào mẫu, và giái hạng đất ấy và cắt nghĩa đất ấy đã dùng về việc chi.

Việc phân giải hạng các đất xin khẩn là phần sự của quan sở khám đạt làm và chủ xin khẩn phải chịu các sở phí.

Phải ngoại trừ các hầm, đồ quí và đồ xưa gặp ở tại trong các đất ban khẩn. Cũng phải ngoại trừ các suối, nguồng, đường nước mà các chủ khẩn sẽ được hưởng dùng là theo cách thức

định trong thể lệ bây giờ hay là sẽ làm ra về lề luật nguồng nước trong Nam-kỳ.

Các chủ khẩn đất phải trả lại cho quản-hạt mà không được đòi thường bồi, những đất cần dùng mà làm đường xe-lửa, kinh, và nói chung, các công việc có ích lợi chung, nhưng mà trừ ra các đất nào người chủ đã có cất nhà cửa hay là trồng tỉa vật chi. Còn đất khẩn dư lại bao nhiêu thì chủ khẩn phải tuân theo các đều buộc, thuế vụ và các thể lệ định trong lời nghị ngày 22 août 1882, miễng là các lệ buộc ấy không trái thể lệ định trong lời nghị nầy.

Các chủ khẩn phải khai phá và trồng tỉa mỗi năm ít nữa là một phần năm trong đất khẩn, kể từ ngày lời nghị ban khẩn, làm theo cách ấy đặng mãng năm năm thì đất ban khẩn sẽ khai phá hết.

Như không tuân lời buộc ấy, và như mãng mỗi một năm mà mỗi phần 5 trong đất khẩn không có khai phá, thì đất ấy phải nhập về quản-hạt, mà người chủ khẩn chẳng đặng xin thường bồi chi.

Khi mãng năm thứ 5, kể từ ngày ban khẩn thì nhà-nước cử một hội phái-viên đặng kiểm sát nhứt định coi các thể lệ định nơi đều trước nầy có tuân đủ cùng chăng. Chiếu theo tờ phúc bẩm của hội phái-viên ấy sẽ có một lời nghị, hoặc đặng thâu về cho nhà-nước các phần đất chưa có khai phá, hoặc đặng định cho đứt chủ khẩn các quyền phép làm chủ trọn đất khẩn.

Chủ khẩn chẳng đặng phép cầm cố hay là bán đất mình mới khẩn trong kỳ 5 năm đầu và trong lúc mình chưa lảnh chấp chiếu cho đứt việc ấy, bằng chẳng tuân thì đất khẩn ấy phải sát nhập về quản-hạt.

Người chủ khẩn phải đóng thuế trọn phần đất nào mình được khẩn kể từ ngày 1er janvier năm thứ 2, nghĩa là cách một năm mình được khẩn đất ấy.

Các chủ khẩn đất từ 10 mẫu sập xuống sẽ được phép hưởng trọn đất mình khẩn là kể từ ngày đất ấy đã khai phá hết.

Các người chủ khẩn trong kỳ 3 năm, phải khai phá đất khẩn cho hết.

Trong kỳ 3 năm đầu và khi chưa được lảnh chấp chiếu cho dứt thì người chủ khẩn không được cầm cố và không được bán đất mình, bằng không tuân, thì đất khẩn ấy sẽ thâu nhập về quản-hạt.

Các đều buộc ấy phải biên sau tờ bằng khoán khẩn đất như cách sau nầy :

« Người chủ khẩn sẽ được trọn quyền mà hưởng đất biên « trong tờ chấp chiếu nầy là khi mảng kỳ 3 năm và khi nó đã « canh tát đất ấy hết ».

Trong kỳ hạng ấy người chủ không được phép bán đất hay là cầm cố cách nào cho ai, bằng chẳng tuân, thì đất ấy sẽ thâu lại về quản-hạt.

Khi nào đất đã canh tát hết và có xét chắc chắn thì đất mới cho đứt.

Các đơn khẩn, khi nào có lẽ được như vậy, thì phải phú cho các quan kiểm lâm xem xét coi đất xin ấy có thuộc về đất rừng hay không.

Các đơn xin khẩn đất nhà-nước nơi mé sông, mé rạch hay là mé kinh, thì phải phân giải hạng một cách đặng chừa từ mé sông mé rạch, mé kinh, một khoản rộng từ 1 thước đến 4 thước, tùy theo bề dài đất ấy ra đến sông bao nhiêu, phần đất chừa ra dọc theo mé sông thì phải bằng một phần tư trong phía chạy dài theo hậu bồi khi nào kinh mới đào ra, mà như đất dọc theo gần xung quanh kinh ấy có ai xin khẩn, thì nhà-nước phải cho những dân trong các làng nào 'có phụ trong việc khai kinh ấy, khẩn hơn là cho kẻ khác khẩn.

Những đất nào khi trước nhà-nước Annam ban khẩn cho những kẻ có làm đơn xin, thì được hủy mà thâu lại, các đất ban khẩn khi trước buộc phải đóng thuế cho thường bằng không đóng thuế thì phải thâu lại.

Những đất ban khẩn phải nhập về của nhà-nước khi nào chủ khẩn đã bỏ hoang.

Những kẻ nào mất quyền làm chủ đất ban khẩn cho mình theo cách ấy, chẳng hề khi nào được làm chủ đất ấy, thì không được phép tranh giành đất ấy.

Nghiêm cấm hương chức không được đem đất nào vào bộ điền mà làm đất của làng, vì đất ấy phải để dành cho những người làm đơn xin khẩn.

Phải phát cho những kẻ có làm đơn và quì đơn xin khẩn, một cái biên lai cai như vầy :

1° Số thứ tự biên đơn ấy vào sổ ;

2° Ngày vô sổ.

3° Đất xin khẩn tọa lạt tại tổng nào, làng nào hay là hộ nào.

4° Số sào mẫu định phỏng bao nhiêu.

5° Tứ cận và các lời khai đặng biết cho chắc đất xin khẩn ra thể nào.

Những đơn xin khẩn đất 10 mẫu được phân định tức thì là khi mãng đủ hạng ba tháng luật dạy tra vấn và thể lệ gián các thị rao truyền.

Trong các đơn xin khẩn, như có người Phương-tây và người bổn-quốc tranh giành cùng nhau thì quan Tham-biện phải tra vấn và như ngài có mắc việc chi thì người nào thay mặt cho ngài phải tra vấn.

Trong đơn xin khẩn đất nào có chồng và vợ ký tên vào, và khi đất đã ban khẩn rồi, thì chẳng được gọi là người vợ có quyền phép trong đất khẩn ấy.

II. — Những đất đã khai thành viên lang huê quả rồi thì phải bán đấu giá. Hễ ai xin phát mãi đất ấy, thì trước phải lập tờ mà giao chắc chắng nếu không ai đấu giá, thì mình chịu lãnh giá Nhà-nước ra. Những đất bán đấu giá phải chịu thuế kể từ ngày 1er janvier năm sau khi đã đấu giá rồi.

Như có kẻ xin bán giảo giá, mà không chịu giá trước, thì đơn xin bán giảo giá phải bãi đi.

Sự đấu giá trước buộc kẻ xin đơn phải đứng mua, dầu mà đến ngày bán mà nó không ra mặt mà đầu mặt lòng; lại nếu như không có ai đấu giá lên nữa, thì hội đồng nhứt định bán. Khi ấy đơn xin phải hiệp theo cùng giấy kiết nhận giảo giá.

III. — (1) Trong cả và quản-hạt, kể từ ngày 1er août cho tới ngày 31 décembre 1887, những đơn các chủ đất nào chưa có bằng khoán xin đứng tên vào địa-bộ, được lấy làm hơn những đơn các kẻ chưa làm chủ đất ấy mà xin khẩn hay là xin bán đấu giá.

Hễ ai muốn thưa kiện về những đất ấy, thì phải làm đơn trước ngày mồng 1 tháng juillet 1888, là chính ngày cho các chủ đất xin đem tên vào địa-bộ được phép đăng vào, nếu như không ai tranh giành.

Mãn hạn tra vấn rồi, nghĩa là đến ngày mồng 1er juillet 1888, thì việc đem tên vào địa-bộ tra ra chắc chắn cũng như có bằng khoán vậy.

Hể làng nào có việc, thì phải cho hai người hương-chức theo ứng trực hội đồng lãnh mà tra xét những đơn kêu nài trong việc đất cát trong mỗi hạt. Hội đồng ấy có quyền mà phân xử cho những chủ đất không có bằng khoán.

Khi những đơn các chủ đất không có bằng khoán kêu nài trước ngày 1er janvier 1888, mà không có ai tranh giành, hay là khi có tranh giành mà đã phân xử rồi, thì mới được đem vào bộ.

---

(1) Tôi tưởng có ích mà nhắc lại đây những qui điều bây giờ, không ban hành nữa, mà khi năm 1887 đã dùng mà vi bằng đem đứng địa bộ những chủ choán đất Nhà-nước không có bằng khoán.

Quá ngày 1er juillet 1888 rồi, thì các chủ đất đả được đăng tên vào bộ, được phép xin quan phát bằng khoán, cùng xin lảnh bản đồ đất mình mà phải đóng tiền thuế. Các chủ đất cũng được xin phát giấy lục sao rút trong địa-bộ đặng mà dùng tạm thay vì bằng khoán mà phải trả một quan tiền tây thì mới được lảnh giấy ấy.

Trong mỗi hạt, quan Tham-biện cùng hai người hương-chức làng nào có việc được quyền tra xét cùng phân xử cho những chủ đất mà không có bằng khoán.

Cáo thị làm ra chữ quốc-ngữ và chữ-nhu sẽ dán trong các hương-thôn quản-hạt trong kỳ hạng đã định về những đơn xin đứng địa-bộ đất của Nhà-nước mà mình làm chủ không có bằng khoán và các lời kêu nài những đơn xin đứng bộ đất ấy.

Các làng phải biên ra chữ Annam những giấy sao tên, họ các chủ đứng xin địa-bộ, giái hạn sào mẫu đất ấy cùng chủ đất ở được bao lâu. Giấy sao đủ các đơn những chủ xin đứng địa-bộ phải dán tại nhà hội làng cho tử tế đừng để rách ; cho đến ngày 1er juillet 1888.

Quá ngày 1er juillet 1888, những đơn nào mà quan đã có xem xét cùng phân xử, hoặc quan Tham-biện, hoặc quan tòa, tùy theo lúc, cho các chủ tranh giành rồi, thì mới được vào địa-bộ. Còn những đơn nào mà không có ai kêu nài hay là có ai kêu nài mà đã phân xử rồi, thì sẽ đem gộp hết thảy vào địa-bộ ngày 1er juillet 1888.

Khi đã đem vào địa-bộ tại trường-bô rồi, thì phải ghi vào trong đơn mà sức cho hương-chức đặng có đem vô bộ làng cùng trao đơn ấy lại cho chủ đất. Mấy chủ đất cũng được phép xin tờ lục sao rút trong địa-bộ mà phải đóng một quan tiền tây mới được lảnh tờ ấy.

IV. — Khi có hội-đồng nhóm mà phân định giái hạn tổng, thành phố và làng, thì các hương-chức trong làng hay là trong tổng sở tại, cùng những hương-chức các làng giáp ranh phải tựu lại hết.

Những kẻ làm điều tình tệ, phá, làm hư, lay là dời những cây mộc giái, hay là cát dấu nào khác hội-đồng đã cấm mà phân ranh thì phải bị phạt.

Tiền phí lộ chuân cho hương-chức có dự vào hội phái-viên phân ranh hạng đã định là 5 cắt một ngày.

Theo tục Annam như có việc tranh trở về sổ sảo mẫu đã khai hay là ranh hạng, thì được phân định về sự chất sở đất tranh

giành ấy, không phải chiếu theo sổ sào mẫu biên trong bộ hay là trong giấy, song phải chiếu theo tứ cận biên trong bằng khoán mà thôi.

V. — Các thứ cây kể tên sau nầy : là cây *ca-cao*, cây *café*, cây *ca-chou* và cây điều đỏ, đều gọi là cây Nhà-nước dạy trồng. Những đất trồng các thứ cây ấy đều được miễng thuế, dầu mà những đất ấy đã có trồng tỉa cũng đã có chịu thuế rồi mặc lòng, thì cũng được khỏi thuế nữa, song phải theo thể lệ sau nầy : Hể có trồng 15 cây *ca-cao* hay là *café* mỗi mẫu, thì được giảm thuế một phần thứ mười, cho nên hể có trồng 150 cây mỗi mẫu, thì được giảm thuế trót phần ; như mà nếu có trồng lẽ ra 15 cây thêm, thì không được kể phần lẽ ấy.

Về điều đỏ cùng các cây làm nhựa thun, thì mỗi mẫu phải có trồng 200 mới được giảm thuế trót phần ; những phần lẽ không được 20 cây thì không được kể.

Các thứ cây nhà-nước dạy trồng đều được trồng một lược cùng nhau, và được hiệp lại mà làm nên số cho đặng phần giảm thuế, dầu có trồng các thứ cây nào khác mặc lòng, nhưng mà phải trồng cho cách xa cây nhà-nước dạy trồng 4 thước tây thì mới được.

Kể từ năm làm mùa lần thứ hai, thì không được giảm thuế nữa.

Trong mỗi hạt, thì cho một tổng hưởng phần ích lợi về sự trồng các thứ cây nhà-nước dạy trồng mà thôi. Nhưng vậy những cây nói trước nầy đều được trồng trong cả và quản-hạt.

Sự trồng tiêu thì cũng là một thứ cây nhà-nước dạy trồng và được hưởng các điều ích lợi định cho các thứ cây ấy.

Những đất nào trồng được ít nữa là 400 cây tiêu trong một mẫu và mỗi một cây tiêu choán ít nữa là 250 phân đất vuôn, thì đất ấy được miễng thuế trọn trong năm về mùa thứ nhứt.

VI. — Quản-hạt bảo lãnh cho các dân trong tổng nào được phép hưởng phần ích lợi về sự trồng các thứ cây nhà-nước dạy trồng; mà mua đồ huê-lợi của chúng nó làm ra theo giá chợ bên nước Langsa ; nhưng vậy các chủ trồng ra, muốn bán huê-lợi cho ai thì bán.

Mỗi năm quan Nguyên-soái định giá các món, hoa-viên mà cho dân sự hay.

Các món thuế huê-viên ấy đều phải đem mà nạp tại dinh Tham-biện song chẳng buộc các chủ phải đem đến Tham-biện sở tại mà nạp, muốn đến tham-biện nào gần hơn thì cũng được, mà lại cũng chẳng buộc đích thân các chủ phải đến mà nạp, muốn cho ai đi thế cho mình thì cũng được.

Nhà nước mua và trả tiền lập tức cho các người canh nông hay là làm vườn, những trái cacao, bất kỳ là hái được bao nhiêu, theo giá 2 chiêm một trái, bất kỳ lớn nhỏ.

Trái cacao sẽ bán được là khi nào hái đúng kỳ chính. Những trái cacao vàng khi chính thì vàng sậm và những cacao đỏ, thì xanh quanh khía nó vàng, và khi nào lúc lắt nó thì hột nó kêu.

VII. — Chẳng những là được giảm thuế mà thôi, mà lại hễ ai đã trồng tỉa cách xứng đáng thì cũng được thưởng nữa.

Hễ ai muốn xin phần thưởng thì phải làm đơn cho quan Tham-biện sở tại kể hết công cuộc mình đã làm, trồng được mấy mẫu mấy sào, trồng những cây gì, mỗi mùa huê lợi đặng bao nhiêu.

Ngoại trừ ra những phần thưởng riêng về sự trồng trặc, lại còn có định phần thưởng cho các kẻ nuôi trâu bò mà có cất chuồng trại che lợp tử tế, lấy đặng nhiều phần tốt.

VIII. — Hễ ai muốn cho đặng giảm thuế, thì phải làm khai cho quan Tham-biện sở tại mà kể mình đã trồng những vật gì được bao nhiêu và phải nói nếu mình đã giữ theo lệ buộc về sự phải trồng, mỗi cây cách xa nhau mấy thước. Giấy khai ấy phải có con dấu làng cùng con dấu tổng nhận thiệt và sự mình đã khai, mà chẳng phải tốn tiền về sự ghi nhận ấy.

Cai-tổng phải ghi các lời khai cùng phải đi coi lại công cuộc trồng tỉa trong các làng. Trong giấy nguyệt-đề phải để một khoản mà nói về các món cây nhà-nước dạy trồng. Cai-tổng hằng phải dạy các làng khai báo cho mình biết cho rõ ràng về việc trồng tỉa các thứ cây ấy, cho đặng bẩm lại cho quan Tham-biện hay.

Tới kỳ đóng thuế, các làng phải làm khai về sự giảm thuế. Cai-tổng phải coi cho chắc chắn, kẻo để hoặc là các chủ đất hoặc là nhà-nước phải thiệt hại khi khai không nhằm. Trong giấy khai ấy, phải hiệp cọng tiền thuế phải giảm cho làng hết bao nhiêu, cùng tiền còn lại làng phải đóng là bao nhiêu. Giấy biên lai kho giảm thâu phát ra cũng phải kể số tiền đóng bao nhiêu, tiền giảm bao nhiêu nữa.

ĐOẠN THỨ XVI

VỀ THUẾ NGOẠI NGẠCH

I. — Về việc hương chức phải phụ lực cho các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch. Phần trách cứ hương chức về việc thuế Ngoại-ngạch.
II. — Thể lệ chung về việc trái phạm. — Tiền thưởng chuẩn cho kẻ điểm chỉ.
III. — Rượu nếp, cách thức thuế vụ, cách đặt, sự thông hành và sự bán, sự trái phạm và sự trừng trị, qui điều các khoản.
IV. — Cây diêm quẹt, thuế vụ, sự thông hành, sự trái phạm và sự trừng trị.
V. — Cau, thuế vụ, sự thông hành, sự trái phạm và sự trừng trị
VI. — Dầu suối, vựa trữ dầu trong lục-tỉnh, sự bán, sự trái phạm và sự trừng trị.
VII. — Thuốc nha-phiến, hoa-chi, sự bán, sự trái phạm và sự trừngt trị.
VIII. — Thuốc hút, sự thông hành, thuế vụ, sự trái phạm và sự trừng trị.
IX. — Thể lệ về sự làm ruộng muối, sự mua muối và sự trữ muối, sự bán, sự trái phạm và sự trừng trị.

I. — Chiếu theo thể lệ đang ban hành trong quản-hạt buộc các viên quan bổn-quốc, cai-tổng, xã-trưởng, hương chức, vân vân..... phải lấy quyền phép mình mà giúp đỡ và phụ sức cho các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch trong việc bổn phận chức việc ấy, và mỗi khi chúng nó nài xin, ai trái phạm phép ấy, thì phải bị giải đến tòa.

Một hai khi như có bắt đặng ai trái phạm tại sở thời, và khi nào không phương thế báo cùng chức việc sở thuế Ngoại-ngạch cho kiệp, thì xã-trưởng và chức việc phụ, hoặc như xã-trưởng có vắn mặt thì hương chức trong làng được bắt các đều trái phạm mình thấy được, tịch ký đồ tang và lập tức phải giải người trái phạm cho chức việc sở thuế Ngoại-ngạch, cũng phải dưng cho các chức việc ấy một tờ phúc bẩm nói cho cặng kẻ các việc mình đã thấy. Người chức việc ấy phải tra vấn các cớ tích buộc, phải tịch

ký đồ và phải làm tờ kiêt bầm, trong tờ ấy, chẳng những là phải nói các cớ tích công việc, và lại phải biên các đều chịu thiệt và các lời chôi của kẻ bị cáo, và như xét có lẽ thì phải bắt kẻ bị cáo. Tờ phúc bầm của làng phải đính theo tờ kiêt bầm của chức việc sở thuê Ngoại-ngạch.

Các hương chức, bất câu là bực nào, bất kỳ là phần sự làm việc chi, hoặc là bổn phận riêng mình phải làm việc ấy, đều được phép trừng trị tội trái phạm, bất sở thời có cớ chắc chắn, và được quyền phép làm như vậy là trong diệp ấy mà thôi.

Khi nào hương chức có gặp ai phạm lệ luật mà chở hàng hóa cấm, thì được phép bắt, và trong mọi việc nào chẳng cần gì phải xét nhà. Trong các diệp trái phạm khác, thì hương chức phải đặt một người canh nhựt trước nhà cửa tên trái phạm và phải cáo báo cho chức việc sở thuê Ngoại-ngạch hay.

Trong các thành thị nào ngoại Saigon, thì các viên quan và chức việc Langsa sở thuê Ngoại-ngạch như xét có ích, thì được truyền cho xã-trưởng, chức việc phụ, hay là hương chức bổn-quốc sở tại phụ sức, các chức việc bổn-quốc nào chẳng tuân theo lời truyền miệng hay là viết của các chức việc sở thuê Ngoại-ngạch trong khi hành-chánh bổn phận chúng nó và không giúp sức trong các diệp, sẽ bị nhà-nước phạt, y theo lời xin quan làm đầu sở thuê Ngoại-ngạch và lại sẽ bị phạt theo các tội định trong luật hình.

Trong khi kiểm sát việc chi, thì chức việc Langsa không được bỏ về, và để cho chức việc bổn-quốc tùng quyền mình mà xét một mình, vì mình phải kiểm sát cho trọn công việc.

Như trong diệp nào mà vì cớ chi, nên các chức việc đã bắt đặng một người gian lậu mà không giải cho viên quan nào hay là quan tòa nào phải phân xử phạt tù nó, hay là thả nó không cần người bảo lảnh, thì chức việc ấy được phép giao tên gian ấy cho làng hay là cho các chức việc tuần phòng, thì các chức việc ấy phải giải nó đến cho viên quan, hay là đến quan tòa ấy. Trong cơn ấy, thì phải giao một bổn sao tờ kiêt bầm cho chức việc lảnh canh giữ tên phạm luật ấy.

Các hương chức làng phải bị trách cứ về sự phạt vạ kẻ nào đặt rượu lậu, và phải bị lỗi các đều trái phạm ấy đã bắt đặng mà không biết người phạm tội, và như hương chức làng không làm việc chi mà ngăn trở sự trái lệ ấy trước khi bắt đặng.

Như có cớ chắc rằng hương chức làng xen vào mà phao việc gian lậu cho người nào không phải là người làm đều trái phạm ấy, thì hương chức sẽ bị phạt và sẽ bị tòa hình trị tội nửa.

Khi nào bởi sự từ nang giúp sức, bởi sự bất tuân lịnh truyền, hay là bởi sự bê trễ rất trọng của hương chức, nên kẻ phạm tội và đồ tang đã lánh khỏi tòa sửa phạt, thì hương chức ấy sẽ bị tòa trị buộc tội, như các đều ấy, thiệt là cố ý ngăn trở hay là nghịch mạng cùng các chức việc thuế sở Ngoại-ngạch trong khi hành-chánh bổn phận chúng nó.

Về việc trách cứ, hương chức sẽ bị tội trong các diệp nào có cớ rỏ ràng và trong các sự lỗi chúng nó bị buộc phải có cớ chắc chắn thì mới được.

Những hương chức phải bị trách cứ về tội không có lòng giúp sở thuế Ngoại-ngạch là : hương-thân, hương-hào và xã-trưởng.

Trong khi hương chức làng có lỗi bị buộc về việc thuế Ngoại-ngạch, và trước khi muốn buộc tội hương chức ấy đến tòa, thì quan phó làm đầu sở thuế Ngoại-ngạch phải bàn tính cùng quan chủ tỉnh nào làng ấy tùng quyền. Như hai viên quan ấy không thuận tình nhau, thì việc ấy phải dưng cho quan Phó-soái phân định, và như có lẽ, thì phải buộc tội làng đến tòa

II. — Chức việc phương-đông đứng bộ dân bộ Langsa được nhập vào ngạch sở thuế Ngoại-ngạch và được dự trong việc tuần phòng và việc trừng trị, đặng giúp đỡ các chức việc Langsa. Các người phương-đông ấy phải thế và chẳng khi nào được phép làm tự xứng một mình được, trừ ra khi nào bắt đều trái phạm tại trận, thì mới được; các chức việc ấy, miễng là phải có ít nữa là hai người, mới được phép xét trong các xe tờ, xe riêng, xe lửa, trong các thứ ghe, trừ ra trong tàu, xét trong xe bò, gánh gói, trong các đồ tùy thân, và trong các đồ đạc chở đi đường bộ và đường thủy. Như chúng nó tùng quyền viên chức nào, thì viên chức ấy được phép dùng tờ phúc bẩm chúng nó làm gốc mà làm tờ kiết bẩm.

Các viên quan và chức việc sở thuế Ngoại-ngạch, khi kiểm sát việc chi, thì phải có tùy thân bằng cấp mình, hay là giấy Nhà-nước sai mình, hay là một lá bài chỉ của quan chánh làm đầu hay là quan phó làm đầu sở ấy phát cho mà vi-bằng quyền phép mình và đích thân mình.

Trong các việc kiểm sát và tuần vãng nơi chỗ ở nhà cửa, ngoại trừ các tiệm, thì các viên quan và chức việc tây sở thuế Ngoại-ngạch, hoặc có đem chức việc bổn quốc theo hay là không cũng được, các lính trần phủ (*tục gọi là sơn đầm*) và chức việc tuần phòng, và thường thường thì người thay mặt cho việc chức lang-

sa coi việc tuần phòng, hay là chức việc tuần phòng, cả đều được thi hành việc kiểm sát nơi nhà cửa người ta.

Các viên quan, chức việc sở thuế Ngoại-ngạch, trong khi ban hành bổn phận chúng nó và tùy theo điệp buộc, đều được phép đi thông thương trong vườn tược riêng người ta, và chẳng cần gì phải có chức việc tuần phòng đi theo, cùng trong lúc ban ngày được vào nơi ấy, hoặc trong lúc tri bắt, khi có ai chở hàng hóa lậu.

Các việc tuần vãng và kiểm sát nhà ai, hoặc đặng tri bắt, thì được phép làm từ 5 giờ sớm mai cho tới 6 giờ rưỡi chiều.

Nhưng mà khi đã khởi sự kiểm sát mà tri bắt trước 6 giờ rưỡi, thì được phép làm luôn trong đêm tại nhà người phạm tội, nếu như chức việc xét rằng có ích phải tri bắt luôn vì đã khởi sự rồi.

Sự tuần vãng xung quanh và ở ngoài, hay là trong vòng nhà cửa người nào bị nghi làm đều gian lậu, thì được phép làm bất kỳ là giờ nào, và như khỏi địa phận thành thị nào là chỗ có quan tòa ở, thì chức việc sở thuế Ngoại-ngạch được phép xét nhà các viên quan hay là làng tổng Annam, từ bực tri huyện và các viên quan khác đồng phẩm ; nhưng mà, trước hết phải xin người thay mặt cho nhà-nước phụ sức.

Được phép xét trong mình người Annam bất kỳ là tại chỗ nào.

Khi xét trong mình người Annam, thì chẳng cần phải có người chức việc tuần phòng phụ sức.

Các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch được tuần vãng và kiểm sát trong những ghe, ghe chài đương đi đàng, và đậu tại chỗ nào các chức việc ấy gặp đặng, hay là tại Châu-thành, và chẳng cần gì phải có chức việc tuần phòng phụ sức và chẳng cần chi phải có lịnh riêng.

Các viên quan, chức việc được vô, bất kỳ là giờ nào trong lúc ban ngày, và chẳng cần lịnh riêng, trong các chỗ thợ làm, các nhà may, lò đặt rượu, tiệm nghánh, nhà giấy xe lửa, các chỗ bến đậu, và trại hay là các nơi nào làm, bán, trữ, cùng chở chiên đồ thổ sảng phải đóng thuế.

Các chức việc ấy được tuần vãng, kiểm sát nơi ấy, nếu như chúng nó nghỉ xét hữu ích.

Chúng nó cũng được phép vô khi ban đêm trong mấy chỗ thợ làm, nhà máy và lò đặt rượu hay là trại nào, như người chủ, người làm đầu, hay là người cai quản mấy chỗ ấy có khai rằng : mấy hàng ấy đương làm.

Các hàng ấy gọi là đương làm, là khi nào đã có tại đó, hay là các nhà khác cũng tùy theo chỗ đó, những đồ râm, các đồ lồng, thổ sảng hay là hàng hóa để mà đặt rượu, lọc lại, hay là làm ra cách khác.

Các chức việc tuần phòng, các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch, bất kỳ là giờ nào khi ban ngày và ban đêm, đều được phép vô thông thương trong các tiệm rượu và tiệm thuốc nha-phiên, và được phép kiểm sát nơi các chổ ấy như xét hữu ích.

Cũng được phép kiểm sát nơi tiệm cái, hay là tiệm nghánh bán những đồ thổ sáng, trừ ra nha-phiên, bất kỳ là ban ngày hay là ban đêm ; nhưng mà được xét trong lúc các tiệm ấy còn mở cửa bán mà thôi.

Các chủ tiệm ấy phải mở hầm, chổ để rượu, các kho và các chổ trữ đặng cho người ta kiểm sát, bất kỳ là trong ngày lễ hay là trong ngày chúa nhựt.

Cũng được quyền phép, xét các nơi trong nhà, và nơi nhà dưới, và cũng được xét nơi nhà người lân cận, nếu như nhà bị xét có thông thương cùng nhà người lân cận.

Những sự kình chống hay là đánh lại cùng các viên quan, viên chức sở thuế Ngoại-ngạch, thì sẽ bị buộc đến tòa, và sẽ chiếu theo luật hình mà trị tội. Cũng phải phạt vạ và tịch ký đồ của kẻ phạm luật.

Các đều phạm luật, phạm lời nghị và thể lệ nói về sở thuế Ngoại-ngạch, trừ ra rượu nếp, thì người điềm chỉ được thưởng một phần tư trong số tiền phạt vạ hay là số tiền chịu bồi thường, và trong số tiền bán những đồ tịch ký nếu các món đồ ấy là đồ cấm (1).

III. — Những rượu nếp chở vào hay là làm trong cỏi Đông-dương, thì phải chịu thuế tính theo từ lường rượu không pha. Sự thâu thuế ấy, thì phú thát cho sở thuế Ngoại-ngạch cỏi Đông-dương.

Giá thuế định là 3 quan tiền tây mỗi một lường rượu không pha.

Thuế rượu nếp annam khi trước định là 25 chiêm bạc một lường, bây giờ tăng lên là 30 chiêm một lường.

Các thứ rượu nếp không lọc để dùng trong các công nghệ, thì phải chịu thuế một chiêm bạc mỗi một lường rượu không pha.

Các người nào, công xi nào, và làng xóm nào, như muốn đặt rượu Langsa hay là rượu Annam, các thứ rượu, rượu mạnh, rượu trái nho tàu, hay là các thứ rượu mạnh khác, trong cỏi Đông-dương, thì trước hết phải có xin phép quan chánh làm đầu sở thuế Ngoại-ngạch cỏi Đông-dương mới được.

---

(1) Về những kẻ điềm chỉ sự đặt rượu lậu, thì phải coi khoản qui điều về việc ấy.

Trong đơn phải nói cách dùng mà nấu rượu, và phải nói phòng nấu một ngày đặng bao nhiêu, nấu thứ rượu gì mấy chữ, hay là các rượu mạnh khác. Phải đính theo đơn ấy một cái họa đồ chỗ đặt rượu và một tờ giao kèo buộc mình phải tuân theo các thể lệ đương ban hành về việc đặt rượu.

Quan chánh làm đầu sở thuế Ngoại-ngạch phải hỏi ý hội đồng sở ấy rồi mới làm lời nghị mà cho phép ấy. Trong lời nghị phải định phỏng cho phép đặt một tháng bao nhiêu và phải nói cách thức dùng mà đặt rượu, và phải chỉ đóng thuế rượu chỗ nào.

Những rượu người bổn-quốc dùng thì gọi là rượu nếp.

Bất kỳ ai chẳng đặng phép chở rượu đi trong địa-phận cõi Đông-dương mà không có xin giấy thông hành trước.

Số rượu từ một lường sấp xuống thì khỏi giấy thông hành.

Bất kỳ là thứ rượu nào, hoặc chở đi không có giấy thông hành, hoặc có giấy thông hành mà không thông dụng được thì phải đóng thuế trọn theo rượu lọc và lại phải bị tội về việc chở gian lậu nữa.

Những chức việc sở thuế Ngoại-ngạch đều được phép tra hỏi giấy thông hành, vì khi chở rượu trong địa-phận quản-hạt, thì phải tùy thân giấy thông hành.

Vậy thì các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch được phép kiểm sát các thứ rượu nào đương chở đi. Như có sự nghi nang, thì chức việc ấy được phép dẫn trọn bọn chở rượu ấy đến nơi phòng thuế Ngoại-ngạch nào gần hơn hết đặng kiểm sát cho trọn.

Trong giấy thông hành phải biên số lường Langsa và phải biên bằng chữ Langsa.

Bất kỳ là thứ rượu nào có giấy thông hành biên bằng chữ ngoại quốc, thì phải bị phạt đóng thuế đủ theo rượu lọc, và lại sẽ bị buộc tội về việc chở rượu gian lậu.

Những giấy thông hành phải cắt trong sổ giáp lai, sổ ấy của sở thuế Ngoại-ngạch phát và giá mỗi một cuốn là một đồng bạc.

Giấy thông hành phải trình cho các chức việc khi có tra hỏi, và phải biên những lời sau nầy :

1° Tên hiệu tiệm đặt, hay là tên người bán rượu lẻ.

2° Tên người mua ;

3° Rượu chở đi đâu ;

4° Cách chở làm sao ;

5° Số chở bao nhiêu, rượu gì, rượu không pha hay là rượu mấy chữ.

6° Mấy lường rượu không pha ;

7° Đựng bằng giống gì, số ve, tĩnh, thùng mấy cái ;

8° Đi đường nào ;

9° Chở đi bao lâu;
10° Giờ, ngày lấy rượu;
11° Ký tên người bán.

Người chở rượu, khi đi về nơi chỗ mình, thì phải đi theo đường thẳng đã biên trong giấy thông hành, và được trừ ra khi nào có cớ khác chắc chắn thì mới được đi đường khác, kỳ hạng chở chuyên không được quá kỳ hạng của nhà-nước định cho.

Kỳ hạng chở theo xe lửa hay là theo tàu đi đường sông, thì phải chiếu theo ngày giờ nhà-nước định cho xe lửa hay là tàu ấy đi.

Về phần chở theo đường bộ, như không chở theo xe lửa lớn, xe lửa nhỏ, hay là theo xe nào, thì kỳ hạng cho chở đi phải tính theo trong 40 ngàn thước trong 24 giờ đồng hồ. Còn chở đi đường sông, trong một ngày thì phải tính 60 ngàn thước.

Khi tới chỗ rồi, thì người được rượu Annam có giấy thông hành phải giao giấy ấy cho chức việc sở thuế Ngoại-ngạch, như phòng thuế Ngoại-ngạch không cách xa đó hơn 2 ngàn thước. Còn ở xa, thì chủ phải ghiêm giấy thông hành ấy trong sổ bán của mình, rồi khi nào quan sở thuế Ngoại-ngạch đến kiểm sát, thì thâu giấy ấy lại.

Bất kỳ là ai, chẳng đặng phép bán hay là nhường để rượu gì cho ai nhà không có lãnh trước bài bán rượu của sở thuế Ngoại-ngạch phát.

Những người đặt rượu, người làm các thứ rượu, vân vân.... đều được phép bán bất kỳ là rượu gì cho kẻ mua bán lớn, kẻ bán lẻ, kẻ bán theo tiệm, cho người buôn bán hay là người ngoài, thì phải tuân theo các đều buộc định như sau nầy:

Bài bán lớn và bán lẻ thì có hai hạng.

1° Bài bán rượu sĩ hay là bán tiệm lớn.

2° Bài bán rượu bán lẻ, bán nơi chợ hay là bán dạo.

Về người phương-đông, bài bán rượu được phát ra là cho kẻ nào có giấy thuế thân chắc chắn và phải có sở thuế Ngoại-ngạch ưng chịu, thì mới được. Trong bài bán rượu phải biên các lời cai trong giấy thuế thân.

Bài bán rượu bán sĩ hay là bán lẻ được thông dụng cho một tiệm và trong kỳ một năm mà thôi, (từ ngày 1er janvier tới ngày 31 décembre).

Bài bán rượu phải theo chỗ nào dễ thấy trong tiệm. Những người bán dạo phải giữ bài bán rượu theo mình đặng khi chức việc sở thuế Ngoại-ngạch có tra hỏi, tức thì phải trình ra.

Giá mỗi bài bán rượu thì định như sau nầy:

6 Đồng bạc cho các người buôn bán lớn và bán lẻ có tiệm lớn;

1 Đồng bạc cho các người bán lẻ, bán tại chợ hay là bán dạo.

Những người nào muốn buôn bán rượu Annam và rượu tàu, thì phải giao buộc rằng mình phải dùng trong cuộc buôn bán những mái, tỉnh nào có dấu hiệu của sở Ngoại-ngạch ưng chịu.

Lời giao buộc ấy phải biên trong bài bán rượu. Đặng mà bảo kiết sự giao buộc, và thế cái giá mái, tỉnh, và dấu hiệu của sở thuế Ngoại-ngạch, như đồ ấy có mất, thì người xin bài bán rượu phải đóng thế chưng một số bạc như sau nầy :

100 đồng bạc, những người buôn bán lớn ;
10 đồng bạc, những người buôn bán lẽ ;
5 đồng bạc, những người bán nơi chợ, hay là bán dạo.

Những rượu Annam hay là rượu tàu để mà bán, thì phải đựng trong mái tỉnh có dấu hiệu của sở thuế Ngoại-ngạch phát.

Những người bán lớn hay là bán lẽ chẳng hề khi nào được phép đựng, chở hay là bán rượu không đựng trong mái tỉnh có dấu hiệu theo phép buộc. Chúng nó phải bị lỗi về việc giữ gìn dấu hiệu của nhà-nước.

Trong các nơi xa chỗ đặt rượu Annam, thì sở thuế Ngoại-ngạch hay là người thay mặt theo phép, phải lập chỗ kho trữ rượu.

Mỗi người bán rượu phải mua nơi vựa tại xứ mình. Những mái thì phải có dấu hiệu riêng đặng dùng trong mỗi vựa ; dấu hiệu riêng ấy phải biên trong bài bán rượu.

Những người bán dạo được đổi tỉnh mái không của mình trong mỗi vựa mà lấy y một số tỉnh mái có dấu hiệu vựa nào mình buôn bán.

Giá bán rượu Annam và rượu tàu đựng trong mái tỉnh đậy lại có đóng hiệu sở thuế Ngoại-ngạch, thì về nhà-nước định.

Như có bán trọn mái tỉnh với rượu cho kẻ nào mua mà dùng, thì người bán phải thối tiền mái tỉnh ấy lại cho nhà-nước.

Như có bán rượu thường trên một lường, thì phải có giấy thông hành vi-bằng. Luật ấy phải buộc cho các thứ rượu đựng trong mái theo lệ nào đựng từ 100 lường sắp lên.

Người bán lẽ, kẻ bán nơi chợ, người bán dạo, đều phải bán rượu ít hơn một lường hay là bán bằng mái tỉnh theo lề luật.

Giá rượu bán trong mỗi vựa, thì có lời nghị quan Tổng-thống định, theo giá mua của kẻ đặt, theo tiền sở phí chung về việc chở chuyên, theo sở phí khiên gánh và vào mái và phải tính theo tiền lời bán sỉ.

Bất kỳ ai chẳng đặng bán rượu Annam, hay là rượu tàu đựng trong các mái tỉnh nào khác hơn là các mái tỉnh có nhà-nước ưng chịu và phải có dấu hiệu của nhà-nước.

Những người bán sỉ lớn, bán sỉ và bán lẻ, khi bán rượu cho ai mua mà dùng, thì được phép tăng trong giá bán giá tiền tình mái ;

Sẽ bị phạt vạ từ 500 đến 5000 quan tiền tây, và phạt tù từ 15 ngày tới 3 năm, hay là bị phạt một tội trong hai tội ấy mà thôi, những kẻ nào không có phép mà đặt tại cỏi Đông-dương, những rượu Annam, các thứ rượu, rượu mạnh, vân vân.....

Như nội trong một năm mà có tái phạm lại, thì phải gia phạt trọn hai tội ấy.

Những kẻ nào cố ý mua hay là lảnh các thứ rượu lậu của người chủ đặt lậu thì sẽ bị phạt đồng tội về sự liêng cang.

Những đồ khí dụng để mà nấu rượu, những đồ râm và men, rượu và những đồ đựng rượu, thì phải tịch ký và thâu nhập về sở thuế Ngoại-ngạch.

Sự chứa đồ vật râm có men (nghĩa là, cơm, trái cây, nước chè, vân vân...), và như có nhiều ông trâm, thì đều gọi là phạm luật về việc đặt rượu.

Các hương-chức làng sẽ bị trách cứ về phần vạ phạt những kẻ nào đặt rượu lậu, và phải bị lỗi các đều trái luật như không biết người nào trái phạm, và như làng không có làm đều chi đặng ngăn trở sự trái phạm ấy trước khi bắt đặng có bằng cớ.

Như có cớ chắc chắn rằng hương-chức làng có xen vào mà phao việc gian lậu cho người nào không có làm đều trái phạm ấy, thì hương-chức sẽ bị phạt và sẽ bị tòa hình tri tội nữa.

Khi nào bởi sự tử nang giúp sức, bởi sự bất tuân lịnh truyền, hay là bởi sự bê trễ rất trọng của hương-chức mà kẻ phạm tội và đồ tang được lánh khỏi tòa sửa phạt, thì hương-chức ấy sẽ bị lỗi và chịu tiền phạt vạ và sẽ bị buộc tội đến tòa hình như các đều ấy thiệt là cố ý mà ngăn trở, hay là nghịch mạng cùng các chức việc sở quan thuế trong khi hành chánh bổn phận chúng nó, sự lỗi của hương-chức sẽ bị buộc trong các diệp nào có cớ bằng và trong khi nào có cớ chắc rằng hương-chức có lỗi.

Trong khi nào hương-chức làng có lỗi về sự thuế Ngoại-ngạch thì quan phó làm đầu sở thuế Ngoại-ngạch phải bàn tính với quan chủ tỉnh nào làng ấy tùng quyền, trước khi buộc tội hương-chức đến tòa. Như hai công môn ấy không thuận tình cùng nhau, thì nội vụ phải dưng cho quan Phó-soái xét và định phải tri tội hương-chức làng hay không.

Người nào làm nghề chi, hay là buôn bán, trừ ra khi nào có phép, đã thêm nước tróng rượu của mình, hay là pha món chi trong rượu, thì sẽ bị phạt vạ từ 500 đến 2000 quan tiền tây, và

lại bị phạt đóng thuế bằng bốn lần (thuế trọn rượu lọc) về số rượu thiêu hay là rượu pha.

Những người nào trữ, hoặc bán rượu hay là các đồ đặt rượu, bất kỳ thứ nào, mà không có bài bán rượu theo phép, thì sẽ bị phạt vạ từ 200 đến 2000 quan tiền tây, và phạt tù từ 8 ngày đến 1 năm, hay là bị phạt vạ không mà thôi. Rượu và đồ đựng rượu sẽ tịch ký và nhập vào sở thuế Ngoại-ngạch, như nội trong một năm mà có tái phạm nữa, thì tiền vạ phạt không được dưới số 500 quan tiền tây, vạ phạt tù từ 2 tháng sấp lên.

Những người đặt rượu, làm các thứ rượu, người trữ, buôn bán lớn, bán lẻ, nhà hàng, bán quán vân, vân..., và nói chung các người làm nghề buôn bán rượu hay là đồ nấu rượu, thì luôn luôn phải có bài bán rượu gián nơi chỗ nào dễ thấy trong tiệm mình. Bằng chẳng tuân thì sẽ bị phạt vạ 25 quan tiền tây.

Như kẻ bán rượu dạo không có trình bài bán rượu của mình cho chức việc nhà-nước coi khi có tra hỏi, thì cũng bị phạt y như trước dây vậy.

Người nào bán hay là chở rượu Annam không dùng chữ của nhà-nước định thì phải bị phạt vạ từ 100 cho tới 500 quan tiền tây và phải bị tịch ký rượu và đồ đựng rượu đặng nhập về sở thuế Ngoại-ngạch.

Những người nào đặt rượu, trữ rượu hay là buôn bán lớn không có lảnh bài bán rượu bán lẻ, mà bán rượu dưới số 15 lường, và những người bán lẻ mà bán rượu bằng hay là trên số 15 lường, đều gọi là bán rượu không có bài bán rượu và phải bị phạt theo tội định trước nầy.

Những người bán rượu mà có bài bán rượu đặng buôn bán lẻ rượu Annam không mà thôi, như có bán rượu Annam hay là rượu tàu chiếc trong mái nào không có dấu hiệu theo phép thì sẽ bị phạt vạ từ 200 đến 1000 quan tiền tây. Như có bắt đặng những rượu đựng trong mái không có dấu hiệu theo phép thì phải phạt đóng thế rượu bằng bốn phần (thuế trọn rượu lọc), rượu và đồ đựng rượu phải tịch ký đặng nhập về sở thuế Ngoại-ngạch.

Như có gởi hay là chở chiên trên một lường rượu để uống mà không giấy thông hành, hay có giấy thông hành mà không thông dụng được thì sẽ bị phạt vạ từ 25 đến 100 quan tiền tây. Lập tức phải bị phạt đóng thuế bội nhị, (thuế trọn rượu lọc). Rượu, đồ đựng rượu, và đồ dùng mà chở chiên đều bị tịch ký nhập về sở thuế Ngoại-ngạch.

Như trong khi chở chiên mà có sợ trễ nải, đổi đường đi, hay là đổi đồ chở mà không cớ bằng chắc chắn, thì phải bị phạt đóng

thuế bằng hai phần, tùy theo thứ rượu và số rượu chở bao nhiêu. Người đứng chở hay là người chủ mua đều bị liên cang trong việc ấy.

Những người nào buôn bán lớn hay bán lẻ mà mua rượu tại chỗ trữ rượu nào khác hơn là chỗ trữ rượu tại xứ mình thì phải bị phạt vạ từ 50 đến 200 quan tiền.

Ngoại trừ cho kẻ bán dạo được phép mua rượu tại chỗ nào cách chừng hai muôn thước nơi chỗ mình lảnh mái hũ có dấu hiệu nhà-nước mà chở đi bán.

Bất kỳ là ai làm, bán, đầu, trữ, gánh, hay là cho thông thương những rượu mạnh mà có pha, thì phải bị giải đến tòa sửa phạt, tòa ấy phải gia tội đã định trong luật hình, khi tòa đã xử tịch ký rượu mạnh ấy rồi, thì phải phá hủy rượu ấy đi.

Về các đều trái phạm lời nghị và trái phạm về việc rượu, như số tiền phạt vạ, tiền chịu bồi thường và giá đồ tịch ký, trên số 500 đồng bạc, thì kẻ điềm chỉ việc ấy được thưởng 2 phần trong số bạc chung.

Như số tiền phạt vạ, tiền chịu bồi thường và giá đồ tịch ký dưới số 500 đồng, thì kẻ điềm chỉ được thưởng một phần tư trong số bạc chung.

Các làng Annam được phép đặt rượu, mà phải tuân theo các lời buộc lòng định cho các dân đặt rượu công-xi với nhau.

Các làng đều được công-xi nhau mà làm một lò đặt rượu. Làng và các làng công-xi nhau đều được hưởng các sự ích lợi định cho các người đặt rượu và cũng phải chịu thuế vụ y như vậy.

IV. — Các cây diêm-quẹt, bất kỳ gốc ở đâu mà ra, đều phải đóng thuế tại cõi Đông-dương là 1 chiêm rưỡi trong một gói 10 hộp, mỗi hộp đựng từ 70 chục cây diêm trở lại.

Các cây diêm-quẹt được phép thông thương hay là bán, thì phải đựng trong hộp hay là gói có gián dấu hiệu của nhà-nước như sau nầy :

Những hộp-quẹt làm tại các hảng bổn-xứ mà ra, thì gián nhãn của nhà-nước cho phép và có con dấu của sở thuế Ngoại-ngạch.

Những hộp-quẹt chở vào trong bổn-xứ, thì có nhãn hình nhỏ của thuế Ngoại-ngạch gián khi mới vào đến cõi Đông-dương.

Những kẻ chở vào bổn-xứ phải chịu thuế gián nhãn hình nhỏ ấy.

Chẳng đặng phép bán những các hộp-quẹt nào đựng hơn 70 cây diêm-quẹt.

Được phép chở những cây diêm-quẹt vào Nam-kỳ trong mấy cửa biển kể ra sau nầy :

Sài-gòn, Mỹ-tho, Hà-tiên, Rạch-giá, Cà-mau. Người nào trữ, bán, hay là bán dạo những hộp-quẹt hay là gói cây quẹt có nhãn hiệu của hẳng làm trong xứ, mà không có dấu hiệu sở thuế Ngoại-ngạch, và lại không cắt nghĩa có bằng cớ gốc diêm-quẹt ấy ở đâu mà ra, thì bị phạt vạ từ 100 quan tới 1000 quan tiền tây. Các cây diêm-quẹt ấy lại bị tịch ký nữa.

Như có tái phạm, thì người trái lệ sẽ bị phạt vạ theo bực trên, và phạt tù từ 6 ngày đến 6 tháng.

V. — Trong cả và cõi Đông-dương những cau chở bán cho họ dùng phải đóng thuế kêu là thuế thông hành, sự thâu thuế ấy phú thát cho sở thuế Ngoại-ngạch.

Thuế ấy định như sau nầy :

	CAU NỔI bao nhiêu phải chịu thuế tính theo cân lang-sa	GIÁ THUẾ tính theo bạc
Cau tươi........................	50	0 $ 25
Cau khô........................	25	0 25
Cau khô có xát........................	25	0 10

Những số cau dưới số cân lượng phải chịu thuế định trước nầy, đều miễn thuế.

Những người chủ hay là người buôn bán nào muốn chở cau hay là cau khô có xát, thì phải khai cùng phòng sở thuế Ngoại-ngạch nào gần chỗ mình ở hơn hết, hay là tại phòng thuế Ngoại-ngạch nào gặp giữa đường từ chỗ mình đi qua chỗ mình đến. Trong lời khai phải nói thứ cau nào, số bao nhiêu, chỗ đi, và chỗ tới, (chỗ đi từ đâu tới đâu).

Người chở, khi đóng thuế rồi, được lãnh giấy thông hành đặng trình cho chức việc tuần phòng, như có tra hỏi ?

Những người chở, người chủ. hay là người buôn bán phải khai cùng các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch các công việc chở chiên, các sự mưu chước, sự khai gian đặng tráo trở trong việc cân, đặng khai gian về bực hàng hóa, đặng trốn thuế mà chia một phần ra cho nhiều phần, thì đều bị phạt từ 100 đến 500 quan.

Cau hay là cau xát phải bị tịch ký nhập về sở thuế Ngoại-ngạch;

Chẳng khi nào được chở chiên không có giấy thông hành hay là giấy cho phép thông thương của sở thuê Ngoại-ngạch phát không tốn tiền mà chứng rằng đã đóng thuê rồi, như trái lệ ấy sẽ bị phạt từ 100 đên 1000 quan và lại bị tịch ký các hàng hóa phải chịu thuê, và các đồ đựng hàng hóa ấy, cùng các đồ dùng mà chở chiên.

Các sự từ nang trình giấy thông hành khi có tra hỏi thì gọi là sự ngăn trở trong việc hành chánh của chức việc nhà-nước.

Thuê phải đóng theo trái mà thôi, như vậy thì cau tươi còn trong buồng, ấy là sự thường lề lắm, thì phải trừ ra một phân 3 trong sự nặng chung mà tính thuê. Như khi đả đóng thuê lần thứ nhứt rồi, mà có chia một đông cau ra nhiều đông thì các cau chia ra đó khỏi đóng thuê nữa, vì thuê phải chịu một lần mà thôi. Như vậy thì kẻ chở phải xin giấy thông hành riêng mà vi-bằng rằng đã đóng thuê trước rồi, và trong giấy thông hành ấy phải biên sô thứ tự cái giấy thông hành cái.

VI. — Những dầu, dầu suôi được phép chở trong địa-phận quản-hạt là khi nào đã có đựng trong thùng bằng thiêt và đậy lại kính, hay là trong thùng bằng cây nào có chạy chỉ sắt.

Những thùng lớn, thùng nhỏ, và mái có dầu đề cho chảy dầu, thì chẳng đặng phép gởi, và như có vào thùng thì phải sang qua thuyền khác mà kiểm điểm, hay là sửa lại, trước khi chở.

Các tàu, ghe, vân vân.... nào chở trong quản-hạt trên 5 thùng dầu, hay là dầu suôi (150 cân kilo), thì phải kéo cờ đỏ đặng chỉ thứ hàng hóa ghe mình chở, tại bên, thì ghe ấy phải đậu cách xa ghe khác ít nửa là 20 thước.

Bât kỳ là ai chẳng đặng phép khai tiệm buôn bán lớn những dầu lửa, dầu và các thứ dầu suôi, như không có xin phép quan Tham-biện chủ tỉnh trước, cùng phải tuân theo các lề luật định sau nầy:

Mỗi người buôn bán phải có :

1° Đặng trử và bán theo thùng đôi, và thùng chiêc, một cái hồ trét si-măn, có nắp bằng loại sắt đặng đậy lại, hay là một cái hầm tô hồ, làm xa cách mấy hàng hóa khác, phải đậy bằng sắt, hay là bằng gạch, và có cửa bằng sắt. Vách hầm ấy phải dày cho được 30 phân tây sắp lên, còn sắt phải dày cho được 5 phân tây.

Những dầu và dầu suôi phải vựa trong hầm ấy, phải có bao bằng cây hay là không bao cũng được, chẳng đặng đề cái thùng nào chỗ khác.

2° Đặng đong mà bán cho người ta : một thùng bằng sắt hay là bằng kẽm cho dày (sô kẽm, sắt cao hơn hêt) đựng cho được 10 thùng dùng trong việc buôn bán, nghĩa là chừng 300 cân kilo;

trên mặt phải có một cái lỗ tròn chừng 20 phân và phải có một cái nắp đậy cho vừa và cho kính, và phía dưới phải có một cái vòi bằng loại sắt và hàng dính trong cái thùng.

Khi nào sang dầu vô thùng để bán lẻ, thì dùng thùng thiết có đục lỗ mà sang dầu qua thùng để bán ; người bán muôn sang dầu bao nhiêu, thì tùy theo ý mình.

Tiệm bán dầu lẻ phải có một cái lường để dưới cái vòi thùng đựng dầu ; cái lường ấy dùng mà rót dầu qua ve của người mua dầu.

Phải để một cái chậu dưới cái vòi mà hứng dầu nhểu.

Trong khi sang sớt dầu, thì chẳng đặng dùng đèn.

Trong việc bán lẻ, thì nghiêm cấm không cho bán lẻ trọn tới một thùng dầu chiếc.

Chẳng đặng trữ trong kho thùng dầu nào lưng.

Phải trữ một thước vuông cát trong nhà gần nơi chỗ để thùng dầu lửa đặng dùng mà tắt lửa khi mới khởi cháy.

Trên thùng nói trước đây thì phải đề : « Dầu-suôi », để bằng chữ đỏ cho rỏ ràng.

Những người bán lẽ chẳng đặng phép trử hơn 30 thùng dùng trong việc buôn bán, nghĩa là chừng 900 kilos, trừ các thùng bằng sắt để mà bán lẻ. Nhưng mà những tiệm bán lẻ có dọn dẹp kỳ lưỡng chắc chắn, thì Nhà-nước cho phép trử dầu bằng hai sô định trước đây.

Như có quan Tham-biện ưng thuận thì được phép lập kho mà trử dầu suôi bất kỳ là bao nhiêu đặng mà đong cho các tiệm bán lẻ.

Trừ ra khi nào có phép thì thôi, những kho ấy phải làm khỏi châu thành và khỏi làng, và sở thuế Ngoại-ngạch có phép xem xét và có quyền mà biết những dầu có tại kho và được phép tra hỏi gốc tích dầu ấy ở đâu mà ra, tra ngày chở vô, và những dầu còn tại kho, các sự trái phạm qui điều định trước đây thì phải bị phạt vạ từ 25 đến 250 quan. Như có tái phạm trong nội năm thì giấy cho phép phải thâu lại. Những kho trử, kho bán sỉ, và tiệm bán lẻ chẳng được phép lập ra mà buôn bán như không có quan Tham-biện chủ tỉnh hay là người thay mặt cho giấy phép. Phải cai biên cho phép vô trong một cuốn sổ riêng và cũng phải biên tắt các thể lệ buộc về kho, hay là tiệm bán lẻ dầu.

VII. — Sự mua, sự nấu và sự bán nha-phiến đều gọi là sự hoa chi, đều phú giao cho sở thuế Ngoại-ngạch trong cõi Đông-dương.

Sự hoa chi mua và nấu thì thuộc về sở thuế Ngoại-ngạch làm mà thôi.

Sự hoa chi bán thì, hoặc Nhà-nước làm theo thuê Ngoại-ngạch, hoặc người ngoài làm, như có cho phép, hoặc là người mua hoa chi hoặc là người có thuê.

Những người nào muôn bán lẻ thuôc nha-phiên, thì phải lảnh bài bán thuôc trọn một năm từ ngày 1er janvier tới ngày 31 tháng décembre.

Bài bán thuôc ấy thì có Nhà-nước định giá, và như xin dùng tại xứ nào thì phải dùng tại đó và được dùng cho một tiệm mà thôi. Bài bán thuôc ấy phải gián nơi chổ nào dể thấy trong tiệm.

Bài bán thuôc phát cho người lớn và tánh hạnh tôt cùng có phương thê chắc chắn mà thôi.

Như xét có ích, thì Nhà-nước được buộc mỗi người bán thuôc phải đóng thuê chưng đặng để bảo lảnh các sự vạ phạt người bán.

Những người bán lẻ được bán thuôc nha-phiên bằng hộp có dâu hiệu sở thuê Ngoại-ngạch, và cũng được phép bán lẻ nửa.

Khi nào mở một hộp ra mà bán lẻ, thì phải để chừa cái dâu hộp sở thuê Ngoại-ngạch và chẳng đặng sang sớt qua hộp khác, trừ ra khi nào có phép riêng thì mới đặng.

Câm người bán thuôc chẳng đặng pha hay là thêm vật chi trong thuôc nha-phiên mình được phép bán, cũng chẳng được phép bán nơi chổ nào khỏi tiệm mình.

Nghiêm câm những người bán lẻ thuôc nha-phiên chẳng đặng bán cao hơn hay là thấp giá hơn, giá định mỗi thứ thuôc nha-phiên đã nói trong lời nghị.

Giá bán thuôc phải giáng bằng chữ Langsa chữ quôc-ngữ và chữ nhu trong một tiệm và nơi chổ nào dể thấy.

Các đều trái phạm luật định trước đây thì bị phạt thâu bài bán thuôc lại.

Mỗi người bán lẻ phải chịu sở phí mà lảnh cho mỗi tiệm mình một cuôn sổ. Trong sổ ấy quan Chủ-sự hay là người bán sĩ, hể bán cho người bán lẻ bao nhiêu thì phải biên vô sổ ấy bấy nhiêu.

Mỗi khi biên rồi thì đàng nào bán phải ký tên vào sổ.

Mỗi người bán lẻ được phép khai tiệm hút, nhưng mà phải khai trước cho Nhà-nước hay. Nhà nào dùng làm tiệm hút, thì chẳng đặng dùng việc khác, và cũng chẳng đặng dùng mà bán thuôc hút. Thuôc nha-phiên ấy phải bán trước cho tiệm.

Nghiêm câm những người nào có mang khí giái thấy được hay là khí giái dấu, câm những đờn bà bất kỳ là lớn nhỏ, con nít dưới 20 tuổi và người Phương-tây, không được vô trong các tiệm hút, và các người ấy sẽ bị phạt vạ như có lời chủ tiệm *nói*

trước mà cứ ở tại đó hay là hút nha-phiện tại đó, số tiền phạt vạ thì định theo các điều trái phạm tầm thường.

Nghiêm cấm chẳng cho ai cầm xách quá 20 grammes nhựa, trừ ra khi nào có phép riêng của sở thuế Ngoại-ngạch cho, thì mới đặng. Cũng nghiêm cấm chẳng ai được bán hay là nhường để, hoặc nhựa lọc, hoặc nhựa có trộn vật chi, trừ ra khi nào có phép sở thuế Ngoại-ngạch cho thì mới đặng.

Những người nào chở thuốc lậu mà không biết đặng người chủ, thì mình phải bị lỗi điều trái phạm ấy.

Những người nấu thuốc nha-phiện hay là pha bất kỳ là vật chi trong thuốc nha-phiên của sở thuế Ngoại-ngạch thì bị phạt vạ từ 300 đến 2000 quan và phạt tù từ 2 tháng tới 3 năm.

Những thuốc nha-phiên lậu bắc đặng, những đồ dùng mà nấu và đồ dùng mà đựng thuốc bắt đặng đều bị tịch ký.

Khi có tái phạm, thì phải bị phạt vạ bực trên hết, và phạt tù từ 6 tháng sắp lên.

Những người nào chẳng phải là người bán tiệm, mà bị gặp có thuộc nha-phiên nào khác thuốc của sở thuế Ngoại-ngạch, mà không có phép theo lệ, thì bị phạt vạ từ 100 tới 1000 quan, và phạt tù từ 15 ngày tới 3 năm, hay là trong hai tội ấy bị phạt một tội mà thôi.

Như có tái phạm nội trong một năm, thì sẽ bị phạt tù.

Những thuốc nha-phiên lậu bị bắt, và đồ đựng nó, đều bị tịch ký.

Những thuốc nha-phiên của sở thuế Ngoại-ngạch mà bị gặp nơi tiệm nào, đựng trong hộp khác hộp của sở thuế Ngoại-ngạch, hay là khác hộp có dấu hiệu Nhà-nước, thì phải bị tịch ký, còn người phạm luật phải bị phạt vạ từ 100 tới 1000 quan tiền tây.

Như có tái phạm nội trong một năm, thì phải phạt vạ bực trên hết, và thâu bài bán thhốc lại.

Người chủ tiệm nào bán thuốc nha-phiên khác thuốc của sở thuế Ngoại-ngạch, hay là pha bất kỳ là vật chi, thì phải bị phạt vạ từ 500 tới 2000 quan tiền tây và phạt tù từ 15 ngày cho tới 3 năm.

Những thuốc nha-phiên lậu hay là pha và đồ đựng nó đều phải bị tịch ký.

Người chủ tiệm nào sửa dấu hiệu của sở thuế Ngoại-ngạch, thì bị phạt vạ từ 300 cho tới 3000 quan tiền tây và phạt tù từ 3 tháng tới 5 năm, và lại bị tòa Đại-hình chiếu theo luật mà làm tội nữa. Cũng phải thâu bài bán thuốc lại.

Người chủ tiệm ngánh nào sĩ thuốc chỗ nào khác chỗ sở thuế Ngoại-ngạch hay là người bán sĩ đã định cho minh thì phải bị phạt vạ từ 100 tới 500 quan tiền tây.

Trong các khoản gian lậu định trước nầy thì sở thuế Ngoại-ngạch được phép được tiền bồi thường; số tiền bồi thường ấy không được dưới số 5 phần giá thuốc lậu, và phải lấy theo giá thuốc của sở thuế Ngoại-ngạch có Nhà-nước định mà tính tiền bồi thường ấy.

Các người chủ tiệm hút hay là nhà bán thuốc nha-phiến phải bị trách cứ các đều trái phạm lời nghị nầy, như các đều trái phạm ấy đã làm trong tiệm của mình.

Những người bán lẻ, chủ tiệm hút, hay là nhà bán thuốc nha-phiến, phải vưng theo các thể lệ và các lời truyền bão của sở thuế Ngoại-ngạch, bằng chẳng tuân, thì bị phạt từ 25 tới 100 quan trong mỗi đều trái phạm.

VIII. — Trong các địa phận cỏi Đông-dương những thuốc để mà hút thì phải đóng thuế thông hành; sự thâu thuế ấy thì phú giao cho sở thuế Ngoại-ngạch.

Những thuốc khác thứ thuốc để mà làm hay là đặng chở ra khỏi xứ, thì chẳng đặng thông thương trong cỏi Đông-dương quá số 10 cân kilo mà không có giấy thông hành của phòng thuế Ngoại-ngạch nào gần chỗ ở người gởi hay là phòng thuế Ngoại-ngạch nào gặp giữa đường từ chỗ khởi ra đi cho đến chỗ phải tới, phát không, cho mình.

Sự phát giấy thông hành ấy cho người chở chiên, tùy theo lời khai nó, phải buộc đóng thuế thông hành.

Thuế thông hành thuốc Annam trong cỏi Đông-dương đã định như sau nầy :

BỰC THUẾ	NỔI bao nhiêu phải chịu thuế tính theo kilo	GIÁ thuế tính theo bạc đồng
1° Thuốc bổn-quốc hay là thuốc cũng như vậy ở tại cõi Đông-dương, tại giồng bên tàu, tại bên xiêm, thuốc lá hay là xắt, mà chưa làm thành, thứ hèn......	10 kilos	2 $ 00
2° Cũng một thứ thuốc mà có làm thành rồi đặng xỉa, hút, thuốc gói, thuốc điếu, thứ hèn..........	10 —	3 00

Những số nào dưới số định trước đây mà làm thuế thì khỏi đóng thuế.

Các lời khai gian, hoặc khai gian số chở, hoặc khai gian gốc thuốc ở đâu, hoặc không khai thiệt chỗ phải chở đến, hoặc khai gian thứ thuốc, đều bị phạt vạ từ 100 tới 2000 quan. Cũng bị phạt theo tội định trước nầy những sự chở thuốc quá số 10 kilos mà không có giấy tờ hay là có giấy tờ không dùng theo được.

Các sự ngăn trở kiểm sát, các sự từ nang trình giấy thông hành khi có quan tra hỏi, thì bị phạt vạ từ 100 tới 1000 quan tiền tây.

Trong các sự gian lậu định nơi đều nầy, thì thuốc, đồ đựng thuốc và các đồ dùng mà chở chiên, cả đều bị tịch ký về sở thuế Ngoại-ngạch.

Số thuốc nổi bao nhiêu phải chịu thuế, thì đã định rồi; bởi lẽ ấy, nên những số thuốc nào dưới, thì khỏi thế. Nhưng mà trên số ấy, thì những số lẻ cũng phải chịu thuế và phải tính theo phân, nghĩa là có số lẻ bao nhiêu, thì cứ lấy lòng thuế số 10 cân kilos làm gốc mà tính thuế bấy nhiêu.

Thuốc khi đương hái hay là chở ra khỏi đất trồng, thì không đóng thuế; song trong khi chở thuốc đi bán, thì phải đóng thuế.

IX. — Trong cả và cõi Đông-dương, các công-xi hay là người muốn làm ruộng muối, hầm muối, thì phải có Nhà-nước cho phép trước.

Các đơn xin làm ruộng muối thì phải trình cho chức việc sở thuế Ngoại-ngạch ở trong xứ mình đặng các chức việc ấy gởi đơn mình cho quan chánh làm đầu chúng nó; khi tra vấn rồi và như xét có lẽ, thì mới cho phép.

Những người chủ ruộng muối nào có đứng bộ tại sở thuế Ngoại-ngạch, trừ ra các diệp có bằng cớ, trong khi mình đã thôi làm ruộng muối mình trong một năm rồi, mà như có muốn làm lại, thì phải xin phép khác.

Như có phân chia hay là bán ruộng muối, thì người mới làm chủ ruộng muối ấy phải xin phép khác mà làm ruộng ấy.

Có một mình quan chánh làm đầu sở thuế Ngoại-ngạch được xét mà cho phép hay là không cho phép ấy mà thôi.

Các người chủ ruộng muối nào muốn tăng số sào mẫu ruộng mình mà làm muối thêm, thì trước hết phải có Nhà-nước cho phép, cũng như mới lập một sở ruộng mới vậy.

Các đơn xin làm ruộng muối, thì chức việc sở thuế Ngoại-ngạch phải biên ngày tháng, số thứ tự trong một cuốn sổ đã lập ra riêng việc ấy gọi là sổ muối.

Khi biên vào sổ muối thì phải biên tên họ, dấu tích người xin, chỗ nào ở, chỗ làm ruộng muối, sô sào mẫu bao nhiêu, và cách dùng mà làm rnộng muối ấy.

Khi nào ruộng muối đã bỏ không làm trong một năm thì phải bôi trong sổ muối, trừ ra khi nào có cớ trọng.

Các lời cắt nghĩa, và dấu tích biên trong sổ muối, thì phải sao qua sổ cái biên các ruộng muối, sô ấy thuộc về chức việc sở thuế Ngoại-ngạch gìnhh giữ, và trong mỗi sở ruộng phải biên tên họ người chủ, sô sào mẫu, cách dùng mà làm muối, huê lợi lấy theo bực trung bao nhiêu, sự đổi dời các chủ và phải lấy sô thứ tự trong sổ muối mà biên.

Mỗi người chủ ruộng muối được lãnh không một cuôn sổ có cắt nghĩa để mà biên các sô muối làm ra, và bán cho Nhà-nước.

Sổ ấy như có hết, thì phải giao lại cho chức việc sở thuế Ngoại-ngạch mà lãnh cuôn mới không tốn tiền.

Những sổ nào mất hay là hư, và như người chủ có khai, thì được lãnh cuôn khác, và phải đóng một đồng bạc là giá cuôn sổ và các sở phí chung.

Các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch phải kiểm sát coi các ruộng muối làm. Bởi phần sự ấy, nên chúng nó được phép thâm nhập trong các ruộng muối, bất kỳ là giờ nào khi ban ngày và khi ban đêm ; chúng nó cũng được phép vãng nơi các trại trữ muối trong cá ghe, tàu và các thứ thuyền.

Như xét có ích, thì chúng nó được kiểm sát.

Sổ muối phải trình là khi nào có tra hỏi.

Những kẻ làm muối phải đong trọn muối của mình làm cho Nhà-nước.

Chẳng hề khi nào chúng nó được phép để mà xây dụng, cũng chẳng được để hay là bán muối cho người nào khác, phải bán cho sở thuế Ngoại-ngạch mà thôi, vì sở ấy được hoa chi bán muối một mình.

Vậy thì muối phải đong lập tức cho Nhà-nước, tại chỗ nào và theo cách thức của chức việc sở thuế Ngoại-ngạch ở tại xứ chỉ định

Theo phép thì phải đong muối cho Nhà-nước trong kỳ ba bữa trở lại, kể từ khi đã làm hay là cào muối rồi, trừ ra khi nào có phép riêng có cớ bằng đủ thì thôi.

Sở thuế Ngoại-ngạch, hoặc phải xuất thân ra, hoặc lựa người ở gần ruộng muối, hay là ở chỗ có phương thế đến các ruộng muối dễ hơn hết, đặng lo các sự buôn bán, và sự chở chuyên cho dễ, lo tu bổ hay là cai quản các kho đặng dự trữ muối.

Công-môn ấy hay là người nào có công-môn ấy lựa chuân, đều phải tu bổ và cai quản các kho đã lập ra trong các xứ đặng bán muối cho người ta dùng.

Khi đong muối thì Nhà-nước trả tiền cho chủ bán muối, theo giá Nhà-nước định mỗi năm và có rao trong nhựt-trình cõi Đông-dương.

Giá ấy về phần quan chánh làm đầu sở thuê Ngoại-ngạch sở định, và các thứ muối nào dùng được thì mới trả tiền. Những muối nào có lộn đồ dơ, thì giá trả phải bớt, như muối ấy lọc lại mà dùng được; bằng dùng không được thì phải phá hủy muối ấy đi.

Mỗi khi người chủ nào đong muối cho Nhà-nước, thì người thế quyền cho Nhà-nước phải nhựt ký trong sổ thâu, lấy số thứ tự trong sổ người chủ đong muối, mà cai trong sổ thâu, và coi số muối đong bao nhiêu, giá trả bao nhiêu.

Cũng phải chép y các đều ấy trong sổ của người làm muối nữa.

Những muối đong cho kho lập tại ruộng thì phải bán đặng chở đi, hoặc bán cho người nào có sổ buôn bán theo lệ định; muối ấy cũng phải phát ra cho các kho ngánh trong các xứ đặng bán cho thiên hạ dùng, và phát cho nhà nấu muối lọc.

Khi nào số muối tại nơi kho ngánh các xứ, xét lại thì vừa đủ cho thiên hạ xây dụng, thì Nhà-nước được bớt mà bán vừa vừa cho kẻ mua.

Thuế muối để xây dụng trong cõi Đông-dương định là 2 đồng bạc trong mỗi 100 cân kilos.

Trong xứ nào dùng tạ hay là lường thì một tạ nặng là 60 cân kilos. Lòng thuế trong mỗi một tạ hay là lường thì là 1 $ 20.

Giá bán muối để thiên hạ dùng tại mỗi kho hay là vựa, thì mỗi năm có quan chánh làm đầu sở thuế Ngoại-ngạch phân định.

Giá ấy phải tính theo như sau nầy và rao trong nhựt báo cõi Đông-dương:

1° Giá mua lại của kẻ làm muối;

2° Giá thuế;

3° Phần sở phí chung (chở chuyên hao hớt, vân vân,...) tính theo sự tổn hao trừ trong mỗi vựa nơi các xứ ở dựa mé biển hay là ở trong đất;

4° Còn muối lọc thì phải tính các sở phí lọc.

Giá bán sĩ thì khác giá bán lẻ. Bán lẻ nghĩa là bán dưới 15 cân kilo hay là 1 phần tư trong một tạ.

Mỗi khi có bán thì phải nhựt ký liền vô sổ bán ra; cũng phải biên tên họ người mua, số mua bao nhiêu, và giá tiền thâu được bao nhiêu.

Người mua lãnh một cái biên lai xé trong sô giáp lại.

Những người làm muối hay là nấu lọc muối, về trong sự làm nghề minh, mà có cần dùng nhiều muối mà gia dụng, thì được lãnh không tồn tiền một cuôn sổ gọi là sổ của người có lò làm muối đặng biên các sự mua của chúng nó.

Người nào muốn bán muối, hoặc bán sô muối bằng hay là quá hơn sô 100 cân kilos thì phải lãnh bài bán muối lẻ.

Các người thợ nấu muối, buôn bán lớn hay là bán lẻ, khi muốn bán muối có vựa muối bằng hay là nhiều hơn sô 100 cân kilos thì đều phải chịu bài bán muối.

Các chỗ vựa, các kho hay là các tiệm được phép bán sĩ sô muối bằng hay là trên sô 100 cân kilos cho những kẻ nào có bài bán muối mà thôi. Lại cũng được phép bán cho người làm muối, thợ nấu lọc muối nào, bởi công việc trong nghề nghiệp minh, nên cần gia dụng muối nhiều, và phải có một cuôn sổ minh lãnh không tồn tiền, gọi là sổ của người có lò, đặng biên các sự mua của chúng nó.

Các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch và các chức việc tuần phòng được phép tuần vãng và kiểm sát nơi nhà cửa hay là vườn đất của các người bán muối, đặng cho biết chắc sô muối của người buôn bán được bao nhiêu.

Các đơn xin lãnh bài bán muối phải gởi cho quan chánh làm đầu sở thuế Ngoại-ngạch. Được phát bài bán muối ấy cho những người nào có gia thế chắc chắn và tánh hạnh tốt, mà Nhà-nước đã xét biết đặng.

Bài bán muối thì được dùng từ năm mà thôi, kể từ ngày 1er janvier cho tới ngày 31 décembre. Mỗi năm phải thay cái khác. Vậy thì mỗi năm các người bán muối lẻ phải gởi đơn xin thay bài bán muối cùng quan chánh làm đầu sở thuế Ngoại-ngạch. Về phần quan ấy xét phải cho phép, hay là không cho phép thay bài bán muối khác.

Những bài bán muối thì có bốn bực, tùy theo sô buôn bán mỗi năm

Giá bài bán muối phải định như sau nầy :

Bực nhứt, 2 đồng bạc cho những người bán từ 100 cân kilos cho 5000 cân kilos.

Bực nhì, 5 đồng bạc cho những người bán từ 5001 cân kilos cho tới 10.000 cân kilos.

Bực ba, 10 đồng bạc cho những người bán từ 10.001 cân kilos cho tới 20.000 cân kilos.

Bực tư, 40 đồng bạc cho những người bán từ 20.001 cân kilos sắp lên.

Các người bán muối lẻ phải có bằng cớ gốc tích số muối mình vựa bởi đâu mà ra. Vậy thì phải có :

1° Một cuốn sổ bán lẻ biên bằng chữ Langsa mỗi lần mua các số muối mình đem vào vựa.

(Giấy thông hành định sau nầy thì phải tính theo các số muối vào vựa ấy).

2° Một cuốn sổ bán cũng phải biên bằng chữ Langsa.

Trong xứ nào cách chừng 2 muôn thước ở xung quanh các ruộng muối, thì các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch được phép buộc các người chở muối phải trình giấy thông hành định sau nầy :

Ra khỏi vòng ấy thì chức việc sở thuế Ngoại-ngạch được phép buộc các người chở muối bằng hay là trên số 100 cân kilos phải trình giấy thông hành.

Giấy thông hành kể ra trước đây được phát ra :

1° Trong các xứ có ruộng muối thì chức việc sở thuế Ngoại-ngạch hay là người nào có Nhà-nước cho phép, thì được phát giấy thông hành ấy.

2° Ra khỏi vòng ruộng muối thì kẻ bán lẻ được phép phát.

Những giấy thông hành phải xé trong sổ giáp lai của Nhà-nước phát mà phải trả tiền.

Trong giấy thông hành phải biên :

1° Số muối chở bao nhiêu và thứ muối nào.

2° Chỗ đong muối.

3° Chỗ chở tới.

4° Đi đường nào.

5° Phương thế dùng mà chở chuyên.

6° Kỳ hạng cho đặng chở chuyên.

7° Ngày và giờ chở đi.

Sự biên cai trong tờ thông hành thì cũng phải inh chữ trong sổ giáp lai vậy.

Các giấy thông hành nào như xét ra biên không inh trong sổ giáp lai thì gọi là không theo phép, và phải làm tờ kiêt bẩm phạt người chở.

Những muối chở đi theo đường biển thì khỏi thuế. Gần nơi các phòng thuế Ngoại-ngạch lập ra mà coi việc làm muối, thì cũng có lập những vựa muối. Cấm chẳng cho chở ra khỏi xứ những muối nào không phải đong vựa muối của Nhà-nước.

Các sự bán muối đặng chở ra khỏi xứ, hoặc là bán tự thuận, hoặc bán giảo giá, thì cứ lấy giá của quan chánh làm đầu sở thuế Ngoại-ngạch định mà làm gốc.

Những muối chở ghe từ cửa nầy qua cửa kia trong cõi Đông-dương, thì phải có giấy thông hành theo phép, bằng không thì muối chỗ ấy tỉ như muối Ngoại-quốc và lại bị các hình phạt khác buộc cho người chở hay là người chủ muối.

Những chủ ghe lãnh chở muối thì phải có một cuốn sổ như người bán và một cuốn sổ bán.

Như xét có ích, thì chức việc sở thuế Ngoại-ngạch phải kiểm sát cho thường những số muối trữ trong vựa hay là trong kho.

Như có thiếu trên 8 phần trong 100 trong số muối trữ, mà không có cớ chắc, thì người Tài-phú phải bị trách cứ.

Trong những chỗ vựa của người ngoài cai quản mà có Nhà-nước chịu cho, thì chức việc sở thuế Ngoại-ngạch được phép kiểm sát luôn luôn, các số muối dư thì có tờ kiết bẩm làm theo phép tỏa mà thâu tịch.

Như có thiếu quá số 8 phần trong 100 trong nội năm thì lập tức phải tính số muối rồi bắc buộc đóng thuế số thiếu ấy.

Như có làm muối lậu, hoặc không có khai, hoặc là khai gian số lò nấu, số sào mẫu ruộng muối, số huê lợi, thì người chủ ruộng muối phải bị phạt vạ từ 100 cho tới 1000 quan tiền tây.

Như có bỏ ruộng muối không làm hơn một năm rồi mà có làm lại thì gọi là làm lậu.

Như có tái phạm, thì đồ dùng nấu, (lò, chỗ để nấu, bàn lọc để cho bay hơi, vân vân) đều bị phá hủy đi; lại cấm tiệt chẳng cho làm muối nữa và lại bị phạt vạ.

Trong cái khoản như vậy thì số muối làm lậu phải bị thâu tịch nhập về sở thuế Ngoại-ngạch.

Như có ngăn trở trong việc hành chánh bổn phận của chức việc sở thuế Ngoại-ngạch, các sự mưu gian đặng làm chức việc ấy tuần vãng không được, và gạt gẫm chúng nó trong việc kiểm sát; các sự từ nang không trình số muối mình, cùng các điều trái phạm thể lệ trước nầy về sự giữ gìnb sổ sách người bán, sổ bán và sổ thông hành, thì đều bị phạt vạ từ 100 cho tới 1000 quan tiền tây và lại phải bị các hình phạt về tội chống cự hay là làm dữ cùng viên chức ấy.

Các người chủ hay là người nào gánh dạo hay là để cho ai những muối nào không có vi-bằng gốc tích chắc chắn, các người làm muối dùng muối trái thể lệ định trước đây, đều bị phạt vạ từ 50 quan cho tới 2000 quan tiền tây và phạt tù từ 5 ngày cho tới 6 tháng. Như có tái phạm thì phải phạt vạ bực cao hơn hết và phạt tù bực chót là một tháng.

Trong các diệp như vậy thì những muối, những mái, đồ đựng và đồ dùng mà chở chuyên đều bị thâu tịch nhập về sở thuế Ngoai-ngạch.

Như có bán hay là để cho ai, thì người mua và người lãnh cũng bị phạt như người bán hay là để cho vậy.

Người nào chở muối không theo phép mà không biết tên người chủ muối, thì phải lãnh phần lỗi về mình phải chịu.

Như có đong muối trễ cho Nhà-nước thì bị phạt vạ từ 50 cho tới 1000 quan tiền tây; còn muối thì bị thâu tịch nhập về sở Ngoại-ngạch.

Các sự chở muối ra khỏi xứ hay là chở vô xứ mà lậu thì gọi là làm muối lậu và phải tri theo luật đang ban hành trong cõi Đông-dương mà trừng trị.

Đều gọi là muối làm lậu, là những muối nào chở trong ghe hay là trong xe, đi trong chỗ vòng nào từ 5 muôn thước dọc theo mé biển hay là theo đường đất mà người chủ ghe hay là chủ xe không có trình sổ muối hay là sổ làm nghề nấu lọc muối, phải có đính theo một cái giấy thông hành mà vi-bằng gốc tích muối mình ở đâu mà ra.

Người chủ muối và người chở muối đều bị tội liên cang cùng nhau trong các đều trái phạm.

Như có gặp thấy những muối lậu bỏ trong chỗ 5 muôn thước ấy mà không biết ai, thì phải làm tờ kiết bẩm lấy tên không biết ấy, và phải kêu nài toà xử tịch ký những muối ấy và đồ chở chuyên, nhập về sở thuế Ngoại-ngạch.

Chủ ghe bầu, ghe câu, tài công hay là chủ tàu buôn, tàu khói, hay là các thứ ghe nào chở đồ đi theo đường sông rạch, như có bị bắt chở lậu muối, khác thứ muối của các kho trữ của Nhà-nước, hoặc như các người ấy bị gặp có số muối nhiều hơn số mình mua có sổ hay là biên lai theo phép, thì cả đều bị phạt vạ từ 100 cho tới 2000 quan tiền tây và phạt tù từ một tháng dĩ chí 2 năm.

Trong các diệp như vậy, thì muối đều bị tịch ký nhập về sở thuế Ngoại-ngạch. Những tàu buôn, tàu khói, ghe lớn, ghe nhỏ, và trọn hàng hoá chở dưới ghe đều phải bị tịch ký đặng thế chưng về tiền phạt vạ.

Như có tái phạm, thì tàu buôn, tàu khói, ghe lớn, ghe nhỏ, và đồ chở dưới ghe, đều bị thâu tịch nhập về sở thuế Ngoại-ngạch, và lại bị toà xử phạt vạ và phạt công nữa.

Những người coi tàu, hay là chủ tàu, ghe lớn hay là ghe nhỏ nào, mà cất muối lên tại đâu nơi mé biển, hay là bán ngoài dứa

biển, trong vòng địa phận buộc cho những ghe câu hay là ghe bầu, những muối ở trong kho Nhà-nước để chở qua xứ khác nên khỏi thuế cũng tỉ như muối chở ra ngoài xứ, thì đều bị phạt từ 500 đến 5000 quan tiền tây và phạt tù từ 3 tháng tới 2 năm. Bởi lẽ ấy, nên những muối chở trong ghe ấy phải bị thâu tịch về sở thuế Ngoại-ngạch. Những tàu buôn, và tàu khói, ghe lớn hay là ghe nhỏ, đều bị bắt dam đặng thế chưng số tiền vạ phạt.

Các người chở muối nào có đái tùy giấy thông hành mà giấy ấy chẳng thông dụng được, thì bị phạt vạ từ 50 cho đến 2000 quan tiền langsa và phạt tù từ 5 ngày cho tới 6 tháng và lại bị tri buộc về tội chở muối lậu tùy theo việc chở chuyên ra ngoài vòng hay là trong vòng 5 muôn thước đã định.

Ai có buôn bán không có bài bán muối thì bị phạt vạ từ 50 cho tới 5000 quan tiền tây.

Như có tái phạm thì phải gia phạt vạ số cao hơn hết.

ĐOẠN THỨ XVII

VỀ VIỆC DẠY-DỖ CHUNG

I. — Việc khai mở trường học.
II. — Việc hương chức cai-quản các trường tổng.
III.— Thể lệ chung.

I. — Hễ làng sở tại Tổng nào mà không có nhà trường dạy chữ Langsa, thì phải lập một cái nhà trường dạy chữ quốc-ngữ. Khi làng sở tại không có thể đủ mà lập, thì các làng trong tổng phải đậu tiền trong việc sở tổn. Quan Tham-biện sở tại bàn luận cùng Cai-tổng và các xã-trưởng mà định cho mỗi làng phải đậu tiền là bao nhiêu. — Những làng nào mà có lập nhà trường dạy chữ quốc-ngữ rồi, thì khỏi chịu đậu tiền cho nhà trường bổn tổng.

II. — Việc cai-quản các nhà trường tổng thì về phần sự Cai-tổng. — Mấy ông ấy phải xem sóc cho các thầy giáo dạy cho cần mẫn; phải năng coi nhà trường cho được sạch sẽ, cho có học trò học, và dạy các nhà có đủ ăn cho con đi học; mấy ông ấy cũng được cho các xã-trưởng làng nào đã có lập nhà trường coi phụ thế cho mình; Những cha mẹ nào muộn cho con mình tới thì cho, bằng chẳng muốn thì thôi; xã-trưởng cùng hương chức chẳng có lỗi gì trong việc ấy, nên đừng bắt ép con nít mà đem tới trường; hương chức nào bắt ép như vậy thì sẽ phải trách phạt nặng.

III. — Mỗi ngày phải mở học buổi sớm mai ít nữa là một giờ, chiều 1 giờ; — chẳng khi nào được nghỉ học mà không có phép Cai-tổng; khi nào nghỉ quá 2 bữa thì Cai-tổng phải xin phép quan Tham-biện; các thầy giáo nào chẳng tuân phép ấy thì phải bị cắt lương.

Chẳng khi nào mấy thầy giáo được ăn lễ vật của học trò hay là của cha mẹ học trò, ai chẳng tuân, thì sẽ phải bẩm cho quan Tham-biện quở phạt nặng.

Trong các trường tổng đều có dạy chữ nho; vì lẽ ấy, nên phụ một thầy giáo chữ nho trong các trường ấy; mà việc học chữ nho là việc học phụ mà thôi, nên phải học chữ quốc-ngữ và học

cội rễ chữ Langsa trước, và lại, việc học chữ nho là ở ngoài lệ buộc, còn hai thứ kia thì ở trong lệ buộc.

Mấy thầy giáo tổng phải dạy cho học trò biết cân lường, thước tấc tây; trên vách trường phải vẽ một cái thước chia ra từ phân từ ly cho học trò coi.

Trong mỗi trường, cũng phải có một cái kiểu thước tây, về phần mấy thầy giáo giữ lấy.

Cha mẹ các học trò học trong, đều phải sắm đủ cuộc tiệt đồ nằm là mền, chiếu, gối cho con mình. Khi có đủ các đồ ấy, thì mới cho nhập trường.

Những con nít mà có trồng trái rồi, thì được cho vào các trường Nhà-nước; vì lẽ ấy, nên mỗi đơn xin cho học phải có hiệp theo một cái vi bằng làm nó đã trồng trái rồi.

Sự buộc trồng trái đều phải bang hành nơi các trường học, bất kỳ là trường nào trong quản-hạt, vậy thì bất kỳ con nít nào, nếu không có trình giấy của quan lương-y hay là thầy chưởng-đậu chứng bằng rằng đã có trồng trái, thì chẳng đặng vào trong các trường mà học.

Giấy vi-bằng ấy trở nên chắc là phải cước rõ ràng đã có trồng trái từ 5 năm trở lại, thì mới chiêu có đặng. Bằng như giấy vi-bằng ấy cước rằng có trồng trái quá hơn 1 năm mà không mọc thì phải trồng lại.

Mỗi năm đến kỳ tựu trường thì quan lương-y hay là một thầy chưởng-đậu có bằng cấp phải trồng trái cho hết thảy con nít học trò nào đã có trồng trái quá hơn 5 năm hay là có trồng trái hơn 1 năm mà không mọc.

Mỗi khi trồng trái rồi thì thầy chưởng-đậu phải phát cho học trò một cái giấy vi-bằng ngày nào trồng trái và có mọc hay không.

Việc trồng trái trong các trường học là việc làm không có ăn tiền cho hết thảy học trò học trong hay là học ngoài. Những con nít hay là trẻ trai nào phú cho thầy chưởng-đậu trồng trái cho đặng vào trường mà học thì cũng đều được hưởng nhờ sự trồng trái không ăn tiền, nhưng mà nội trong tháng trồng trái thì phải xin cho đặng vào trường mà học.

Như Nhà-nước không có ban nhà cho mấy thầy giáo ở thì làng phải cấp cho chúng nó hoặc là nhà hoặc là tiền đặng chúng nó ở cho tử tế.

Đã có lập ra những tiền thưởng để chuẩn cho các thầy giáo trưởng tổng trong việc dạy tiếng Langsa.

Tiền thưởng ấy phải tính theo số học trò và bực học chúng nó, và phải có hội Phái-viên tra xét coi chúng có biết nói tiếng Langsa vừa đủ chăng.

Những tiền thưởng ấy là bực 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, và bực 100 đồng bạc.

Phải lấy số học trò đi học siêng năng đặng làm cội rễ mà chuẩn tiền thưởng.

Mỗi năm tại châu-thành mỗi tỉnh trong mấy ngày đầu tháng janvier, thì mở hội thi mà chuẩn tiền thưởng ấy cho các thầy giáo trường tổng.

Những bài thi trong khóa ấy đều y nhau cho các trường học tại quản-hạt. Những bài thi ấy là một bài viết mò rẽ lắm chừng 2 hay là 3 hàng và cắt nghĩa từ chữ, một bài nói chuyện bằng tiếng Langsa trong 10 phút đồng hồ trở lại.

Cũng phải tính vào đặng sắp thứ tự những học trò chịu thi, sự giữ sạch sẽ các sổ trường học, sổ ra bài dạy và các tập bài vở của học trò.

Các thầy giáo chẳng đặng trình ra hội khóa thi các học quá 14 tuổi, và chẳng đặng trình cũng một đứa học trò mà thi hai lần.

Những trường học nào tùng y một thể lệ thì được tranh cùng nhau trong hội thi ấy mà thôi. Vậy thì các trường học tại tỉnh-thành không được dự vào hội thi ấy.

Các học trò nào có đứng bộ tại trường và có đi học một cách siêng năng trong ít nữa là một năm, thì mới được thi.

Được phép lập vườn gần trường học bổn tổng, các học trò phải làm trong vườn tược ấy.

Các làng được phép chuẩn tiền giúp đỡ cho địa-hạt đặng dùng trong việc dạy dỗ chung, nhưng mà sự giúp đỡ tình nguyện ấy phải cho có bàn hội-tề bàn nghị thì mới được.

ĐOẠN THỨ XVIII

VỀ LÍNH TẬP

I. — Việc điền lính và việc đăng lại.
II. — Tội buộc cho làng về việc điền lính.
III. — Việc lính trốn.
IV. — Tiền thưởng.
V. — Lính lưu hậu Annam.
VI. — Cách lính-tập ăn ở trong làng.
VII. — Qui điều các khoản.

I. — Người nào mà làng mình đem ra điền vô cơ lính tập thì phải tùng theo thể lệ sau nầy :

1° Phải có cho được 21 tuổi sấp lên ; 28 tuổi sấp xuống ;

2° Phải cho tráng kiện và đừng có tật bịnh chi làm cho mình đi lính không được.

3° Phải có vóc cao, ít nữa là 1 thước 52 phân ;

4° Phải có một cái giấy vi-bằng tánh hạnh tử tê của làng phát không ăn tiền, và có hương chức lớn ký tên vào.

Sự tuyển lựa người đăng đi điền lính thì giao cho làng lo.

Người đã tuyển lựa ra điền lính được phép kiếm người khác thế cho mình.

Người bị điền lính được kỳ tám bữa đặng trình người thế.

Người thế phải tùng theo thể lệ buộc về tuổi, sự tráng kiện, vóc cao và tánh hạnh tử tê đã định trước đây.

Người đi thế ấy cũng phải là người ở một tổng với người bị điền, phải trình giấy thuê thân, và một cái giấy vi-bằng tánh hạnh tử tê của hương chức làng nó phát không đòi tiền và có cai-tổng thị vào.

Những lính tập cựu ở trong bổn-hạt được phép ra mà điền lính thế, như đã có các thể lệ về vóc cao và tráng kiện đủ, mà lại phải có đủ các lời buộc sau đây.

1° Phải có một cái giấy vi-bằng tánh hạnh tử tê của cơ binh phát cho nó khi nó mãng lính.

2° Phải có một cái giấy vi-bằng tánh hạnh tử tế của làng sở tại nó phát không đòi tiền, như nó đã thôi lính quá chín tháng.

3° Đã thôi lính ít hơn 2 năm.

4° Tuổi nó phải đúng một số cọng với số còn lại mấy năm nó phải ở lính đặng lãnh phần hưu trí, khỏi buộc nó ở trong cơ binh quá 43 tuổi.

Khi cuối tháng thứ 2 trong mỗi kỳ 3 tháng, thì quan cai quản đạo binh phải gởi cho quan Tham-biện về địa-phận mình, một cái sổ biên tên những lính trong tỉnh ấy đã bôi bộ trước khi mãng kỳ 3 tháng.

Lập tức quan Tham-biện phải cho làng hay đặng làng lo kiếm người điền thế mà trình cho hội Phái-viên điền lính cho khỏi trể nãi.

Cho đặng công việc hội Phái-viên điền lính khỏi ngưng lại, khi nào những người trình mà điền không đủ các thể lệ, thì làng phải dẫn theo một số người đăng điền cho hơn số phải điền. Số ấy là 3 người trong một người điền, 4 người trong 2 người điền, 6 người trong 3 người điền và trong 4 người điền sấp lên, thì số cấp phải trên số điền một lần rưởi hay là (1 3/2) như khi nào số điền có lẻ, thì phải tăng một người, tỷ như trong 7 người điền, thì làng phải cấp (7 + 1) 3/2 = 12 người.

Những người phải trình cho hội Phái-viên thì phải trình theo thứ lớp biên trong sổ làng đã nạp.

Như trong mấy người trình mà hội Phái-viên không chấm được đúng số làng phải điền, thì làng phải trong kỳ hạng quan chánh hội Phái-viên định, thì phải đem người khác tại tỉnh đặng cho hội Phái-viên ấy xét.

Trong việc lính của làng đăng khóa lại khi còn ở trong cơ binh thì làng không được dự vào, việc ấy giao cho nha-môn bên võ làm tùy theo ý. Khi nào tờ giấy tên lính tập nào đăng khóa lại và ký tên rồi thì quan cai quản cơ binh phải thông tin cho quan Tham-biện trong tỉnh sở tại của tên lính ấy hay, rồi quan Tham-biện phải cho làng hay.

Tên lính-tập nào đăng khóa lại thì còn thuộc về số lính của làng nó.

Như có việc khó trong sự thi hành hay là sự cắt nghĩa tờ giao kèo mà người mướn kẻ thế buộc chịu trả cho người đi thế một phần tiền phụ cấp, thì việc ấy phải phú cho tòa xử việc tầm thường, nhưng mà làng và Nhà-nước không được dự vào.

Mỗi khi tên lính-tập nào được phép đăng khóa lại thì các tờ vi-bằng theo phép chứng rằng quan mộ-binh nó đã chấm nó, đều phải gởi cho quan Tham-biện đặng lập tờ và cho làng hay nữa.

Số lính mỗi tỉnh phải điền thì định như sau nầy:

TÊN CÁC TỈNH	SỐ DÂN đứng bộ	SỐ LÍNH phải điền
Bắc-liêu	14.459	115
Ba-rịa	11.840	94
Bến-tre	45.622	364
Biên-hòa	24.227	193
Cần-thơ	48.324	386
Cap-Saint-Jacques	880	7
Châu-đốc	26.216	208
Chợ-lớn	40.944	327
Gia-định	52.856	422
Gò-công	21.102	168
Hà-tiên	2.579	20
Long-xuyên	28.939	231
Mỹ-tho	63.113	504
Rạch-giá	19.651	157
Sa-đéc	45.254	362
Sốc-trăng	25.172	201
Tanan	23.112	184
Tây-ninh	14.316	114
Thủ-dầu-một	20.643	296
Trà-vinh	37.104	296
Vĩnh-long	34.774	278
Tổng cọng	601.037	4.796

II. — Làng nào cấp một người nào ra điền lính (dân đúng bộ hay là người thế) lấy tên giã, thì bị phạt vạ từ 50 tới 100 đồng bạc.

Làng nào bị bắt lý có phát giấy vi-bằng tánh hạnh tử tế cho người ra điền lính mà đã có án toà phạt về tội ăn trộm, ăn cắp, cố ý đánh người ta có thương tích, làm nghịch trái tánh nết na, thì bị phạt vạ từ 50 đến 100 đồng.

Làng nào trình cho hội phái viên điền lính một người nào mà khi trước hội phái viên ấy đã bắt, vì xét nó bất lực mà giúp việc binh lính thì bị phạt vạ từ 50 tới 100 đồng.

Làng nào khi tới ngày quan Tham-biện đã truyền bão mà không có trình cho hội phái viên điền lính đúng sô lính phải điền, thì bị phạt vạ 15 đồng, khi có đòi làng ấy tựu tỉnh, và phạt vạ một đồng bạc trong một ngày trễ, khi đã có đòi tới chỗ sở tại bổn xứ mình, nhưng mà sự phạt vạ định chót hết chẳng hề quá 15 đồng.

Những tiền vạ phạt theo các thể lệ định nơi đều trước đây, đều về phần hương chức lớn chịu.

Các hương chức cấp lính ra điền thì phải dưng một lá khai làm cho trúng cách thức mà vi-bằng sự danh vọng tử tế của các lính điền và Nhà-nước sẽ buộc phần lỗi hương chức ấy về sự phát tờ vi-bằng ấy như sau mà rõ được rằng các lính điền ấy thiệt đã có án toà phạt tội khinh và tội trọng.

III. — Khi nào tên lính nào trốn, thì quan cai quản cơ binh nó phải thông tinh cho quan Tham-biện tại tỉnh sở tại nó hay, rồi quan Tham-biện lập tức truyền cho làng tầm bắt giải nạp tên lính trốn, hay là lo kiếm người thế nó trong kỳ 15 bữa.

Như người lính trốn, khi đã có điền người khác thế rồi, mà bị bắt lại được, thì cũng cho nhập lại trong cơ nhưng mà nó sẽ được thuộc về sô lính của làng, là trong khi nào có khuyết chỗ trống trong sô bởi người lính khác trốn đi.

Hễ ai đi lính đã được 6 tháng rồi, mà vắng mặt sái phép, thì đính bữa quá kỳ vắng mặt đã định trong luật, quan Cai đội binh phải chạy giấy cho quan Tham-biện hay mà dạy làng tầm nã tên lính ấy mà đem trở vô cơ. Nếu nội trong 8 bữa mà tên lính ấy không trở về trại, hoặc là làng không cho quan hiểu cho đủ lẽ cớ nào mà nó không trở vô cơ, thì tên lính ấy sẽ phải bị khai đào cùng phải thay tên khác lập tức. Làng phải đi tầm nã những tên lính đã bị khai đào mà nạp cho quan làm tội y theo điều luật. Những tên nào đi lính chưa được 6 tháng bỏ binh ngủ mà trốn mà chưa có bị khai đào, thì làng cũng phải truy bắt nữa.

Trong một hai tỉnh, có lính trốn mà tưởng rằng chẳng có ai tầm nã bắt buộc gì, cho nên Nhà-nước truyền dạy các làng phải tầm nã cho ân cần, bắt những lính trốn mà nạp cho quan; như vậy thì có ích lợi trong việc binh-chánh, và lính trốn ít hơn, lại làng cũng khỏi mất công điền tên khác mà thế lại.

Một phần thưởng 10 đồng bạc sẽ chuẩn cho các người Phương đông nào có bắt được một người trong cơ binh khai vắn mặt sái phép hay là đã trốn lính.

Tiền thưởng ấy sẽ được lãnh là khi nào có chiếu tờ kiết bắm bắt, làm trúng theo cách thức. Sự phát phần thưởng ấy là phần sự của viên quan cai quản trong xứ nào tên lính bị bắt.

IV. — Các làng chẳng đặng cấp tiền phụ dưởng cho lính nữa. Hương chức nào lấy cớ cấp tiền cho lính mà góp tiền làng mà xuất phát thì phải mắc tội y theo điều thứ 179 và 169 trong luật-hình và sẽ bị giải đến toà,

Các làng không phải cấp tiền phụ dưởng cho lính tập.

Cấm hương chức chẳng đặng hứa đều chi cùng lính đem ra điền mà gạt gẫm chúng nó trong việc đăng lính, vì chẳng hề khi nào được phép chuẩn tiền thưởng cho chúng nó.

Tờ giao kèo làng làm mà giao ước cùng tên lính tập nào trong khi điền nó, thì gọi là một tờ thuộc về phần chánh-trị.

Sự phân đáng án tòa ấy không thuộc về phép tòa và sự phân đoáng các tờ ấy không thuộc về phép tòa.

V. — Đã lập ra một cơ lính lưu hậu bổn quốc phải chọn trong các sắc lính kể ra sau nầy:

1º Là chọn trong những lính bổn-quốc thâm niên được phần hưu trí,

2º Là chọn trong những lính bổn-quốc đã mảng khóa rồi.

Hạng ở lính lưu hậu, về lính đã được hưu trí thì là 5 năm; về lính mảng khóa thì là 8 năm.

Hạng vào ngạch lính lưu hậu phải kể từ ngày được phép hưu trí hay là ngày đã mãng khóa.

Được khỏi vô ngạch lính lưu hậu:

1º Những lính, khi mãng lính rồi, được thi có cấp bằng.

2º Những lính nào, khi mãng lính rồi, mà làm chức cai-tổng, chức phủ, huyện hay là chức lý trưởng.

3º Những lính nhập vô cơ lính tuần phòng bổn-quốc trong cõi Đông-dương còn đương giúp việc.

4º Những lính bị trừ hồi trong khi còn ở trong cơ binh, hay là xét bất lực mà giúp việc binh khi nhập vào ngạch lính lưu hậu, các đều ấy thì chiếu theo lời nghị hội Phái-viên xét về lính trừ hồi, hội hàm trong mỗi đạo binh và sô Phái-viên được dự trong hội ấy có quan Tổng-thông định y theo lời quan Đô-thông đều quản coi bộ binh trình thỉnh.

5º Các lính coi giữ những đèn vọi đăng.

6º Những lính từ khi mãng lính rồi mà trở nên không đáng mang súng nữa vì bởi có bị án lý chi y theo các án định trong đều thứ 4 trong luật ngày 15 juillet 1889.

Như có lính nào vô ngạch lưu hậu thì quan Tham-biện hay là quan thay mặc cho xã-trưởng trong làng nào khi trước điền tên lính ấy hay.

Như tên lính nào mảng khóa nhứt định thì cũng phải cho làng hay như vậy.

Các sự đổi dời trong ngạch lính lưu hậu thì phải thông báo theo cách sau nầy:

Hể khi tên lính lưu hậu nào đã qua đời thì xã-trưởng phải báo cùng quan Tham-biện, hay là quan thế quyền hay. Viên quan ấy khi đã có kiểm sát sự tử tên lính rồi, thì thông tinh cho quan cai quản đội lính lưu hậu, cơ phó thủ, hay là thuộc đội ngủ nào trong cơ binh nào tên lính lưu hậu qua đời, khi trước đứng bộ. Phải trừ bộ tên lính qua đời ấy và chẳng được đem người thế nó.

Hể khi tên lính lưu hậu có đổi chổ ở thì xã-trưởng phải thông báo cùng quan Tham-biện hay là quan thế quyền hay.

Trừ ra khi nào có việc thâu binh thì mới được đòi những lính hưu trí; còn bao nhiêu lính lưu hậu bổn-quốc trong lúc còn thuộc về ngạch lưu hậu, đều phải chịu ba kỳ giáo diễn từ 15 ngày sắp lên, không tính đàng đi và đàng về.

Vào hàng lính lưu hậu trong 6 năm đầu, mỗi hai năm đều có giấy đòi.

Kỳ diễn tập trước hết thì là trong vòng năm thứ 2, sau khi đã mảng khóa.

Những lính lưu hậu được khỏi kỳ diễn tập trong lúc bình thời, là như chúng nó làm chức thông ngôn giúp việc nơi nha-môn trong cỏi Đông-dương, làm chức việc giúp việc trong các đạo lính cơ (lính mả tả) hay ở lính nơi sở thuế Ngoại-ngạch.

Mỗi làng đều bị bảo lãnh về việc các lính lưu hậu, và trong khi có đòi thì phải trình những lính đứng bộ sổ mà thôi.

Nói về kỳ giáo diễn lính lưu hậu, thì quan Tham-biện hay là quan thế quyền phải gởi cho xã-trưởng truyền lại cho lính lưu hậu hay các tờ trát của quan mộ binh cai quản ngạch lính lưu hậu đòi mỗi tên.

Tờ trát đòi ấy phải sắp theo từ làng. Quan Tham-biện phải biên thêm trong tờ trát ấy, ngày tháng, giờ nào tên lính lưu hậu phải tựu hầu tại tỉnh thành. Cũng được dùng yết thị chữ nhu, chữ quốc-ngữ, và chữ Langsa hiệp với trát mà đòi tên lính lưu hậu. Các nha-môn bên vỏ phải làm yết thị ấy bằng chữ inh và phải gởi trước ít nữa là 2 tháng cho quan Tham-biện; quan Tham-biện phải viết thêm vô ngày tháng và giờ nào các lính lưu

hậu, phải tựu tại tỉnh thành, cũng phải gián dưới chót mỗi tờ yết thị để gởi cho từ làng một cái sổ biên tên mấy người lính bị đòi. Các xã-trưởng phải gián yết thị ấy nơi chổ nào thiên hạ hay vảng lai trong làng. Chẳng được phá hay là gián chồng tờ chi trên yết thị ấy trước ngày chót kỳ giáo diễn. Quan phó Đô-thống được chuẩn miễng kỳ giáo diễn cứ 6 người trong 100 cho các lính lưu hậu nào xét là kẻ sở cậy có ích cho cha mẹ nó.

Các đơn xin chuẩn miễng thì phải đưa cho xã-trưởng trong làng, rồi xã-trưởng lảnh phần trách cứ về mình mà gởi đơn ấy cho quan Tham-biện cùng phải tỏ ý-tưởng mình cho có cớ.

Cũng được chuẩn việc ngưng lại hay là đình lại. Các đơn cũng phải gởi y như một cách.

Trong lúc bình thời, những lính lưu hậu nào năm bữa sau ngày đã định, mà không có tựu tại cơ binh mà giáo diễn thì phải báo cho quan Tham-biện đặng truyền kiêm bắt nó, lính ấy sẻ bị phạt theo phép binh lính.

Như có tái phạm thì quan võ cai quản ngạch lính lưu hậu gởi một cái tờ dạy phải thượng lộ cho quan Tham-biện, rồi quan Tham-biện gởi lại cho xã-trưởng đặng giao tại tay tên lính lưu hậu. Như tên lính lưu hậu không tuân theo lịnh ấy, thì gọi nó là bất tuân phép. Như vậy thì quan võ cai quản ngạch lính lưu hậu phải gởi cho quan Tham-biện một tờ dạy kiêm bắt, và tên lính không chịu tuân phép phải bị tập nả và bắt.

Trong lúc có việc điều binh, như tên lính nào ba bữa sau ngày đã định mà chẳng tựu nơi đạo binh lưu hậu nó, thì phải báo cho quan Tham-biện đặng truyền kiêm nó. Phải gởi một tờ trát đòi nữa. Như tên lính không tuân thì phải gởi một tờ dạy phải thượng lộ, như tên lính không tuân lịnh tờ ấy thì gọi nó là bất tuân phép.

Khi lính tập xin phép về làng mà phá phách làm cho mất sự bình tịnh trong dân tình, hoặc ngan tàng làm lỗi phép nước, thì làng phải bắt giải nạp cho quan Tham-biện.

Lính tập Annam, khi không có mang súng ống, bất kỳ có chức hay là lính, đều phải chào kính các viên quan bên văn có mang dấu sắc cho tới bực Cai-tổng.

Trong các đồn đặt riêng nơi các xứ, như có lính trốn, thì quan cai quản đồn ấy phải cho quan Phủ, quan Huyện hay là Cai-tổng hay mà truyền rao kiêm bắt. Cấm quan cai quản các đồn chẳng đặng tự xứng mà sai người ra khỏi vòng đồn mình mà tuần phòng, trừ ra khi nào có chuyện đại sự như hỏa hoạn, sát nhơn, có tiếng thiên hạ la mà truy trộm cướp thì mới được. Trong lúc như vậy thì phải thưa lại cùng quan Huyện hay là Cai-tổng hay.

VII. — Như có lính tập nào lấy tên giã mà ở lính thì quan Tham-biện phải lập giấy đích thân nó. Phải làm cho mỗi tên lính những tờ kể sau nầy :

Chức việc coi bộ đời làm một tờ vi-bằng thê tờ khai sanh, Trong tờ ấy phải có xã-trưởng, hương-thân và hương-hào ký tên và lại phải nhận con dấu làng nữa.

Quan Tham-biện phải làm một tờ đích thân mà kể các tên nào người lính lấy, và phải nhận chắc tên thiệt của nó là tên gì.

Các bổn sao rút trong bộ đời thì phải phát cho lính không ăn tiền.

Những lính mã tà phải tuyển chọn trong những lính cựu lính tập mãng khóa mà thôi.

Những người minh-hương cũng buộc phải đi lính như người Annam vậy.



ĐOẠN THỨ XIX

VỀ VIỆC ĐĂNG LÂM

I. — Việc làm rừng.
II. — Rừng biệt trí (Rừng-cấm),
III. — Quyền phận của các làng có lâm phần.
IV. — Những rừng thuộc về tỉnh, về làng, và thuộc có chủ.
V. — Bản định thước tất cây được phép đốn.
VI. — Qui điều chính về hình phạt về tội đăng lâm.
VII. — Cuộc nào làng phải bị trách cứ và hình phạt buộc tội làng.
VIII. — Cây gỗ thả đi đường nước. — Thuế thủy-lợi về cây gỗ. — Sự kiểm sát. — Sự hình phạt.
IX. — Qui điều các khoản.

I. — Nếu ai chẳng có bài thuế đăng lâm hay là bài chỉ thợ rừng thì chẳng đặng đốn hay là cho đi đốn cây danh mộc trong rừng Nhà-nước.

Bài thuế đăng lâm riêng theo mỗi tỉnh thì thuộc về phần sở kiểm-lâm cấp phát, đồng niên thâu thuế là 200 đồng bạc.

Có bài thuế đăng lâm thì khỏi lảnh bài sanh ý bán cây nguyên súc, nhưng mà phải nạp tất số thuế mới được lảnh bài đăng lâm. Cứ mỗi bài thuế đăng lâm thì được phép phát 50 lá bài chỉ thợ rừng, cho làm mỗi bài chỉ là 15 cây. Ai có bài thuế đăng lâm về tỉnh nào thì phải trình cùng quan Tham-biện sở tỉnh ấy.

Những bài chỉ thợ rừng, của người có bài thuế đăng lâm phát ra, đều phải có ghi vào sổ tại nha kiểm-lâm và phải có quan Tham-biện phê chiếu ; hể kiểm sát đủ số cây theo cái bài chỉ nào thì thay riêng lần từ cái bài chỉ nầy ; nhưng vậy như bài chỉ đăng lâm mãn hạng, thì bài chỉ thợ rừng cũng phải mãng theo.

Phàm như ai có xin cùng sở kiểm-lâm, thì cũng có phát riêng bài chỉ thợ rừng, cứ mỗi cái phải tiền nạp 4 đồng bạc. Cứ mỗi lá bài chỉ, thì được đốn 15 cây nội trong kỳ 3 tháng ; bằng muốn xin triển hạng thêm, thì phải có cớ trọng và lại phải có nha-môn chánh

trị thị chứng mới được. Các bài chỉ ấy phải có quan Tham-biện sở tỉnh phê chiêu vào.

Riêng trừ ra những rừng thuộc phía tây, thì sô cây đôn cũng đặng tăng lên bôn chục cây.

Những thợ rừng đăng lâm đều phải tùy thân bài chỉ luôn luôn. Thợ rừng chẳng đặng đôn cây khác loại hay là khác sô trong bà chỉ chúng nó.

Chẳng thợ rừng nào được lãnh đôn cây một lược cho nhiều người có bài thuê đăng lâm.

Chẳng đặng đôn cây nào ngoài địa-phận rừng biệt trí hay là những rừng có sở kiểm-lâm tu bổ, nêu cây ấy không đúng thước tât định nơi bản trong lời nghị nầy.

Đôn cây thì phải gắn hêt sức mà đôn cho sát mặt đât, còn gôc thì phải phủ đât lại.

Nghiêm câm chẳng cho dùng lửa mà hạ cây hay là phá trồng.

Thước tấc cây, bât kỳ cây súc hay là cây chuông thì cứ lấy đầu gôc lớn hơn hêt mà đo 5 tâc tây. Cách đo như vậy đều định chung có 1 thức, cho bât kỳ cây đôn trái lệ hay là cây buôn bán thường cũng vậy.

Nhà-nước có quyền làm nghị định mà câm có kỳ hạng không cho đôn những thứ cây nào tùy theo ý.

Tạm cậm không cho đôn cây Trai và cây Muồng hay là cây Mung.

Câm tuyệt không cho đôn những cây kể ra sau nầy : cây Dầu-con-rái, Dầu-lông và cây Chai (là cây để lấy dầu và lấy chai).

Nhưng mà khi nào có làng nhận thiệt rằng các thứ cây ấy đã hêt ra dầu chai nữa và như có lời xin quan Kiểm-lâm, thì sở Kiểm-lâm mới dạy làm dâu cây ấy mà cho phép đôn.

Được phép khởi sự lây dầu hay là lấy chai là chừng nào chặng ngang đầu người mà cây dầu Con-rái và cây chai đo theo vòng cây được 2 thước Langsa, còn cây Dầu-lông đo được 1 thước rưỡi Langsa.

Nghiêm câm chẳng cho tiềm kiếm mà lấy những cây củ gọi là cây rào (cây-lục).

Nhưng mà Nhà-nước được cho lượm góp những cây ấy mà phát mãi theo đồ lâm sảng mà phải thôi huờn tiền công dần cho các làng có lâm phần đã câp phát cho đi góp lượm cây ấy. Các sở việc quan cũng đặng phép cho lượm những cây ấy mà dùng, mà có sở Kiểm-lâm kiểm sát.

Chẳng ai đặng lập lò-than, lò-vôi, trại thợ-tiện nào, hoặc là tạm đỡ, hoặc là thường xuyên, lại chẳng ai đặng lập lò-gạch, lò-ngói

nào hết, trong rừng, và cách rừng ít nữa là 1000 thước trở lại mà không có phép quan cho.

Những váng viã làm bằng rìu, bằng búa, cong, chèo và xuồng, đều được làm tại rừng khỏi xin phép mà thôi. Cây cũng đặng cưa ra đoạn.

Bằng cưa cách nào khác tại trong rừng, mà không có xin phép thì phải bị tịch, còn cây thì gọi là cây đốn không đúng thước tấc, theo lệ định.

Nghiêm cấm chẳng đặng trổ đường sá chi ngang rừng mà xét thiệt không có ích lợi chung cho thiên hạ, hay là không cần kiếp trong việc đăng lâm mà không có sở Kiểm-lâm cho phép. Bằng có mở đường sá xét thiệt có ích lợi chung cho thiên hạ, thì phải cáo-báo cùng sở Kiểm-lâm.

Nhưng vậy cũng dung chịu cho đặng mở đường nhỏ, đường mòn cần kiếp trong việc đăng lâm.

Cấm chẳng đặng phá cây mọc theo bờ sông, bờ rạch ngan vô 50 thước tây mà không có phép quan cho.

Mở đường đi không phép và phá trồng bờ sông rạch thì gọi là đốn cây trong rừng Nhà-nước biệt trí (rừng cấm).

Hết thảy những cây đốn rồi đều phải để tại một bên gốc cho đến lúc chở đi đến chỗ vựa ghi vào bài chỉ thợ rừng, chở chiêu thì phải đi theo đường gần hơn hết.

Những cây nào chưa kiểm sát, mà gặp đặng bất kỳ chỗ nào khác, đều phải bị tịch và đóng dấu riêng nhiều chỗ lựa cho có chừng mà giao cho làng nào gần hơn hết phải biên nhận mà gìn giữ.

Những cây chở từ chỗ đốn đến chỗ vựa hay là chỗ kiểm sát thì phải đem bài chỉ thợ rừng theo hay là một cái giấy khai thế cho bài chỉ cũng được. Như cây nào đã có kiểm sát rồi và đóng thuế rồi mà chở đi đâu, thì phải có giấy thông hành của sở Kiểm-lâm phát, có chỉ rõ chở đến chỗ nào.

Chẳng hề khi nào cây đã kiên bè rồi đặng phép kéo lên bờ, hay là cây chở xe lửa, tàu khói hoặc là xe đặng đi khỏi nơi chỗ đã định để mà kiểm sát trước khi đóng thuế hay là cấp giấy thông hành.

Những người bán củi nào không phải là dân đứng bộ làng có lâm phần, thì phải có bài thuế đốn củi, mỗi năm đóng là 5 đồng bạc.

Về những củi nào không phải là của nhơn dân các làng có lâm phần để mà gia dụng, đều phải đóng thuế mỗi thước thùng là 10 chiêm, trừ ra có một khoản định nơi khoản thứ II kể sau đây. Cuối năm một phần năm thuế củi phải đóng lại cho sổ công nho địa-hạt tại tỉnh sở tại.

Những người làm rừng, bằng không thì làng, đều được phép lấy khỏi chịu thuế những nhánh và đồ vụn đốn cây mà té ra, đồ ấy thuộc về của riêng mình. Thể lệ lấy củi ấy sẽ có sở Kiểm-lâm chước định.

Những người trồng tiêu được phép đốn nọc để cho tiêu leo, khỏi chịu thuế. Việc làm nọc ấy, hể khi nào làm đặng, thì cho làm theo các nơi mỗi năm mỗi có định hạng lệ mà cho đốn cây.

II. — Về những lâm sảng trong các sở rừng cấm có định hạng cho trưng khẩn, thì cây danh mộc phải đóng thuế 8 phần 10 mà thôi, còn tre thì đóng có 5 phần 10, về củi và thang làm trong các sở rừng cấm thì Nhà-nước thâu có 3 chiêm thuế gọi là tiền đăng tịch, y như trong bản đính theo sau đây.

Nghị-định lập rừng cấm thì có đem vào nhựt-trình công-báo và Gia-định-báo.

Lại có inh ra yết thị chữ quốc-ngữ, chữ nhu mà giáng các nơi nhà vuông đặng rao cho các làng sở tại cùng các làng kế cận hay hết.

Sở Kiểm-lâm phải lấy họa-đồ các sở rừng cấm mà để tại tỉnh-thành và quan Tham-biện phải giao một bổn cho cai-tổng cùng cho mỗi làng sở tại.

Khi đã rao lời nghị-định trong yết thị đặng một tháng rồi, thì mới nhứt định sở rừng ấy là rừng cấm.

Phần đất có cây lập làm rừng cấm trong mỗi làng, thì chẳng được lớn hơn một phần ba địa-phận có cây rừng.

Cấm chẳng cho vào trong các sở rừng cấm biệt trí. Sự cấm ấy phải thi hành kể ngày nào sở Kiểm-lâm hay là Nhà-nước có tờ xin lập rừng cấm. Trừ ra những người bổn-quốc có nhà ở trong vòng rừng cấm, và những người có bài chỉ lãnh trưng làm cây gỗ cùng thợ rừng của các người ấy, hoặc các kẻ có đủ phép làm rừng, thì được phép vào rừng biệt trí ấy mà thôi.

Cấm chẳng cho súc vật và xe cộ đi trong rừng cấm, mà đi ngoài địa-phận các đường đi thường.

III. — Các tỉnh cùng các làng có lâm phần và nhơn dân trong các làng ấy, đều có quyền dùng lâm sảng trong những rừng thuộc về địa-phận làng mình, nhưng mà trừ ra những đoạn rừng biệt trí đã định y như trong chương trước đây. Được phép lấy những cây không phải danh mộc cho đủ tư dụng mà khỏi chịu thuế gì hết.

Chúng nó cũng được đốn cây danh mộc mà tư dụng và khỏi chịu thuế, nhưng mà phải có sở Kiểm-lâm cho phép y theo ý

thuận của quan Tham-biện. Mỗi làng được làm các thứ cây ấy nội trong phần rừng trong địa-phận đã định cho làm.

Về việc làm dầu chai, mây, tre và chung hết các vật lâm sảng hạng thường, thì biệt hứa cho các làng có lâm phần hưởng dụng nội địa-phận chuẩn cho làng đã định trước đây khỏi nạp thuế hạng gì riêng hết cả.

Lại các làng đặng phép thâu thuế những người làm dầu chai và tre trong phần rừng Nhà-nước không cấm, thuộc địa-phận làng.

Mỗi làng định bảng giá thuế ấy mà trình cùng quan Tham-biện phê chuẩn.

Làng phải biên tên những người buôn bán dầu chai, củi và tre đặng khai cùng quan tỉnh và sở Kiểm-lâm. Những người bán cây gỗ thuộc về dân làng có lâm phần thì đóng thuế sanh ý bán củi.

Những làng có lâm phần đã có quyền dùng lâm sảng, thì phải thọ nạp công sưu rừng của hội-đồng tỉnh nghị định để mà khai mở và tu bổ các đường rừng cùng làm những công việc trong rừng.

Nhà-nước quản-hạt phải cho sở Kiểm-lâm biết số ngày công sưu rừng định như vậy để mà làm công việc trong rừng, và phải giúp phương thế mà thi dụng.

Hương chức phải theo lời truyền bảo của quan Tham-biện và viên chức sở Kiểm-lâm mà dùng hết phương mà phụ giúp trong việc giữ gìn lâm phần. Làng phải hiệp đồng với viên chức Kiểm-lâm, mà gìn giữ những rừng cấm, tập nả kẻ trái phạm đều lệ, thâu tịch đồ tang và cáo-báo cho quan Tham-biện chủ tỉnh hay hết thảy các đều thuộc về việc giữ gìn lâm phần đặng cho quan Tham-biện thông tin cho sở Kiểm-lâm hay.

IV. — Về những rừng chánh là thuộc về tỉnh và làng thì phải tuân theo điều lệ Kiểm-lâm cũng như rừng Nhà-nước.

Nhưng mà tỉnh cùng làng được biệt trí định hạng lệ đăng lâm, đặng cho phép thâu dụng, mà phải có Nhà-nước cho phép trước mới đặng.

Lại Nhà-nước có quyền đóng ịnh cây trong những rừng ấy.

Sự làm cây gỗ trong các rừng là của tư mọi người đều được thong thả mà làm.

Nhưng vậy như xét vì có ít, thì sở Kiểm-lâm được quyền cho đóng ịnh cây trước khi đốn. Còn như có bán hay là có chuyên chở đi đâu thì cây ấy phải đóng ịnh luôn luôn, và phải có phát giấy thông hành cho chủ.

Được bát đơn không cho phép khai phá là trong những rừng phải cần mà gìn giữ vì bởi các việc sau đây :

1° Giữ cầm đất núi hay là đất truyền;

2° Giữ đất cho khỏi sông rạch, suối, ăn khuyết lở.

3° Gìn giữ cho còn sông suối.

4° Giữ động cát và gảnh cho biển khỏi lố và cát khỏi trảng;

5° Gìn giữ địa-phận trong các nơi biên giái ngày sau sẽ định, hoặc là phải cần có lời nghị quan Tổng-thông Toản-quyền phân định.

6° Gìn giữ cho thiên hạ đặng khiết tịnh khỏi bịnh hoạn.

Chẳng người chủ rừng nào đặng nhổ cây hay là phá cây của mình mà không bẩm trước cho Nhà-nước xét lại rỏ ràng không phạm nhằm khoản nào trong 6 khoản định trong đều trên nầy:

Như trong kỳ một tháng Nhà-nước không bát đơn xin phép mình thì tỉ như người chủ rừng đã đặng phép rồi.

V. — *Bản chỉ thước tấc bậc dưới hơn hết về những cây đúng lệ được đốn.*

TÊN CÂY THEO TIẾNG BỔN-QUẤC và hạng thứ	BỀ CHUỒNG nhỏ hơn hết về cây CHUỒNG	BỀ KINH tâm nhỏ hơn hết VỀ CÂY SÚC
Thượng hạng (danh mộc)		
Trắc	0m33	0m 45
Cẩm-lai	0 33	0 45
Huỳnh-đường	0 33	0 45
Dáng-hương	0 33	0 45
Nàn-hương	0 33	0 45
Sơn	0 33	0 45
Bạch-đường	0 33	0 45
Hạng nhứt		
Trai	0m 33	0m 45
Xoay	0 33	0 45
Gồ	0 33	0 45
Vấp	0 20	0 30
Cam-xe	0 33	0 45
Cam-thị	0 33	0 45
Mung hay là Muồng	0 33	0 45
Sao	0 33	0 45
Bình-linh	0 25	0 35
Cà-chắc	0 33	0 45
Sến	0 33	0 45
Câm-liên	0 33	0 45

TÊN CÂY THEO TIẾNG BỔN-QUẤC và hạng thứ	BỀ CHUỖNG nhỏ hơn hết về cây CHUÔNG	BỀ KINH tâm nhỏ hơn hết VỀ CÂY SÚC
Hạng nhì		
Gáo	0m 33	0m 45
Thông-tre	0 33	0 45
Làu-táu	0 20	0 30
Lim	0 33	0 45
Săng-đào	0 20	0 30
Đa-đa	0 33	0 45
Chò	0 33	0 45
Hạng ba		
Dầu	0m 33	0m 45
Huỳnh	0 33	0 45
Vên-vên	0 33	0 45
Bằng-lăng	0 33	0 45
Sâu	0 33	0 45
Cổng	0 20	0 30
Du	0 33	0 45
Chiêu-liêu	0 33	0 45
Trâm-sừng hay là Sơn	0 20	0 30
Trâm-lanh	0 20	0 30
Cà-đuối	0 33	0 45
Viết hay là Vẹt	0 20	0 30
Tho-dĩa	0 20	0 30
Bời-lời	0 33	0 45
Tràm (Eucalyptus)	0 11	0 16
Su	0 14	0 20
Hậu phát	0 20	0 30
Râm	0 33	0 45
Rồi	0 20	0 30
Tàm-lanh	0 20	0 30
Hạng tư		
Săng-trắng	0m 33	0m 45
Săng-mả	0 33	0 45
Săng-máu	0 33	0 45
Chai	0 33	0 45

TÊN CÂY THEO TIẾNG BỔN-QUỐC và hạng thứ	BỀ CHUÔNG nhỏ hơn hết về cây CHUÔNG	BỀ KINH tâm nho hơn hết VỀ CÂY SÚC
Lồi	0 33	0 45
Trâm	0 20	0 30
Dàng-dè	0 20	0 30
Vừng	0 20	0 30
Săng-den	0 20	0 30
Săng-cha	0 20	0 30
Gồi	0 20	9 30
Lòng-mang	0 20	0 30
Ươi	0 33	0 45

Thuế đồn những cây không danh mộc.

Sào dài từ 3 thước tới 5 thước, kinh tâm dưới 10 phân mỗi trăm là............................ 1 $ 30

Sào, dài 3 tới 5 thước, kinh tâm 0m 10 sấp lên, mỗi, trăm. 1 63

Sào, dài 5 thước kinh 0m 15, mỗi trăm............ 4 07

Cột hay là cây chuông dài từ 4 tới 6 thước, kinh tâm 0m 20 sấp lên hay là bề chuông từ 0,15 sấp lên ; mỗi cây. 0 10

BĂNG THUẾ RIÊNG

Chèo 3 thước	mỗi cây	0 $	09
Chèo 4 thước	—	0	13
Chèo 5 thước	—	0	17
Chèo trên 5 thước	—	0	25
Bánh lái hạng nhứt	mỗi thước	0	49
— hạng nhì	—	0	33
— hạng ba	—	0	25
Bánh xe mỗi cặp		1	81
Róng, trì để làm rào, mỗi thiên		0	50
Củi thổi hoặc là thước hộc	0 10 hay là	0	03
Than cây hoặc là mỗi trăm kilos	0 10 hai là	0	03
Tre mỗi trăm		1	00

Lời cắt nghĩa : khi nào bề trường cây hay bề trường trung bình sào mà quá 6 thước thì phải nạp thuế bằng hai.

Những ghe lường mới trổ và chưa hành dụng đặng thì tính thuế như cây chuông y theo trường hoành.

Còn những ghe lường mỗ rồi thì chịu thuế có bốn phần mười.

Những đà đường xe lửa trong Nam-kỳ thì phải đóng thuế một lệ 15, 12, 8 và 6 chiêm tùy theo cây hạng nhứt, hạng nhì, hạng ba hay là hạng tư.

VI. — Về việc đăng lâm những đồ bị tịch đều phải thâu giao cho làng lãnh phần trách cứ về mình mà nhận giữ gìn.

Như ai chẳng có bài thuế đăng lâm mà đốn hay là sai đi đốn những cây gỗ trong rừng Nhà-nước thì bị phạt vạ bằng giá bài thuế đăng lâm. Những cây dã đốn lại bị bắt và thâu tịch phải bị phạt các tội định về sự đốn cây gỗ không đúng thước tấc và đốn cây gỗ biệt trí.

Sẽ bị phạt vạ từ 1 cho đến 10 đồng trong mỗi lá bài chỉ thợ rừng, những kẻ có bài thuế đăng lâm mà không có cấp cho mỗi người thợ rừng của mình một lá bài chỉ có quan tham biện trong tỉnh phê chiếu đặng vi-bằng rằng người thợ rừng là làm công cho mình. Trong bài chỉ phải biên tên và chỗ ở của người thợ rừng, lãnh đốn thứ cây gì số là bao nhiêu; (được phép đốn từ 15 cây trở lại những cây gỗ định trong bốn hạng) lại cũng phải chỉ chắc chắn cây đốn rồi phải tựu lại tại chỗ nào mà đợi kiên bè hay là chở bộ.

Người thợ rừng nào bị bắt đốn hay là rình mà đốn những cây gỗ danh mộc mà không có bài chỉ thợ rừng, thì bị phạt vạ từ 1 cho đến 4 đồng bạc mỗi cây tùy theo hạng hay là bị phạt tù từ 5 ngày cho tới một tháng. Như có tái phạm thì phải bị phạt vạ bội nhị và sẽ bị xử phạt tù luôn luôn. Còn cây gỗ đốn thì bị thâu tịch.

Thợ rừng nào đốn những cây gỗ nào không có biên trong bài chỉ mình, thì bị phạt các tội định nói đầu trước nầy.

Người thợ rừng nào lãnh một lược bài chỉ của nhiều người có bài thuế đăng lâm thì bị phạt vạ từ 1 cho tới 6 đồng bạc.

Thợ rừng nào đốn những cây gỗ danh mộc không đúng thước tất định theo lệ, thì bị phạt tù từ 8 bữa cho tới 2 tháng, còn cây gỗ thì bị thâu tịch. Người có bài thuế đăng-lâm và kẻ mua những cây gỗ ấy lại cũng bị phạt vạ một đồng bạc, 7 cắt, 3 cắt, 2 cắt hay là 3 đồng bạc, 2 đồng bạc, 1 đồng bạc, 7 cắt, mỗi cây gỗ, tùy theo thứ hạng, và cũng tùy theo cây tròn, hay là cây chuông.

Như ai đốn những cây gỗ kể sau nầy: là dầu-con-rái, dầu-lông,

dầu-chai, mà không vi-bằng chắc chắn rằng cây ấy không ra dầu nửa, và không có phép quan Tham-biện cho đốn cây gỗ ấy, thì bị phạt vạ 30 đồng bạc mỗi cây và phạt tù từ 15 ngày tới 2 tháng. Như có tái phạm, thì hình phạt phải gia bội nhị.

Những kẻ hoa trừ cũng bị phạt đồng tội, và cây gỗ lại bị thâu tịch luôn luôn.

Như ai đốn những cây gỗ củ gọi là cây rào cây lục thì bị phạt vạ từ 1 đồng cho tới 5 đồng mỗi cây, và phạt tù từ 15 ngày cho tới 2 tháng.

Người nào khởi sự làm những cây định nơi đều trước đây, trước khi cây ấy đo từ gốc sắp lên ngan đầu con người được 2 thước bề kinh tâm về cây dầu-con-rái, và cây-chai, và một thước rưởi về cây dầu-lông, thì bị phạt vạ từ một đồng cho tới 5 đồng bạc mỗi cây hay là phạt tù từ 2 ngày cho tới một tháng.

Như ai có lập, hoặc tạm đở, hay là thường xuyên, lò thang, hay là lò vôi, lò gạch hay là lò ngói cách rừng ít nữa 2 ngàn thước tây, thì bị phạt vạ từ 25 đồng cho tới 250 đồng bạc và những trại ấy phải dở phá lập tức. Những cây gỗ bị gặp nơi lò trại ấy, thì gọi là cây lậu.

Những cây, đoạn gốc nào đã nhập vô trại cưa mà không có quan kiểm-lâm địa phận khán nhận và đóng ịnh trước, thì phải bị thâu tịch. Người chủ trại cưa lại bị phạt vạ từ 1 đồng cho tới 4 đồng bạc mỗi cây, tùy theo hạng.

Những cây gỗ nào gặp bất kỳ là tại đâu khác một bên gốc cây ấy, hay là chỗ vựa của người có bài thuế đăng-lâm chỉ định trong bài chỉ thợ rừng, thì đều bị thâu tịch nhập về quản-hạt.

Như có biết đặng chủ cây ấy, thì nó bị phạt vạ một đồng bạc mỗi cây.

Những cây chở chuyên đi mà không có các giấy tờ vi-bằng kể sau nầy :

1°. Bài chỉ thợ rừng hay là một lá khai thế bài chỉ, về những cây chở từ chỗ đốn đến chỗ vựa.

2° Giấy thông hành của quan Tham-biện cấp phát và trong giấy ấy phải biên chỗ nào phải đến, về những cây chở chuyên có đóng thuế rồi, thì tỉ như cây lậu và phải bị thâu tịch.

Những người buôn bán cây gỗ nào chẳng có khai cùng quan Tham-biện hay là quan quyền tại chỗ phải đếm những cây gỗ đã đến nơi rồi, mà chưa có bán trọn hay là bán một phần, thì bị phạt vạ từ 2 đồng cho tới 10 đồng. Những cây gỗ chưa đóng thuế trong kỳ 4 tháng, kể từ ngày ghi trong bài chỉ thợ rừng,

hay là không có xin kỳ lại một tháng mà quan Tham-biện có quyền cho thì phải thuận nhập về của quản-hạt, và người đăng-lâm chẳng đặng kêu nài sở phí về việc đốn và chở chuyên, vân vân., gì hết.

Những cây nào kéo lên bờ hay là đi khỏi nơi đã định mà kiểm sát trước khi đóng thuế, thì phải bị thâu tịch và người có bài thuế đăng-lâm phải bị phạt vạ từ 1 đồng cho tới 15 đồng bạc.

Người nào đốn hay là cưa những cây gỗ hay là chôi trong rừng biệt trí, thì bị phạt vạ từ 20 đồng cho tới 100 đồng hay là phạt tù một tháng cho tới 6 tháng.

Như có tái phạm thì phải gia phạt 2 tội.

Người nào làm rẫy trong rừng thì bị phạt 6 tháng tù.

Người nào bởi sự vô ý hay là không có ý đốt lửa trong rừng thì bị phạt vạ 20 đồng bạc.

Người nào bị gặp trong rừng cấm, ngoài địa phận đường đi thường, có tùy thân rìu, rựa, búa, cưa và các khí giái khác cũng một loại, thì bị phạt vạ 2 đồng bạc và bị tịch ký các khí giái ấy hết.

Những người chủ nào có súc vật gặp trong rừng cấm, ngoài địa-phận đường đi thường và ngoại địa phận làng thì bị phạt vạ 2 cắt mỗi con heo, 6 cắt mỗi con ngựa, hay là mỗi con bò, 8 cắt mỗi con dê, một đồng mỗi con trâu.

Những người chủ nào có xe cộ bị gặp trong rừng cấm ngoại địa-phận đường đi thường thì bị phạt vạ 2 đồng mỗi cái xe.

Những người khai phá không có xin phép thì bị phạt tù từ 2 cho tới 6 tháng và phạt vạ từ 50 cho tới 200 đồng bạc mỗi mẫu hay là số lẻ trong một mẫu khai phá.

Trong các khoản như vậy, mùa màng làm tại chỗ khai phá không có xin phép phải bị thâu tịch nhập về quản-hạt.

Những người nào có rừng riêng, không có khai cho Nhà-nước hay trước khi đốn cây mà không có quan kiểm-lâm ịnh dấu thì bị phạt vạ mỗi cây đốn là một đồng bạc.

Những người nào có rừng riêng mà nhổ hay là phá rừng mình không có phép Nhà-nước cho hay là trước khi màng kỳ một tháng kể từ ngày vào đơn xin phép, thì phải bị phạt vạ từ 50 cho tới 200 đồng trong một mẫu hay là trong số lẻ một mẫu khai phá.

Các kiện cáo về việc khai phá định nơi đều trước này thì được thưa trong 2 năm kể từ ngày đã khai phá.

Trong cơn lén lấy lậu những cây gỗ và đồ lâm sảng, thì chẳng

phải bị phạt vạ mà thôi, lại cũng phải trả đồ lấy lại, hay là thôi gía cả nó lại và cũng phải tùy theo diệp, chịu tiền sở phí nữa.

Những cưa, rìu, rựa, búa và các khí giái khác cũng một loại mà người trái phạm luật và kẻ liên cang cùng mình bị gặp đái tùy, đều cũng phải thâu tịch.

Như các đều trái lệ ấy có phạm về địa-phận làng nào, thì làng nầy phải chịu trách cứ về việc đóng bạc vạ phạt.

Làng nào đã có biết trước mà không tập nả những kẻ phạm tội, thì bị phạt vạ từ 25 cho tới 100 đồng.

Làng nào để khai phá rừng trong địa phận mình mà không có ai cho phép, thì phải chịu trách cứ về việc đóng bạc phạt vạ định trước nầy.

Trong diệp nào kẻ phạm tội thuộc về một làng khác làng có địa phận rừng bị phá táng và như sự phá táng đã phạm mà không hay biết, thì làng sở tại kẻ phạm tội phải bị trách cứ về việc đóng bạc phạt vạ định trước nầy.

Về việc chịu thường bồi những làng có lâm phần nào thuộc về địa phận mình mà những sự trái lệ đã phạm có cớ-bằng chắc chắn, thì phải bị trách cứ về việc đóng tiền chịu bồi thường cũng như các khoản định về phần trách cứ, trong việc đóng bạc phạt vạ.

VIII. — Những cây gỗ chở theo đường nước, những bè tre hay là bè bất kỳ là thứ nào đều phải chịu đóng thuế; sự thâu thuế ấy thì phú cho sở quan thuế Ngoại-ngạch cõi Đông-dương.

Kể từ ngày 1er octobre 1899 lòng thuế ấy định như sau nầy:

Cây để làm mộc, để nhuộm, và các thứ cây tốt	1 thước thủng	0 $	50
Cây gỗ tạo tác..........................	—	0	30
Các thứ cây tạp..........................	—	0	15
Củi..	—	0	08
Tre lớn để cất nhà..........................	—	0	25
Tre khác..	—	0	05
Mây..	—	0	10
Tranh lá..	—	0	02
Vỏ cây..	—	0	20
Thang củi..	—	0	30
Các lâm sảng khác..........................	—	0	03

Các người chủ cây hay là bè, trước khi xuất hành, phải kê số cây kết bè bao nhiêu mà thả, cùng phòng thuế Ngoại-nghạch nào gần hơn hết, hay nơi phòng quan thuế nào gặp dữa đường đang khi thả từ trên nguồn sông rạch thả xuống.

Khi kiềm sát rồi, tính toán và đóng thuế xong rồi, thì phát cho chủ bè cây một cái giấy thông hành, đặng trình khi có tra hỏi, cho các chức việc tuần phòng.

Cái đều trái phạm thể lệ định trong lời nghị nầy đều bị phạt vạ bằng hai lòng thuế, và như có tái phạm, thì phạt vạ bằng mười lòng thuế. Còn cây và bè bị cầm lại cho đến chừng nào đã đóng bạc vạ rồi và lại bị thâu tịch, như không đóng bạc vạ.

Các thứ cây thả trên mặc nước hay là kiền lại mà thả đều phải chịu thuế thủy lợi. Vậy thì những cây chở treo hai bên ghe cũng phải đóng thuế thủy lợi.

IX. — Thước tất bất kỳ là cây súc hay là cây chuông thì cứ đo cách đầu gốc lớn năm tấc tây. Cách đo nhu vậy định chung một thức, bất kỳ cây đốn trái lệ hay là cây buôn bán thường cũng vậy.

Cấm tuyệt trong cả địa phận Nam-kỳ không cho đốn cây trai bất kỳ là thước tấc nào.

Như ai buôn bán cây gổ tạo tác trong Nam-kỳ mà không có bài thuế đăng làm hay là bài chỉ làm rừng thì phải đóng thuế sanh ý buôn bán cây hạng nhứt.



ĐOẠN THỨ XX

VỀ PHÉP SẮM KHÍ GIẢI

I. — Phép sắm khí giải. — Sự chuẩn cấp giấy phép sắm khí giải. — Sự nhận thị. — Sự thâu giấy phép lại, khi người chủ qua đời. — Sự cấp cái giấy phép khác khi cái giấy chánh đã mất.

II. — Hình phạt về tội trái phạm lệ luật. Qui điều các khoản.

I. — Chẳng người bổn-quốc nào hay là người ngoại-quốc phương đông nào ở tại Nam-kỳ, hay là kinh quá trong hạt mà đặng sắm súng hay là đem súng tùy thân, nếu quan Nguyên-soái chẳng có nghị định riêng mà chuẩn cấp giấy phép sắm súng, chiếu theo lời xin có đủ cớ của quan chủ tỉnh hay là quan cai quản nha-môn nào kẻ xin phép tùng quyền.

Về phần nhơn dân ở châu thành Saigon và Chợ-lớn thì phải có quan Đốc-lý trình thỉnh đủ cớ.

Giấy phép sắm súng được chuẩn cấp cho những người phương đông nào có danh tiếng tử tế mà thôi.

Như có việc chi cang hệ đến việc bình an trong nước, thì có lẽ quan Nguyên-soái phải thâu giấy súng lại hoặc vô hạng, hoặc hữu hạng bao lâu.

Mỗi khi phát một cái giấy súng cho ai thì người ấy phải đóng thuế 50 đồng bạc.

Các viên quan bổn-quốc là phủ, huyện, và cai-tổng, phó-tổng khi biệt phái ngoại tỉnh thành, mà nhơn vì chức phận nên tùy thời phải có khí giải thì đặng chuẩn cấp giấy súng khỏi nạp thuế.

Về giấy súng miễng thuế cấp cho viên quan y như trong điều trước đây và súng sắm theo giấy cấp ấy, hễ khi nào thôi làm việc quan rồi, thì Nhà-nước thâu giấy và súng lại.

Hễ khi nào người bổn-quốc có chức phận trong việc Nhà-nước có giấy súng miễng, thuế thì khi thôi làm chức ấy, bất kỳ hoặc là vì cớ gì, thì giấy súng khỏi thuế ấy, trở nên giấy súng phải đóng thuế, mà như muốn giữ giấy ấy, thì phải đóng tiền lảnh giấy và đóng thuế nửa kỳ; nên viên quan nào chẳng chịu thuế ấy thì phải bị thâu giấy cùng súng để tại tòa bố chờ cho đến khi nào ai có giấy đủ lệ có muốn mua thì bán được.

Như người có giấy súng qua đời thì nội trong kỳ 8 bữa những kẻ kế nghiệp nó và hương chức, thuộc về châu thành Saigon và Chợlớn phải đem giấy súng và súng mà nạp cho quan Đốc-lý tuần thành (tục kêu gọi là ông cò nhứt) còn như ở các tỉnh, thì phải do nơi quan Tham-biện mà nạp.

Như kẻ kế hưởng gia tài của người có giấy súng, có làm đơn xin phép sang tên mà đứng giấy súng ấy, thì các quan Tham-biện và các quan Đốc-lý châu thành đặng cho phép triển hạng tạm đình việc nạp súng và giấy súng lại.

Mỗi giấy súng phải có số hiệu nhựt ký vào bộ và số thứ tự nơi dinh hiệp lý định cho.

Số thứ tự và tên người có giấy súng phải khắc phủng vào bá súng cho rỏ ràng.

Khi nào mất giấy súng hay là súng, hoặc là mất hết cả hai, thì nội trong 24 giờ đồng hồ, như ở trong thành phố Saigon và Chợlớn, thì phải đến tại sở Tổng-lý tuần thành mà khai báo, còn như ở các tỉnh thì trong 3 bữa phải do nơi quan Tham-biện chủ tỉnh mà khai báo.

Hễ giấy súng có mất thì Nhà-nước không sao cấp giấy khác nữa. Ai có mất thì phải xin chuẩn cấp giấy mới khác và phải đóng thuế 50 đồng bạc, y như đã định trước nầy:

11. — Các đều trái phạm thể lệ định trước nầy thì hương chức và cai tổng phải tra xét.

Các đều phạm luật ấy phải phạt vạ từ 10 cho tới 100 quan và phạt tù từ 5 ngày cho tới 15 ngày, hoặc là phạt vạ không, hay là phạt tù không, và lại phải thâu tịch súng nữa.

Người nào được phép sắm súng mà cho kẻ khác mượng súng mình thì bị phạt vạ và tùy theo tội trọng hay khinh, có lẻ cũng phải phạt vạ

Cấm tuyệt chẳng cho các người Bổn quốc buôn bán súng ống khí giái.

Những tàu thuyền chệt thông thương trong lục tỉnh, không được chở khí giái dưới tàu; khi các tàu thuyền ấy vào địa phận Nam-kỳ mà có lãnh giấy thương-hồ rồi, đều phải nạp khí giái hết. Phép sắm súng lục liên thì chẳng cho ai phép.

Cấm chẳng cho ai để súng mình lại cho kẻ khác.

Buộc các kẻ có giấy súng phải đem trình súng mình cho quan xem cho đặng biết rỏ kẻo hoặc là có cho ai mượn đi chăng. Cũng có khi đi xét thình lình nữa.

Các chức việc sở thuế Ngoại-ngạch khi đi xét mà bắc khí giái thuốc đạn lậu thì có phép tịch những vật ấy và lập tờ làm chứng về việc ấy.

Chẳng phải gọi là súng bắng các thứ súng để săng mà thôi, và lại thứ súng nhỏ gọi là Flobert và thứ súng sửa lại, bất kỳ là lòng bao lớn.

Cấm tuyệt người bổn-quốc hay là người Phương-đông ngoại quốc nào được sắm súng bắng xa hay là súng để ra giặc, được ngoại trừ khỏi thể lệ buộc ấy là trong các diệp ít khi có, nhưng mà phải có quan chủ quản hạt châm chuẩn mới được.

Phải đóng số và tên người chủ súng trên bá súng một cách cho rỏ ràng.

Số giấy phép sắm súng chịu thuế được cấp cho mỗi tỉnh trong Nam-kỳ đã định như số sau nầy:

Bặc-liêu	30	Bàrịa	40
Bến-tre	60	Biên-hoà	100
Cần-thơ	50	Cap-St-Jacques(vũng tàu)	6
Châu-đốc	50	Chợ-lớn	60
Gia-định	100	Gò-công	45
Hà-tiên	[illegible]0	Long-xuyên	40
Mỹ-tho	100	Rạch-gía	30
Sa-đéc	50	Sốc-trăng	60
Tân-an	40	Tây-ninh	30
Thủ-dầu-một	60	Trà-vinh	80
Vỉnh-long	80		

Các đơn xin phép sắm súng thì phải ghiêm theo một lá khai theo kiểu sau nầy mà trình:

Tên họ người xin.

Mấy tuổi.

Nhà cửa ở đâu.

Người nước nào.

Ở trong làng được bao lâu.

Gia sảng được bao nhiêu kể theo các bổn sao bộ điền thổ, bộ ghe, và trâu.

Làm nghề gì mà giàu được.

Khi trước làm việc chi có danh.

Ản toà.

Dòng họ ra thể nào?

Công việc giúp cho Nhà-nước.

Tánh hạnh thường.

Xin sâm thứ sùng gì.

Chổ cắt nghĩa.

Người bổn-quốc nào có phép sâm súng, khi đổi chổ ở thì phải tiêu trình cùng quan Tham-biện tại tỉnh hay là thành nào mình đi và cũng phải trình nơi tỉnh thành mình tới ở. Phải cai sự đổi dời ấy sau lưng giấy phép tại chổ đi và tại chổ đến.

Nhưng mà khi người được phép sâm súng không ở trong tỉnh nữa là chổ cấp giấy phép cho mình khi trước; thì những giấy súng ấy cũng còn đứng bộ sổ tại tỉnh ấy, và chẳng đặng trừ ra, mà đem vô bộ sổ nơi tỉnh nào người chủ súng mới tới ở.

ĐOẠN THỨ XXI

VỀ VIỆC TUẦN PHÒNG TRONG LÀNG

I. — Dấu phân biệt các ghe sông.

II. — Sách ghe và giấy phép các ghe sông phải có đặng thông thương trong Nam-kỳ.

III. — Thể lệ chung nói về các ghe sông. Qui điều các khoản nói về ghe biển.

1. — Các ghe thuyền trong lục tỉnh phải vẻ sắc phân biệt mỗi tỉnh như sau nầy:

Ghe tỉnh.	Biên-hòa..........	sắc đỏ chạy bìa đen.
	Sàigòn............	sắc đỏ.
	Mỹtho.............	sắc đen chạy bìa đỏ.
	Vĩnhlong..........	sắc vàng chạy bìa lông két.
	Châu-đốc..........	sắc xanh.
	Hà-tiên...........	sắc xanh chạy bìa vàng.

Sắc phân biệt ấy phải vẻ hai bên mủi ghe, có con mắt nằm giữa sắc ấy theo thói Annam.

Các ghe thuyền vào sổ trong quản hạt phải khắc số hiệu Tham-biện và số vào sổ trong mỗi Địa-hạt đàng trước mũi ghe. Số hiệu Tham-biện khắc trước con mắt ghe, còn số hiệu ghe thì khắc sau con mắc ghe.

Số hiệu Tham-biện

Saigon số 1, Châu-đốc số 2, Hà-tiên số 3, Rạch-gía số 4, Trà-vinh số 5, Sa-đéc số 6, Bền-tre số 7, Long-xuyên số 8, Tân-an số 9, Sốc-trăng số 10, Thủ-dâu-một số 11, Tây-ninh số 12, Biên-hòa số 13, Mỹ-tho số 14, Bà-rịa số 15, Chợ-lớn số 16, Vĩnh-long số 17, Gò-công số 18, Cần-thơ số 19, Bắc-liêu số 20.

Hiệu ấy phải để bằng số Arabes, cho cao ít nửa là 1 tất tây, khắc vô trong be, và vẽ sắc cho rỏ ràng phân biệt với sắc ghe. Cấm không cho dùng những tấm bằng cây hay là bằng đồng bằng

thiết mà đóng khơi trênbe ghe. Hễ gặp ghe nào mà không có y thể lệ nói trước nầy, thì ghe ấy phải bị bắt mà giải tới tỉnh sở tại.

Những ghe nào không có số hiệu đều phải bị tàu tuần bắt và lại bị giải tới tại tỉnh đặng chịu phạt về tội ấy.

Những tấm kiểu để inh số hiệu để tại Trường bố đặng cho làng xóm dùng mà vẽ số.

Hễ ai làm giả, hoặc đổi số ghe, thì phải phạt tiền từ 1 đồng cho tới 10 đồng bạc.

II. — Những ghe thương hồ trong lục tỉnh, phải có sách riêng ; sách ấy Nhà-nước phát không ; trong lục tỉnh thì phát tại các sở Tham-biện, còn tại Saigon, thì tại sở Thủ-ngữ. Sách ghe ấy phải cai thứ gì, khí giái cùng đồ giữ mình ghe ấy có phép chở là bao nhiêu, những khí giái gì, cai tên chủ ghe, ghe ấy bán lại cho ai, đóng thuế rồi hay là chưa. Chủ ghe nào không có sách thì phải phạt tiền từ 1 đồng cho tới 10 đồng bạc mà còn phải đóng thuế ghe nữa.

Khi mất có chứng cớ rõ ràng, hoặc sách ghe, hoặc là bài chỉ, hay là mất một món trong hai món ấy, thì quan Tham-biện phát sách mới, cùng bài chỉ mới ; mà phải đóng 2 đồng bạc, và như xét có lẽ, phải hủy sách cùng bài chỉ đã phát trước.

Trong mỗi cuốn sách ghe đều có bài chỉ hiệp theo, trong bài chỉ ấy phải khai tên hạt Tham-biện, số ghe, thứ ghe gì, ghe nổi mấy tạ, tên chủ ghe biên ra chữ Annam và chữ quốc-ngữ, cùng phải có Tham-biện ký tên vào. Khi cho mướn ghe, thì chủ ghe giao sách lại cho người mướn ; mà phải giữ lấy bài chỉ. Khi có bán đứt, thì mới đặng giao bài chỉ ấy mà thôi. Ấy là một lệ làm cho phép bán ghe ra chắc chắn.

Khi bán ghe, thì buộc phải đem tờ ấy vào sổ ; khi đã đem vào sổ rồi, thì chẳng cần gì phải thay sách khác, biên tên chủ mới vào sách cũ thì đã đủ, bài chỉ trước phải hủy đi cùng thay bài chỉ mới mà khỏi chịu tiền.

Bài chỉ và sách ghe đều phải inh rập cùng nhau.

Còn về những ghe nho nhỏ, như ghe lường, xuồng, chẳng cần gì phải có sách có bài chỉ làm chi ; có một cái giấy thông-hành của xã-trưởng cho không tiền thì đã đủ.

III. — Các ghe thuyền Annam không được phép kéo cờ Langsa (*cờ tam sắc*) mà không có vẽ hoặc số hiệu hạt Tham-biện, hoặc dấu riêng nào khác cho rỏ ràng trong khoản trắng. Ai làm sái phép, thì phải phạt tiền từ 1 đồng cho tới 5 đồng bạc.

Các chủ ghe khi tới tỉnh nào, buộc phải đem trình sách ghe nơi sở tại tỉnh ấy mà thôi, các đồn, các phần thủ không được bắt ghe có sách.

Các chủ ghe phải có cách tiện đặng đi buôn bán thong thả, bất kỳ chỗ nào, trong địa-phận qua chỗ khác. Chúng nó khỏi bị buộc phải mất công trong khi đi đường, cũng khỏi đến tỉnh Tham-biện sở tại mà xin ghi vi-bằng sự mình xuất hành, và cũng khỏi đến nơi các dinh Tham-biện gặp giữa đường mà xin ghi, khi muốn dời đổi chỗ khác.

Các chủ ghe nào đến Chợ-lớn, khi mới tới thì phải nạp sách ghe mình tại dinh Đốc-lý trong kỳ 24 giờ ; và sẻ phát biên lai cho chúng nó, được lảnh sách ghe lại trong 24 giờ trước khi lui ghe.

Sách ghe thì có quan Đốc-lý hay là quan thế quyền ghi nhập và ghi xuất. Các sự ghi ấy phải biên trong một cuốn sổ riêng.

Như có trái phép và chưa đóng thuế, thì quan Đốc-lý Chợ-lớn phải gởi sách ghe cho quan cai quản sở thuế Chánh-ngạch, hay là như xét có lẻ, thì phải thông báo cùng quan Tham-biện chủ tỉnh nào ghe trái lệ ấy đứng bộ.

Tại Sài-gòn sách ghe phải hầu ghi tại sở thuế Chánh-ngạch.

Những ghe trong Nam-kỳ, có đái tùy giấy thông-hành của các quan Tham-biện trong Nam-kỳ cấp cho, thì khỏi chịu thuế mà lảnh giấy thông-hành tại xứ Cao-mên ; nhưng mà ghe không được đậu tạixứ Cao-mên quá 3 tháng : trừ ra như có các quan Khâm-sứ nơi các tỉnh hay là quan cai quản ở tại Nam-vang cho thêm phép đậu tại ấy. Sự cho thêm phép ấy thì được cho hai lần mà thôi và chẳng đặng quá một năm trở lại. Ngoại trừ những ghe nào có khí giái đặng chài lưới và có phép riêng của các quan Khâm-sứ tại các tỉnh cấp cho và của quan cai quản ở tại Nam-vang cho thì các ghe ấy được đậu tại xứ Cao-mên quá 3 tháng.

Cấm chẳng cho các ghe có neo, bỏ neo dọc theo mấy chỗ nhà vòm giây thép đường thủy trong mấy ngọn sông có đặt đường giây thép ấy ; ai chẳng tuân phép ấy thì phải mắc thường những phần hư hại làm cho giây thép đường thủy.

Ghe nào chở dưới khoản quá năm thùng dầu lửa hay là những vật hay dẫn hỏa như thuốc, pháo cùng các thứ nước mạnh khác vân, vân.... phải đậu xa các ghe khác hay là nhà cửa ít nữa là 20 thước tây. Hể có nấu nướng, thì nấu đàng sau bỏng lái, bỏ lửa trong một cái lò trét đất sét cho kín. Khi đi, phải kéo trước mũi một cây cờ điều nhỏ, ban đêm cũng phải thấp một cái đèn đỏ. Ai làm sái phép, phải phạt tiền từ 25 cho tới 100 quan tiền tây.

Những tàu bè, ghe thuyền Chệt mà muôn vào trong các cửa biển mở cho thông thương buôn bán, nghĩa là vào cửa Hà-tiên, Rạch-giá, Sài-gòn, đều phải giữ phép, phải xin giấy phép thông-hành, và có khi cũng phải đóng thuê. Những người Phương-đông ngoại-quôc đi bạn dưới tàu thuyền Chệt, đều được khỏi lãnh giấy thông-hành, mà phải ở tại dưới tàu mà thôi, chớ chẳng được lên bờ mà làm ăn.

Những ghe thuyền Chệt, đi trong các tỉnh Nam-kỳ thì chẳng đặng đem khí giái theo ghe, các ghe ấy phải nạp khí giái của minh khi mới vào xứ Nam-kỳ và khi đã có cấp cho một cái giấy thông-hành.

Mỗi chiêc ghe biển thì phải đóng sô thứ tự và cuôi mỗi năm phải đóng sô lại. Người chủ ghe phải có một cuôn sách đặng biên cai cho đủ các đều có ích đặng vi-bằng đích thân chiêc ghe, sô mấy người đi trong ghe, sô khí giái, cũng phải biên trong sách ghe: sự đóng thuê, ngày đi, ngày tới, dời đổi chỗ nào, và các sự cai khác mà sở quan thuê Ngoại-ngạch xét có ít đặng giữ sổ bộ cho kỳ cang.

Các sự đổi dời về những ghe, thì phải khai tại phòng nào ghe đứng bộ trong kỳ mười ngày.

Ghe nào có phép cho đánh lưới, thì được đi thung dung và đậu bât kỳ là chỗ nào nơi mé biển lại khỏi đóng thuê thông-hành.

Người chủ ghe biển, ghe bầu, ghe buôn hay là ghe đánh lưới như có tra vấn thì phải đậu lại, trình các giấy tờ và khí giái cho các chức việc Langsa xét.

Các sự trái phạm qui điều trước nầy, thì phạt vạ từ 100 cho tới 1000 quan tiền tây.

Đặng bảo lảnh sự đóng bạc vạ định trước nầy, thì phải tịch ghe và cầm giữ, và như có tái phạm thì phải thâu tịch ghe luôn luôn.

ĐOẠN THỨ XXII

VỀ VIỆC TUẦN PHÒNG TRONG LÀNG

I. — Canh giờ ban đêm.
II. — Phá hư đường giây thép.
III. — Hỏa-hoạn, trộm cướp, việc tuần phòng trong làng, cờ bạc, phần trách cứ làng, về việc tuần phòng.
IV. — Tội phạt vạ.
V. — Qui điều các khoản.

I. — Việc tuần du, canh giờ ban đêm về phần một tên cai-tuần coi. Các làng cận sông phải đặt phần thủ mà coi sóc các ghe thương hồ.

Những dân trong làng, chính là dân Phương-đông, bất kỳ nước nào, phải thay phiên nhau mà nằm canh điểm mục tại nhà việc làng. Tên dân nào muốn cho khỏi phần canh gát ấy, thì phải mướn kẻ khác phải trả tiền mà canh thế cho mình.

Trong lúc ấy như hương chức chịu người thế ấy, thì mới đặng thế.

Tên dân nào mà làng đã có cho hay trước, biết phải tới phiên mình canh gát, mà chẳng ra nhà việc hoặc chẳng mướn người canh thế, thì phải phạt vạ từ 1 quan cho tới 15 quan tiền tây, cùng phải phạt tù từ 1 ngày cho tới 5 ngày, hay là phải bị một trong hai phần phạt ấy ; khi tái phạm, thì phải bị phần phạt cao hơn hết.

Hương chức đặng phép gia phạt nằm canh tại nhà hội làng, những nhơn dân nào chẳng khứng tuân hành phận sự mình y theo lệ Nhà-nước định để mà giữ việc tuần phòng cùng các việc chung trong làng.

Về các ngày nằm canh và các ngày nằm canh gia phạt, thì làng được phép cho chuộc đặng thâu làm huê lợi làng, y theo giá lệ định chuộc ngày công sưu ; nhưng mà chẳng đặng phạt quá ba ngày nằm canh.

Những kẻ nằm canh phải thức mà canh thay phiên cùng nhau, bằng bỏ canh thì phải bị phạt, khi số dân nằm canh không đủ thì

phải tăng thêm, lại trong mỗi đêm phải đi tuần du cho nhiều bận đặng coi những kẻ nằm canh có thức mà canh hay bỏ ngủ.

Khi có ghe nào bị trộm cướp thì những phần hờ lập dựa mé theo sông va mé rạch phải tiếp cứu và phải theo bắt những ghe nào mà mình nghi nang là ghe gian.

II. — Mỗi khi có đều tai hại xãy đên hư gảy trụ dây thép, giây thép, nhà vòm thuộc về sở giây thép, thì làng phải bị thường bồi những phần hư hại đã xãy đên trong địa-phận mình, và chẳng những là làng phải mắc trả tiền tồn hao trong việc sửa lại, mà lại phải phạt vạ nặng nửa, mà khi bắt đặng những kẻ đã làm hư hại như vậy, thì chúng nó cũng phải mắc tội nửa.

Người nào bởi sự vô ý hay không cố ý mà làm lỗi đều chi có cớ mà thiệt hại cho sở điển báo, người nào làm hư hại những đường giây thép hay là các máy giây thép, thì đều bị phạt vạ từ 16 cho tới 300 quan.

Người nào hoặc làm đức giây thép, hoặc phá hư máy giây thép, hay là bởi cớ khác mà giây thép bị ngưng lại đánh không được, thì phải bị phạt tù từ 3 tháng tới 2 năm ; và phạt vạ từ 100 cho tới 1000 quan tiền tây.

Sẽ bị phạt tù hay là phạt vạ từ 1000 cho tới 5000 quan và lại bị các hình phạt về tội liên cang trong việc giây loạn, những kẻ nào trong khi bát loạn mà phá một, hay là nhiều sợi giây thép trở nên vô dụng, những kẻ nào phá táng một hay là nhiều mà điển báo hay là lấy sự hung dử và sự hăm he mà thâm nhập vào các phòng thơ giây thép, những kẻ nào hoặc bởi cớ khác, hoặc lấy sự dử tợn cùng sự hăm he mà chận ngăn không cho những người có quyền của Nhà-nước đánh giây thép, và những kẻ nào dụng sự dử tợn cùng sự hăm he mà ngăn trở không cho lập đường giây thép lại.

Các sự hãm hiếp chống cự dử tợn hay là đánh lại cùng các quan Giám-sát và chức việc coi đường giây thép trong khi hành chánh bổn phận, thì phải bị gia luật hình mà phạt và tùy theo bực về tội làm nghịch.

Khi nào đường giây thép đã lập rồi mà đánh không thông vì bởi hoặc là cây cối ngăn trở, hoặc có vật chi ở một bên mà dời chỗ khác được, thì phải có lời nghị quan Nguyên-soái ra lịnh mà truyền làm cho mất các sự ngăn trở ấy, nhưng mà phải thường bồi y theo giá quan tòa sở định.

Như vật dời đi được, và không có trụ nhứt định một chô, thì quan Tham-biện được ra lời nghị mà truyền dỡ vật ấy đi.

III. — Mỗi khi có hỏa hoạn xảy đến trong làng, thì phải đi tra xét; hai người hương chức phải theo tùng viên-quan lãnh việc tra xét ấy; trong giấy khai phải nói vì cớ gì mà xảy đến hỏa hoạn ấy, mỗi người phải bị thiệt hại hết bao nhiêu, những kẻ phải tai họa giàu hay là nghèo, cùng tính gộp hết thảy các phần thiệt hại là bao nhiêu.

Cấm chẳng cho đốt phá đất của Nhà-nước mà chẳng có phép quan Tham-biện cho.— Có định hình phạt riêng để mà gia phạt làng và chính kẻ có tội, mà lại còn có lẽ phải chiếu theo trong luật hình mà làm tội chúng nó khi hỏa hoạn ấy là bởi ý trái mà ra.

Khi có ăn cướp đánh, thì dân sự phải phụ lực cùng xã-trưởng hương chức mà đánh bắt nó; nhược bằng bơ thờ không đi tiếp cứu, thì phải mắc thường những phần thiệt hại sự bơ thờ chúng nó mà ra, mà lại còn phải mắc tội vạ nữa khi quả chúng nó đồng tâm cùng ăn cướp.

Khi có ăn cướp đánh phá trong làng, mà thiệt thôn-trưởng cùng hương chức đã làm hết sức cho đặng chống trả, nếu có cớ đủ thì mới khỏi bị mất lỗi.

Những kẻ cô cựu trong làng xóm chẳng nên để cho các chức việc quan sai đi tầm bắc kẻ có tội trong làng trong tổng, đánh khảo hay là hà hiếp dân sự. Khi những kẻ ấy rõ biết sự tình như vậy mà không tỏ cáo cùng quan thì sẽ có tội

Khi có xử tử về tội ăn cướp, thì phải dán yết-thị chữ quốc-ngữ và chữ annam trong hết thảy các làng trong hạt sở tại, và phải dáng nơi trông trải cho thiên hạ hay biết.

Chức việc coi bộ đời phải báo cùng quan những sự chết tức, xãy đến trong làng.— Những đám đánh lộn có vít tích cũng phải khai nữa.

Các xã-trưởng cùng hương chức phải coi cho kỹ lưỡng đừng để những người ngoại-quốc ở trong địa phận làng mà chẳng có phép Nhà-nước cho; ai chẳng tuân phép ấy thì phải phạt nặng.

Làng phải khai bẩm cho quan Tham-biện hay những kẻ Ngoại-quốc tới trong địa phận làng mình và phải bắt những kẻ nào mà không có giấy thông hành. — Giấy thông hành ấy làm bằng chữ Langsa, các kẻ ngoại-quốc cho ở trong hạt Nam-kỳ đều phải có giấy ấy thảy thảy.

Những kẻ hoang đàng lưu-linh không nhà cửa, sanh trong hạt Nam-kỳ, thì hoặc là làng sở tại chỗ nó đã sanh đẻ, hoặc là người nào có gốc chắc chắn, đều được phép xin lãnh nó hoặc về làng, hoặc cho đặng gởi nó đi nơi nào khác tùy theo ý kẻ bảo lãnh muốn.

Những kẻ ở Đàng-ngoài nghĩa là ở nước Annam mà vô, thì làng, phải coi giữ và coi tình ý bộ tánh chúng nó mà thưa lại cho quan Tham-biện hay. Những kẻ ở Đàng-ngoài vô mà quyết lập nghiệp trong Nam-kỳ, đều phải trục vào Bộ.

Mỗi năm, cứ ngày mồng 1 tháng avril, thì làng phải làm giấy khai về những người Phương-đông ngoại-quốc có nhà cửa ở trong làng. Những người Annam nào không lương-thiện,(*nghi là kẻ làm giặc,* thì làng phải khai cho quan bắc nó mà giải ra Côn-Nôn

Kẻ nào cho chứa hay là chứa cờ bạc và cho thiên hạ chơi trong nhà hoặc lấy xâu cho mình, hoặc cho kẻ khác; những kẻ nào lập hay là chứa sự xổ sổ không phép luật ban cho; các kẻ cai quản hay là người giúp việc mấy nhà cờ bạc ấy, đều bị phạt tù bực ít hơn hết là 6 tháng còn bực cao hơn hết là 2 năm, và phạt vạ từ 100 cho tới 1000 quan.

Kẻ có tội khi đã mãng phạt rồi lại bị cầm trong kỳ ít hơn hết là 5 năm còn kỳ cao hơn hết là 10 năm, không được quyền định nơi đều thứ 42 trong luật hình.

Như có tái phạm thì phải bị phạt tù bội nhị.

Trong các khoản ấy thì phải thâu tịch những tiền bạc và đồ đạt bày ra trong cuộc xổ sổ, là những bàn ghế, đồ đạt dùng trong cuộc cờ bạc hay là trong việc xổ sổ, và các bàn ghế và đồ đạt để trong chổ chơi cờ bạc và chổ xổ sổ.

Những người nào bị bắt đánh cờ bạc tại mấy chổ định trước đây thì bị phạt tù ít hơn hết là 15 ngày còn nặng hơn hết là 3 tháng và bị phạt vạ từ 100 cho tới 1000 quan tiền tây.

Như có tái phạm thì bị phạt tù gia tù bội nhị.

Miễng là có thiên hạ vào, hoặc thong thả, hoặc có người hội hàm trình, thì đủ gọi là nhà có chứa cờ bạc, và gọi là sự trái phạm đều 410 trong luật hình.

Khi người chủ nhà thâu tiền mỗi người theo mỗi quận chơi thì đủ gọi là chứa cho thiên hạ đánh cờ bạc trong nhà.

Sự thâu tịch tiền chơi trong cuộc cờ bạc và những tiền bắt đặng trong mình người chủ chứa cờ bạc thì đều gọi là trúng phép.

Trong việc truy bắt cờ bạc, thì phải bắt những chủ chứa người ta đánh trong nhà mình mà thôi. Còn về những kẻ mời anh em tới nhà mà chơi nho nhỏ thì chẳng nên làm thẳng phép; không phải có cấm đánh cờ bạc mà sát nhà sát cửa dân sự cũng húng hiếp.

Không cho phép chơi cờ bạc trong ngày tết nữa,

Khi trong làng có án nhơn-mạng, mà hương chức cùng dân sự chẳng ngăn can để cho sanh đều ác tệ thể ấy, thì phải có tội.

Những hương chức làng Annam nào, bởi sự bất lực mình hay là bởi tiếp cứu trể nải người nào bị đánh, hay là bị ăn cướp, nên kẻ hung dữ dang giảo làm sự phạm tội ấy được, thì chẳng những là phải bị Nhà-nước phạt về tội bê trễ mà thôi, và lại phải bị lổi cùng kẻ bị trộm cướp, về các vít tích nó bị trong khi bị đánh ấy.

Ay là thuộc về các toà sở định sự lổi của làng cùng kẻ bị trộm cướp đi thưa kiện, định số tiền thường bồi cho phần chánh trị và xử phạt hương chức ấy, về sự ích lợi trong việc động tịnh chung.

Làng phải mắc trách cứ theo việc hộ, là khi có ăn cướp mà làng không làm việc mình phải làm mà ngăn đón cùng tri bắc chúng nó.

Khi bắt vạ làng nào thì phải gián yết-thị bằng chữ nhu tại nhà hội làng cùng trong các chổ đô-hội; trong yết thị ấy phải cai ra vì cớ gì mà làng mắc phạt và phải khai tên những kẻ nào phải bị phạt vạ ấy theo bực thứ phận về thuế điền-thổ của mình. Hương chức cùng dân đứng tên trong bộ điền; chính là kẻ phải mắc trách cứ trong việc đã xãy đến cho làng, mắc vạ ấy mà thôi.

V. — Chẳng người bổn-quốc hay là người Phương-đông nào được khai nhà hàng, quán hay tiệm bán rượu dùng tại chổ, mà không có phép quan Nguyên-soái cho.

Người Bổn-quốc hay là người Phương-đông nào khai nhà hàng, quán hay là tiệm bán rượu dùng tại chổ nào mà không có xin phép trước, hay là trái lời nghị định dạy đóng cửa tiệm, thì bị toà sửa phạt trị tội phạt tù từ 6 ngày cho tới 6 tháng. Còn tiệm thì lập tức phải đóng cửa lại.

Hể ai đương cởi ngựa đi ngoài đàng hay là trong các chổ chợ đông, mà gặp một viên-quan đi có quân gia hầu hạ, thì phải xuống ngựa mà tránh lập tức, chẳng được ngăn đường choán chổ; nếu ai chẳng tuân phép ấy thì có tội.

Những kẻ nào đồn chuyện huyển hoặc giả trá thì bị gia các hình phạt nặng tron gluật, những người dân tàu (chệt) tầu thường là kẻ bày chuyện huyển hoặc sẽ bị đuổi bởi phép chánh trị ra khỏi quản hạt.

ĐOẠN THỨ XXIII

VỀ SỰ LÀM LOẠN

I. — Kẻ làm loạn.
II. — Hội kín và những kẻ giữ Đạo-lành.
III. — Thể lệ nói về các chùa Phật, cùng về việc coi chừng mây thầy sải và những người phụ kẻ giữ lăng vua.

I. — Hễ làng nào làm loạn hay là tùng tâm cùng kẻ dậy loạn, thì phải bị dí sổ và địa-phận phải sát nhập vô các làng lân cận.

Gia tài của cãi những kẻ mắc án làm loạn đều phải bị tịch, bán lấy tiền cho cha mẹ, vợ con lính bị thương tích hay là tử tại trận.

Hể làng nào chứa những kẻ làm loạn hay là không cáo báo chúng nó cho quan, thì phải mắc vạ, mà lại hoặc xã-trưởng, hoặc hương-chức, hoặc dân trong làng mà có cang liên trong việc ấy, thì cũng phải mắc tội nữa.

Gia tài của cải của hương chức nào đã mắc tội làm loạn, sẽ phải bị tịch và hương chức ấy sẽ phải bị đày lưu trong một hạt xa.

Hương chức nào khi biết người ta toan mưu làm loạn mà không cáo báo cho quan hay, thì sẽ bị phạt nặng.

II. — Các hội kín lập ra mà không làm lời khai về sự đã lập hội ra, không khai những kẻ làm đầu và những kẻ vô hội là những người nào, hội lập ra ý dùng phương thế nào mà làm ăn, cùng xuất phát sở phí trong hội, thì sẽ phải bị bắc buộc theo lề luật Annam cấm không cho lập hội kín.

Người Phương-đông ngoại-quốc nào bị bắt về sự vô hội kín không có phép, hoặc trong địa-phận quản-hạt, hoặc bên Tàu thì bị đuổi ra khỏi quản-hạt trọn đời và có lẽ phải bị các hình phạt khác nữa. Như có tái phạm thì bị giam 2 năm tại Côn-nôn và khi mãng tù thì bị đuổi ra khỏi quản-hạt.

Phải coi chừng cho nhặc những kẻ giữ đạo Phật, vì những kẻ theo đạo ấy thì không đặng lương thiện.

Xã-trưởng nào không tỏ cáo những thầy bói, thầy pháp, đặc hiệu là Đoán-công, Thái-bảo, Sư-bà hoặc lấy hiệu đạo giã nào khác

hay là cậy phép ma quỉ, đánh cồn chiên, làm muôn phép phù chú khác, có ý mà làm cho dân sự nhộn nhựt không đặng bằng tịnh, thì sẽ bị tội.

Những thầy bói, thầy pháp, thầy thuốc giã, vân, vân... đi vô xứ nhà quê mà dối giã lường gạt thiên hạ, đều phải bị bắt buộc như là quân hoang, và quân không nhà cửa chi.

Những kẻ giảng Đạo-lành và những kẻ giữ đạo ấy cũng đều phải bị bắt buộc nữa.

III. — Chẳng ai được lập nhà tu, chùa-miễu hay là hội đạo nào khác mà chẳng có phép Nhà-nước cho.

Khi quan Tham-biện cho phép ấy thì phải ký tên và đóng dấu.

Chẳng có thầy chùa, thầy sãi nào được phong thêm nữa hay là được phong lên chức trên mà không có phép quan.

Phép ấy ghi trong mỗi lá điệp đàng và mỗi bực lên chức, có quan Tham-biện ký tên vào và đóng con dấu và có ghi số đem vào sổ thầy chùa, thầy sãi trong mỗi hạt.

Khi có viên quan bổn-quốc nào tra gạn, thì phải trình lá điệp đàng ấy ra.

Các thầy chùa phải khai đạo chứng minh cho đặng ghi vào sổ Tham-biện. Ghi rồi, phải cho giấy vi-bằng cho thầy chùa cầm mà chứng về sự ấy.

Các thầy chùa chẳng được bỏ hạt mình qua hạt khác mà ở, hay là bỏ chùa mình đi tu chùa khác mà không xin phép quan Tham-biện sở tại. Khi quan cho phép rồi, thì khi tới hạt nào phải đi chường mặt cùng quan Tham-biện hạt ấy.

Chẳng ai được nhóm, hội mà chẳng có phép Tham-biện cho.

Ai làm sái phép sẽ phải bắc buộc cùng phải phạt tạ theo điều luật.

Khi hương chức không báo đến cho kiệp thì cùng quan hay là không ngăn đón để cho sanh đều tình tệ trong làng, thì phải mắc lỗi.

Những người phu giữ lăng vua trong đất Nam-kỳ, không được ra khỏi làng mà không xin phép quan Tham-biện sở tại.

Các làng phải làm một cái sổ tên họ mấy người phu giữ lăng vua; buộc những kẻ ấy, khi tới kỳ định thì chúng nó phải tới chường mặt cùng quan Tham-biện sở tại.

ĐOẠN THỨ XXIV

VIỆC TUYỂN CỬ. — HỘI ĐỒNG ĐỊA HẠT

I. — Việc tuyển cử hội đồng quản hạt.
II. — Việc tuyển cử hội đồng thương chánh.
III. — Việc tuyển cử hội đồng địa hạt.
IV. — Hội đồng địa hạt.

I. — Đã lập ra tại Nam-kỳ một hội đồng quản-hạt nhóm tại Saigon.

Trong hội đồng ấy có dự vào: 6 người phái viên Langsa, hay là vô bộ dân Langsa; 6 người phái viên Phương-đông tùng phục Langsa, 2 người phái viên bên văn của tòa hội nghị tư, phải có chỉ dụ ban định; 2 người phái viên thay mặt cho phòng thương chánh, và trong hội ấy cử đặt.

Các viên quan hội đồng thì định làm 4 năm, mà trong mỗi kỳ 2 năm, thì nửa phần phái viên ấy phải cử lại, trong mỗi hạng, và được cử lại vô hạng.

Chẳng viên quan nào cũng chức việc nào có hưởng lộc chi bên Chánh-quốc hay là tại quản-hạt, và chẳng người lảnh công việc chung, hoặc thường xuyên, hoặc đở xấp thời, mà có ăn lương của công nho quản-hạt phát, thì cả thảy đều không được dự vào hội đồng quản-hạt.

Người bổn-quốc nào không biết nói tiếng Langsa, thì chẳng đặng chịu tuyển cử chức hội đồng.

Như phái viên nào qua đời, xin thôi hay là bị thâu quyền chức lại, thì mới được cử người khác thế chức ấy trong kỳ 3 tháng trở lại.

Đều gọi là đã xin thôi rồi các phái viên nào đã được dự vô hội đồng quản-hạt mà khiếm diện một kỳ hội thường không có xin phép có cớ hay là không phải bởi sự ngăn trở có hội đồng quản-hạt phê chuẩn.

Về việc tuyển cử hội đồng quản-hạt thì trong mỗi tỉnh đã có lập một phòng để bỏ thăm.

Các thừa sai thành phố Saigon và Chợ-lớn thì đều bỏ thăm tại dinh Tham-biện Gia-định và Chợ-lớn.

Các thăm phải nạp tại mỗi phòng tuyển cử cho hội phái viên có quan Tham-biện, và như ngài có vắn mặt, thì quan phó Tham-biện thế quyền, mà làm đầu, lại có hai người thừa sai nhỏ tuổi hơn hết và hai người lớn tuổi hơn hết dự vào, khi mở hội tuyển cử.

Được bỏ thăm từ 7 giờ cho tới 10 giờ sớm mai. Lập tức phải khuôi các thăm ra, rồi ai được bao nhiêu thăm, thì phải đánh giây thép mà thông tinh cho quan làm đầu hội tuyển cử trong mỗi phần sở; rồi quan làm đầu ấy phải kiểm điểm gộp chung lại hết.

Như chẳng ai được đúng tiêng cử, thì quan làm đầu mỗi phần sở tuyển cử lập tức phải đánh giây thép cho các quan đồng liêu mình hay.

Vậy thì phải tuyển cử lần thứ nhì từ 4 giờ cho tới 6 giờ chiều.

Trong kỳ tuyển cử lần thứ nhì, như người tranh nào được nhiều thăm hơn hết, thì được xướng làm chức hội-đồng quãn-hạt.

Các tờ kiết bẩm phải gởi thẳng cho quan làm đầu mỗi phần sở tuyển cử. Quan làm đầu ấy phải hiệp cùng các nghị sự mà lập tờ kiết bẩm kiểm điểm chung các thăm và lập tức gởi trọn nội vụ tuyển cử trong địa phận mình cho quan Nguyên-soái.

Các đơn kêu nài của thừa sai thì phải biên trong tờ kiết bẩm khuôi thăm, hay là các đơn kêu nài ấy phải trình trong kỳ năm bữa, kể từ ngày tuyển cử.

Những đơn kêu nài về phần tòa hội nghị tư phân đoán.

Mỗi người thừa sai được lãnh một đồng bạc sở phí đi bỏ thăm.

Sổ thừa sai phải làm như bản in theo kiểu sau nầy :

TỔNG	LÀNG	TÊN HỌ thừa sai	KÝ TÊN lần thứ nhứt	KÝ TÊN lần thứ nhì	NÓC HỞ

khóa sổ nầy là sô (biên bằng chữ).

Tại ngày 190

Như không có giấy inh, thì hai tờ kiết bẩm biên các việc tuyển cử phải làm bằng giấy thường.

Một bổn tờ kiết bẩm ấy thì lập tức phải gởi cho quan Nguyên-soái.

II.— Phòng thương chánh có 12 phái viên Langsa dự vào và có 2 phái viên dân bổn địa dự vào nữa.

Khi nào số phái viên Annam đã định, không có tuyển cử đủ, thì phòng thương chánh cũng được thương nghị như thường.

Các người buôn bán bổn-quốc hay là Phương-đông phải có 25 tuổi và ở trong địa-phận hai năm sắp lên, cùng đóng thuế sanh ý hạng tư sắp lên, thì được tuyển cử làm chức phái viên bổn-quốc.

Những người buôn bán bổn-quốc hay là Phương-đông đứng trong sổ thừa sai mà có chịu bài sanh ý trong hai bực nhứt, thì được chịu tuyển cử chức phái viên phòng thương chánh. Chức phái viên phòng thương chánh thì cử làm 4 năm, và trong mỗi kỳ 2 năm, thì nửa phần trong số phái viên phải cử lại. Phải bắt thăm mà định phái viên nào phải ra hội đặng cử lại. Các sự tuyển cử thì phải bỏ thăm. Những người nào trong khi cử lần thứ nhứt mà được thăm bằng phân nửa trong số chúng, thêm một tiếng, hay là trong khi cử lần thứ nhì mà được số thăm bằng phần tư trong số thừa sai đi cử, thì gọi là được cử chức phái viên.

Khi cử lần thứ nhì, như ai được nhiều thăm hơn hết thì được cử.

Việc tuyển cử phái-viên Langsa cùng phái-viên An-nam, thì đều cử một ngày trong cả và quản-hạt.

Tại Sài-gòn, thì cử nơi dinh Đốc-lý, tại Chợ-lớn cũng cử nơi dinh Đốc-lý, còn trong Lục-tỉnh thì cử nơi dinh Tham-biện.

Việc tuyển cử thì trong một ngày mà thôi, và định nhằm ngày chúa-nhựt, hay là ngày lễ, từ 7 giờ cho tới 10 giờ sớm mai, và từ 2 giờ trưa tới 5 giờ chiều.

Phải khuôi thăm lập tức, nếu như phải cử lần thứ nhì, thì việc tuyển cử định ngày chúa-nhựt kế sau.

Nơi các tỉnh trong hội tuyển cử thì có quan Tham-biện dự vào, và như ngài có vắn mặt, thì quan thế quyền dự vào mà làm đầu, quan kho bạc và quan chủ sự hay là viên quan nào tùy theo quan Tham-biện trạch chọn, mà làm chức phái-viên hội tuyển cử ấy.

Khi các việc tuyển cử đã xong rồi, thì lập tức phải đánh giây thép cho quan làm đầu hội tuyển cử tại Sài-gòn hay.

Phải truyền rao cho các người thừa sai hay biết sổ những người buôn bán lớn tại Sài-gòn, Chợ-lớn và Gia-định đúng thể lệ được tuyển cử.

III. — Trong mỗi tỉnh tại Nam-kỳ đều có một hội đồng địa-hạt.

Mỗi tổng trong tỉnh thì phải tuyển cử một thuộc viên hội đồng.

Trong các tỉnh nào có ít hơn 10 tổng và nhiều hơn 5 tổng, thì mấy tổng dân số đông hơn, được cử hai vị thuộc viên lấy theo sổ tuyển cử, cho đặng số thuộc viên hội đồng đừng dưới số 10 người.

Trong tỉnh nào có ít hơn 5 tổng thì tổng nào đông dân số hơn được lấy theo sổ tuyển cử mà cử 3 thuộc viên.

Sổ các tổng nào phải cử 2 hay là 3 thuộc viện hội đồng địa-hạt đã định như sau nầy:

1° Tỉnh Bắcliêu (5 tổng) mỗi tổng 2 thuộc viên hội-đồng;

2° Tỉnh Bàrịa (8 tổng) tổng An-phú-hạ, An-phú-thượng: mỗi tổng 2 thuộc viên hội đồng.

3° Tỉnh Cần-thơ (9 tổng) Tổng-định-bảo: 2 thuộc viên hội đồng.

4° Tỉnh Gò-công (4 tổng) Hòa-đồng-hạ, Hòa-lạc-hạ, Hòa-lạc-thượng, mỗi tổng 3 thuộc viên hội-đồng.

5° Tỉnh Hà-tiên (4 tổng) tổng Ha-thanh, Thanh-gi và Phú-quốc, mỗi tổng 3 thuộc viên hội-đồng.

6° Tỉnh Long-xuyên (8 tổng) tổng Định-hoà và An-phú: mỗi tổng 2 thuộc viên hội-đồng.

7° Tỉnh Rạch-gía (4 tổng) tổng Kiền-hòa, Thanh-giang và Giang-minh, mỗi tổng 3 thuộc viên hội-đồng.

Các hương chức đương niên mỗi làng đứng trong sổ thừa sai của quan Tham-biện lập ra đều được dự mà tuyển cử nơi chỗ sở tại phần tổng.

Được chịu tiếng cử các người bổn-quốc ở trong tổng mà chẳng hề bị án lý tòa đại hình hay là tòa tiểu hình phạt về tội làm nghịch, ăn trộm, ăn cướp. Nhưng mà chẳng ai được chịu tiếng cử nếu chẳng có đúng 30 tuổi, và chẳng có làm hương chức làng ít nữa là 2 năm. Chẳng được chịu tiếng cử chức thuộc viên hội đồng những viên quan ăn lương trong sổ công nho chánh-quốc, quản-hạt hay là địa-hạt. Chẳng ai được làm chức thuộc viên thuộc về nhiều hội-đồng địa-hạt.

Các hội tuyển cử thì thuộc về quan Phó-soái định nhóm.

Từ ngày truyền rao lời nghị đòi nhóm hội cho tới ngày tuyển cử phải trong hạng kỳ 20 ngày.

Mở hội tuyển cử từ 8 giờ sớm mai và khóa hội hồi 4 giờ chiều trong ngày ấy.

Hội tuyển cử có cai-tổng hay là phó-tổng làm đầu và có 4 người hương chức dự vào.

Phải khuôi thăm lập tức và phải xướng công việc tuyển cử.

Như phải cử lần thứ nhì thì theo phép trong tám bữa sau phải cử và thừa sai phải đến chớ chẳng cần gì phải đòi nữa.

Chẳng ai được tiêng cử chức hội đồng địa-hạt như trong kỳ tuyển cử lần thứ nhứt chẳng được :

1o Số thăm nhiều hơn hết.

2o Số thăm bằng một phần tư số hương chức.

Kỳ tuyển cử thứ nhì như ai được nhiều thăm hơn hết thì được cử bất kỳ là số thừa sai bao nhiêu.

Như nhiều người tranh được một số thăm cùng nhau thì người nào lớn tuổi hơn hết được tuyển cử.

Các thừa sai đứng cử trong tổng, được xin hủy ra như không, các vụ tuyển cử. Các đơn kêu nài phải nạp tại tỉnh thành trong kỳ 5 bữa, kể từ ngày tuyển cử.

Tòa hội nghị tư được phân xử sơ lược và xử quyết đoán.

Chức hội đồng địa-hạt thì cử làm 4 năm. Trong mỗi kỳ 2 năm các thuộc viên hội đồng phải cử lại phân nữa, và cũng được tái cử lại.

Như có khuyết vì sự qua đời, xin thôi hay là vì cớ khác, thì trong kỳ 3 tháng phải nhóm hội tuyển cử.

Quan Tham-biện được quyền phép dự vô hội đồng địa-hạt mà làm đầu hội ấy.

IV. — Mỗi năm hội đồng địa-hạt thì nhóm lệ 2 kỳ, một kỳ thì nhằm tháng août, còn kỳ nữa thì nhằm tháng février. Hạng mỗi kỳ hội là 8 bữa.

Trong kỳ hội tháng août, thì hội đồng địa-hạt bàn luận sổ nghị định chánh năm sau, định công việc phải làm trong năm ấy, làm lời phỏng ước công việc có ích thuộc về trong tỉnh.

Trong kỳ hội tháng février, thì các hội đồng địa-hạt phải xét các tờ kể lại những khoản thâu xuất của quan Tham-biện đã xuất trong năm rồi, và bàn định sổ công nho thuộc trong năm.

Các hội đồng địa-hạt được phép nhóm ngoại lệ, và nhóm bao lâu, thì có lời nghị quan Phó-soái bàn cùng tòa hội nghị tư mà phân định.

Những buổi hội chẳng đặng nhóm trước mặt thiên hạ coi.

Hội đồng địa-hạt chẳng được nhóm mà bàn nghị là khi nào số phân nữa thêm một trong số thuộc viên không có mặt.

Mỗi khi nào có bồn thuộc viên có xin đều chi, thì lời bàn luận phải bỏ thăm,

Phải biên vô tờ kiêt bầm các việc bỏ thăm ra thể nào, cũng phải khai tên các thuộc viên bỏ thăm.

Những tờ kiêt bầm phải làm bằng chữ quôc-ngử, và chữ Langsa. Một thơ ký Langsa cùng một người thơ ký Annam lựa trong những người không dự vào hội đồng, đặng lo làm tờ kiêt bầm.

Những tờ kiêt bầm phải khóa trước khi mỗi buổi hội có quan làm đầu hội cùng thơ ký trong hội phải ký tên vào. Trong tờ kiêt bầm phải biên các tờ phúc bầm, biên tên các vị hội đồng có dự vào mà bàn nghị và biên rút các ý tưởng của các thuộc viên.

Hội đồng địa-hạt được tiêng bàn luận mà thôi; chẳng được phép dùng phương thể chi động tới sự ích lợi trong tỉnh mà không có hội đồng nghị chuẩn trước.

Các đều bàn nghị đều gởi cho quan Phó-soái nơi toà hội nghị tư đặng phê chuẩn.

Hội đồng phải tỏ ý mình ra về sự phân thứ hạng các đường quận-hạt, thuộc về các sự đổi dời trong các địa-phận tỉnh, tổng và làng và về sự sắp theo bực các làng đặng thâu thuê điền-thổ, và về các việc thuộc sự thâu thuê khóa.

Cầm chẳng cho xin đều chi thuộc về quôc chánh.

Nhưng mà hội đồng được xin bàn luận về việc hữu ích và các việc về phần cai trị chung.

Như hội đồng có hỏi thăm đều chi thuộc về trong tỉnh, thì các quan làm đầu các sở trong tỉnh phải cho hội đồng biêt.

Khi có phép quan Phó-soái chuẩn bàn cùng hội nghị tư, và chiều theo lời nghị hội đồng địa-hạt, thì quan chánh Tham-biện được nhậm hay là từ nang những của cho hay là của dưng cho tỉnh, và khi nào không có ai trong họ kêu nài.

Như có phép quan Phó-soái, thì quan Tham-biện được nhậm lảnh hay là từ nang của cho và của dưng mà gình giữ.

Như quan Nguyên-soái đã bàn cùng tòa hội nghị tư mà cho phép, và chiều theo lời bàn nghị của hội đồng, thì quan chánh Tham-biện được kiện cáo cùng đôi nại các vụ người ta kiện địa-hạt.

Quan Tham-biện đặng lo phương thê gì khác để mà lưu chấp hay là đình huởn các việc thất quyền.

Tuân theo các lời bàn luận hội đồng, thì quan Tham-biện được đứng làm giây giao kèo thay mặc cho tỉnh.

Như ai có muốn kiện cáo địa-hạt nơi các tòa án về vụ chi, khác là vụ kiện tranh chấp tài sảng, thì trước phải gởi cho quan Tham-biện một cái đơn cắt nghĩa hết công việc kiện cùng cớ tích làm

sao. Bằng chẳng tuân thì vụ kiện hủy ra như không. Quan Tham-biện phải phát biên lai nhận lảnh đơn ấy. Quá 2 tháng kể từ ngày đề trong biên lai, thì mới được khởi vụ kiện tới tòa án. Như có trình đơn khai xin kiện và có đính theo một cái đơn xin kỳ lại 3 tháng, thì các thể lệ phải lưu đình lại.

Khi mỗi kỳ hội, thì quan Tham-biện phải trình một tờ kể khai các công việc phải phú cho hội đồng xét trong kỳ hội. Tờ kể khai ấy phải làm bằng chữ Langsa và bằng chữ quốc-ngữ.

Quan Tham-biện phải làm bổn thảo sổ công nho địa-hạt bằng chữ quốc-ngữ và bằng chữ Langsa. Như hội đồng địa-hạt bàn luận sổ công nho rồi, thì quan Phó-soái bàn cùng hội nghị tư mà phê chuẩn sổ công nho ấy.

Các sự thâu trong sổ công nho là :

1° Huê lợi phụ trội mỗi năm, thì quan Phó-soái bàn cùng hội nghị tư mà định số.

2° Huê lợi tiền chuột công sưu.

3° Huê lợi cho mướn vườn đất nhà cửa của địa-hạt.

4° Huê lợi về thuế bên đò, đường nước và đường bộ, và các huê lợi khác có lời nghị chuẩn cấp cho địa-hạt.

5° Phải phụ cấp cho địa-hạt trong các số tiền chung của quản-hạt.

6° Tiền làng phụ cấp cho kẻ coi trạm đã chuẩn bớt.

7° Tiền quản-hạt phụ về việc thơ và việc dạy dổ chung.

8° Tiền các làng cấp và các huê lợi phỏng ước khác đặng làm đường sá địa-hạt và đường xe lửa có ích lợi trong xứ.

9° Huê lợi cho vay.

10° Của dưng và của cho.

11° Huê lợi về việc bán đồ.

12° Các sự thâu xảy đến.

Sự tiền xuất sổ công nho là như sau nầy :

1° Làm và tu bổ kinh nhỏ, và đường lớn địa-hạt, tiền lương người giúp việc sở ấy.

2° Làm và tu bổ trường học trong tổng. Giấy, viết, mực cho học trò. Tiền lương chức việc.

3° Việc người đi thơ, chở thơ đến chỗ và trở về. Phòng lảnh thơ và phòng phát thơ. Tùng-giả cho cai-tổng.

4° Tu bổ nhà cửa thuộc về địa-hạt hay là của quản-hạt.

5° Tồn hao có ích lợi chung riêng trong tỉnh.

Như hội-đồng quên dự trong sổ công nho số tiền cho đủ mà xài trong các việc tồn hao theo lệ buộc thì quan Phó-soái bàn cùng hội-nghị tư mà dự thêm vô.

Các tiền dự không xuất trong năm, thì khi mãng năm phải đem vô công nho năm sau và cũng phải dự y như chỗ trước.

Những tiền thâu mà chỉ dư, tùy theo tiền thâu việc gì được hiệp cùng sổ tiền khác trong năm mà xin hội-đồng kỳ nhóm tới đặng bàn nghị mà chi dụng. Hội-đồng được dự trong sổ công nho một số tiền tổn hao xảy đến,

Cấm chẳng cho sang sớt tiền dự khoản nầy qua khoản khách trong sổ công nho, trừ ra khi nào có phép quan Phó-soái cho thì mới được.

Sổ tính toán các việc thâu xuất trong tỉnh, thì khi mảng năm phải trình cho hội đồng địa hạt kiểm sát và bàn nghị. — Các việc thâu xuất ấy thì phải có lời nghị quan Phó-soái bàn cùng hội nghị tư mà phê chuẩn, thì mới gọi là thành bồi.

Tiền sở phí cho các thuộc-viên hội-đồng địa-hạt ở cách xa tỉnh thành 5 ngàn thước, thì định là 2 đồng một ngày

ĐOẠN THỨ XXV

VỀ SỰ TỚI NGỤ VÀ VỀ SỰ THIÊN CƯ

I. — Thể lệ khi mới tới.
II. — Thuế thân cùng thuế thông hành.
III. — Khoản nào được miễng thuế thân.
IV. — Giấy thông hành cùng giấy thuế thân.
V. — Chánh ban trưởng và phó ban trưởng. — Sự cấp bằng. Các sự buộc.
VI. — Qui điều các khoản khác.

I. — Người Phương-đông nào vào trong địa-phận quản hạt nơi chỗ khác là tại Saigon thì phải trình diện cùng viên quan Langsa hay là viên quan bổn-quốc nào ở gần chỗ đó hơn hết, đặng lảnh một tờ vi-bằng có biên tên mình, mà chứng rằng mình mới đi qua (mới tới). Tờ ấy phải để ngày nào phát. Khi có tờ ấy rồi, thì người Phương-đông phải đến chỗ nào gần hơn hết mà có tàu đò, hoặc là xe tờ đưa, đặng dùng phương thế mau mà đến tại Saigon. Tới đó rồi trong kỳ **24** giờ đồng hồ, thì phải kiếm ban-trưởng có Nhà-nước cử lảnh nó và xin tòa tân đáo, đặng trục nó vô bộ.

Nhưng mà như nó đi đường nước vào trong quản hạt, và như nó chẳng hề bước chơn lên bờ, và ghe không đậu tại đâu thì gọi là nó đi thẳng đến Saigon.

II. — Các người Phương-đông ngoại-quốc thì chia ra làm sáu bực kể theo lòng thuế chúng nó đóng.

Bực ngoại hạng thuộc về những người Phương-đông đóng thuế sanh ý ngoại hạng hay là điền thổ đồng niên là 400 đồng bạc sắp lên (thuế chánh) và đánh thuế là.................. 400 $ 00

Bực thứ nhứt thuộc về những người đóng thuế sanh ý hay là thuế điền thổ mỗi năm từ 100 cho tới 399 đồng bạc (thuế chánh) và đánh thuế là.................................. 200 đồng.

Bực thứ nhì thuộc về những người đóng thuế sanh ý hay là thuế điền thổ mỗi năm từ 55 tới 100 đồng (thuế chánh) và đánh thuế là.. 100 đồng.

Bực thứ ba thuộc về những người đóng thuế sanh ý, hay là thuế điền thổ mỗi năm từ 10 cho tới 55 đồng bạc (thuế chánh) và đánh thuế là.................................. 50 đồng.

Bực thứ tư thuộc về những người đóng thuế sanh ý hay là thuế điền thổ mỗi năm từ 4 đồng tới 10 đồng bạc (thuế chánh) và đánh thuế là.................................. 20 đồng.

Bực thứ 5 thuộc về những người đóng thuế sanh ý hay là thuế điền thổ mỗi năm ít hơn 4 đồng bạc và các người Phương-đông ngoại-quốc trừ ra những người làm công tại các sở canh nông thuộc về của người Phương-tây hay là người vào dân Phương-tây, và đánh thuế là.............................. 10 đồng..

Còn những kẻ tân đáo mới tới thì thuế ấy phải tính từ phần tư tùy theo kỳ ba tháng nào nó mới vào trong quản-hạt.

Những giấy thuế thân và giấy cho phép ngụ, hể phát năm nào thì được dùng năm nầy mà thôi. Nhưng mà Nhà-nước cho phép các ban-trưởng một kỳ ba tháng mà thâu trọn các giấy củ lại. Quá ngày 31 tháng Mars, thì buộc phải đóng tất thuế. Hể khi đã giao giấy thuế thân mảng hạng kỳ và đã đóng thuế rồi thì mới được lảnh giấy mới.

Các giấy thuế thân mãng hạng và giấy hủy bỏ phải gởi về phòng thượng thơ đặng kiểm sát những giấy thuế thân cấp phát cho các quan Tham-biện, quan Đốc-lý Chợ-lớn và quan làm đầu sở Tân-đáo.

Mỗi người Phương-đông thuộc ban nào có Nhà-nước biết thì đứng bộ làng chổ nó ở và đóng các món thuế khác cho làng ngoại trừ ra đóng thuế thân.

Như người Phương-đông nào có qua đời, thì Bang-trương nó phải thâu giấy thuế thân nó lại mà hiệp cùng tờ khai tử của chức việc coi bộ đời phát không tồn tiền mà gởi hai tờ ấy cho quan Tham-biện (hay là tại sở Sài-gòn) đặng trừ bộ cho tên dân ấy,

Như người bổn-quốc có qua đời ngoại địa-phận mình thì viên quan bổn xứ phải giao các giấy tại tay quan Tham-biện trong tỉnh đặng gởi cho viên quan coi về việc ấy.

Giá mỗi cái giấy xuất cảng người khách, thì là 15 đồng, bất kỳ là hạng nào. Những con nít dưới 15 tuổi và đờn bà, thì được lảnh giấy ấy khỏi tồn tiền.

Các người khách nào đã ở trong cỏi Đông-dương ít hơn một năm thì đóng 5 đồng một cái giấy xuất cảng, chớ không phải đóng 15 đồng bạc.

III. — Con nít dưới 15 tuổi và đờn bà thì được miễng thuế mà thôi, nhưng vậy không được miễng các thể lệ biên vô bộ, phải cho chúng nó một cái giấy riêng cho phép ngụ. Bởi vậy nên những người lão nhiêu và người tàng tật phải buộc đóng các thứ thuế, y như các người dân ngoại-quốc đóng.

Nhưng vậy khi đã tra vấn rồi mà biết chắc rằng bề thế nghèo nàng, thì được dùng cách xin giãm thuế mà chuẩn miễng cho những người lão nhơn và tàn tật. Cho đặng hưởng nhờ phép chuẩn ấy, thì những người lão nhơn chẳng những là phải có 60 tuổi, mà lại phải có vi-bằng chắc rằng chúng nó nghèo khổ và nương náu theo bà con đặng ăn no mà thôi, còn những kẻ tàng tật, phải mang bịnh chi làm cho mình vô phương thế làm ăn; như có sự khai gian lậu thì chúng nó phải bị tri buộc về tội không giấy thuế thân. Những người Phương-đông ngoại-quốc khi dưới tàu mới bước chơn lên đất Nam-kỳ, hoặc là mới tới lần thứ nhứt, hoặc là khi trước có ở đôi ba lần mà mới trở lại nữa, thì được lãnh không tốn tiền, một cái giấy thuế thân riêng và trong năm mới tới, thì được miễng các sắc thuế thân buộc cho những người ở đã lâu, qua năm sau năm mới tới, thì chúng nó phải đóng thuế thân, ngoại trừ các đều sau nầy:

Các người ngoại-quốc có giấy thế thân riêng thì phải tuân theo thể lệ Tấn-đáo, đang ban hành trong quản-hạt.

Chẳng người ngoại-quốc nào khi còn đái tùy giấy thuế thân riêng, được lãnh bài sanh ý, cũng chẳng đặng đứng bộ điền thổ hay là bộ ghe, và cũng chẳng đặng xin lãnh giấy xuất cảng, nếu không có đóng trước trọn luông thuế thân mình trong năm mới tới hay là mới trở lại trong quản-hạt.

Những người nào khi trước đã ở lâu mà bên Tàu mới trở lại, mà có tiệm buôn bán trong quản-hạt hay là có đứng bộ điền thổ hay là bộ ghe thì lập tức phải đóng thuế thân cũng y như khi trước vậy.

Bởi vậy chẳng người ngoại-quốc nào có giấy thuế thân riêng (giấy khỏi đóng thuế) mà được lãnh bài sanh ý; cũng chẳng đặng đứng bộ điền thổ hay là bộ ghe và cũng chẳng đặng xin giấy xuất cảng, nếu không có đóng trước trọn lòng thuế thân mình trong năm mới tới hay là mới trở lại trong quản-hạt.

IV. — Những người ngoại-quốc Phương-đông ở tại Nam-kỳ, khi muốn đi thông thương trong các tỉnh trong quản-hạt, thì khỏi buộc lấy giấy thông-hành không chạy bộ nữa. Những người Phương-đông ở Nam-kỳ, muốn đi Bắc-kỳ, Annam, xứ Cao-mên, xứ Lèo thì, còn buộc phải lấy giấy thông-hành.

Hình tích người Phương đông ngoại-quốc ra thể nào thì biên trong giấy đích thân, không thay và làm theo kiểu riêng mà mỗi người bổn-quốc phải hiệp cùng giấy thuế thân hay là giấy thuế thay vì giấy thuế thân mà đái tùy.

Lập làm giấy đính thân là khi đóng thuế hay là khi bởi việc tình cờ mà người chủ giấy ấy phải xin cùng Nhà-nước (hoặc là bị bắt vì không giấy đích thân, hoặc là phát giấy thông-hành, hay là phát giấy vi-bằng cho đi vân vân...)

Người Phương-đông nào thay giấy thuế thân, ngoại địa-phận chỗ mình ở, thì phải lảnh một cái giấy thông-hành không đổi dời trong bộ đặng thế cho giấy thuế thân, và khi phát ra thì phải tính thâu thuế nhập cho tỉnh nào nó đứng bộ. Giấy thông-hành ấy cũng đặng kỳ hạng y như giấy thuế thân vậy. Còn giấy thuế thân của người ngoại-quốc đi thông thương trong quản-hạt, thì phải làm tại tỉnh nào nó đứng bộ, và phải thâu lổng thuế thân nó và giữ các giấy ấy tại dinh Tham-biện.

V. — Còn chánh Bang-trưởng và phó Bang-trưởng, thì quan Phó-soái phải tuyển chọn trong sổ làm ra, tùy theo việc bỏ thăm. Sổ ấy phải biên tên ba người Phương-đông, thuộc về bực ngoại hạng, hạng nhứt, hạng nhì, hay là hạng ba, và đã ở trong quản-hạt, ít nữa là hai năm.

Những khi nào trong tỉnh có những người khách thuộc dân hạng ba mà thôi, thì phải lựa những người nào có điền thổ; khi nào xin cấp bằng cho người không đủ thức lệ, thì phải cắt nghĩa vì cớ nào mà trái luật.

Như trong các bản sổ Thừa-sai đứng cử ít hơn 100, thì phải nhập lại một, mà cử một chánh Bang-trưởng và một phó Bang-trưởng, ngoài trừ ra khi nào có lời nghị khác của quan Phó-soái; sự tuyển cử chung mà lựa chánh và phó Bang-trưởng, thì phải cử trong mỗi kỳ 2 năm, cử trong 15 ngày sau tháng novembre.

Việc tuyển cử chánh Ban-trưởng, thì phải thay phiên cùng việc tuyển phó Ban-trưởng, đặng mà năm trước cử chánh ban, thì qua năm sau mới cử phó Ban-trưởng.

Chánh bang và phó Bang-trưởng, khi tuyển chọn rồi thì cấp bằng làm hai năm, kể từ ngày 1er janvier năm sau việc tuyển cử; quan Phó-soái để chánh ban hay là phó Bang-trưởng phải cấp bằng làm luôn luôn trong hai năm.

Phó Bang-trưởng được thế cho chánh Bang-trưởng trong khi vắn mặt ít hơn là 3 tháng. Chánh Bang hay là phó Bang-trưởng

khi có qua đời, xin thôi hay là vắn mặt hơn 3 tháng, thì phải lo tuyển cử trong kỳ 2 tháng, kể từ ngày khuyết chổ, đặng chọn người mới làm thế. Nhưng vậy chẳng được cử chọn ai hết trong khi 6 tháng trước việc tuyển cử chung. Nhưng mà trong lúc ấy chức Chánh-ban và Phó-ban trưởng như có khuyết một lược, thì quan Phó-soái phải định một người trong ban mà lo giúp việc cho tới cúi năm.

Chức chánh và phó ban-trưởng cấp bằng theo sổ tuyển cử từ phần thì phải cử lại một lược cùng chánh ban và phó ban cấp bằng trong kỳ hai năm.

Khi nào bởi việc tuyển cử từ phần hay là việc tuyển cử chung, mà chức phó Ban-trưởng được chọn thế cho chánh Ban qua đời, xin thôi, hay là vắn mặt, hoặc là mắng hạng, thì có quan Phó-soái phê chuẩn việc cử đặt ấy rồi mới được lo cử người thế cho Phó-ban.

Những người Phương-đông miễng thuế, hoặc kẻ lảo nhơn, nghèo khó và những người có ít hơn 15 tuổi thì không được đứng mà tuyển cử.

Chánh Ban-trưởng được miễng thuế thân. Nhưng vậy, khi nào Chánh-ban nào bỏ chức phận mà không cai trị trong ban trong 6 tháng, mà không có sự đổi nại mà Nhà-nước xét có lẻ, thì bị mất sự hưởng nhờ ấy.

Chánh-ban và Phó-ban trưởng phải hiệp cùng việc Nhà-nước và hương chức làng mà lo việc tuần phòng trong ban, được coi sóc kẻ ở thuộc về trong ban, và được cầu xin Nhà-nước giúp cứu mà sửa trị dân trong ban cho có thứ tự chung.

Khi người khách nào có qua đời thì phải chiếu tờ vi-bằng khai tử của chức việc coi bộ đời phát mà hiệp cùng giấy thế thân nó đặng chiếu nạp làm cớ.

Khi nào có ai trốn, thì phải có chứng cớ cùng phải nạp thuế thân và như có thì nạp giấy thông hành nữa. Như không có nạp giấy ấy thì Chánh-ban phải cam chịu đóng các sắc thuế trong năm và các sắc thuế năm sau cho người trốn ấy.

Người Phương-đông ngoại-quốc nào đóng thuế trể nải thì Chánh-ban trưởng phải bị phạt vạ bằng một phần trong 100 số thuế đóng trong mỗi một ngày trể rồi Ban-trưởng được thưa người trái lệ.

Người Phương-đông nào, bất kỳ là ở chổ nào trong địa-phận quản-hạt, mà bị gặp không giấy thuế thân hay là giấy cho phép ngụ, thì viên quan nào gần đó hơn hết lập tức phải bắt giải nạp cho quan làm đầu trong địa-phận đặng xét bề thế nó.

Như nó không có đái tùy tờ giấy chi mà vi-bằng bổn thân nó, thì phải giam nó lại, và lập tức phải sai lính giải nó về khám lớn Saigon đặng cầm giam nó cho đến khi nào nó có vi-bằng đích thân nó. Như cách một tháng giam nó không có tờ vi-bằng đích thân nó, thì phải đuổi nó ra khỏi quản-hạt.

Như nó có đái tùy tờ vi-bằng cho đi qua (mới tới) thì phải xét coi nó còn trong kỳ hạng đã định chuẩn cho nó hay là không; và phải xét đường nào mau hơn hết nó phải dùng mà đến Saigon. Kỳ hạng ấy định là một ngày phải đi đặng 20 ngàn thước đường, kể từ chỗ nào phát giấy thông hành cho tới chỗ bị bắt, trong kỳ hạng ấy phải tính thêm 24 giờ đồng hồ ở tại bến tàu hay là bến xe tờ đi Saigon và sô mấy ngày kể từ hồi tàu hay là xe tờ ấy đi.

Người Phương-đông ngoại-quốc nào bị gặp ngoại địa-phận mình mà không có giấy thuế thân hay là giấy cho phép ngụ cho đủ lệ, thì phải bị giải nạp tới chỗ chánh tỉnh và giam lại cho tới khi nào bề thế nó tính xong rồi.

Người Phương-đông ngoại-quốc nào có nhập vô các hội kính (thiên-địa-hội) mà không có phép, hoặc trong địa-phận quản-hạt, hay tại nước Tàu (Đại-thanh) thì phải bị đuổi tuyệt ra khỏi quản-hạt; và lại phải bị các hình phạt khác nữa. Như có tái phạm thì bị giam 2 năm tại Côn-nôn, và khi mảng phạt, thì bị đuổi ra khỏi quản-hạt.

Những người Phương-đông, gốc rễ là người ngoại-quốc ở bạn đi ghe và đi ghe bầu thì khỏi buộc phải có giấy cho phép ở ngụ, miễng là chúng nó ở dưới ghe mà thôi và chúng nó đừng cất nhà cửa trên đất mà ở.

Những người khách nào xin đem con về Tàu thì phải chiếu nạp:

1° Một bổn sao rút trong bộ hôn thú và như không có, thì phải có một tờ vi-bằng đặng thế cho tờ hôn thú, phải có hai người chứng ký tên và phải có quan Tham-biện trong tỉnh phê nhậm.

2° Một bổn sao rút khai sanh hay là một tờ vi-bằng làm y theo thể lệ định trước đây.

3° Lời ưng thuận của người mẹ,

Khi tra vấn rồi, quan Tham-biện phải xét coi bề thế kẻ xin có thế mà nuôi con nó tại xứ ngoại-quốc được không, hay là bởi sự nghèo nàng mà nó không có sức nuôi hay là chỉ nó có ý ỷ con nó còn thơ ấu đặng nó bán con nó.

ĐOẠN THỨ XXVI

VỀ VIỆC CANH-NÔNG, VIỆC NUÔI SÚT-VẬT, VIỆC THƯƠNG MÃI

I. — Hội đầu canh nông địa-hạt.

II. — Sự nuôi sút-vật, sự nuôi ngựa cái, sự làm thịt sút-vật và sự chở sút-vật ra khỏi xứ.

III. — Bộ trâu, bò và ngựa.

IV. — Qui điều các khoản về việc canh nông và việc thương mãi.

I. — Mỗi năm khi mùa màng gặt hái xong rồi, chừng lối tháng mars, thì có lập ra một cuộc đầu canh-nông tại tỉnh thành, có Hội-đồng địa-hạt phụ sức, và trong hội phái-viên được dự vào mỗi phần tổng là một hay là hai người Langsa làm ruộng, hay là người bổn-quốc làm ruộng.

Phần sự hội phái-viên ấy phải xét các thứ lúa đầu, mỗi thứ phải đúng nửa tạ, đặng chuẩn cấp phần thưởng, hoặc thưởng bạc tiền, hoặc thưởng mày-đay, hay là phát bằng cấp, cho thứ giống lúa nào tốt hơn hết.

Phải lấy trong các thứ giống lúa được thưởng mà gởi cho phòng Thương-chánh và phải biên như sau nầy :

1° Tên họ và chỗ ở người chủ.

2° Người chủ làm được bao nhiêu lúa.

Phải khai và biên cho kỷ cang thiệt tên Annam thứ lúa gởi ấy.

Phải cần mà khuyên báo rằng những lúa đem đầu thì phải là một giống nhau.

Người đầu phải đính theo lúa gởi ấy các lời khai đích thân mình, chỗ mình ở, và số lúa một thứ mình có được bao nhiêu đặng bán.

Được đem đầu những lúa nào tốt hơn hết và dùng mà làm lúa giống cho được.

Quan Tham-biện được phát các giấy tốt tạm cho người chủ nào có lúa xét tốt hơn hết.

Phải lấy từ 2 cân kilos trở lại trong các thứ lúa đầu đã sắp theo bực, mà gởi cho phòng Thương-chánh Sài-gòn, và phải đính theo mỗi thứ lúa gởi, một tờ cắt nghĩa gốc tích lúa và tên họ người chủ

Phòng Thương-chánh phải kiểm sát chung các thứ lúa gởi ấy, kể theo giá buôn bán, và xin chuẩn phần thưởng, hoặc thưởng bạc, hoặc thưởng bằng-cấp, cho các người chủ lúa nào mà phòng Thương-chánh xét đáng thưởng.

Cái sổ sắp lúa theo thứ tự và cai các phần thưởng ban chuẩn, thì phải in trong các nhựt-báo trong cả và quản-hạt. Trong sổ lúa ấy phải biên một bên tên họ người đấu, xứ sở nó ở và số lúa để giống in như thứ lúa được thưởng, nó có được bao nhiêu đặng bán cho kẻ làm ruộng.

Mỗi người đấu phải khai số lúa cho chắc chắn y như số lúa mình bán được, và phải khai giá bán.

Người bổn-quốc nào khai gian về sự đấu lúa thì bị để ngoại ra trong 3 năm không được dự trong cuộc đấu canh nông, và như có tái phạm thì cấm tuyệt chẳng cho dự vào cuộc đấu ấy.

Ngày đấu canh nông phải định làm sao đừng quá ngày 1er mai.

Số huê lợi ruộng cấy lúa đấu thì phải cai ra bằng giạ.

II. — Sẽ chuẩn những phần thưởng định như sau nầy cho người Langsa hay là người bổn-quốc có nuôi sút-vật trong quản-hạt, mà có vi-bằng chắc rằng mình thiệt có ngựa giống hay là ngựa cái có Nhà-nước nhậm.

7 đồng bạc một tháng cho mỗi con ngựa giống có Nhà-nước nhậm biết ;

3 $ 50 một tháng cho mỗi con ngựa cái chưa có con ;

5 đồng bạc một tháng cho mỗi con ngựa cái có con, miễng là con ngựa cái có chịu đực ngựa giống có Nhà-nước nhậm mà sanh ngựa con ra.

Tiền thưởng về ngựa cái sẽ chuẩn ban cho người nào nuôi, có giấy vi-bằng rằng mình nuôi có ít nửa là 5 con ngựa cái.

Một hội phái-viên riêng phải lảnh phần sự kiểm sát các giấy tờ của người nuôi sút-vật được lảnh phần thưởng.

Những đơn xin Nhà-nước nhậm mình là người nuôi sút-vật hay là người có ngựa cái hoặc ngựa giống thì phải gởi cho quan làm đầu hội phái-viên coi sát việc nuôi ngựa.

Trong đơn ấy người đứng xin phải biên số mấy con ngựa cái hay là ngựa giống và phải khai rằng mình muốn trình cho hội phái-viên kiểm sát sút-vật của mình nuôi.

Các đơn nào như muốn cho Nhà-nước xét thì người đứng đơn phải đính theo đơn một tờ mình giao buộc cùng Nhà-nước quản-hạt và phải làm theo cách thức sau nầy :

Kiểu thức tờ giao kết.

KIEU THỨC TỜ GIAO KET

Tôi là.............ở tại.................tỉnh..........
làm chủ tàu ngựa nuôi..................................
con ngựa cái và..................con ngựa giống, nuôi tại
..............tỉnh.............., đứng xin Nhà-nước nhậm phê tôi là người có nuôi sút-vật, và tôi giao buộc phải trình các thú kể trước nầy cho hội phái-viên coi xét sự nuôi ngựa, phê nhậm. Tôi khai rằng tôi hiểu biết cặng kẻ các qui điều trong lời nghị ngày 6 août 1898, và thể lệ định theo lời nghị ấy và tôi buộc phải tuân theo các luật ấy và theo các luật mới về ngày sau sẽ xen thêm đặng thi hành các lệ luật cho trọn và tôi phải vưng theo các lời định của hội phái-viên.

Làm tại................ngày.....................1......
Dì chiêu và nhận chắc (ký tên)
cái ký tên của ông...................ký trước đây.

(ký lên)

Hội phái-viên khi đã xét các sút-vật trình rồi, như phải lẻ thì phát giấy tờ cho người đứng đơn xin mà châm nó là người nuôi sút vật và tùy theo lúc, sẽ chuẩn phần thưởng định trước nầy cho nó.

Bất kỳ là ngựa giống nào muốn cho Nhà-nước châm thì phải đủ lệ như sau nầy:

1° Phải có từ 5 tuổi tới 12 tuổi trở lại.

2° Phải có vóc cao ít nữa là 1 thước 25 phân.

3° Phải đừng có tàn tật gì, và bịnh hậu và phải có hình vóc cho tốt; các việc ấy đều thuộc về hội phái-viên xét mà thôi.

Một mình hội phái-viên được xét châm hay là bắt những ngựa giống ngoại-quốc hay là ngựa giống lai mà thôi.

Mỗi người chủ ngựa giống có Nhà-nước châm thì phải giữ một cuốn sổ đặng biên chắc chắn các lần phủ cái.

Có hai hạng ngựa giống có Nhà-nước châm:

1° Thứ ngựa có Nhà-nước châm không, và ngựa cái có con ấy không được lãnh phần thưởng, về những thứ ngựa giống ấy, thì cũng phải buộc thể lệ giữ một cuốn sổ như thứ ngựa giống khác, và người chủ muốn dùng việc gì thì tự ý, và được nhảy cái bất kỳ là đâu.

2° Những thứ ngựa giống có Nhà-nước châm và được ăn thưởng. Thứ ngựa giống ấy thì được thưởng 7 đồng một tháng,

và phải để mà nhảy riêng những ngựa cái có Nhà-nước châm cho đến khi nào có giấy vi-bằng chắc rằng từ ngày 1er janvier trong năm đã nhảy được số 15 con ngựa cái thì mới được.

Mỗi năm hội phái-viên phải xét các ngựa giống có Nhà-nước châm và nghị những ngựa nào phải bôi bộ không được gọi là ngựa giống có Nhà-nước châm hay là phải còn để đứng trong bộ ấy nữa.

Mỗi con ngựa cái, khi nuôi có Nhà-nước châm thì phải đủ thể ệ sau nầy:

1º Phải có từ 3 tuổi tới 10 tuổi sấp xuống;

2º Phải có vóc cao ít nữa là một thước 18 phân;

3º Phải có săng sóc cho tử tế và có lực mạnh, đừng có tật gì, và bịnh hậu nào và bóng sắc phải cho tốt. Có một mình hội phái-viên được xét phải châm hay là phải bắt mà thôi.

Những ngựa cái có Nhà-nước châm thì phải để mà cho ngựa giống có Nhà-nước châm phủ mà thôi, bằng không tuân thì phải mất sự hưởng phần thưởng.

Ngựa cái nào có Nhà-nước châm có chịu đực luôn trong ba năm mà không sanh sảng thì gọi khô khan và phải dủ bộ phần thưởng.

Mỗi khi ngựa cái có đẻ, thì người chủ phải tuân theo lệ luật sau nầy đặng xin đem con ngựa cái qua bực ngựa có con: ngày sanh ngựa con, phải làm tờ khai sanh mà đính theo giấy chịu cái, phải để ngày giấy khai sanh, ký tên và như chỗ mình nuôi ngựa cái có thuộc về địa-phận châu thành Saigon và Chợ-lớn thì lập tức phải gởi các tờ ấy cho quan làm đầu hội phái-viên đặng sai một người phái-viên đến xét coi quả có ngựa con mới đẻ không; như chỗ nuôi ngựa thuộc về địa-phận tỉnh nào thì phải gởi giấy tờ cho quan Tham-biện tỉnh ấy; khi đã có sai một viên quan tùng quyền mình đến xét quả có sanh ngựa con và khi đã có phê chiếu tờ khai sanh rồi thì quan Tham-biện phải lập tức gởi tờ ấy cho quan làm đầu hội phái-viên.

Con ngựa cái nào có con thì được đứng theo hạng ấy miễng à người chủ phải có chứng bằng chắc rằng con ngựa con còn nuôi tại tàu mà trong hơn ba năm mà thôi.

Ngựa cái nào được ăn phần thưởng bởi sự ấy thì chẳng nên dùng mà đi kéo xe tờ hay là xe có số đi đưa.

Trong mỗi kỳ 6 tháng, lối tháng janvier, tháng juillet, và theo ngày đính đã có cho các người nuôi sút-vật hay trước ít nữa là 15 bữa, thì hội phái-viên chánh phải sai hội phái-viên phụ đến nhà các chủ có ngựa cái hay là ngựa giống có thưởng.

Hội phái-viên phụ ấy phải xét các tàu ngựa, và xét những sự đổi dời đã thông báo trong kỳ 6 tháng trước. Phải xét và chấm những ngựa giống và ngựa cái sẽ trình, phải trừ hồi những sút vật nào không đủ thể lệ nữa, và rốt hết phải chấp và xét các sự kêu nài trình cho hội phái-viên.

Sự vãn xét trong kỳ 6 tháng ấy thì chẳng phải là kể trừ các sự vãn xét thình lình khác của hội phái-viên truyền bảo.

Sự tính phần thưởng đã lãnh và cách làm giấy tờ mà lãnh bạc thưởng, thì phải làm như sau nầy: mỗi người nuôi sút vật, khi đầu mỗi kỳ sáu tháng, thì phải làm một tờ kể bề thế trong sáu tháng, y như kiểu sau nầy.

NAM-KỲ ĐẠI-PHÚ LANGSA, SỰ NUÔI GIỐNG NGỰA

Tàu ngựa của ông.......................................

Bề thế trong kỳ sáu tháng.

CẮT nghĩa tên sút vật	SỐ THÚ VẬT				SỐ MẤY ngày được ăn thưởng	SỐ TIỀN được lãnh	NÓC HỜ
	số thiệt có trong kỳ sáu tháng trước	sự nhập	sự xuất	số thiệt có cho đến ngày chót trong kỳ 6 tháng			
			Tổng cọng......				

Khóa tờ nầy là một số bạc.

Tại, ngày 1 .

Di chiếu và kiểm sát : *Người chủ,*

Quan làm đầu hội phái-viên.

Và phải trình tờ ấy cho hội phái-viên phụ vãn xét trong kỳ 6 tháng. Hội phái-viên phải xét tờ ấy tại chổ, trong buổi hội, và khi đã sửa rồi, thì khóa tờ ấy lại và lập tức phải gởi cho dinh Thượng-thơ đặng làm giấy phát bạc. Như cách ấy thì bạc thưởng

sẻ phát cho người được lãnh, có trể lắm thì là phát trong tháng février và tháng aoùt mỗi năm.

Những việc tái phạm thể lệ nầy, các sự khai gian, các việc gian lậu hay là gầm ghé muốn làm sự gian lậu bắt đặng có cớ, lần thứ nhứt thì bị trừ bộ con-thú nào mình làm trái lệ hay là gian lậu.

Như có sự trái phạm hay là gian lậu một lần nữa, thì người chủ bị ngưng chức nuôi sút-vật và chẳng đặng lãnh phần thưởng nữa. Sau rốt, như có tái phạm một lần thứ nhì nữa, thì chức nuôi sút-vật phải thâu tuyệt lại còn người chủ phải có tội.

Hội phái-viên phải nhóm theo phép mà chiếu theo tờ phúc bẩm của hội phái-viên phụ hay là của người thế mặt đi vãn xét về mà định các hình phạt ấy; mà người trái phạm được tới trước hội phái-viên mà đối nại. Các hình phạt ấy sẻ xử nhứt định, nhưng mà trừ ra khi nào có kêu nài, thì quan Phó-soái quyết đoán mà thôi.

Mỗi khi ngựa giống của Tham-biện có nhảy cái thì phải phát cho người chủ ngựa cái một cái tờ vi-bằng, biên tên ngựa giống, ngày tháng nhảy cái, và nhảy cái chổ nào. Khi trình ngựa con mới sanh ra thì cũng phát một tờ vi-bằng gốc rể con ngựa con; tờ ấy phải đái tùy theo con thú luôn luôn trong mỗi khi có bán hay là đổi chọn nó. Cấm chẳng cho chở ra khỏi xứ Annam:

Những ngựa cái và ngựa cái con sanh tại xứ.

Cũng cấm chẳng cho chở ra khỏi xứ những ngựa đực con chưa đúng 4 tuổi.

Có một mình ngựa đực từ 4 tuổi sấp lên thì được chở đi các xứ trong cỏi Đông-dương Đại-phú Langsa mà thôi.

Cấm chẳng cho làm thịt bò cái tơ và bò cái còn sanh sảng được nữa. Bò cái và bò cái tơ kể từ 9 tuổi sấp lên thì không có sanh sảng nữa.

Được phép chở trâu đực ra khỏi xứ Nam-kỳ mà thôi.

Cấm chẳng cho chở ra khỏi xứ Nam-kỳ những bò đực, bò cái, bò cái tơ, trâu cái tơ và trâu con.

III. — Hằng năm các chủ nuôi trâu phải khai cùng xã-trưởng hay là cùng Cai-tổng cho đặng đem vào sổ tại dinh Tham-biện.

Đến ngày đã định thì các chủ nuôi trâu phải dắc trâu tới tại chổ nào đã chỉ cho trước cho đặng đóng số hiệu Tham-biện, trừ ra những trâu nghé hay là trâu không có sức mà làm được. Có một chức việc Annam để mà coi đóng số hiệu ấy.

Những trâu ở trên nước Cao-mên hay là trâu trên chỗ giái hạng mộc bài xứ Nam-kỳ mà đem về, thì phải khai cùng phải đóng dấu nơi chỗ toà bố nào gần và phải tra gạn các chủ trâu đặng rỏ thiệt chắc là trâu của nó hay là không.

Người nào có mua trâu thì phải làm tờ mua bán rồi phải hầu đem vào sổ tại dinh Tham-biện, khi đã có hương chức làng nhận thị rồi.

Hằng năm, cứ tháng 11, thì các chủ trâu phải làm lời khai về trâu của mình, những con nào còn, con nào đã sanh ra; những con nghé nào có sức làm, dùng được thì phải đóng dấu. Ai làm sái phép thì phải phạt tiền từ 1 cho tới 15 quan và phải phạt tù từ 1 ngày cho tới 5 ngày; còn khi tái phạm, thì phải phạt một phần phạt nặng hơn hết trong 2 phần phạt ấy.

Có đặt sổ để mà biên trâu. Trong sổ ấy phải biên tên trâu, trâu sắc gi, có mấy xoái ở chỗ nào, hoặc dấu riêng nào khác thì cũng phải biên cho biết.

Các làng phải giữ sổ ấy có quan Tham-biện ký tên và cho số mỗi tờ sổ, hễ sổ tại dinh Tham-biện biên ký làm sao, thì sổ làng cũng phải biên làm vậy, hai bổn trùng nhau như một. Đặt ra có một khoản sô mà thôi, mà có chừa chỗ trông vừa đủ cho mỗi một làng đặng có trâu mà biên vào.

Mỗi chủ nuôi trâu có đứng bộ, khi đã đóng dấu trâu rồi, thì lãnh một giấy bài chỉ rút trong sổ bộ ra mà làm chứng về gốc tích trâu mình. Bài chỉ ấy thay vì giấy bằng khoán trâu. Biên lai ấy có chức việc coi giữ sổ bộ ký tên và có quan Tham-biện chứng.

Không được khắc dấu trên sừng trâu. Số hiệu con trâu phải đóng vào đùi tã hay là đùi hữu ở dưới sô Tham-biện.

Các tờ buôn bán hay là đổi chọn về trâu sẻ được nhứt định là khi nào cóbiên vào sổ bách phần rồi và đã cai sự đổi dời nơi bộ trâu tại dinh Tham-biện rồi và khi nào phát cái tờ vào sổ cho mình thì mới được là chắc.

Như con trâu bán cho người cũng ở một làng thì nó còn giữ số hiệu nó nhưng vậy phải đổi tên người chủ mà thôi.

Như người chủ có trình bài-chỉ cùng làng thì làng phải đem con trâu ấy vô bộ mà phải giữ số hiệu trong sổ tại tòa bố cho.

Nhưng mà hương chức phải buộc chiêu tờ bán mới sanh ra sự đổi dời và phải trình con thú bán nữa. Như tờ giấy và bài chỉ đứng theo phép và như tì tích con trâu thì giống cùng các đều cai, trong tờ thì làng phải cai sự đổi dời nơi bộ, như không có giống nhau thì lập tức phải cho quan Tham-biện hay, và Cai-tổng phải hiệp cùng làng mà làm tờ kiêt bẩm và bắt con thú ấy và phải dẫt

đến chức việc coi bộ trâu đặng kiểm sát và bẩm lại cho quan Tham-biện sở định.

Các sự cầm cố trâu được theo phép là khi nào tờ giấy đã làm có làng thị nhận và đã có cai trong bộ và trong bài chỉ.

Trong bài chỉ trâu phải biên tên họ các người chủ, chỗ ở, và ngày bán, sắc con trâu, tì tích nó (số mấy xoáy và đóng tại đâu, dấu riêng) gốc tích con trâu.

Luật buộc trâu đứng bộ thì cũng thông dụng cho bò và ngựa nữa.

Những bài chỉ các thú vật ấy phải trình khi viên quan có tra vấn. Những người chủ lò thịt trước khi làm con thú vật nào thì phải biết cho chắc đích thân con thú ấy, và phải thâu bài chỉ những thú đã làm thịt và mỗi tháng phải nạp bài chỉ ấy tại dinh Tham-biện.

Như con thú vật đem đến lò thịt không giống với các đều cai trong bài chỉ, thì người chủ lò phải dắt con thú ấy đến nhà cầm nhốt và trình báo cùng viên quan sở tại đặng viên quan ấy lo tầm kiếm người trái phạm luật ấy.

Những thể lệ về bài chỉ trâu và các thú vật phải đứng bộ thì cũng thông dụng trong địa-phận thành-phố Saigon và Chợ-lớn. Những bài chỉ ấy thì phát cho không thâu tiền.

Những trâu ở xứ Cao-mên đem về hay ở các xứ giáp ranh, thì phải khai và khi có dắt đi trong địa-phận Quản-hạt thì phải đóng ịnh tại dinh Tham-biện nào gần hơn hết.

Khi phát bài chỉ trâu hay là bài chỉ các thú vật khác phải buộc đứng bộ, đặng thế cho những bài chỉ mất thì phải thâu 2 đồng bạc mỗi lá bài chỉ.

IV. — Trong tờ bẩm nói về sự sanh lợi của quan Tham-biện và trong tờ bẩm làm mỗi kỳ 15 bữa, của cai-tổng thì phải khai các lời như sau nầy :

1° Nói về việc canh-nông. Khai các thứ cây trái trồng trong xứ, giá bán, sự đổi dời giá bán, vì cớ nào, bề thế việc trồng tỉa, vì cớ nào làm nên được hay là không được, những thứ cây trái nào tính trồng thử được.

2° Nói về việc thương mãi, khai các thứ hàng hóa chở ra khỏi xứ và chở vô xứ ; các nghề làm trong xứ, chỗ nào làm nghề ấy, giá bán thường, những chợ nào buôn bán thạnh mậu, chỗ nào bán những đồ làm nghề ấy, những nghề phải truyền trong xứ và giá tiền mướn người làm công.

Vậy thì hương chức làng phải nạp các lời khai ấy cho cai-tổng đặng cai-tổng bẩm lại cùng quan chủ tỉnh.

Muôn cho gia thú vật chết bán cho được giá, thì trong khi phơi nó thì phải dùng nọc nhỏ bằng cây mà căng nó trên mặt đất cho kỷ cang.

Rồi phải cuồng nó lại chớ đừng có xâp lại hay là phải xâp một mí mà thôi.

Cũng có ích mà truyền bảo cho người bổn-quốc hay rằng cái đuôi và lổ tai thú vật không có đáng giá gì hết vànó làm cho mất giá tấm gia mà thôi. Vậy thì phải khuyên bảo người bổn-quốc phải cắt lổ tai và cắt đuôi trong tấm gia và cũng phải cho chúng nó biết rằng khi hơ gia trong lò lữa mà làm cho nó khô thì nó cháy gia đi và làm cho tấm gia trở nên vô dụng. Vậy thì những gia chế làm theo cách ấy thì bán không có giá gì hết.



ĐOẠN THỨ XXVII

THỂ LỆ DÙNG MÀ TRỪ CÁC BỊNH

I. — Sự trồng trái và bịnh truyền nhiễm.
II. — Chỗ nuôi kẻ đơn phong.
III. — Bịnh truyền nhiễm loài vật.
IV. — Sự chôn và sự lấy cốt.

I. — Những làng tổng bổn-quốc phải coi sóc cho số con nít phải đem đến trồng trái cho nhiều.

Chẳng con nít nào được vào trường mà học nếu chẳng có trồng trái.

Sẽ chuẩn cho các người chủ nào có đem trâu con đến cho phòng y môn chưởng đậu tại Sài-gòn (Institut Pasteur) 2 đồng bạc sở phí trồng mỗi con trâu nghé.

Số tiền ấy thì quan làm đầu phòng y-môn chưởng đậu phát nơi tay người chủ trâu khi trở lại bắt trâu mình đem về.

Khi nào người chủ trâu có vắn mặt thì tiền sở phí ấy phải phát cho cai-tổng hay là người làm đầu trong làng mà có tùng theo dắt con trâu ấy đặng lãnh mà giao bạc ấy lại cho người chủ trâu.

Cai-tổng hay là người làm đầu trong làng phải lấy biên lai số bạc phát trước mặt mình cho người chủ hay là trước mặt người thay mặt cho mình.

Những các bịnh truyền nhiễm kể sau nầy thì làng tổng annam, lương-y annam và các bà-mụ annam phải báo cùng quan Tham-biện:

Bịnh trái giống tục gọi trái trời, bịnh thiên thời, bịnh dịch khí, bịnh đơn phong, bịnh kiết, bịnh rét lâu ngày, bịnh con mắt.

II. — Cấm chẳng cho những kẻ bị bịnh đơn phong đi thông thương các nơi quan lộ.

Người có bịnh đơn phong nào gặp đi thông thương nơi quan lộ, thì sẽ bị bắt và đệ giải đến nhà-thương nuôi kẻ đơn phong lập tại Cù-lao-Rồng.

Người có bịnh đơn phong nào bị bắt thì được phép kêu nài xin quan thầy lương-y xem khán.

Được vào thẳng nơi nhà thường nuôi bịnh dơn phong những người nào bị bịnh ấy có làm đơn xin cùng Nhà-nước.

Đã lập ra tại Cù-lao-rồng, nơi sông Cửu-long-giang tỉnh Mỹ-tho, một cái nhà-thương nuôi bịnh đơn phong trong Nam-kỳ.

Người bổn-quốc nào bị bịnh đơn phong và như có làm đơn xin thì được vào nhà-thương nuôi bịnh đơn phong.

Đều phải đệ giải tới nhà-thương ấy những người mang bịnh đơn phong không phương thế săng sóc mình được (ăn mày, du côn, vân, vân).

Quan Tham-biện Mỹ-tho do theo tờ vi-bằng của quan lương-y coi nhà-thương nuôi đơn phong, mà nghị định cho vào nơi nhà-thương ấy.

Khi nào có sự nghi nang rằng trong nhà nào hay là hằng nào có người bị bịnh đơn phong, thì người chủ nhà hay là chủ hạng ấy phải khai cùng hương chức làng, hay là cùng quan Đốc-lý tại thành-phố Sài-gòn và Chợ-lớn.

Lời khai ấy liền gởi cho quan Tham-biện chủ tỉnh đặng đem tên người bị mang bịnh đơn phong vào trong cuốn sổ riêng trong mỗi tỉnh đều có giữ. Tại Sài-gòn cùng Chợ-lớn thì cuốn sổ ấy đều có giữ tại dinh Đốc-lý.

Cấm kẻ mang bịnh đơn phong chẳng đặng làm những nghề kể sau nầy :

1o Những nghề nào mà người buôn bán hay là người làm công trộn nấu đồ ăn, các đồ uống, thuốc uống, thuốc hút, vân vân, (thợ làm bánh, bán thịt, bán quán, đầu bếp, buôn bán lẻ).

2o Những nghề nào mà người buôn bán, hay là người làm công sang hơi qua trong quần áo, để cho thiên hạ dùng (người dặt ủi quần áo, người thợ may, người bán quần áo cũ vân vân).

3o Những nghề nào người bị đơn phong phải lân la cùng thiên hạ (đày tớ, cạo râu, viết giấy mướn, người ở vú, đánh xe, hay là kéo xe kéo, vân vân).

Những người mang bịnh đơn phong nào hoặc ở với bà con, hoặc ở riêng một mình, thì hương chức làng phải coi chừng, hương chức phải báo lập tức cho quan Tham-biện trong tỉnh hay các sự trái phạm lệ luật định trước đây.

III. — Những bịnh loài vật gọi là bịnh hay lây buộc phải thông dụng những lề luật sau nầy là :

Bịnh dịch khí bò, trong các loài sút-vật hay nhơi.

Bịnh đau phổi (Peripneumonie) truyền nhiễm trong loại bò.

Bịnh lây trong loài chiên (clavelée) bịnh ghẻ, trong loại chiên và loài dê.

Bịnh rét có trái trâu trong loại bò, loại chiên, loại dê và loại lừa.

Bịnh chảy nước giãi, ghẻ ngứa, trong loại ngựa, và loại lừa.

Bịnh điên dại trong các loại thú vật.

Người chủ nào, người nào, hoặc bởi chức phận chi mà phải săng sóc coi giữ con thú vật nào bị hay là nghi bị bịnh truyền nhiễm kể trước nầy thì lập tức phải khai cùng xã-trưởng trong làng nào là chổ cầm nhốt con thú vật ấy.

Các quan thầy trị bịnh loài vật mỗi khi có săng sóc thú vật mắc bịnh thì cũng phải làm lời khai ấy nữa.

Con thú vật bị hay là hồ nghi bị bịnh kể trước nầy thì lập tức và trước khi Nhà-nước truyền báo thì phải cầm riêng, nhốt riêng các thú khác vì phòng sợ các thú ấy sẽ bị lây bịnh ấy nữa.

Cầm chẳng cho chở con loài vật bị bịnh đi trước khi quan thầy cho thuốc thú vật có Nhà-nước sai, xem khán nó, cũng đều cầm y như vậy trong việc chôn con thú, trong cơn gấp rút thì phải có phép riêng xã-trưởng cho.

Khi xã-trưởng đã hiểu biết rồi, thì phải coi chừng cho người ta tuân theo các thể lệ định trong đều trước nầy và phải buộc các thể lệ ấy lại cũng phải thưa cho cai-tổng hay đặng bẩm báo cho quan Tham-biện rỏ biết.

Khi quan thầy trị bịnh thú vật đã khán bịnh chắc chắn rồi, thì quan Phó-soái sẽ định thể lệ đặng mà thi hành trong khoản riêng.

Như xét có ích thì quan Phó-soái truyền ra lời nghị mà rao cho thiên hạ sự huê trược ấy.

Lời nghị ấy phải buộc thông dụng các lệ sau nầy trong những xứ đã định chỉ ra:

1o Sự nhốt riêng, cầm riêng, tuần vãng, kiểm điểm và đóng ịnh các thú vật và các bầy thú trong những chổ huê trược.

2o Cầm trong các chổ ấy;

3o Cầm đỡ hay là phải định thể lệ về chợ phiên và chợ búa, sự chở chuyên cùng sự thông thương thú vật.

4o Sự tẩy trượt các tàu ngựa, chuồn bò, xe, hay phương thế chở chuyên khác, sự tẩy trượt hay sự phá hủy đồ dùng cho những thú vật có bịnh, hay là đã bị trở nên huê trược và nói chung bất kỳ là đồ nào để dùng mà chở chuyên hay sang truyền nhiễm. Khi nào loài vật coi bộ chắc là điên dại thì phải đập chết bất kỳ loại nào và chẳng đặng lấy cớ nào mà cảng trở lại được.

Những chó và mèo coi bộ điên dại thì lập tức phải đập chết đi. Người chủ nào có con loài vật nào nghi rằng điên dại thì lập tức

phải tuân theo thể lệ ấy, dầu mà không có chức việc Nhà-nước truyền bảo cũng vậy.

Cấm chẳng cho bán những loài vật bị hay là nghi bị bịnh truyền nhiễm.

Thịt thú vật chết bịnh truyền nhiễm bất kỳ là bịnh nào, hay là bị đập chết bởi bị bịnh dịch khí trong loại bò, bị bịnh chảy nước dãi, bị bịnh ghẻ ngựa (farcin) và bị bịnh điên dại, thì không được bán cho thiên hạ dùng.

Những thây và những đồ rả rời các thú vật chết bị dịch khí, hay bị đập chết về mắc bịnh ấy, thì phải chôn với những gia rách con loài vật ấy.

Sẽ bị phạt tù từ 2 tháng cho tới 6 tháng và phạt vạ từ 100 quan cho tới 1000 quan:

1° Những người nào chẳng kể lời cấm của Nhà-nước, mà để loài vật mình bị bịnh truyền thông thương cùng các loài khác.

2° Những người bán loài vật mình biết trước rằng bị hay là coi bộ bị bịnh truyền nhiễm.

3° Những người nào không có phép quan cho, mà đào lên hay là cố ý mua thây hay là đồ vụng những loài vật chết bịnh truyền nhiễm bất kỳ là bịnh gì.

Sẽ bị phạt tù từ 6 tháng tới 3 năm và phạt vạ từ 100 quan cho tới 2000 quan:

1° Những người nào bán thịt loài vật mình đã biết trước là chết bịnh truyền nhiễm, bất kỳ là bịnh gì, hay là bị đập chết bởi bị bịnh dịch khí, bịnh chảy nước dãi bịnh ghẻ (farcin) và bịnh điên dại.

Như có bịnh dịch khí trong loại bò hay là bịnh kiết và sổ mũi (pasteurelose) thì phải dùng cách sau nầy:

1° Phải để riêng các loài vật loại bò và loại trâu của các làng cách 5 ngàn thước xung quanh chỗ có bịnh ấy.

2° Buộc các người chủ trâu bò phải khai các loài vật nào bị bịnh ấy hay là các loài vật bị bịnh ấy mà chết, cùng cai-tổng đặng lập tức báo cho quan chủ tỉnh và các quan Tham-biện địa-phận lân cận hay.

3° Phải kiểm điểm chung những trâu và bò trong địa-phận bị truyền nhiễm bịnh ấy.

4° Phải để riêng các loại bị bịnh và chẳng đặng lấy cớ nào mà cho ra khỏi chuồng được.

5° Phải để riêng những loại coi bộ bị bịnh, nghĩa là trâu hay là bò đã có bị sang hơi cùng các loại bị bịnh.

6° Phải chôn trong những hầm đào 4 thước bề sâu những thầy, phải làm cho bán mùi mỗi cái thây thú vật, phải dùng 5 bao vôi phải rạch ra trước.

7° Cấm tuyệt chẳng đặng ăn hay là để cho thiên hạ ăn thịt loài vật bịnh và những loài vật chết bị bịnh; bằng bất tuân thì sẽ bị tỏa trị tội.

8° Nghiêm cấm chẳng cho vào hay là thông thương trong địa-phận bị bịnh truyền nhiễm những thú vật của các làng ở ngoại địa-phận chỗ bị trước, (cách phép ấy thì lấy làm có ích lắm).

9° Phải dùng những nước mạnh nghĩa là 3 phần đồ mạnh trong 100 phần nước mà tẩy trược cho sạch chuồn trâu bò.

10° Cấm tuyệt chẳng đặng bán thú vật bị bịnh hay coi bị bịnh.

Làng tổng Annam phải truyền chôn các thây gặp trôi lêu bêu trên trong các đường nước.

Khi nào những trâu bị bịnh dịch khí thì lập tức nó trở nên buồn bực, đứng một chỗ và bỏ ăn. Sự nhơi thì ngưng lại, một hai khi nó ăn cầm chừng; nó cũng ráng mà nhơi, song đụng lưỡi, trong khi ấy thì lưỡi thỏng ra, thì thấy chảy nước dãi ra nhiều. Nước dãi trong miệng chảy ra thì có bọt bèo, sự ngó lơ láo, con mắt thì chảy nước mắt ra và con mắt đau, thì trở nên đỏ, trong lỗ mũi nó là chỗ sanh mũi giải, mà chảy ra ít, sự thở coi mệt, và người ta dễ hiểu biết khi con thú ráng sức mà thở phải nổi gân mũi.

Khi xem khán kỷ cang con loài vật mắc bịnh, thì người ta thấy ức, nách phía trong mấy cái chơn thì trở nên đỏ bầm, thì cổ trở nên lớn và ngó xáng qua thì coi bộ lớn lắm. Còn những trâu cái thì ngọc môn (vulve) sưng lên. Đường tiểu tiện thì ít, và đường đại tiện thì bặt. Thường thường con loài vật đứng mà thôi và có nằm rồi đứng dậy không đặng. Làm như vậy trong chừng 8 giờ đồng hồ sập lại.

Phép ngăn ngừa khuyên dùng mà trị việc tai biến ấy là ngăn sự truyền nhiễm thì là phải để riêng những thú bị bịnh, chôn các thây và phải tẩy trượt các chỗ.

Sự nhốt riêng là một cách có ích hơn hết phải dùng trong cơn như vậy. Người ta thường dùng hai cách sau nầy:

1° Người ta để tại trong chuồn đã có nhốt rồi những thú bịnhh ay nghi bị bịnh và phải đuổi mấy con còn mạnh ra khỏi chuồn ấy mà nhốt nơi khác. Ấy là một cách dễ hơn hết và cẩn thận hơn hết phải dùng mà cầm riêng những thú bịnh hay là nghi bị bịnh, cách xa các thú mạnh.

2° Hoặc là người ta lùa mấy con thú bịnh hay là nghi bị bịnh ra khỏi chỗ dơ huê đặng nhốt chỗ khác mà trong khi ấy đừng

quên tẩy trượt cho kỷ cang chỗ đã nhốt nó trước và những đồ nó làm cọ dơ khi đã lùa nó đi chỗ khác.

Cũng chẳng nên dùng cho các thú mạnh những đồ làm của mấy con loài vật bịnh dùng mà không có tẩy trượt trước.

Cách thứ nhì cũng có ích lắm là phải chôn những thây, chẳng hề khi nào được bỏ giữa đồng những thây, vì nó trở nên một chỗ dơ thuê lắm. Thây thì phải chôn trọn và gia và các đồ dụng. Cũng chẳng nên lựa trong ruộng mà chôn cũng như người ta đã làm tự thuở nay vậy, song phải lựa đất nào hoan vu xa nhà cửa và xa suối múc nước mà uống.

Những thây loại vật chôn phải phủ vôi lên, khi nào chôn nhiều thây trong một hầm thì phải trồng tại đó một cái trụ chỉ đặng rao rước cho người lân cận hay chỗ hiểm nghèo đặng ngừa không cho thú vật đến chỗ chôn ấy.

Nhưng vậy sẽ có ích hơn mà đốt thiêu những thây ấy ra tro hay là tiêu hủy theo cách các vị bát vật bào chế.

Rốt hết khi tẩy trượt thì phải tẩy trượt các đồ cứng hay là đồ lòng loài vật bịnh đã làm dơ lắm, cũng phải tẩy trượt chuồn, nhà, xe và đồ để dùng làm công việc, chỗ nằm con loài vật, phân nó, loài vật còn sống và cũng phải tẩy trượt người ta nửa, vân vân.

Khi nào tẩy trượt chỗ nào những loài vật bịnh đã ở, thì trước hết phải chùi lau cho sạch, và xúc hết phân ra, khi chùi lau rồi, thì trước hết phải rửa bằng nước lạnh cho nhiều bận; rồi sau bằng nước sôi. Như được thì lấy lửa thui; ấy là một phương thế rất hiệu nghiệm, còn những đồ không đáng giá gì thì phải đốt đi.

Người chủ phải chôn thú vật đập chết, hoặc trong đất của mình mà có quan Tham-biện trong tỉnh chịu cho; hoặc trong đất làng hay là đất của Nhà-nước để mà dùng riêng việc ấy.

Những hầm chôn thì phải sâu 4 thước, còn thây chôn thì phả lấy đất đào mà lấp lại.

Người chủ nào, hay là người nào, bởi chức phận gì mà phải săng sóc hay là giữ những loài vật bị hay là nghi bị bịnh chảy dãi; thì lập tức phải khai cùng quan Tham-biện trong tỉnh nào con loài vật ấy ở.

Con loài vật bị hay là nghi bị bịnh chảy nước dãi thì lập tức và trước khi Nhà-nước truyền cho mình, phải để riêng các loại vật khác; vì có lẽ lấy bịnh ấy.

Sự khai và để riêng thây thì cũng đều buộc về việc loài vật nào chết bị bịnh chảy nước dãi.

Cấm chẳng cho chở loài vật bịnh hay là nghi bị bịnh, hay là từ thầy trước khi quan thầy trị bịnh loài vật xem khán nó, miễng là có phép riêng của quan Tham-biện cho thì mới được.

Sự cấm ấy thì cũng phải buộc trong việc chôn.

Khi đã khán bịnh chắc rồi thì phải dùng những cách sau nầy:

1o Những ngựa và lừa trong tỉnh thì lập tức phải kiểm điểm lại;

2o Những chỗ nào sanh bịnh chảy dãi ra thì phải để không trong 40 ngày, giao cho quan thầy trị bịnh loài vật của Nhà-nước đặt coi việc ấy.

3o Nơi cửa chỗ ấy phải cắm một cách dễ thấy, một cái bản chỉ rằng đã có bịnh chảy dãi và sự để không chỗ ấy, trong 40 ngày.

4o Nghiêm cấm nhặt chẳng cho thả loài vật vào chỗ để không trong 40 ngày sợ e bị lây bịnh chảy dãi (ngựa lừa, chó).

5o Những xe cộ cùng phương thế dùng chở chuyên khác và đồ dùng cho loài vật và bị những đồ nào được để truyền nhiễm bịnh ấy, thì đều phải tẩy trược cho kỹ lưỡng.

6o Những chỗ ở, sân, khoảnh rào, và đồng cỏ nào loài vật bị hay là nghi bị bịnh chảy nước dãi đã ở thì cũng phải tẩy trược.

Các loài vật nào coi bộ bịnh chảy dãi thì phải đập chết đi.

Những loài vật nào đã khai rằng coi bộ bị bịnh ấy, thì phải để riêng loại vật khác một cách nhặt nhiệm, đóng ịnh bằng sắt nướng đỏ nơi gò má tả và phải có quan thầy trị bịnh loại vật coi sóc.

Những loài vật nghi bị bịnh mà không có màu chi gọi là hiểm nghèo thì lúc coi sóc nó được dùng nó, nhưng vậy cấm nhặt chẳng cho dắt đến bến tắm chung trong khi ban đêm và chẳng cho vô chuồn nào khác hơn là chuồn của nó.

Khi có bịnh dịch khí thì viên-quan bổn-quốc phải gởi cho quan Tham-biện cái gan và cái óc con loài vật bị bịnh và phải đính theo đồ gởi ấy một tờ cắt nghĩa nguồn cơn chứng bịnh ấy ra làm sao.

IV. — Các việc tổn hao nuôi dưởng hay là chôn cất, người bổn-quốc nghèo khó, không nhà cửa mà làng hay là sở địa-hạt xuất mà giúp đỡ thì quản-hạt sẽ thối lại cho làng hay là cho địa-hạt những tiền đã xuất trước ấy.

Đều gọi là không nhà cửa chi:

1o Những người bổn-quốc không có vi-bằng đích thân;

2o Những người bổn-quốc hơn 21 tuổi mà không có nhà hay là không giữ chỗ ở của nó, mà ở thường nội trong một năm trong làng nào hay là hạt nào.

Người bồn-quốc còn thơ ấu thì con có cha mẹ giúp đở và như cha có qua đời rồi thì còn mẹ. Người vợ có chỗ ở giúp đở của người chồng.

Những đơn người khách xin lấy côt thuộc về trong các tỉnh thì phải trình cho các quan Tham-biện. Được cho phép lấy côt những người nào chôn ít nữa là được 5 năm.

Mỗi năm từ tháng décembre tới tháng février năm sau thì được cho phép lấy côt và phải tuân theo thể lệ sau nầy:

1° Những hài côt người chết thì là xương thì phải liệm trong hồm bằng cây sao, huỳnh, hay là vên vên. Được phép dùng hai thứ cây kể sau ấy, miễng là phải chở về tàu trong kỳ hai tháng sau khi đã liệm vào hồm rồi.

2° Bề dày cái hồm phải có ít nữa là 3 phân tây và hồm phải đóng lại bằng đinh ốc vặn.

3° Khi lấy côt và liệm lại vào hồm thì phải rảy nước vôi trong huyệt và xương côt phải bỏ trong hồm đã rãi vôi trước.

4° Một viên quan Langsa phải có mặt trong khi lấy côt, và phần sự viên quan ấy là phải ngăn chẳng cho đào mả nào chôn ít hơn 5 năm và cấm lấy hài côt chưa rã rời sợ e bay hơi độc địa.

Trong lúc có bịnh truyền nhiễm thì đặng cho phép lấy côt là theo thể lệ sau nầy:

1° Liệm trong hồm bằng loại kiêm đậy cho kính và phải hàng lại.

2° Chôn trong đất nào không có chôn mả khác cách 10 thước xung quanh.

Những sự lấy côt nào đã khởi sự hay là làm trái lề luật đương ban hành thì phải phạt vạ 20 đồng bạc mỗi kẻ trái phạm và lại có lẽ phải gia hình phạt khác nữa.

Các sự chôn cất trong đất riêng và các sự chôn có phép riêng thì được chôn ít nữa là 2 thước bề sâu.

Mỗi khi người khách có qua đời thì phải có một tờ vi-bằng chứng bịnh gì và vì cớ nào nó chết khi nào có chiêu các tờ vi-bằng ấy thì mới được cho phép lấy côt.

ĐOAN THỨ XXVIII

THỂ LỆ CHUNG

I. — Qui điều các khoản.
II. — Thể lệ về việc xe cộ. — Bề giòy cây ví, vành bánh xe. — Bề ngan vành bánh xe, về việc xe cộ thông hành. — Thể lệ riêng.
III. — Phần thưởng.
IV. — Giấy thông hành.
V. — Lạy và lễ mễ đi tết.

I. — Trong cả và hạt Nam-kỳ, Nhà nước đều có phát nhựt trình *Gia-định-báo* cho thôn-trưởng các làng mà chẳng ăn tiền ; mỗi làng cũng phải có một cuôn Luật hình dịch ra chữ quốc-ngữ ; sách ấy Nhà-nước phát không cho làng.

Trong cả và Quản-hạt, buộc phải dùng chữ quốc-ngữ trong những giấy tờ về việc quan làm bằng tiếng Annam.

Hễ làng nào có huê lợi, mà xin ăn thuê, huê lợi thay vì những kẻ mua thuê, khi huê-lợi ấy không đáng là bao nhiêu, thì Nhà-nước sẽ cho làng.

Hễ ai được con nít đi lạc thì phải đem nó tới cho phần cai trị.

Một vuôn định là 40 litres, không lên xuống.

Thước lấy làm gốc mà đo đất là hectare hay là mẫu tây ; 2 mẫu annam.— Trong giấy tờ về việc quan chẳng đặng dùng mẫu sào annam nữa. Mẫu sào annam phải làm ra mẫu sào tây là hectares và ares như sao nầy :

1 Mẫu annam vô 50 a. hay là 10 sào annam.
1 Sào annam vô 5 a. hay là 15 thước annam.
1 Thước annam vô 33me 33 hay là 10 tất annam.
1 Tất annam vô 3me 33.

Bởi đó cho nên :

1 Hectare vô 2 mẫu annam.
1 Hectare vô 20 sào annam.
1 Hectare vô 300 thước annam.
1 Hectare vô 3000 tất annam.

Trong các chùa, nhà trường phải vẽ trên vách tường một cái kiểu thước tây là 10 thước chia ra từ tất, từ phân, từ ly.

Trong những đơn từ cùng trong những án lý, phải dùng hectare làm gốc trong việc đo đất cát, chớ chẳng đặng dùng thước tất annam mà kêu một mẫu, một dày, một công, một sở, vân-vân...

Sào thước về một hectare thì thế sào thước về một mẫu.

Như dân trong làng có nhóm lại về việc tư hay là việc công thì phải dùng trầu cao là vật lễ nghĩa, chẳng đặng lấy cớ rằng lo việc làng mà bắt dân chịu đặng nhóm lại mà ăn uống; như có phạm thể lệ ấy thì hương chức làm đầu trong làng sẻ bị phạt.

II. — Bất kỳ xe cộ nào dùng mà kéo chạy ngoài đường quan lộ, có đổ đá sỏi về phần quản-hạt hay là địa-hạt gìn giữ thì đều phải tuân theo thể lệ như sau nầy:

Bề dài cây ví, bất kỳ về loại xe gì, cũng chẳng đặng quá hai thước hai mươi lăm phân (2m25), kể từ chót bên nầy qua tới chót bên kia, và mỗi đầu không đặng lú ra khỏi cái đùm hơn quá sáu phân (0m06).

Phàm xe hai ví, thì phải chế cho chẳng tế nhau. Ví sau chẳng đặng quá thức lệ định trong điều trước, còn ví trước thì phải chế thâu lại cho vừa đủ cho xe chạy có đường rộng, đường hẹp.

Vành bánh xe phải cắt khoanh vuông đứng hay là dài bề mặt lăng phải niền sắt có đóng đinh hay là vặn ốc thức riêng cho đở khỏi mòn.

Đầu đinh, đầu ốc phải đóng, vặn cho hục vô lổ niền và đánh táng cho sát. Như có mới đóng, mới vặn thì cũng chẳng đặng lú ra hơn năm ly (0m 005).

Bề ngang vành bánh xe lấy theo bề mặt lăng thì phải chế tùy theo sức chở cái xe hoặc phải kéo một cổ ách hay là nhiều cổ ách bề ngang niền phải đặng ít nửa là như lệ định sau nầy:

Về xe phải kéo một cổ ách hoặc là hai cổ ách hay là một đôi trâu thì phải cho đặng ít nửa là 0m05.

Về xe ba hay là bốn cổ ách, hay là hai đôi trâu, thì là 0m08.

Về xe năm hoặc là sáu cổ ách hay là ba đôi trâu thì là 0m10.

Khi nào nhiều cái xe cộ đi nối đuôi nhau, thì phải phân từ đoàn bốn cái sắp xuống mà đi.

Mấy đoạn không đặng cách nhau dưới 50 thước Langsa.

Hễ ban đêm xe cộ nào đi một mình, hay là đi đầu đoàn thì phải có thắp một cái lồng đèn.

Xe đường đi mà có xe nào gần tới thì người đánh xe phải cho dẹp lại phía bên tay mặt, tránh chừa lại ít nửa là cho đặng nửa cái mặt đường.

Chẳng có việc chi cần kiếp thì cầm không cho để ngoài đường quan lộ hoặc xe đã bắt ách rồi hay là xe không.

Mỗi người đánh xe thì đánh dặng một cái xe mà thôi và phải ở gần bên ngựa hay là loài vật nào bắt ách trong xe chực sẳng mà cầm cương luôn luôn.

Chủ xe nào mà chẳng phải là để mà đưa ròng bộ hành, thì phải để bên tả phía trước bánh xe một miếng bằng đồng, thau có khắc chữ cho rỏ ràng, bề cao cho đặng ít nữa là năm phân (0m05), mà để các đều sau nầy :

1° Một chữ hiệu tỉnh sở tại ;

2° Sô hiệu xe.

Chữ và sô thì có quan Tham-biện chủ tỉnh cho ; mỗi chủ xe đều phải đến tỉnh mà khai tên, chổ ở, sô xe mấy cái, để mà dùng về việc gì.

Những người lảnh khai hầm đá phải chịu buộc về sự sửa lại hay là bồi bổ hư hao và mòn những đường dùng nào mà chở chuyên.

Như nhiều người khai hầm đá mà có làm hư chung một cái đường, thì tiền sửa lại bao nhiêu thì phải cáng ra mà chịu tùy kẻ chở nhiều người chở ít.

III. — Hể ai hũy được một con trâu rừng thì được thưởng 100 quan tiền.

Ai hũy được một con cọp cũng được thưởng 100 quan tiền tây.

Khi làng nào bắt được một con cọp sa rọ, thì chẳng nên hại nó trước khi chưa báo cho quan hay.

Hể ai hũy đặng một con beo, thì được thưởng 50 quan tiền tây.

Bắt được 100 chuộc đồng thì được thưởng một quan tiền tây.

Hể ai mà bắt và trình cho quan Tham-biện một thúng bò cạp, mà cái thúng cho đúng một giạ, thì được thưởng mười chim bạc.

Bât câu người Phương-đông nào bắt đặng một tên lính thuộc đội ngủ lính bổn-quôc trong Nam-kỳ, bị khai vấn mặt không theo phép hay là trốn thì được thưởng mười đồng bạc.

Bât câu là người dân nào ở trong Nam-kỳ bắt đặng một tên phạm vượt ngục bị án khổ sai hay là án đày lưu, bât câu nó vượt ngục tại chổ nào, bât câu bắt đặng nó chổ nào thì được thưởng 30 quan tiền tây. Thức lệ nói trên nầy không có khi nào mà thông dụng cho chức việc tuần phòng.

IV. — Các người Annam ở trong Nam-kỳ đã đóng thuế thân rồi và các món thuế phụ theo nội trong năm muốn trẩy sang qua nước Cao-mên mà làm ăn, hay là buôn bán, thì phải đái tùy theo phép một cái giấy thông hành của quan Tham-biện sở tại chỗ mình ở, phát cho, khỏi đóng tiền.

Khi nào trình cái giấy thuế thân chứng rằng đã đóng thuế thân rồi và đứng bộ làng, thì mới phát giấy thông hành ấy cho.

Cái giấy thông hành ấy làm như giấy thuế thân, có biên sổ bộ và có điểm chỉ người xin, cai tên họ, tuổi và chỗ ở nó. Giấy ấy được dùng theo phép cho đến ngày 1er Mars năm sau ngày phát giấy ấy.

Bài thuế thân nạp để trong tay quan sở phần nào phát giấy thông-hành và khi nào chủ giấy thuế thân ấy trở về Nam-kỳ, thì được đổi giấy thông-hành mà lấy bài thuế thân lại.

Những giấy thông-hành ghi vào trong một cuốn sổ riêng và có biên số thứ tự.

Người chủ giấy thông-hành phải trình giấy mình cho viên quan Cao-mên tỉnh nào là chỗ mình vào nước Cao-mên. Quan viên ấy phải ghi nhận dấu trong giấy thông-hành song phải đóng thuế mỗi cái là 20 chiêm bạc.

Người chủ giấy thông hành khi trình ghi rồi, được phép thong thã đi trong nước Cao-mên.

Khi giấy thông hành mảng phép, thì người chủ phải xin hạng thêm trong năm ấy cùng quan Khâm-sứ Langsa tại tỉnh Cao-mên nào là chỗ mình ở.

Phải đóng cho sở công-nho xứ bảo-hộ những thuế nó sẽ đóng tại Nam-kỳ là thuế thân, thuế công sưu, và tiền thuế phụ trội các món khác.

Các chức việc Annam giúp việc các nha-môn tùng theo Bảo-hộ Cao-mên được lảnh không tồn tiền một cái giấy thuế thân để dùng luôn luôn. Khi nào các chức việc ấy có thôi giúp việc Nhà-nước và khi nào trở về xứ Nam-kỳ thì phải thâu giấy thuế thân ấy lại.

Người Annam nào cho ai mướn giấy thông-hành của mình thì bị phạt vạ bằng hai lòng thuế thân thông dụng tại xứ Cao-mên.

Các quan Tham-biện trong tỉnh Nam-kỳ nào giáp ranh cùng xứ Cao-mên thì được phát cho người Annam ở nơi giáp giái đất Cao-mên một bài chỉ thông thương được dùng theo phép như giấy thông-hành nghĩa dùng tới ngày 1er Mars năm sau năm phát giấy ấy. Nhưng vậy phải thâu giấy thuế nó mà giữ.

Trong những giấy ấy phải biên các dấu tích bằng chữ

Annam và chữ Cao-mên y như giấy thông-hành. Phải có đóng con dấu Quan chánh Khâm-sứ tại xứ Cao-mên cùng con dấu của quan bộ Cao-mên.

Người chủ giấy ấy khỏi xin quan tỉnh Cao-mên ghi chiêu trong giấy ấy.

Những giấy thông thương ấy được dùng trong các tỉnh Cao-mên nào giáp ranh xứ quê quán người chủ giấy mà thôi.

Như người chủ giấy muốn thông thương nơi các tỉnh khác, trong nước Cao-mên thì phải đái tùy giấy thông-hành y theo thể lệ định trước nầy.

Người Annam ở Nam-kỳ có đái tùy giấy thông-hành hay là giấy cho thông thương thì khỏi đóng các thứ thuế định thâu tại nước Cao-mên. Nhưng mà phải đóng các thứ thuế buộc cho các nghề nghiệp và các việc trồng tỉa trong nước Cao-mên, như mình làm nghề ấy hay là trồng tỉa giống chi cũng như các dân khác trong nước Cao-mên. Người Annam nào, được giấy cho thông thương của quan Tham-biện trong tỉnh giáp ranh phát, mà cho ai mượn giấy ấy, thì phải bị phạt vạ bằng hai lòng thuế thân thâu tại nước Cao-mên.

Những người Annam nào không có giấy thông-hành, giấy thuế thân hay là giấy cho thông thương của Nhà-nước định ra, và những người nào sanh đẻ tại trong xứ cùng các người Phương-đông ngoại-quốc, thì đều gọi là như dân Cao-mên, và bởi vậy nên phải đóng thuế thân định lập trong nước Cao-mên và phải tuân theo các lệ phép trong nước Cao-mên.

Như người Annam không có giấy thông-hành và giấy thuế thân mà bị bắt trong địa phận nước Cao-mên thì phải độ giải nó đến dinh quan Khâm-sứ nào gần hơn hết đặng tra vấn về đích thân nó.

Khi nào các lời đối nại nó nghe có lẽ song nó không có cớ bằng chắc sự mất giấy thông hành hay là giấy cho thông thương nó, thì nó phải đóng 5 đồng bạc vạ; rồi quan Khâm-sứ trong tỉnh phát cho nó một cái giấy thông hành, và nó phải đóng thuế thân và các thứ thuế phụ nội năm nếu nó chưa có đóng tại Nam-kỳ.

Sự phát giấy thông hành cho người Annam muốn đi Annam, Bắc-kỳ, Xiêm, Lèo và nước Tàu, thì thuộc về sở Tân-đáo phát, như người đứng xin có chiêu tờ vi-bằng chứng rằng chẳng có đều chi ngăn trở cho nó đi.

Trong lục tỉnh thì về phần quan Tham-biện cấp phát tờ vi-bằng ấy, còn tại Saigon và Chợ-lớn thì về phần quan Tổng-quản Tuần-phòng phát. Những người bổn-quốc muốn đi Bắc-kỳ, Annam, Xiêm,

Lèo,và nước Tàu, vân vân, hoặc đặng lập gia thê luôn tại đó, hoặc ở đó, hoặc buôn bán, hay là bởi các cớ nào khác thì đều phải trình diện nơi sở Tân-đáo tại Saigon, và phải chiêu giấy thuê thân và tờ vi-bằng của quan cấp phát cho nó đặng lảnh giấy xuất cãng.

Còn thuộc về người Cao-mên, người Bắc-kỳ, người Annam, và người Lèo tùng phép theo quyền cai trị Langsa, khi đên xứ Nam-kỳ, khi mới tới thì giấy thông hành hay là giấy cho thông thương, thì phải hầu ghi chiêu tại quan Tổng-quản tuần-phòng, nêu chúng nó lên bờ tại Saigon hay là ở tại Saigon hay là chúng nó xuống tàu trở về xứ sở thì quan Tổng-quản tuần-phòng phải dùng phương thê nào mau hơn hêt đặng thông báo cùng quan Tham-biện tỉnh nào những người tân đáo ấy muôn đên và khi chúng nó muôn ở tại lục tỉnh. Các người bổn-quôc ấy phải hầu ghi chiêu giấy tờ mình cùng quan Tham-biện khi mình mới tới trong tỉnh và khi mình đi. Như người Annam, người Bắc-kỳ hay là người Lèo nào bị gặp trong tỉnh nào không có đái tùy giấy thuê thân thì làng tổng Annam giải nạp nó cho quan Tham-biện.

V. — Theo phong tục Langsa, thì không cho dùng lễ vật, nên cấm hương chức chẳng đặng đi lễ vật gì cho các viên quan bổn-quôc cùng các viên quan Langsa. — Cấm các viên quan ấy không được dùng lễ vật.

Làng tổng Annam chẳng đặng dưng lễ têt chi nữa cho viên quan Langsa và cấm viên quan Langsa chẳng cho nhậm lễ mễ ấy.

MỤC LỤC

Pages